VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

thông ngữ và đặc ngữ
hồng huy
cỏ cây truyện kiều
trần văn tích
nghiêm xuân hồng, người về khép cánh hư không
tuấn huy
triết lý củ khoai
tràm cà mâu

tin văn
thế quân

truyện
ngụ thuyết ● trúc chi ● song thao ● trần thị diệu tâm
hoài mỹ ● phạm hải anh ● nguyễn hoài phương
đỗ tử hậu ● hoàng chính

thơ
nguyễn thanh châu ● nguyễn nam an ● lê cần sơn
huỳnh liễu ngạn ● nguyễn khánh hòa
nguyệt thu ● trầm hương ● hoàng xuân sơn

185
THÁNG 9 2001

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 185 ● tháng 9, 2001

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
HỒNG HUY	3	thông ngữ và đặc ngữ
NGUYỄN THANH CHÂU	17	*lòng khát khao...những cơn mưa*
TUẤN HUY	18	nghiêm xuân hồng, người về khép cánh hư không
NGUYỄN NAM AN	25	*nghe mùa hè ôn đới*
TRẦN VĂN TÍCH	26	cỏ cây truyện kiều
LÊ CẦN SƠN	34	*kinh cầu hồn cho người còn đi đứng*
TRÀM CÀ MÂU	36	triết lý củ khoai
HUỲNH LIỄU NGẠN	45	*xóm*
NGỰ THUYẾT	46	những cây bông trắng
TRÚC CHI	55	hạt giống
SONG THAO	66	mai sau
NGUYỄN KHÁNH HÒA	76	*thơ nguyễn khánh hòa*
HOÀI MỸ	78	thập giá
NGUYỆT THƯ	91	*lửa*
PHẠM HẢI ANH	92	đi hết đường mưa
TRẦM HƯƠNG	96	*có gì đâu*
TRẦN THỊ DIỆU TÂM	98	con cầm
HOÀNG XUÂN SƠN	106	*đọc thảo an mùa chớm trăng, mây*
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	108	sỏi
ĐỖ TỪ HẬU	119	mác cạn
HOÀNG CHÍNH	126	tình khúc (truyện đăng nhiều kỳ)
THẾ QUÂN	139	tin văn
VĂN HỌC	153	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2001
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2001

Thư Tòa soạn
Văn Học

Văn Học số tháng Tám có nội dung chính yếu là một tuyển tập thơ văn. Và điều may mắn là tuyển tập này qui tụ được nhiều sáng tác giá trị.

Trước hết là các tùy bút. Trầm Cà Mâu, Ngự Thuyết, Trúc Chi, Tuấn Huy bốn nhà văn viết tùy bút theo bốn cách khác nhau, lấy hứng từ những nguồn gốc khác nhau, nhưng tất cả đều có cái thâm trầm pha chút ngậm ngùi của những người đã trải qua hết các thăng trầm của một đời. Những người ngồi nhìn tất cả như cơn gió thoảng. Không vui, nhưng cũng không buồn. Chưa đến được chỗ "an trú". Nhưng đã bắt đầu "an nhiên".

Truyện ngắn của các nhà văn Song Thao, Hoài Mỹ, Phạm Hải Anh, Trần thị Diệu Tâm, Nguyễn Hoài Phương, Đỗ Tử Hậu là những mảng đời ở các không gian và thời gian khác nhau. Bạn đọc chỉ cần đọc qua các truyện ấy cũng đã thấy kinh nghiệm cuộc sống của đồng bào ta đa dạng và phong phú biết chừng nào; phong phú và phức tạp nữa, đến nỗi nếu biết chịu khó lắng nghe tâm sự của nhau, có thể mọi ngộ nhận và thiên kiến sẽ tiêu tan. Văn chương không có những lợi ích tức thời và đo đếm rõ ràng được, nhưng ít ra cũng làm cho người ta cảm thấy gần gũi thân quen với nhau hơn.

Cố gắng đi tìm một cá tính riêng, một cái gì khác cũ hiện rõ trong những bài thơ đăng trên số báo này. Có những lời quen thuộc, dĩ nhiên. Nhưng cũng có những tìm tòi khó khăn. Tên tuổi các thi sĩ đều đã quá quen với bạn đọc Văn Học: Nguyễn Thanh Châu, Nguyễn Nam An, Lê Cẩn Sơn, Huỳnh Liễu Ngạn, Nguyễn Khánh Hòa, Nguyệt Thư, Trầm Hương, Hoàng Xuân Sơn.

Cùng với những bài khảo cứu công phu của Hồng Huy, Trần văn Tích, tuyển tập này hy vọng là món quà văn chương cuối Hè 2001 để các bạn bước vào mùa thu mới.

Thông ngữ và Đặc ngữ

Hồng Huy

Chữ "ngữ" ở đây được dùng theo nghĩa rộng: Là một chữ, hai chữ, ba chữ; hoặc một nhóm nhiều chữ hơn, thường đi với nhau. Thông ngữ là những ngữ đã trở thành thông dụng, ai cũng dùng và hiểu theo cách ấy. Đặc ngữ là những ngữ dùng theo nghĩa đặc biệt trong một lãnh vực riêng, có thể khó hiểu đối với người không chuyên, hoặc chưa từng nghe. Ở phạm vi đặc ngữ, các chữ thường có nghĩa cụ thể, được gọi là nghĩa đen; ở phạm vi thông ngữ, các chữ không còn giữ nghĩa cụ thể nữa, phải hiểu theo nghĩa bóng. Khi một ngữ nào đó đã được dùng quen trong phạm vi thông ngữ, thì nghĩa bóng trở thành dễ hiểu đối với mọi người. Lúc bấy giờ, người nghe không cần biết nghĩa đen bên đặc ngữ, mà vẫn hiểu đúng ý. Chẳng hạn, nghe "hàng hà sa số" thì ai cũng hiểu ngay là "rất nhiều", "nhiều lắm", mà không cần biết xuất xứ của mấy chữ ấy là ở sách nhà Phật; nghe "phỗng tay trên" thì ai cũng hiểu ngay là "hớt đi một mối lợi đáng lẽ người khác hưởng", mà không cần biết "phỗng" là thế nào trong môn tổ tôm.

Trong quá trình hình thành và chuyển dụng, đặc ngữ và thông ngữ có thể có những vị thế và tương quan sau đây:

1-Trước sau vẫn là đặc ngữ, không trở thành thông ngữ bao giờ;

2-Ban đầu là đặc ngữ, sau trở thành thông ngữ, và được dùng ở cả hai lãnh vực; bên đặc ngữ, giữ nghĩa đen, bên thông ngữ, theo nghĩa bóng;

3-Ban đầu là đặc ngữ, sau trở thành thông ngữ, và chỉ được dùng ở lãnh vực sau;

4-Vốn là thông ngữ, được dùng riêng cho một trường hợp đặc biệt, nên trở thành đặc ngữ.

Sau đây, xin phân loại dựa theo nguồn gốc, để dễ nhận xét tương

quan chuyển dụng. Và cũng xin thưa trước, những thí dụ nêu ra không có tính cách liệt kê cho đủ, mà chỉ là gợi ý.

Nguồn gốc nông nghiệp:

"Vun" có nghĩa gốc là gom, là đồn vật rời như đất, cát, lúa, khoai, thành đống cao có chóp nhọn. Thí dụ: -Vun muối -Vun gốc cây -Vun vồng trồng lang. Từ đó, "vun" được ghép với những chữ khác, để tạo ra những động từ hai chữ, có nghĩa gần gũi với chữ "vun":

-Vun đắp: Hai chữ này có nghĩa gần giống; "vun" là gom chất rời và khô; "đắp" là đưa chất dẻo, chất ướt, kết thêm cho cao hơn, to hơn. Nhà nông thường nói "vun gốc đắp bờ". Khi được dùng theo nghĩa bóng, "vun đắp" chỉ chuyển đối tượng, nhưng nghĩa vẫn giữ nguyên. "Vun đắp tình đoàn kết" tức là làm cho tình đoàn kết cao hơn, vững chắc hơn.

-Vun trồng: Do chữ "trồng", động từ kép này thường có nghĩa tổng quát, cả ở nghĩa đen lẫn nghĩa bóng: -Vườn tược rộng như thế, nhưng không có người để vun trồng. -Một nước muốn hưng thịnh, phải vun trồng nhân tài. Ở đây, "vun trồng" đồng nghĩa với từ Hán-Việt "tài bồi".

-Vun bón: "Bón" là bón phân. "Vun bón" trong nghề trồng trọt là "vun gốc" và "bón phân". Động từ này cũng có được dùng theo nghĩa bóng, nhưng không nhiều.

-Vun quén: "Quén" là chữ cổ, ngày nay chỉ còn được dùng trong động từ kép này. "Quén" có nghĩa như "vén" (vén màn, thu vén). Cũng có thể nghĩ đây là một cách đọc khác của chữ "vén". Có nguồn gốc từ nông nghiệp, nhưng ngày nay "vun quén" chỉ được dùng theo nghĩa bóng: -Ông ta chỉ lo vun quén cho quyền lợi riêng.

-Vun vào: Cũng có nguồn gốc từ nông nghiệp, nhưng bây giờ chỉ còn thông dụng trong lãnh vực nghĩa bóng, với nghĩa "giúp đỡ bằng lời nói để cho công việc thành tựu". Thường được đặt sau động từ "nói": Thấy hai đứa thương nhau thực tình, tôi cũng nói vun vào cho chúng nó.

-Đắp bờ con: Xung quanh một khoảnh ruộng, phải có bờ để làm ranh giới và giữ nước. Khi một khoảnh ruộng được chia ra nhiều vạt nhỏ để dùng vào những việc khác nhau (như một vạt trồng lúa, một vạt trồng nếp, một vạt gieo mạ ...), thì người ta phân ranh bằng những bờ nhỏ gọi là bờ con. Trong nghề làm ruộng, đắp bờ con là công việc này.

Chuyển sang thông ngữ, "đắp bờ con" có nghĩa là giới hạn ý muốn nói để tránh va chạm kẻ khác. Thí dụ: Thực tâm ông ta chỉ muốn công kích những kẻ giàu mà keo kiệt với việc từ thiện, nhưng trong khi nói, ông ta không biết đắp bờ con, thành ra vô tình đã gây va chạm với tất cả mọi

người.

-Đơm hoa kết trái: Thành ngữ này có gốc từ thành ngữ Hán "hoa khai quả kết", vốn được dùng trong nghề trồng cây. Về sau, được dùng trong lãnh vực thông ngữ, có nghĩa "thành tựu" sau một thời gian dài. Nói cách khác, những gì thành công liền, không cần chờ đợi, người ta không dùng thành ngữ này. Thí dụ: Sau bao nhiêu tuyên truyền cổ vũ, việc canh tân xã hội đã bắt đầu đơm hoa kết trái.

Có lẽ vì hơi rườm rà, thành ngữ này chỉ được dùng hạn chế về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Rồi theo khuynh hướng rút gọn của ngôn ngữ, trong phạm vi thông ngữ, từ "kết quả" trở thành đắc dụng. Dù công việc kéo dài hay xong ngay, "kết quả" vẫn dùng được.

-Dựa bắp cày ăn cỏ non: Trong việc cày ruộng, người nông phu đã nhận ra có những con bò, con trâu lười biếng, không chịu rán sức, khi cùng kéo cày với một con bạn, thường chỉ nương theo sức kéo của con này; gặp chỗ có cỏ, lại dừng lại ăn. Ngoài đời, người ta dùng câu này để chỉ trích cung cách làm việc hay dựa dẫm vào bạn đồng sự của những người trốn việc. Cũng có khi dùng rộng để chỉ trường hợp một người không có khả năng, nhưng may mắn gặp được một công việc nhàn hạ mà thù lao lại khá.

-Sáng tai họ điếc tai cày: Đây cũng nói về những con bò, con trâu lười. Khi cày ruộng, muốn ra lệnh cho trâu bò tiến tới, người nông phu hô "cày"; muốn bảo dừng, hô "họ". Những con bò, con trâu lười lúc nào cũng muốn dừng lại nghỉ, nên hễ thoáng nghe "họ" thì dừng ngay; nhưng khi nghe "cày" thì làm như không nghe. Những người làm công cho người khác, kể cả công chức, chỉ làm việc cầm chừng, chờ hết giờ, hay đi trễ về sớm, ngày trước thường bị chỉ trích bằng câu này.

-Sẩy đàn tan nghé; sẩy chúa đàn tan bầy nghé: Trâu khác bò ở chỗ biết sống đàn, có chúa đàn, và chúa đàn cùng những con trâu lớn biết bảo vệ những con trâu nghé, trâu non. Một bầy trâu được nuôi ở gần rừng có thú dữ, một khi mất con chúa đàn, thì những con trâu nghé, trâu non có thể bị cọp beo bắt. Đưa vào thông ngữ, câu này chỉ tình trạng một đoàn thể tan rã vì mất người cầm đầu. Dùng rộng, còn có tác dụng tích cực cổ vũ sự kết đoàn để có sức mạnh. Thí dụ: Mới chân ướt chân ráo tới xứ lạ, chúng ta phải nương cậy vào nhau, đừng để sẩy đàn tan nghé.

Nguồn gốc đánh cá:

-Đơm cá ngọn tre: Trong thành ngữ chữ Hán, có câu "duyên mộc cầu ngư" (trèo cây tìm cá), có nghĩa làm một việc không thể thành công.

Thành ngữ Việt "đơm cá ngọn tre" có nghĩa hơi khác, chỉ một kiểu làm cầu may. Gồm toàn chữ cụ thể, nhưng thành ngữ này chỉ được dùng theo nghĩa bóng. Trong thực tế, có ai đơm cá trên ngọn tre bao giờ?

-Đánh câu dầm: Chữ "đầm" ở đây là một cách đọc khác đi của chữ "ngầm". Câu cá bằng cần có hai cách, có phao và không phao. Câu có phao, thì chờ khi nào trông thấy phao động đậy, tức là cá cắn mồi, thì giựt. Câu không phao, thì chờ khi nào lưỡi câu bị cá lôi đi, cần câu rung động, thì giựt. Câu theo cách sau lâu lâu mới được một lần, nhưng thường được cá lớn hơn câu có phao. Chuyển sang nghĩa bóng, "đánh câu đầm" có nghĩa là nhận việc rồi không chịu làm cho xong, cứ để kéo dài. Thành ngữ này có nghĩa tương tự như hai chữ "ngâm tôm", cũng có nguồn gốc ở ngư nghiệp.

-Câu giờ: Câu cá là một việc không thể có kết quả nhanh. "Câu giờ" có nghĩa là không chịu làm cho xong ngay, cố ý kéo dài để chờ đợi một cái gì. Thành ngữ này hơi giống nghĩa với "đánh câu đầm", nhưng khác ở chỗ: Câu trước nhấn mạnh vào ý "để lâu", câu sau nhấn mạnh vào ý "chờ đợi".

-Bỏ con tép bắt con tôm; bỏ con săn sắt bắt con cá rô: Sự lựa chọn này rất có thể xảy ra trong thực tế. Tôm lớn hơn tép, cá rô lớn hơn cá săn sắt, khi không cần lấy hết, người ta chỉ chọn những con lớn, ném bỏ những con nhỏ đi. Trong thông ngữ, cả hai câu đều có nghĩa là bỏ qua một cái lợi nhỏ, để được một cái lợi lớn.

-Mất cả chì lẫn chài: Chài là tấm lưới cá trên túm dưới loe rộng, có buộc chì để mép dưới chìm sát đáy nước, dùng chụp bắt cá đang bơi. Những thỏi chì được gắn chặt vào mép chài, cho nên hễ mất chài thì mất cả chì, không bao giờ chỉ mất riêng một thứ. Thành ngữ này gồm chữ cụ thể, nhưng chỉ được dùng theo nghĩa bóng; lại đặc biệt chỉ dùng trong những trường hợp mất nhiều thứ, do lòng tham. Thí dụ: Anh ta ham lời, đang làm ăn lương thiện lại bỏ đi buôn lậu, bây giờ mất vốn mà chiếc xe cũng bị tịch thu. Đúng là mất cả chì lẫn chài.

Câu "xôi hỏng bỏng không" có nghĩa gần giống, nhưng không hàm ý chỉ trích sự hám lợi, mà chỉ nhấn mạnh ở chỗ trông đợi mà rồi chẳng được gì.

-Tham đó bỏ đăng: "Đó" và "đăng" là hai dụng cụ bắt cá đồng, làm bằng nan tre. Thành ngữ này chỉ là một cách nói thuận miệng (có vần), có ý chỉ trích thái độ "có mới nới cũ". Câu đủ là: Trách ai tham đó bỏ đăng; có lê quên lựu, có trăng quên đèn.

-Thề cá trê chui ống: "Ống" nói đây là một dụng cụ bắt lươn, và các loại cá sống dưới bùn, như cá trê; tên đủ là "ống trúm". Con cá trê một khi

đã chui đầu vào ống trúm, thì cả thân mình tuột luôn vào. "Thề cá trê chui ống" có nghĩa là thề dễ dàng, nhưng rồi không giữ lời.

-Tăm hơi: Con cá ở dưới sâu thở khiến có bọt sủi trên mặt nước, gọi là "tăm". Người câu cá không trông thấy con cá, nhưng nhờ cái "tăm" này mà biết phía dưới có cá. Chuyển sang nghĩa bóng, "tăm" được dùng để nói về tin tức một người đi xa đã lâu, khó biết chắc chắn là ở đâu. Những ngữ ghép "tăm hơi", "tăm tích", "biệt tăm", "biệt tăm biệt tích", đều lấy ý đó. Chữ "tăm" trong "tiếng tăm", tuy không có nghĩa là "tin tức", nhưng cũng xuất sinh từ chữ "tăm" này.

-Đầy ói toi: "Toi" là một cái nắp đan bằng nan tre dùng đậy miệng cái đó đơm cá, hoặc cái giỏ đựng cá. Con cá một khi lọt vào bên trong, thì không thể nào chui trở ra ngoài được, vì ngược nan. Một cái đó đơm được quá nhiều, hoặc một cái giỏ đựng quá đầy, đến nỗi cá chèn nhau có thể lòi ra ngoài, thì gọi là "đầy ói toi" (ý nói cái toi phải ói cá ra).

Thành ngữ này rất thông dụng phía nam Trung-phần, không chỉ dùng riêng cho các thứ đồ đựng, mà còn lan cả sang lãnh vực người: -Gánh Bầu Bòn diễn tuồng Phật hay quá, rạp đầy ói toi, tôi mua vé hạng ba mà phải đứng.

Nguồn gốc thợ mộc:

-Quá cỡ: Đồ nghề của thợ mộc gồm có cưa, bào, dục, bạt, chàng, dùi dục, thước góc ... Bên cạnh những dụng cụ cố định đó, có một dụng cụ lâm thời tạo ra cho từng trường hợp, gọi là "cỡ" (có nơi gọi là "cữ"). Dụng cụ này dùng để vạch một mức đều nhau cho một công việc, chẳng hạn dục một hàng lỗ cách mép gỗ đúng y nhau về cự ly. Trong phạm vi chuyên ngữ, chỉ có chữ "cỡ" đó mà thôi. Nhưng một khi được đưa vào thông ngữ, chữ này còn tạo ra thêm những thành ngữ "đúng cỡ", "quá cỡ", "quá xá cỡ", và "quá cỡ thợ mộc". Thành ngữ thứ nhì thông dụng hơn hết, có nghĩa là "vượt mức bình thường". Thành ngữ thứ ba và thứ tư chỉ được dùng trong chỗ thân tình, khi không cần nghiêm chỉnh.

-Ngang ngay sổ thẳng: Mấy chữ này vốn xuất thân từ việc tập viết chữ Hán, sau chuyển sang nghề thợ mộc: -Nó mới học nghề thợ mộc được mấy tháng, chỉ đóng được những cái ngang ngay sổ thẳng thôi. Nhưng theo nghĩa bóng, thành ngữ này có nghĩa là "tính tình ngay thẳng, không thích những chuyện khuất lấp".

-Cầm cân nẩy mực: Thợ mộc và thợ cưa dùng một sợi nhợ tẩm mực xạ (mực Tầu) mà nẩy trên mặt gỗ để lấy đường thẳng. Việc làm này được gọi là "nẩy mực". Đưa vào thông ngữ, chữ này được ghép với "cầm cân",

thành "cầm cân nẩy mực", chỉ việc xét xử công bằng.

-Thẳng mực tàu: Xuất sinh từ việc "nẩy mực"; chỉ được dùng theo nghĩa bóng, chỉ tính người, hoặc một cách khu xử rất thẳng, không một chút thiên vị.

-Mực thước: "Mực" là dụng cụ để nẩy mực; "thước" là dụng cụ để đo độ dài; nhưng ở đây, chữ này chỉ cái thước góc (équerre) để lấy góc vuông. Theo nghĩa bóng, "mực thước" có nghĩa "đàng hoàng, theo một lề lối được coi là đúng": Là con người mực thước, ông ta không thích lối sống phóng túng của đám người mới.

Nguồn gốc thợ rèn:

-Rèn luyện: "Rèn" là nung sắt cho mềm trong lửa rồi đem ra đập cho thành hình dạng muốn có. "Luyện" là nung sắt cho nóng đỏ, rồi đem bỏ vào nước pha muối nhiều lần, để sắt trở thành cứng hơn, bền hơn. Dùng theo nghĩa bóng, "rèn luyện" có nghĩa là tập luyện lâu dài để cơ thể, hoặc tinh thần có thể chịu đựng được những thử thách lớn.

Cùng nguồn gốc và đồng nghĩa với "rèn luyện", còn có "tôi luyện" ("tôi" và "luyện" đồng nghĩa), "trui rèn" ("trui" là tiếng miền Trung, đồng nghĩa với "luyện", và "tôi").

-Trên đe dưới búa: Đây là hoàn cảnh của một cục sắt nung đỏ vừa lấy từ trong lò ra, được đem đặt lên đe để chịu búa đập. Đưa vào thông ngữ, hình ảnh này chỉ tình trạng bị ức hiếp, bị đè nén cùng cực.

Nguồn gốc thợ may:

-Rộng làm kép, hẹp làm đơn: "Kép" là áo kép, có lót; đơn là áo đơn, không có lót. Ý nói người thợ may, khi gặp một tấm vải rộng thì may áo kép; khi gặp một tấm vải hẹp thì may áo đơn. Dùng theo nghĩa bóng, câu này có nghĩa tùy cảnh ngộ, tùy phương tiện mà hành động.

-Năng may hơn dày giẻ: "Năng may" ý nói một người thợ may làm việc cần mẫn; "dày giẻ" ý nói hàng vải của khách đưa may là loại hàng tốt, hàng sang, có thể tính tiền công cao. Ý cả câu khuyên người thợ may nên dễ tính, ai đưa gì cũng nhận, hơn là ngồi chờ những mối nhiều tiền.

Về sau, câu này còn được nối dài, thành: *Năng may hơn dày giẻ, bói rẻ hơn ngồi không.* Phần sau khuyên người thầy bói đừng đòi cao giá cho mỗi quẻ; tính giá rẻ mà có nhiều khách, còn hơn là không có ai tới bói.

Cả câu khuyên những người làm nghề tính công với khách, đừng cầu cao, nên biết phải chăng. Những câu "năng nhặt chặt bị", "ăn ít no lâu, ăn

nhiều mau đói", cũng có ý nghĩa tương tự.

Nguồn gốc chèo đò:

-Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài: Có người tưởng lầm câu này nói về cái tính uyển chuyển của nước, nhưng thật ra không phải. Nguồn gốc câu này khá lạ: Những gia đình làm nghề đò dọc, tức là chở khách và chở hàng đi nhiều ngày trên sông, lấy chiếc thuyền làm nhà, sống luôn ngày đêm dưới thuyền, chỉ lên bờ những khi cần thiết. Trên thuyền, họ nuôi cả chó, mèo, heo, gà ... Ba giống vật kia không có vấn đề gì, nhưng gà thì có thể bay ra sông rồi mất luôn, nên phải nhốt lại. Trong những cách nhốt gà trên đò dọc, có một cách rất lạ, ai trông thấy lần đầu cũng phải kinh ngạc. Người ta bỏ con gà con vào trong một cái ống tre thật lớn rồi bịt kín lại, ở đầu kia có khoét một cái lỗ cho con gà có thể thò đầu ra ngoài mổ thức ăn, nhưng không thể chui ra được; dọc ống có đục nhiều lỗ cho thoáng, và để phân gà rơi ra bên ngoài. Muốn cho gà ăn, người ta bỏ thóc trên ván thuyền, đem ống nhốt gà đặt ngay chỗ đó, con gà sẽ thò đầu ra mổ. Gia đình lái đò ăn xong bữa cơm, một đứa con nhỏ sẽ đem ống để quanh những chỗ có cơm đổ, để gà lượm cho sạch. Con gà phải sống trong cái ống tre ấy cho đến ngày bị làm thịt, chừng bốn, năm tháng sau. Khi được lấy ra khỏi cái ống tre, con gà có hình dạng quái dị, không to nhưng rất dài, cổ đưa thẳng ra phía trước, hai chân rất nhỏ, không đứng lên được. Tóm lại, trong mấy tháng, con gà được cho ăn uống đầy đủ, cơ thể nó vẫn phát triển, nhưng phải khuôn theo lòng cái ống tre.

Mấy chữ "ở bầu thì tròn" là phần phụ thêm. Đưa vào thông ngữ, cả câu có ý khuyên người ta nên sống tùy theo cảnh ngộ. Giống nghĩa các câu: *-Tùy ngộ nhi an; -Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục ; -Anh hùng như một khúc lươn, khi cuộn thì ngắn, khi vươn thì dài ...*

-Sông có khúc, người có lúc: Người làm nghề đò dọc phải thuộc lòng đường sông, rành thủy tính của từng đoạn sông, để đưa thuyền đi cho an toàn. Thường thường, thuyền vượt được một khúc sông khó, thì sẽ đến một khúc sông dễ. Ở đời, không ai phải chịu mãi những cảnh gian truân. Cơn bĩ qua, hồi thái sẽ tới. Cho nên gặp lúc khó khăn, đừng vội nản chí.

-Đò dọc phải tránh đò ngang: Đò ngang là đò đưa người sang sông, ở những chỗ không có cầu, gọi là bến đò. Ở những bến đò nước sông chảy mạnh, cập đò đúng chỗ cho khách lên xuống, là việc hơi khó. Thế cho nên, trên sông, mỗi khi một chiếc đò dọc đang xuôi dòng chạy nhanh qua một khúc sông có bến, người lái đò phải canh chừng để tránh những chuyến đò ngang. Nếu va chạm xảy ra, tổn hại thường về phần đò ngang

(có khi chết người), và trách nhiệm thường được qui cho dò dọc.

Ngoài đời, câu này có ý khuyên phải biết nhường những người được luật pháp, tục lệ bảo vệ, hoặc có thế hơn. Thí dụ: Đò dọc phải tránh đò ngang, mày không thể tranh với nó được đâu. Ở cái cơ quan này, đã có lệ dành việc du học cho những nhân viên nào giỏi ngoại ngữ. Trong vụ này, mày là đò dọc đó.

-Lèo lái: Đây là một động từ kép. "Lèo" danh từ là "những sợi dây lèo điều khiển cánh buồm"; "lái" danh từ là cái bánh lái đặt sau chiếc thuyền để định hướng cho thuyền chạy. Động từ "lèo lái" có nghĩa là dùng dây lèo và bánh lái, để điều khiển một chiếc thuyền. Đưa vào thông ngữ, "lèo lái" cũng giữ nghĩa "điều khiển", "chỉ huy"; lại hàm một ý phụ là khéo léo.

-Mũi dại lái chịu đòn: Đưa một chiếc thuyền lớn đi trên sông, cần có nhiều người. "Mũi" là người chèo ở trước mũi thuyền; "lái" là người bẻ lái phía sau. Mỗi khi xảy ra điều gì, người "lái" phải gánh trách nhiệm chung.

Câu "con dại cái mang" ("cái" là mẹ) cũng có nghĩa tương tự.

-Đứng mũi chịu sào: "Sào" là dụng cụ của nghề đưa đò, dùng chống xuống lòng sông để đẩy chiếc thuyền tiến tới, thường là một cây tre dài. Đưa thuyền đi theo cách này, được gọi là "chống thuyền". Có những chiếc thuyền to, chở nặng, cần nhiều người "chống". Những người này, tiếng trong nghề gọi là "chân sào". Gặp khúc sông khó đi, không sâu lắm, nhưng nhiều đá ngầm, không dùng chèo được, tất cả thuyền viên phải dùng sào mà chống. Lúc bấy giờ, "chân sào" chủ chốt chống đỡ phía trước mũi.

Đưa vào thông ngữ, "đứng mũi chịu sào" có nghĩa là lãnh trách nhiệm điều khiển, sẵn sàng đối phó với mọi khó khăn có thể xảy ra. Câu "cây cứng dứng đâu gió", có ý đánh giá khả năng, không nhấn mạnh ở trách nhiệm.

Nguồn gốc xì-phé:

-Tẩy: "Tẩy" là con bài úp, con bài giấu kín trong môn xì-phé, cho nên môn này còn được gọi là xì-tẩy. Dùng theo nghĩa bóng, "tẩy" là cái gì được che đậy, đến phút cuối mới lộ ra. Thường được dùng theo ý xấu, để chỉ một âm mưu, một bộ mặt thật không đẹp ... Thí dụ: Bề ngoài, ông ta vẫn làm ăn bình thường, nhưng đột nhiên ông ta trở nên giàu lớn. Ai cũng ngạc nhiên, nhưng tôi biết cái "tẩy" của ông ta là buôn ma-túy.

-Lộ tẩy: Đánh xì-phé mà vô ý để cho đối phương biết được con bài tẩy của mình là con gì, thì không thể thắng được. Đưa vào thông ngữ, "lộ

tẩy" có nghĩa là không giữ được một điều bí mật. Nên để ý, chữ này chỉ thích hợp cho những trường hợp có tính cách cá nhân và không đàng hoàng. Những bí mật quốc phòng một khi bị lộ, không thể gọi là "lộ tẩy".

-Lật tẩy: Trong xì-phé, "lật tẩy" là hành động của một tay chơi bài đi tiền theo đối phương cho tới cuối, có quyền đưa tay ra giở con bài tẩy của đối phương, để coi bài ai lớn hơn mà quyết định ăn thua. Dùng theo nghĩa bóng, "lật tẩy" có nghĩa là phơi bày sự thật mà kẻ khác che giấu. Trong xì-phé, bị lật tẩy chưa chắc đã thua, vì có thể con bài tẩy là con bài lớn. Nhưng ở ngoài đời, một khi bị "lật tẩy", thì chỉ có thua, vì chữ "tẩy" ở đây luôn luôn chỉ một điều không đẹp. Thí dụ: Có vợ rồi mà đi tán gái, trước sau gì cũng bị lật tẩy.

-Tháu cáy: Trong xì-phé, "tháu cáy" có nghĩa là con bài tẩy chỉ là con bài nhỏ, nhưng dùng mánh khóe (cách đi tiền, cách tố, vẻ mặt, cử chỉ) để đối phương tưởng lầm là con bài lớn, không dám lật tẩy, phải chịu thua non. Dùng theo nghĩa bóng, "tháu cáy" có nghĩa là đánh lừa bằng cách làm cho người ta tưởng mình có thực lực lớn. Thí dụ: Ông ta làm gì có nhiều tiền, nhưng trong cuộc đấu giá cổ vật, ông ta đã tháu cáy trong khi trả giá, để những tay nhà giàu kia mua mắc chơi.

-Xả láng: Trong việc đánh bài ăn tiền, "láng" là số tiền các tay chơi bỏ ra chiếu bạc, luật chơi qui định chỉ ăn thua với nhau trong phạm vi số tiền này, nửa chừng không được bỏ thêm vào nữa. Trong một lần đi tiền, nếu dùng hết số tiền trên chiếu, thì gọi là "xả láng". Ngoài đời, "xả láng" có nghĩa là hành động không dè dặt, hoàn toàn tự do, không hạn chế. Thí dụ: Đêm nay tôi trả và không hạn chế, các bạn muốn ăn uống gì thì cứ việc xả láng.

-Cạn láng: Nghĩa cờ bạc là số tiền bỏ ra trên chiếu đã hết. Nghĩa bóng là hết vốn, hoặc không còn sức lực nữa.

Nguồn gốc tổ tôm:

-Gàn bát sách: Thành ngữ này sở dĩ có là do hình vẽ trên lá bài "bát sách": Một người đàn bà ngồi hút ống điếu (pipe), cái điếu vểnh lên, mặt cũng vênh lên, cung cách rõ ràng là ngông, là gàn. Ngoài đời, "gàn bát sách" là rất gàn, gàn không chịu được.

-Nghề cửu vạn: Trên quân bài "cửu vạn" có vẽ một người đàn ông đang đi, vác trên vai một cái bao nặng. Do đó, người Bắc gọi những người làm nghề khuân vác thuê là "dân cửu vạn".

-Phỗng tay trên: Trong môn tổ tôm, khi trong tay đang có một đôi, thì có thể ăn lá bài thứ ba do bất cứ ai rút từ nọc ra, hoặc đánh từ trên tay

xuống, người có một lá, dù là tay trên cũng phải nhường. Ăn như thế gọi là "phỗng". Ngoài đời, nhờ cơ may hoặc nhờ mánh lới, mà hớt được một mối lợi đáng lẽ theo vị thế hay thứ tự thì phải thuộc về người khác, thường được gọi là "phỗng tay trên". Mấy chữ này có ý chê việc chiếm được là không chính đáng; đôi khi cũng có ý chê người đáng lẽ được mà không được, là khờ, là chậm.

Chê người được: Cả đời, anh ta chỉ chuyên dùng cơ mưu để phỗng tay trên những mối lợi của bạn đồng nghiệp.

Chê người mất: Anh ta là láng giềng của cô gái, tưởng trước sau gì cũng cưới được cô. Không biết vụng về chậm chạp thế nào, đã để cho một cậu từ xa tới phỗng tay trên.

Nguồn gốc xóc dĩa:

-Trò chẵn lẻ: Cách chơi và dụng cụ của môn xóc dĩa rất giản dị: Nhà cái bỏ bốn đồng tiền vào một cái dĩa, dùng cái chén đậy kín lại, bưng lên xóc mạnh rồi đặt xuống giữ yên. Khi mở chén ra, nếu cả bốn đồng tiền đều ngửa hoặc sấp, và nếu hai đồng ngửa hai đồng sấp, thì gọi là chẵn. Nếu có ba đồng ngửa một đồng sấp, hoặc ba đồng sấp một đồng ngửa, thì gọi là lẻ. Trước mặt nhà cái có trải một chiếc chiếu, ở giữa có một vạch dọc chia thành hai bên mặt trái, bên có ghi một chấm là mặt lẻ, bên có ghi hai chấm là mặt chẵn. Các nhà con ngồi xung quanh, tùy ý muốn đặt tiền ở bên nào, trật thì nhà cái lấy, trúng thì được nhà cái chung một số tiền bằng như thế.

Có nhiều người đã đem môn cờ bạc này vào trắc nghiệm, nhận thấy số lần chẵn và số lần lẻ xuất hiện bằng nhau. Tức là đánh xóc dĩa, cơ may được trúng là năm mươi phần trăm.

Trong thông ngữ, việc gì chỉ có xác suất thành công chừng một nửa, mà vì hoàn cảnh cũng phải cố làm cầu may, người ta gọi là "đánh chẵn lẻ". Thí dụ: Ông ta chịu mổ, cũng không hẳn là tin chắc sẽ lành bệnh, chẳng qua là đánh chẵn lẻ trong khi không còn cách trị liệu nào khác.

-Mở chén (hoặc "giở chén"): Đánh xóc dĩa, khi cái chén đậy bốn đồng tiền được mở ra, thì mới biết là mình trúng hay không. Ngoài đời, đối với những việc khó đoán trước kết quả, người ta thường ứng dụng thành ngữ này: Được hay không, phải đợi mở chén ra mới biết.

-Kêu cửa: Nhà cái một sòng sóc dĩa mà ít vốn, một khi nhận thấy trên chiếu bạc số tiền đặt hai bên chẵn và lẻ chênh lệch nhiều quá, chẳng hạn bên chẵn quá nhiều mà bên lẻ quá ít, sợ bên nhiều trúng mình sẽ không đủ sức chung, thì nói rõ để những người đánh lớn bên ấy rút bớt tiền lại.

Ngoài đời, khi không đủ sức (thường là về tiền bạc và sức khoẻ) để cán đáng một việc được giao, phải từ chối, người ta cũng hay dùng thành ngữ này: Hội đồng quản trị muốn giao cho anh ta công tác nghiên cứu phát triển kinh doanh, nhưng anh ta kêu cửa không nhận, viện lẽ đã quá nhiều việc.

-Bán cái: Phải hiểu thành ngữ vừa nói mới hiểu thành ngữ này. Khi cảm thấy không đủ sức chung một ván bạc quá lớn, nhà cái có thể tạm "bán" cho một nhà con nào sẵn tiền muốn tạm thay làm cái ván ấy. Khi đó, người mua sẽ ăn thua với những tay chơi kia, nhà cái đứng ngoài. Làm như vậy, gọi là "bán cái". Ngoài đời, khi đem gán cho người khác một trách nhiệm, một công việc nặng nhọc, mà lẽ ra mình phải gánh vác, thì cũng được gọi là "bán cái". Thường chữ này chỉ được dùng khi có ý chê: Công việc có triệu khó nhai, anh ta đem bán cái cho đàn em, để tránh mang tiếng bất tài.

-Tiếng bạc: Những người mê trò xóc đĩa tin rằng lắng nghe tiếng những đồng tiền kêu leng keng trong khi nhà cái xóc, có thể đoán được sẽ là chẵn hay lẻ. Đưa vào thông ngữ, chữ "tiếng bạc" chỉ một vụ làm ăn lớn, có nhiều tính chấy may rủi. Thí dụ: Tiếng bạc này hấp dẫn nhưng có vẻ nguy hiểm, tao bỏ vốn ra mà trong bụng vẫn run.

Có những chữ có nghĩa gần gũi, được dùng ở cả hai lãnh vực nghĩa đen và nghĩa bóng: -Canh bạc -cuộc cờ.

Nguồn gốc đá gà:

-Cáp độ: Chọn cho hai con gà đấu với nhau, gọi là "cáp độ". Dùng cho người, ghép cặp hai võ sĩ, hai đội bóng xứng sức để giao tranh với nhau, cũng gọi là "cáp độ". Chữ "cá độ" cũng do đây mà ra.

-Coi giò coi cẳng: Giò cẳng nói đây là của con gà chọi. Đá gà có khi ăn thua rất lớn, cho nên chủ gà chỉ dám cáp độ với một con gà nào nghĩ là yếu hơn, dở hơn, sẽ thua con gà của mình. Gà đá nhau chủ yếu là dùng chân, nên lượng sức gà được gọi là "coi giò coi cẳng". Đưa ra ngoài đời, thành ngữ này được dùng trong trường hợp lượng sức những lực sĩ, những đội banh ... để ghép đấu với nhau. Ngày trước, cũng có khi dùng nói chơi trong trường hợp đi "coi mắt vợ".

-Cứng cựa: Đôi cựa là võ khí lợi hại nhất của con gà đá, có khi giết chết được đối thủ. Trước khi cho gà lâm trận, chủ gà phải chuốt cho hai cái cựa của nó thật bén, đá ngược lên có thể làm rách diều, đứt cổ đối thủ ... Thành ngữ này rõ ràng xuất sinh từ môn đá gà, nhưng lại không được dùng trong lãnh vực chuyên biệt này. Không ai gọi một con gà đá giỏi là

một con gà cứng cựa. Với người, cũng chỉ được dùng cho sức mạnh tinh thần. Không ai nói: Anh ta là tay cứng cựa, có thể thắng người võ sĩ Thiếu-lâm kia. Nhưng có thể nói: Ông ấy xưa nay vẫn tỏ ra cứng cựa, tôi nghĩ tụi nó hăm dọa như thế không làm cho ông ta nao núng đâu.

-So cựa: Chữ này cũng không được dùng nhiều trong lãnh vực chuyên biệt (đá gà). Về nghĩa bóng, "so cựa" ngày trước hay được dùng cho một cặp võ sĩ lên đài đấu với nhau. Đồng nghĩa với "so găng".

-Tha hồ: Rất thông dụng, có nghĩa là không hạn chế, không bị ngăn trở. Chữ này thông dụng đến nỗi nhiều người không tin nó vốn xuất sinh từ môn đá gà.

Trong môn chọi gà, các tay chơi gọi một "hiệp" cho gà đấu, là "hồ". "Hồ" dài bao nhiêu (ba phút, năm phút ...), và trận đấu gồm mấy "hồ", là do hai bên chủ gà thỏa thuận với nhau. Tại trường gà, người ta canh "hồ" không phải bằng đồng hồ, mà bằng một cây nhang đốt cho cháy đần. Cây nhang được cắm nằm ngang, ở phần chưa cháy có cột một sợi chỉ đầu dưới treo một đồng tiền. Khi nhang cháy tới chỗ đó, sợi chỉ đứt, đồng tiền rớt xuống một cái chậu đồng, phát ra một tiếng keng. Thế là hết một "hồ", hai bên bước ra giữ gà lại, đem về "làm nước".

Nếu hai bên chủ gà thỏa thuận với nhau cứ để cho hai con gà đấu với nhau suốt trận, không cần nghỉ, cho đến khi nào phân rõ hơn thua, thì gọi là đá "tha hồ".

Chữ "thả giàn" thông dụng ở miền Trung, miền Nam, cũng có nghĩa và cách chuyển dụng tương tự, nhưng xuất sinh từ nguồn gốc khác. Những gánh hát đến diễn ở những rạp tỉnh lẻ, thường có một cách câu khán giả rất thực tiễn: Đêm ấy, diễn gần hết xuất, họ mở cửa rạp cho ai muốn vào coi thì tự do vào, khỏi cần vé. Coi hát như thế gọi là "coi hát thả giàn".

Đưa vào thông ngữ, "thả giàn" có nghĩa như "tha hồ". Thí dụ: Vườn nhà tôi có đủ thứ trái, đám trẻ thích ăn gì, thì xin anh cứ để chúng thả giàn.

-Làm nước: Mãn một hồ, chủ gà đem gà của mình ra góc trường đá, để săn sóc. Người ta làm đủ cách để cho con gà lại sức, nhưng chủ yếu vẫn là vã nước mát lên mình nó. Vì vậy, việc săn sóc này được gọi là "làm nước". Dùng cho người, "làm nước" là săn sóc cho các võ sĩ đấu với nhau sau mỗi hiệp.

Nguồn gốc cờ tướng:

-Thí xe giữ tốt: Trên bàn cờ tướng, có bốn quân cờ có thể dùng vào thế công là xe, pháo, ngựa, và tốt. Trong bốn quân này, so về mức lợi hại, thì xe đứng đầu, tốt đứng cuối. Nhưng cũng có khi gặp phải thế kẹt, một

người đánh cờ khôn ngoan phải bỏ con xe cho đối phương ăn, chỉ giữ lại con tốt, để khỏi bí. Ngoài đời, để tránh thất bại lớn, người chủ trương một công việc có khi phải hi sinh một người cộng tác quan trọng, chỉ giữ lại một thuộc hạ hạng nhì. Cách lựa chọn này được gọi là "thí xe giữ tốt".

-Tướng sĩ tượng: Gần gũi với con tướng, là hai con sĩ, và hai con tượng. Ngoài đời, những người nào mà đi đâu cũng có nhau, ít khi rời, cũng thường được gọi là nhóm (hoặc bộ) "tướng sĩ tượng". Những chữ này chỉ được dùng cho đàn ông, và những trường hợp không nghiêm chỉnh. Cũng xuất thân từ cờ bạc, và cũng ứng dụng giống như vậy, còn có những thành ngữ sau đây: *-Cặp bài trùng* (cho hai người); *-bộ tam xên* (cho ba người).

Nguồn gốc tín điều dân gian:

-Hằng hà sa số: "Hằng hà" là con sông Hằng bên Ấn-Độ. "Hằng-hà sa số" là số cát ở sông Hằng. Đây là chữ trong kinh Phật, ý nói rất nhiều. Đưa vào thông ngữ, mấy chữ này giữ nguyên nghĩa gốc. Cũng có khi nói rút gọn, thành "hằng hà": -Hàng ngoại quốc bây giờ hằng hà ngoài chợ, sao mày không tự đi mua, mà phải nhờ nó?

Một điều cần để ý: Trong thông dụng, không nên viết hoa chữ "hằng".

-Ăn cháo lú: Theo truyền thuyết, những người chết rồi được cho đi đầu thai làm người, hoặc những người bị quỉ Vô-Thường bắt lầm được cho sống lại, khi vượt cầu Nại-Hà, ranh giới âm-cảnh và dương-gian, đều phải ăn một bát "cháo lú", để quên hết mọi chuyện trông thấy ở địa ngục. Trong thông ngữ, "ăn cháo lú" thường được dùng để mắng những ai quên đi một chuyện lẽ ra phải nhớ: Năm nào tới bữa nay, mày cũng phải về quê ăn giỗ ông ngoại. Sao bây giờ, lại tính chuyện đi chơi. Bộ mày ăn cháo lú rồi hay sao?

-Cúng cô hồn: "Cô hồn" là linh hồn của những người không được thân nhân cúng giỗ. Tương truyền, cứ đến ngày rằm tháng bảy hằng năm, những linh hồn này được phép trở lại dương thế. Các chùa, và một số tư gia, bày ra lễ cúng với nhiều phẩm vật, gọi là lễ "cúng cô hồn".

Đưa vào thông ngữ, "cúng cô hồn" có nghĩa là phải tốn một số tiền của cho những viên chức sách nhiễu hạng thấp, hoặc một đám du đãng gây sự, để mua lấy yên ổn trong việc làm ăn.

*

Qua phần trên, chúng ta đã thấy rõ hai sự chuyển dụng:

1-Nguyên là đặc ngữ, sau được dùng cả bên thông ngữ;

2-Nguyên là đặc ngữ, sau chỉ được dùng bên thông ngữ.

Nhưng ở phần mở đầu, có nói có những đặc ngữ trước sau vẫn chỉ là đặc ngữ, chưa được dùng theo nghĩa bóng bao giờ; và có những chữ vốn là thông ngữ, nhưng sau được dùng như đặc ngữ. Hai loại này ít, xin dành nói ở cuối bài.

Trước sau vẫn chỉ là đặc ngữ:

-Những thành ngữ sau đây chỉ rõ nghĩa trong lãnh vực cụ thể, không thể thiện tiện đem dùng theo nghĩa bóng: -Gạo đỏ ngon cơm; -Nấm đẹp nấm độc; -Nhà sạch thì mát ... Trong khi đó, những câu tương tự sau đây đã được quen dùng theo nghĩa bóng: -Thuốc đắng dã tật; -Cơm nguội dỡ lòng; -Con dao hai lưỡi ...

Tôi nêu ra vài thí dụ đơn giản, cốt để chứng tỏ một điều: Trong khi nói, trong khi viết, bất cứ ai cũng có thể dùng chữ cũ theo ý mới, nhưng cũng nên thận trọng để không vượt quá xa thói quen của ngôn ngữ. Đa số đã quen dùng chữ ấy theo nghĩa ấy, chúng ta không nên dùng theo nghĩa khác. Trong tiếng Anh có một thành ngữ chỉ được dùng theo nghĩa bóng: -*A square peg in a round hole* (một cái chốt vuông trong một cái lỗ tròn). Gồm toàn chữ cụ thể, nhưng ý nói về hoàn cảnh của một người bị đặt vào một chức vụ, hoặc một công việc không phù hợp với khả năng. Trong nghề thợ mộc của người Việt, có một kỹ thuật (thầy truyền cho trò) là: -Lỗ tròn chốt vuông. Câu này chỉ được dùng theo nghĩa đen, trong nghề đóng đồ gỗ: Muốn đồ được chắc chắn, với những lỗ khoan tròn phải dùng những chốt chuốt vuông mà đóng.

Nếu bây giờ, nhà văn Việt nào đem dùng mấy chữ "lỗ tròn chốt vuông" theo nghĩa bóng là "không thích hợp với hoàn cảnh", thì chắc có nhiều độc giả không chịu.

Vốn là thông ngữ sau trở thành đặc ngữ:

Dùng bên thông ngữ, những chữ này ai cũng hiểu theo nghĩa đã thông dụng. Nhưng khi được dùng như đặc ngữ, chỉ người trong giới mới hiểu, hoặc phải suy ra mới hiểu. Sau đây, chỉ xin kể vài chữ nhiều người biết:

-Dùng theo thông thường, "đi cày" là đi cày ruộng; nhưng người Việt định cư ở ngoại quốc bây giờ dùng chữ "đi cày" theo ý ngày nào cũng phải đi làm việc cực nhọc, để kiếm tiền sinh sống.

-Ai cũng hiểu "làm việc" theo nghĩa làm một công việc nào đó, nhưng trong những trại tù cải tạo của CSVN, "làm việc" lại có nghĩa là "chịu điều tra". Chẳng hạn một giám thị trại giam dặn một người tù chính trị: -Hôm nay anh không đi lao động, ở nhà để làm việc với cán bộ Cục Trại Giam.

Lòng khát khao...
những cơn mưa

NGUYỄN THANH CHÂU

dâm thủng lên bầu trời, chói chang
những thân saguaro sừng sửng
tôi cô đơn đến thế chăng

mặt trời, mặt trời đỏ lúa
những gai nhọn nhói tim
nỗi buồn sao như chiêm bao hục hỡ

bao lâu rồi. và còn bao lâu nữa
tiếng kêu đuối vọng thiên thu
miệt mờ gió cát

cũng dành thôi. niềm nhớ người khuất
giật
sợi tóc rụng. thao thức nhiều đêm
ruồi rong hồn viễn xứ

thành phố dây. thung lũng xương rồng
những dám cháy mùa hè bất tận
lòng khát khao hạnh phúc. những cơn
mưa...

Phoenix 6/2001

*

Xin kết thúc bài với một nhận xét: Sự chuyển dụng qua lại giữa đặc ngữ và thông ngữ chẳng những làm giàu, mà còn làm đẹp cho ngôn ngữ. Nhưng không nên chuyển dụng một cách tùy tiện.

Nghiêm Xuân Hồng: Người về khép cánh hư không...

Tuấn Huy

"Người về bứt áng mây hồng
Dệt y tram sắc ngại ngùng lòng ai
Tôi về mơ giấc mơ dài
Song-hồ-hư-ảnh-trăng-cài-sắc-không.
Người về bước nhỏ thong dong
Ngậm ngùi tình muộn vương lòng đỗ quyên
Tôi về mở sách u huyền
Mưa hoa lãng đãng mấy miền tịch dương.
Người về nhặt nụ hướng dương
Tô thêm khóe mắt cô nường Huyền-Âm
Tôi về khép cánh hư không
Bồ-đoàn che khắp nửa vòng trần duyên
Người về tiệc rượu đảo điên
Chê ly quá nhỏ, hài sen rót đầy
Tôi về tỉa nhánh trúc gầy
Đèn khuya giãi bóng vơi đầy Hoa-Nghiêm
Người về lìa suối tịch-nhiên
Chênh vênh gót ngọc đảo điên nụ cười
Tôi về gấp áng mây trời
Ôm-trăng-đổ-giấc-bên-đồi-Tào-Khê..."

Thơ Nghiêm Xuân Hồng. Những vần thơ trau chuốt và uyên bác. Những vần thơ tinh khiết và an nhiên. Những vần thơ hé mở cho ta thấy một cõi Tâm thanh thoát. Những vần thơ phơi lộ cho ta thấy vùng trời tư tưởng khoáng đạt. Thâm thẩm. Khôn cùng... Những vần thơ đó, chiếu dọi

vào tâm thức tôi những lượng ánh sáng huyền ảo của một trái tim đầy trăng sáng. Những vần thơ đó mang về cho suy tưởng tôi những lượng hương thơm thanh tịnh của những đóa sen hồng. Tôi nhớ, một nửa khuya, khi đọc những vần thơ đó, tôi đã không muốn ngủ nữa. Tôi đứng thật lâu bên khung cửa sổ, nhìn ra một mảnh vườn nhỏ đầy trăng. Trăng tháng chạp mông lung bàng bạc. Trăng mùa đông bát ngát âm u. Nhìn ánh trăng mơ hồ ẩn hiện giữa những cỏ cây se giá ở bên ngoài, tôi cảm nhận được nỗi ấm áp dịu dàng của một cõi lòng khi những đóa sen từ ái đã vừa bừng nở... Trước đó, một đôi khi, tâm thức tôi còn là rối loạn. Trước đó, cõi lòng tôi luôn luôn bị xô động bởi những nát tan. Nhưng chỉ cần đọc những vần thơ, và chỉ cần nhìn ánh trăng khuya giãi-mở-tâm tôi được yên lại, và lòng tôi đã được an ủi vỗ về. Bên khung cửa sổ, tôi hình dung thấy cái bóng nhỏ bé của mình, đã lang thang từ tầng đầu cuộc đời này đến tầng đầu cuộc đời khác - đã lê lết từ đáy sâu phiền muộn đó đến đáy sâu phiền muộn kia - đã nếm hưởng rất nhiều khổ đau và đã nếm hưởng ít oi hạnh phúc - đã rạc rài qua những bến bờ mê muội tới những khe vịnh mù lòa - đã long đong từ những chân trời điên loạn về những góc biển cuồng si. Nói tóm, là qua bao nhiêu năm tháng, tôi như một con vụ quay tròn trong cơn lốc. Cơn lốc của gia đình. Cơn lốc của đất nước. Cơn lốc của thời thế. Cơn lốc của công danh. Cơn lốc của tình yêu. Cơn lốc của mất mát. Cơn lốc của đổ vỡ. Cơn lốc của chia lìa...

Thực ra, không phải bây giờ tôi mới được nhìn thấy cái vẻ huyền ảo của ánh trăng gầy, và cũng không phải bây giờ tôi mới được ngửi thấy vị thơm man mác của những đóa sen. Trăng đã có từ vô lượng thời gian. Sen đã có từ vô thủy cuộc đời. Nhưng phải là trăng đến với ta đúng một sát-na hạnh-ngộ, và cũng phải là sen đến với ta đúng một khoảnh-khắc tao phùng. Thì ta mới biết được cánh cửa đầy đặc của Tâm đã mở. Thì ta cũng mới biết được những chận-giữ của Nghiệp đã thông...

Trước kia, mỗi lần đọc những câu thơ của Trúc-Lâm đại-sĩ: *"Vạn sự nước xuôi nước. Trăm năm lòng ngỏ lòng. Tựa lan nâng sáo thổi. Trăng sáng đầy cõi tâm..."*, tôi đã nghe được sự êm ả siêu thoát của tâm hồn. Nhưng đêm ấy, khi đọc những vần thơ của Thiền giả Nghiêm Xuân Hồng, lòng tôi đã được nhẹ tênh, khi thấy mình chỉ là một hạt bụi nhỏ nhoi giữa ngàn hoa cỏ. Ngày hôm sau, buổi chiều, tôi tìm đến thăm ông. Đó là một buổi chiều lộng gió của một trận bão-khô còn rớt lại. Thung lũng Fountain. Những hàng cây rét mướt đan dài một bầu trời thoi thóp nắng và rất nhiều mây xám. Ngôi nhà ở đáy-túi một con đường vắng. Những cánh hoa lăn tăn màu vàng và màu đỏ ở một bờ tường thấp. Những lá cỏ nghiêng đi. Những cánh lá xào xạc nghiêng đi.

Trong căn phòng xinh nhỏ, lặng trang như một tĩnh thất, mà rõ ràng ngọn đèn khuya còn là giải bóng Hoa-Nghiêm, người nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng, vị Thiền Sư nữa, Nghiêm Xuân Hồng, người đã đặt những bước chân thong dong ở gần khắp mặt địa cầu, đang ngồi giữa những cuốn kinh sách ngổn ngang tung tóe - nhìn lấp loáng như những đóa hoa huyễn hoặc trên một biển xanh chập chùng của trí tuệ. Cái dáng đã là khom khom tuổi tác. Khoảng lưng đã là cong gập tháng năm. Nhưng nụ cười vẫn thật hiền hòa. Và ánh nhìn vẫn thật khoan dung từ ái. Ông nhường chiếc ghế cho tôi để ném mình xuống một khung giường mà chăn nệm vẫn là xô bồ bừa bộn. Khắp nơi là sách. Khắp nơi là kinh. Không có tranh và không có hoa. Trên tường, nhìn ngang là một bức vẽ rất thanh thoát đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Và nhìn tới là một bức vẽ rất hài hòa đức Bồ Tát Long Thọ. Trong khi tôi thăm hỏi về sức khỏe của ông, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng mở hộp thuốc, lấy một viên nhai chệu chạo, chiêu một ngụm nước, rồi cười: Vẫn vậy vậy...". Tôi nhìn những hộp thuốc, những lọ thuốc, những vỉ thuốc để khắp nơi. Từ mặt bàn đến kệ gỗ. Từ xó kẹt đến đầu giường. Tôi thấm thía về câu Nghiêm Xuân Hồng thường nói: "Bệnh tật là bạn của ta". Tôi muốn thêm: : "Thuốc men cũng là những người bạn khác của ông nữa".

Một điếu thuốc "Lucky" được đốt lên. Nhà văn Nghiêm Xuân Hồng vừa từ tốn hút từng hơi thuốc nhẹ, vừa chuyện trò với tôi thật thân thiết cởi mở. Như một người cha nói chuyện với con. Như một người anh nói chuyện với em. Như một người thầy nói chuyện với một môn sinh vừa từ phương xa trở lại. Như một người bạn nói chuyện với một người bạn vừa từ nơi lưu lạc quay về... Tôi gợi ông nhớ lại cái ngõ hẻm đường Yên Đổ, nơi nhóm "Quan Điểm" đã được hình thành, với những Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Tạ Văn Nho v.v.. Tôi gợi ông nhớ lại căn gác nhỏ ở đường Gia Long. Nơi những bậc thang gỗ ướt nhìn xuống một khoảng sân đầy chậu cảnh xum xuê tươi mát. Nơi mà những nhà văn nhà thơ danh tiếng lừng lẫy ở miền Nam vẫn thường lui tới. Tôi gợi ông nhớ lại cái văn phòng luật sư rất nghệ sĩ ở Biên Hòa. Tôi cũng gợi ông nhớ lại bữa nửa khuya ngày chính biến Mồng Một Tháng Mười Một năm 1963, ở một biệt thự đường Phan Đình Phùng, có nhiều khuôn mặt hàng đầu của chính trường miền Nam sau đó: Những P.H.Q... những B.D., những Đ.V.S... Những nơi chốn đó, phần tôi, tôi đã đều có mặt. Lúc ấy còn là một Nghiêm Xuân Hồng nghiêm túc, nhỏ nhẹ, kín đáo, xa cách, giữ gìn. Một Nghiêm Xuân Hồng luật sư, chính trị gia, nhà lập thuyết , nhà tư tưởng. Một Nghiêm Xuân Hồng đang ôm những "giấc mộng lớn". Một Nghiêm Xuân Hồng đang ấp ủ những hoài bão vĩ đại. Một Nghiêm Xuân Hồng đang có nhiều cao

vọng; về đất nước, về thời thế, về chế độ, về những dấn thân nhập cuộc...

Thời gian đó, là thời gian tôi thường tìm đến cái thế-giới-tư-tưởng Nghiêm-Xuân-Hồng, qua những *"Đi Tìm Một Căn Bản Tư-Tưởng"*, *"Cách-Mạng và Hành-Động"*, *"Người Viễn Khách Thứ Mười"*, *"Xây Dựng Nhân Sinh Quan" v.v...* Qua sự hiểu biết còn nông cạn và qua sự tiêu hóa rất giới hạn của trí tuệ, tôi thấy đó là một con người có những khát vọng đẹp đẽ và có những mong cầu vĩ đại. Cũng rất là phóng khoáng và cũng rất là nhân bản. Hàm chứa những dằn vặt, những thao thức, những băn khoăn, những dày vò, những khắc khoải của những người trí thức - đặc biệt của những người trí thức trẻ - trước dòng sinh mệnh đang trôi nổi ngặt nghèo của dân tộc. Đặc biệt, qua nhiều tác phẩm đã hoàn thành trong thời điểm này. Nghiêm Xuân Hồng không "lập thuyết" suông, không diễn đạt một nguồn tư tưởng đặc đầy khó hiểu. Ông là một nhà lập thuyết nhìn đời rất thực tế, nhìn vào xã hội mà ông đang sống rất thực tế. Nên, những tư tưởng ông khai mở, là những tư tưởng "dễ chấp nhận". Ông đã cùng với một lớp thân hữu hoặc anh em đồng trang lứa khác, như Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ v.v... thổi vào không khí tư tưởng văn học miền Nam một luồng gió mới về thức tỉnh, về thử lửa, về quyết định, chọn lựa. Nhớ lại, cái thời điểm đó, sau 1954 - và nhất là những năm từ 1956 trở đi, người dân ở miền Nam, nhất là những tầng lớp trí thức tiểu tư sản ở miền Nam, đã nhìn thấy một chân trời bình minh hé lộ. Nghiêm Xuân Hồng là một trong những người đã cho chúng ta nhìn thấy được cái chân trời đó, hay đúng hơn, đã dưa chúng ta tới những nẻo đường trầm tư về những chân trời đó, một cách thiết tha và hăng hái biết chừng nào!

Cũng như tác giả, chúng ta hăm hở nôn nao đi tìm kiếm. Nhưng giữa thực tế và những gì mơ ước, đã lại là những bức tường cao vòi vọi của gạch đá rong rêu. Bởi thế, khi "nhà văn Nghiêm Xuân Hồng" tham chính, tôi có được gặp ông một đôi lần, nhưng không thấy ông còn vui vẻ và hăng hái như trước. Chỉ khoảng một năm thôi, con người ông đã "còm cõi" hẳn đi. Mai sau này, tôi mới biết, ông đã hoàn toàn thất vọng. Bởi đã nhìn thấy và đã nghe rõ. Bởi đã chứng kiến và đã tận tường. Những sự việc không đúng như ông mong mỏi . Những thành quả không tốt đẹp như ông ước ao. Cọng thêm là những cái nhơ nhớp của chính trị. Những nhỏ mọn ti tiện của một số những người lãnh đạo. Cả những yếu thế thua thiệt của những người không có thực quyền. Cả những xếp đặt ngang ngược của những kẻ muốn bao trùm ảnh hưởng... Đã cho Nghiêm Xuân Hồng nhìn thấy được những sự thật phũ phàng. Về thân phận bẽ bàng của những con người thấp cổ bé miệng. Về phần số hẩm hiu của những người

dân một nước nhược tiểu. Về một đất nước đầy băng hoại. Về một xứ sở đang có chiến tranh. Về những quân tốt thí ngơ ngác trong một ván cờ lươn lẹo.

Từ tâm thức, Nghiêm Xuân Hồng đã bừng tỉnh như một người vừa chứng ngộ. Trong khi đó, đất nước chuyển mình qua những biến cố thảm thương. Một dân tộc đã khốn khổ điêu linh càng ngày càng điêu linh khốn khổ. Một xứ sở đã ê chề tan rã, càng ngày càng tan rã ê chề... Những tác phẩm về thân phận con người ra đời tới tấp... Ở Nghiêm Xuân Hồng là "Biện chứng giải thoát trong giáo lý..." và "Nguyên tử, hiện sinh và hư vô"...

Sáng tác không ngưng nghỉ như một dòng tâm thức có chuyển hóa, nhưng chẳng bao giờ khô cạn - mà thực tế, Nghiêm Xuân Hồng không tha thiết nhiều lắm với văn chương, như đã hằng thiết tha quá đỗi với tư tưởng. Thơ văn, đối với ông, chỉ là một cái cớ, hay đúng hơn, chỉ là một mặt khác để diễn đạt tư tưởng. Trước sau, ông vẫn là một "con người tư tưởng". Dù những tư tưởng ấy đặt vào thời thế, đất nước, hay những tư tưởng ấy phóng tới những ẩn mật, huyền diệu của kiếp người.

Từ ngày xa rời đất nước ra đi, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng đã chú tâm khai triển những trầm tư của ông trước đạo-pháp. Dù rằng ông khiêm nhượng chỉ cho mình là "một người học Phật, và cố gắng tu theo lời Phật, nhưng rõ ràng ông đã có một vị thế riêng trong những người nghiên cứu về triết lý Phật giáo. Những tác phẩm của ông (một tiểu thuyết dài viết bằng Việt Ngữ, hai cuốn khác viết bằng Pháp ngữ, những "Lăng Kính Đại Thừa", "Tánh Không và Kinh Kim Cang"., "Lăng Nghiêm Ảnh Hiện", "Nguồn Thiền Như Huyễn", "Mật Tông và Kinh Đại Thừa", "Hoa Tạng Trầm Tư" v.v... và nhất là những bài thơ ông làm mấy năm sau này, đã phản ảnh đầy đủ một ngã rẽ đổi thay quan trọng trong tư tưởng của nhà "tư tưởng ấy". Tôi kính trọng lắm những suy diễn của ông trong những cuốn tiểu luận đó. Và yêu thích lắm những vần thơ của ông bát ngát hương Thiền. Ông đã nhìn đạo Phật bằng nhãn quan của một học giả uyên bác, và bằng tấm lòng của một con người đã vượt được lên trên hết cả mọi câu nệ tầm thường. Cũng vậy, thơ của ông ngào ngạt những mùi sen và vầng vặc những ánh trăng. Với những phân tích rất khoa học và những mổ xẻ cận-nhân-tình, ông soi chiếu vào những tàng kinh cổ cũ, bí hiểm, khô khan - một ánh sáng mới mẻ, giản đơn và đầy thơ mộng.

Nhớ một lần cách đây khá lâu, khi nghe tin gia đình tôi vừa gặp đại nạn, từ Long Beach, ông đã đến Alhambra thăm hỏi. Lúc đó, các con tôi chưa từ hải dảo sang, và tôi đang sống cùng với một người bạn thân ở thành phố ấy. Anh bạn tôi cũng là một người cháu của ông. Gần một

ngày ở lại với chúng tôi, ông đã mang những đau khổ lớn lao của nhân loại ra chuyện trò, như muốn thổi giạt những đau khổ bé mọn mà tôi đang có. Ông cũng đã mang cái hướng thiện bát ngát của con người ra tâm sự, như muốn khơi mở cho tôi một hướng thiện để tôi theo đó mà sống mai sau. Lần đó, và nhiều lần sau này nữa, mỗi khi ông gặp và nghe ông trò chuyện, tôi như một người được cảm hóa và được bừng ngộ. Một đôi khi, tôi nghĩ, chính ông là một bậc thiền giả, một vị bồ tát, đã thị hiện trước mặt tôi, vì cái cơ duyên sẵn có của mình, để đẩy mở cho tôi một cánh cửa kín cuối cùng của ngẫn ngơ mê muội... Tại sao không? Bởi vì trong cuộc sống của chúng ta, có những người khi ta được chuyện trò tâm sự, ta thấy lòng thanh thoát hẳn. Cũng thế. Có những người khi ta được đối diện với họ, chỉ cần thấy ánh nhìn khoan dung từ ái, và chỉ cần thấy nụ cười độ lượng nhu hòa, trái tim ta đã trầm hẳn xuống. Tâm ta đã là những nụ hoa rực rỡ. Và lòng ta đã là một vầng trăng huyền ảo mênh mang...

Nói vậy chỉ là một cách nói về cái nhân cách và về cái phẩm hạnh cao quý của một con người. Còn Nghiêm Xuân Hồng vẫn là Nghiêm Xuân Hồng. Một Nghiêm Xuân Hồng trầm mặc. Nhỏ nhẹ. Từ tốn. Thiết tha. Dung dị. Đầy chất thơ trong tâm thức một nhà tư tưởng. Đầy vẻ thiền trong sự sống và trong sự sáng tạo của một nghệ sĩ. Nghiêm Xuân Hồng là người đã đi qua hết mọi nẻo đường của nhân thế. Giàu sang. Phú quý. Danh vọng. Hạnh phúc. Quyền uy. Cũng không phải là chỉ đi qua, mà là đã lên tới tột đỉnh. Nhưng bây giờ, Nghiêm Xuân Hồng đã khước từ, đã chối bỏ những quyền uy, những hạnh phúc, những danh vọng, những phú quý, những sang giàu ấy. Nguyên nhân nào khiến ông trở thành như vậy? Chẳng có nguyên nhân nào khác, mà chỉ bởi cái ánh sáng le lói phát xuất ở một cõi Tâm. Hiểu như thế, thì mới thấy được phần nào con người của Nghiêm Xuân Hồng. Một nhà văn luôn luôn thiết tha với đất nước. Một nhà tư tưởng luôn luôn thiết tha với đại-thể. Một bậc Thiền giả luôn luôn thiết tha với thế nhân. Một hồn thơ luôn luôn thiết tha với cái "mỹ" và cái "hảo" từ trong tâm thức .

Ông đã từng đặt gót phiêu du trên gần trọn trái đất. Từ Đông sang Tây, từ Âu đến Á, từ Bắc qua Nam. Đã một phen ông định đi tu ở một ngôi chùa trên đất Pháp. Đã một lần ông đi "hành hương" suốt mấy tháng ròng ở Ấn Độ. Rồi Tây Tạng. Rồi Đông phương... Nhưng nơi nào thì ông cũng thấy "trơ trọi, bàng hoàng, ngơ ngẩn. Bởi chẳng hiểu mình đang ở thiên đường hay cửa địa ngục trần gian?" Để rồi, cuối cùng, lại quay trở về với chính ông. Ông trở về với những tư tưởng đã một thời sôi réo. Quay trở về với những căn bệnh đã hơn một lúc phải làm hòa. Quay trở về để thấy những giấc mơ đầu đời đã nổi lên và đã tan vỡ. Quay trở về để

nghe những buổi chiều êm ả từ trong mộng lạng lẽ lướt qua...

Tôi yêu quý Nghiêm Xuân Hồng, không phải chỉ ở những tư tưởng cao siêu vòi vọi và dòng tâm thức thanh tịnh xa xăm mà ông đã hơn một lần hé lộ. Tôi còn yêu quý Nghiêm Xuân Hồng ở những điểm rất "đẹp" và rất "người". Đẹp ở cung cách nhìn. Người ở cung cách xử thế. Đẹp ở lối thưởng ngoạn. Người ở cách phô diễn lối thưởng ngoạn ấy. Một lần ông nói: "Mình già rồi. Như cành héo khô, như cây củi mục... Nhưng nhìn những cô gái trẻ hơ hớ, mình vẫn thấy tiếc..." Một lời đùa giỡn nhưng cũng chính là một câu tâm sự. Của một con người đa tình, đa cảm, đa sầu... Lúc mới thoạt nghe câu đó, tôi không mấy để ý đến. Nhưng ít năm sau này, khi phải sống trong cảnh cô quả quạnh hiu, cũng là đang bước vào những ngày tháng của tuổi chiều bóng xế, cũng là hơn một lần phải dập tắt những khao khát mê cuồng - thì mới thấy thấm thía lời ông đã nói, mỗi lần có cơ hội gặp gỡ hay tiếp xúc với những người con gái xuân thì... Đó là cái ý hướng ngậm ngùi nuối tiếc. Chẳng phải ngậm ngùi nuối tiếc về những thân xác mỹ miều, mơn mởn nhung nhúc quanh ta, mà là nuối tiếc về một tuổi trẻ đã qua, và ngậm ngùi về một tuổi già sắp tới. Cũng vậy. Là nuối tiếc về những mùa xuân tươi thắm đã bỏ lại sau lưng, và ngậm ngùi về một mùa thu u ám đằng đẵng ở trước mặt mình.

Hôm ấy, đã lâu lắm, tôi mới lại được chuyện trò với nhà văn Nghiêm Xuân Hồng. Được nghe ông nói về những Nguyễn Đức Quỳnh, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ. Được nghe ông nói về những P.H.Q., B.D., Đ.V.S... Được nghe ông nhắc nhở những kỷ niệm của ông và anh em trong nhóm "Quan Điểm". Được nghe ông kể về những lần gặp gỡ ngắn ngủi với Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng. Rồi những mối giao hảo của ông với Tô Thùy Yên, Vương Tân, Mai Thảo, Phạm Công Thiện. Ông nói từ ngày kịch-tác-gia Vũ Khắc Khoan mất, ông đã hướng nhiều về thơ. Ông ca ngợi nhà văn Mai Thảo đã trọn một đời tận tụy với văn chương báo chí. Ông nhẩm đọc lại vài câu thơ của Tô Thùy Yên mà ông rất lấy làm cảm khoái. Ông gạn hỏi về Phạm Công Thiện, để muốn biết đời sống của Phạm Công Thiện hiện nay như thế nào. Với ai, thì ông cũng đều có cái nhìn thân thiết. Với ai, thì ông cũng đều có những nhận xét thật cởi mở và rất khoan dung. Với ai, thì ông cũng đều tỏ ra là một người bạn. Và với ai, thì ông cũng đều hiểu họ một cách thật thông minh và thật tinh tế. Từ căn phòng nhỏ, tôi nhìn ra một bờ tường, một ngọn cây, một phiến trời. Bốn câu thơ của người-thơ Nghiêm-Xuân-Hồng lại hiện về giữa phiến trời, giữa ngọn cây, và giữa bờ tường đó: *"Mây cũng xưa rồi, nước cũng xưa. Thu gầy ngơ ngác thoảng hương thừa. Đất trời thăm thẳm trùng trùng hiện. Nỗi khúc hư tình nặng hạt mưa..."* Có phải ngoài trời, những sợi

Nghe mùa hè ôn đới

NGUYỄN NAM AN

Đêm Michelob thành đá chục trào
Đêm mở cửa nhìn ra vườn trăng lao đao muốn rớt
Những mái tranh xưa mùa đột
Mái nhà tôn mưa lột đột qua đêm
Đêm, nửa đêm rồi phố bước chân quên
Nhà có cổng em không ai xao động
Chỉ còn hàng cây phượng bông hoa tím
Tưởng anh mang từ nhiệt đới mà thương

Đêm Michelob thành đá tha phương
Mở mắt nhớ nhau biết buồn nhưng nín
Từ khi phượng xa phượng thành hoa tím
Anh là con ve thoát kiếp bay bay
Có lúc ở xa có lúc nơi này
Nhưng đâu cũng thấy
Phượng
Như đêm nay thức muộn
Anh nghe mùa hè ôn đới thương thương...

mưa đã rớt rơi một màu xanh xám? Tôi không rõ. Bởi ở suy tưởng tôi đã là những-sợi-mưa-hư-ảo, nhòe nhạt bay nghiêng...

Mưa hay không mưa. Điều đó có gì là quan trọng. Bão hay không bão. Điều đó cũng chẳng cần nói đến. Chỉ biết, ở cõi lòng tôi, từ nay mãi mãi sẽ là một vầng trăng. Vầng trăng của vua Lý Thái Tông thuở trước: *"Hạo Hạo Lăng già nguyệt. Phân phân Bát nhã liên" (vầng trăng lồng lộng Lăng già. Cánh sen Bát nhã chói lòa sắc không).*

Tháng 5 năm 2000, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng từ bỏ Giấc Mơ Dài, trở về Cõi Hư Không Thanh Tịnh. Lúc ấy, tôi đang sống những ngày thơ mộng ở San Fancisco. Nghe tin dữ qua Nhà Thơ Huy Trâm, tôi đã đứng lặng đi rất lâu bên Vịnh Biển Sausalito, tưởng niệm Người...

Cỏ cây Truyện Kiều

Trần Văn Tích

Một trong những vấn đề khó khăn phức tạp của công việc đối chiếu từ vựng của các dân tộc khác nhau là việc xác lập quan hệ tương đương giữa các đơn vị thuộc ngôn ngữ được đối chiếu và ngôn ngữ đối chiếu. Trong thực tế, những thuật ngữ biểu thị các khái niệm nhiều khi phổ thông của một ngôn ngữ nước ngoài khi đem đặt đối chiếu với các thuật ngữ xem như tương đương trong tiếng Việt, lắm khi chỉ đạt được tính chính xác tương đối. Cho nên các từ điển Pháp-Việt, Anh-Việt, Hán-Việt v.v..có thói quen thích nghĩa tên gọi một thứ cây, một ngọn cỏ qua lối phu diễn ngữ pháp. Chẳng hạn Anh-Việt từ điển Nguyễn Văn Khôn ghi: *"broccoli, brocoli*: một giống cải hoa, cải bông"; hoặc Pháp-Việt tự điển Đào Duy Anh giảng: "*cabernet*: một giống nho đỏ sản ở miền nam nước Pháp". Vì thế, khi ngôn ngữ học tạo cơ may cho hai từ tuy thuộc hai tiếng nói khác nhau nhưng lại "giống" nhau như hai giọt nước thì người chuyển dịch song ngữ phải biết nắm ngay lấy cơ may hãn hữu đó. Điều này nhóm biên soạn *Thơ văn Lý Trần*, Tập III, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà nội, 1978, đã không thực hiện được khi dịch nghĩa và chú thích chữ *toa* 莎 ở trang 18. Họ cho biết: "chữ toa(1) vốn chỉ một thứ cây có tên khoa học là Cyperus rotundus, rễ của nó gọi là "hương phụ tử", là một vị thuốc bắc. Ở đây tạm dịch chung là "cỏ" cho dễ hiểu". Thật ra vị thuốc bắc liên hệ không phải là rễ (*Radix*) mà là thân rễ (*Rhizoma*) cây Cyperus rotundus L., cho nên khoa dược liệu học gọi nó là *Rhizoma Cyperi*. Nhưng thiếu sót đáng tiếc là nhóm biên soạn không biết rằng dây chính là cây cỏ cú, một loại cỏ đại mọc tràn lan khắp nước ta, một loại cỏ khó tiêu diệt đối với nhà nông, một vị thuốc thân quen đến nỗi giới dao cầu thuyền tán hàng truyền tụng là *nam bất thiếu trần bì, nữ bất ly hương phụ* nghĩa là chữa bệnh cho đàn ông không thể thiếu trần bì, chữa bệnh cho đàn bà không thể không

dùng hương phụ. Và câu thơ dịch phải mang tính khẳng định hơn, không thể "tạm dịch chung là 'cỏ'" mà cần dịch dứt khoát là "cỏ cú".

Nhân chuyển tên gọi một loài cây trong bài *Nguyệt* của vua Trần Nhân Tông (Tập II, quyển Thượng, 1989, trang 465), nhóm biên soạn lại dãng trí không để ý đến khung thời gian nghệ thuật của thi phẩm nên dịch không chính xác. Câu thứ tư: *Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ* được dịch thành văn xuôi là "Trên chùm hoa quế trăng vừa mọc". Nhưng nếu căn cứ vào câu thơ thứ hai *Lộ trích thu đình dạ khí hư* (Móc rơi nơi sân thu, khí đêm trống không) thì ý tứ giữa hai câu thơ dịch trở thành thiếu nhất quán. Mùa thu là mùa thu hoạch hạt quế để ươm trồng cây non, cho nên hoa quế không thể nở vào mùa thu mà nở vào giữa xuân hay cuối xuân. Chữ *mộc tê* trong Hán văn quả có được người vùng Giang nam dùng để chỉ cây quế. Nhưng *mộc tê* cũng còn là tên cây mộc *Osmanthus fragrans* Lour. được trồng khắp Đông dương, Trung hoa, châu Á nhiệt đới. Hoa cây mộc rất thơm, dùng để ướp trà, gọi là trà mộc, bên cạnh trà sen, trà lài, trà ngâu v.v..; nó cũng được dùng để ướp thuốc lá. Trà mộc, theo y học cổ truyền và theo bản thảo, có được tính thanh phế, chỉ khái (giúp dễ thở, làm giảm ho). Cho nên câu thơ của vua Trần phải được dịch là "Trên chùm hoa mộc trăng vừa mọc."

Bây giờ xin chuyển qua tìm hiểu đối chiếu giữa chữ hán và chữ nôm tên gọi vài loài cây cỏ xuất hiện trong *Truyện Kiều*.

*

Qua hơn ba ngàn câu lục bát, Nguyễn Du đề cập đến các loài thực vật sau đây trong *Truyện Kiều*: bách, bèo, bình bồng, bồ, bồ đề, bồ hòn, bối, cải, cát, cúc, dâu, dương, đào, hải đường, hạnh, hoè, hồng mai, la, lan, lau, lê, liễu, lựu, lý, mai, mận, mẫu đơn, mướp đắng, ngô đồng, phần, phù dung, quân, quế, quít, râm, rêu, sen, sấn, thuần, thung, trà mi, tranh, trầm, trúc, tùng, tử, vi lô, xuân. Có loài thực vật được nhà thơ gọi cả tên nôm lẫn tên hán: bèo, bình; lau, vi lô. Có loài xuất hiện từng cặp hoặc qua danh từ kép: cù mộc, đằng (cát đằng, đằng la), luỹ (cát luỹ), phỉ phong. Các bộ phận cây cỏ cũng được đan cử: bông (lau, liễu), cành (quít), lá (bối), ngó (sen), ngọn (cỏ), nhị (đào). Có khi bộ phận thực vật chỉ được dùng qua nghĩa liên tưởng, tượng hình: cành dương, cành thiên hương, cây quỳnh cành dao. Nếu có những loài cây quen thuộc như cải, dâu, lựu, mướp đắng, quế, quít, sen, trầm v.v..thì cũng có những cây tuy quen mà lạ như hải dường, trà mi; hoặc xa lạ như đằng, la, phỉ phong, thung (xuân), tử. Có cây không thể xác định được danh xưng khoa học vì thuộc vào khẩu ngữ dân gian nói hán, nhất là một số cây từng được *Kinh Thi* đề cập vào thời thượng cổ xa xăm.

Cả ngôn ngữ nhân vật trần thuật lẫn ngôn ngữ nhân vật tiểu thuyết đều nhắc đến cây tử trong *Truyện Kiều*, và luôn luôn nhắc đến trong một tâm cảnh u hoài :

câu 77 *Sắm sanh nếp tử xe châu.*
câu 1046 *Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*
câu 2235 *Đoái thương muôn dặm tử phần.*

Cụ Đào Duy Anh hiểu *tử* là cây thị trong *Từ điển Truyện Kiều*. Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim, Văn Hạc, Chiêm Văn Thị, Nguyễn Quảng Tuân không tìm cách đối chiếu ngôn ngữ mà chuyển âm nguyên văn là cây *tử*. Khoa thực vật học chứng tỏ cụ Đào không đúng. Cây tử có tên khoa học *Catalpa Kaempferi* S. et Z., *Catalpa ovata* G.Don; cây thị có tên khoa học *Diospyros decandra* Lour. Hai cây khác hẳn nhau. Catalpa là loài cây rất cao, trên 10 mét, thuộc họ *Bignoniaceae*, mọc ở Bắc Mỹ và Trung hoa, thay lá hàng năm, lá lớn hình tim, đầu xuân ra hoa hình loa kèn màu vàng nhạt lấm chấm đỏ tía tụ thành chùm nơi đầu cành, quả hình đũa dài 30 cm, đường kính 5 mm, chứa rất nhiều hạt. Diospyros thuộc họ *Ebenaceae*, chỉ cao vừa phải, chừng 5-6 mét, phiến lá hình trứng thuôn, nhỏ, hoa màu trắng, họp thành xim, quả tròn hơi dẹt, đường kính 3-5 cm, khi chín màu vàng, có mùi thơm. Thị được trồng khắp nơi ở Việt nam, chủ yếu để lấy quả ăn; trong khi cây tử được di thực sang châu Âu trồng làm cảnh. Khi chuyển các câu Kiều trên đây sang tiếng Pháp, Nguyễn Văn Vĩnh để nguyên là *(bois du) tử, tử et phần*. Xuân Phúc và Xuân Việt dịch là *catalpa, ormes et catalpas*, Nguyễn Khắc Viện (chắc là bất chước dịch giả người Pháp) cũng dịch y như vậy, Lê Xuân Thủy và Huỳnh Sanh Thông cũng chuyển dịch tương tự sang Anh ngữ (*catalpa, catalpas and elms)*. Như vậy, cây tử không phải cây thị và người Việt ở quốc ngoại có thể chiêm ngưỡng nó nơi công viên hay vườn bách thảo. Nó không có tên Việt ngữ.

Cây phù dung chỉ xuất hiện một lần trong *Truyện Kiều:*

câu 1160 *Một tay chôn biết mấy cành phù dung.*

Nhưng chúng ta còn gặp nó trong *Cung oán:*

Vẻ phù dung một đoá khoe tươi.

trong *Chinh phụ ngâm:*

Phù dung lại đã bên sông bơ sờ.

trong *Bích câu kỳ ngộ*:

Giải chăn thúy vũ, buông màn phù dung.

Theo Đào Duy Anh, phù dung tức cây sen. Theo Hoàng Xuân Hãn (*Bích câu kỳ ngộ*, phần *Tự-vị*, trang 154) thì phù dung có nghĩa chính là cây sen. Nhưng cụ Hoàng thêm nghĩa thứ hai: "cây thấy mọc thành bụi, lá

to, hoa nhiều, cánh to, thường màu đỏ đần đần thành tím(...) Hoa khá giống hình hoa sen, cho nên xưa gọi là mộc-phù-dung, hoặc mộc-liên." Phần cụ Đào thì bảo rằng phù dung không phải hoa phù dung của ta. Đúng ra thì phù dung là hoa phù dung của ta. Cả hai nhà biên khảo quá cố đều không biết rằng khái niệm phù dung trong văn chương hán nôm rất nhiều khi chỉ một loài dâm bụt (hay râm bụt). Nhiều từ điển (chẳng hạn *Chính Trung Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* hoặc *Thực vật học đại từ điển*)(2) có hình trình bày ở mục từ *(mộc) phù dung* ảnh cây dâm bụt, chỉ có điểm khác nhau là ở cây dâm bụt, nhị hoa dính liền nhau thành một ống dài mang bao phấn, còn ở hoa phù dung thì ống này ngắn hơn. Hiểu *phù dung* là hoa sen hay một loài hoa sen như Đào Duy Anh còn có các tác giả và cơ quan sau đây: Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim, Nguyễn Thạch Giang, Nhà Xuất bản Văn học. Chiêm Văn Thị chỉ ghi ở phần chú thích : "phù dung chỉ mỹ nhân". Văn Hạc Văn Hoè bảo phù dung là hoa phù dung, nếu là hoa sen tất không có cành. Ông Nguyễn Quảng Tuân, cả trong *Truyện Kiều* lẫn trong *Nguyễn Du toàn tập*, dựa vào *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* để chú giải rằng *phù dung* có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thảo phù dung* tức là một thứ hoa sen, loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức là *mộc liên*. Và ông cho in hình *mộc phù dung* theo tự điển dã dẫn bên cạnh hình *thảo phù dung*. Có điều ông đã lấy hình cây hoa sen ở mục từ *hà* (tr.1490) để "chú giải" là *thảo phù dung*. Chứ thực ra (*Chính Trung*) *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* không có hình *thảo phù dung* nơi mục từ *phù dung* mà chỉ có hình *(mộc) phù dung* với chú thích "phù dung đồ" [hình (cây) phù dung] trong khi hình được ông Nguyễn Quảng Tuân chú là *thảo phù dung* thì tự điển chú là "hà đồ" [hình (cây) sen]. Cây phù dung được chuyển sang tiếng Pháp tiếng Anh khá huê dạng: Huỳnh Sanh Thông: flowers, Lê Xuân Thủy: ephemeral flowers, Xuân Phúc: pivoine, Xuân Phúc et Xuân Việt: hibiscus, Nguyễn Khắc Viện: tendres rameaux. Điều đáng chú ý là Xuân Phúc năm 1986 dịch phù dung là pivoine thì một năm sau, ở ấn bản 1987, đã điều chỉnh lại là hibiscus. Vị học giả người Pháp mê văn nôm đã tìm ra chân lý! Câu thơ *Chinh phụ ngâm* có chữ phù dung được dịch sang Anh, Pháp ngữ như sau:

William D. Borrowes: *And the river banks are red with hibiscus flowers.*

Huỳnh Sanh Thông: *beside the river, roses fall to shreds.* (Chú thích: *roses = hibiscus flowers*).

Rewi Alley : *and the fallen plumblossom petals*
lie over the flowers on the river bank.

Lê Văn Chất: *Et déjà les ketmies fanées jonchent les berges.*

Tuân-Lý Huỳnh Khắc Dụng: *Et les ketmies-roses, empourpré les deux bords.*

Lê Thành Khôi: *Et le rose ketmie se fane au bord du fleuve.*

Như vậy, ngoại trừ Rewi Alley dịch chung chung, đa số dịch *phù dung* là *hibiscus* hoặc *(rose)-ketmie-(rose)*. Riêng Lê Thành Khôi ghi giống của chữ *ketmie* sai, nó giống cái. *Hibiscus* là loài của cây dâm bụt mà người miền Trung gọi là bông cẩn. *Ketmie* cũng là một giống dâm bụt. Tên khoa học đầy đủ của phù dung *là Hibiscus mutabilis* Linné, của ketmie là Hibiscus rosa-chinensis Linné. Về cây *Hibiscus mutabilis* L., Alfred Petelot mô tả trong *Les plantes médicinales du Cambodge, du Laos et du Vietnam* như sau: "(...) *Fleurs grandes et belles, simples ou doubles, blanches le matin, rose-pourprées le soir.(...)*". Cho nên trong chữ hán có khái niệm *tam sắc túy phù dung* vì hoa mới trổ màu trắng, rồi chuyển sang hồng, khi gần tàn thì đỏ. Một số bản *Chinh phụ ngâm (*Vân Bình Tôn Thất Lương, Nguyễn Huy, Huỳnh Khắc Dụng) nhấn mạnh ở phần chú thích đời sống một ngày của phù dung, như trong ca đao: *Phù dung sớm nở tối tàn.* Cây phù dung mọc hoang và được trồng nhiều nơi ở Việt nam để làm cảnh. Nó còn được trồng ở Trung hoa, Nhật bản, Ấn độ, Phi luật tân. Câu nguyên tác chữ hán của Đặng Trần Côn tương ứng với câu 132 chữ nôm bản *Chinh phụ ngâm* là *Lão mai giang thượng hựu phù dung.* Maurice Durand dịch thành *Les pruniers enneigés, au bord de la rivière, de nouveau voir fleurir les lotus.* Phù dung cũng xuất hiện trong thơ Nguyên Chẩn, Vương Duy đời Đường :

Phù dung chi nhục lục vân hoàn.

(Nguyên Chẩn. *Lưu Nguyễn thê)*

(Son tô màu hồng, tóc quấn màu biếc)

Tứ diện phù dung khai.

(Vương Duy. *Lâm hồ đình)*

(Phù dung nở bốn phía)

Trong số rất nhiều bản dịch thơ Vương Duy, tôi chỉ xin chọn hai bản dịch tiếng Pháp :

Wei-penn Chang et Lucien Drivod : *Tout autour fleurissent les lotus.*

Cheng Wing fun et Hervé Collet : *De toutes parts les lotus éclosent.*

Ngoài ra, bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị có đến ba câu thơ đề cập đến phù dung :

Phù dung trướng noãn độ xuân tiêu.

Thái Dịch phù dung Vị Ương liễu.

Phù dung như diện liễu như mi.

Phù dung trong các câu này có khi được dịch là *hibiscus* (Herbert G.Giles), là *hibiscus* hay *lotus* (Georgette Jaeger), là *nénuphar* (Paul Demiéville). Cuốn *Đường thi tam bách thủ dịch giải*, Trương Quốc Vinh trứ, cũng hiểu *phù dung* trong câu đầu là *hoa sen [phù dung trướng : đới hữu hà hoa đồ án đích trướng nữ* (người đẹp trong màn mang thắt lưng có hình hoa sen)]. Như vậy, *phù dung* chẳng phải luôn luôn là dâm bụt mà có khi trở thành hoa sen. Và đây là một trong hai nghĩa phổ thông của chữ *phù dung*, vì các từ điển chữ hán thường ghi ở mục từ *phù dung*: *liên (hà) dích biệt danh* nghĩa là tên riêng của hoa sen (*liên* và *hà* đều nghĩa là sen). Đó là lý do tại sao một số tác giả chú thích *Truyện Kiều* bảo rằng phù dung là hoa sen. Còn *phù dung* để chỉ nét mặt người đẹp thì có xuất xứ từ câu thơ Nguyên Chẩn kể trên (*nữ tử đích mỹ mạo, Từ Hải*); vì vậy Mathew's Chinese-English Dictionary ghi ở mục từ 1911 *phù*: the hibiscus, *phù dung diện*: a pretty face. Tuy nhiên trong câu thơ *Kiều* cũng như trong câu thơ *Chinh phụ*, *phù dung* không thể là hoa sen, vì sen chỉ có cuống lá, cuống hoa, không có cành. Vả lại sen nở hoa trong hồ, trong đầm, chứ không nở hoa trên sông hay bên sông. *Hibiscus mutabilis* Linné còn là một vị thuốc. Trong *Bản thảo cương mục*, Lý Thời Trân xếp nó vào *mộc bộ* (loài cây), *quán mộc loại* (giống mọc từng bụi). Lá và hoa được dùng chữa các chứng bệnh bì phu. Tóm lại, phù dung trong *Truyện Kiều* là một loài hoa dâm bụt. Đặc biệt thứ hoa dâm bụt chúng ta thấy trồng ở nước ngoài, có nhiều cánh hoa chồng chất như hoa hồng, mới là *phù dung* của *phù dung diện*, của *cành phù dung*.

Củ hẹ - người miền Trung gọi là nén - có tên chữ hán là *phỉ tử* (*tử* là củ). Mathew's Chinese-English Dictionary định nghĩa ở mục từ 1831 *phỉ* như sau: a kind of radish ố from this it gets the meaning of frugal, sparing, trifling or mean. Trong các siêu thị Đức, ở quầy rau quả, radish được bầy bán với tên Radieschen. Đó là một thực phẩm rẻ tiền, dễ mua, có thể ăn cả củ lẫn lá, đúng như ngày nào vị đại nho đời Tống Chu Hy chú thích *Kinh Thi*, chương *Bội phong*, thiên *Cốc phong* : rễ và cọng rau phong rau phỉ đều có thể ăn được, nhưng rễ lại có lúc ngon lúc dở khác nhau. Những chùm Radieschen nơi chợ búa nước người đã gợi ý cho tôi viết bài này. Nếu *hẹ* là *phỉ*, nếu *phỉ* là một loài *radish*, nếu *radish* là *Radieschen*, nếu *Radieschen* ăn được cả ngọn lẫn lá; thì phải chăng có thể có mối liên hệ gần gụi nào đó giữa *phỉ* của *Kinh Thi* cổ đại, của *Truyện Kiều* thân thuộc với *hẹ* của Việt ngữ, với *nén* của phương ngữ? Quá trình đối chiếu hai ngôn ngữ chủ yếu hình thành và cố định hai thao tác cơ bản là thao tác lựa chọn và thao tác kết hợp. Thao tác lựa chọn dựa trên khả năng của ngôn

ngữ qua đó các đơn vị ngôn ngữ có thể luân phiên cho nhau nhờ vào tính tương đồng giữa chúng. Thao tác kết hợp dựa trên khả năng khác của hoạt động ngôn ngữ khiến các yếu tố ngôn ngữ có thể đặt bên cạnh nhau nhờ vào mối quan hệ tương cận giữa chúng. Có vẻ có sự tương cận, tương đồng giữa *hẹ*, *phỉ* và *radish, Radieschen.*

Thói nhà băng tuyết, chất hằng phỉ phong.

Hai chữ *phỉ phong* trong câu thơ số 332 nàng Kiều dùng để tự mô tả gia cảnh được tất cả các cuốn *Truyện Kiều chú giải, khảo đính, chú thích, hiệu khảo* v.v..hiểu là rau phỉ rau phong. Khi chuyển sang Anh, Pháp ngữ thì *phỉ phong* hoặc bị gạt bỏ, không dịch (chỉ dịch ý, tránh dịch từ), hoặc được gọi tổng quát là *vegetables, turnip greens, herbes comestibles, herbes rustiques.* Riêng Nguyễn Văn Vĩnh còn chú thích thêm : "(...) que nous nõavons pu identifier encore". Và khi dịch trọn vẹn câu thơ có điển tích *phỉ phong* từ *Kinh Thi*, các dịch giả vận dụng ngôn ngữ Tây phương cũng thường dùng lối chuyển ý mà không trực dịch, chỉ riêng Couvreur áp dụng ngôn ngữ đối chiếu để ghi là *navet et radis.* Muốn "identifier" *phỉ* và *phong* như Nguyễn Văn Vĩnh, sợ e không làm được. Cuộc sống thời Nguyễn Du đã khác cuộc sống thời *Kinh Thi.* Con người thượng cổ nhìn thế giới, nhận thức bản thân, quan niệm cuộc sống theo cách thế riêng của họ. Cây rau ngọn cỏ quen thuộc của họ chỉ mới bắt đầu được thuần hoá, họ chưa có khả năng lai tạo nhiều giống mới. Đó cũng là lý do khiến các từ điển, tự điển hán-hán có in hình hoặc có ghi tên khoa học đều chịu thúc thủ, không có hình khắc hoạ cũng chẳng có tên La-tinh của cả *phỉ* lẫn *phong.* Trong trường hợp này, chỉ có thể dùng thao tác lựa chọn và thao tác kết hợp. Xuất phát từ điểm *phỉ* và *phong* là rau cỏ, củ và cọng đều có thể ăn được, xuất phát từ tên *phỉ tử* của củ hẹ, có lẽ có thể, qua đối chiếu ngôn ngữ hán-nôm / Trung văn-Việt ngữ, chuyển *phỉ* và *phong* thành *hẹ* và *kiệu.* Tất nhiên đây chỉ là một ý kiến đề nghị đối chiếu, không phải một lập luận phân loại thực vật.(3)

*

Tôi đã nhiều lần dựng xe đạp dưới những gốc cây catalpa trong công viên phía sau lưng bệnh viện tôi làm việc trước đây ở Bad Meinberg. Tôi đã nhiều lần mua những bó Radieschen ở chợ trời và ở siêu thị thành phố Bonn. Cảnh sống lưu vong khác trước nhiều nhưng những hình thức biểu hiện và những thể loại văn học của thời đại cũ vẫn được gìn giữ một cách dai dẳng trong ký ức, giữa khối từ vựng đang bắt buộc chuyển biến.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du khi nhắc đến cây mục túc :

Bàn vô mục túc toạ vô chiên.

(Nguyễn Trãi. *Ký hữu*)

Mục túc thu kiêu kim lặc mã.

(Nguyễn Du. *Đại nhân hý bút)*

đã chẳng thể nào có cơ may nhìn tận mắt cây mục túc như bản thân tôi khi đứng bên những cánh đồng xanh mướt trồng luzerne ở Detmold. Luzerne cũng mọc tràn lan trên đất Pháp nên trong *Le Comte de Monte-Cristo,* Alexandre Dumas có một chương sách nhan đề L'enclos à la luzerne.

Những cành hoa nở chi chít trắng xoá trên các cây cho trái abricot, trái prune đã khiến tôi hốt nhiên "đốn ngộ" để có thể khẳng định rằng các khái niệm *cành mai, quả mai, sân mai, lão mai v.v..* trong thơ cổ hán-nôm không hề liên hệ đến những cành mai chúng ta từng mua ở đường Nguyễn Huệ về nhà chưng trong dịp Tết.

Cảnh sợi hoa cây liễu bay ngập trời nơi xứ người gợi ý cho tôi suy ngẫm lại về nghĩa chữ *bông* trong *Nách tường bông liễu bay sang láng giềng* để đề xuất ý kiến *bông* ở đây là bông gòn chứ không phải bông hoa.

Nếu lưu vong có cái giá rất đắt của nó về phương diện tình cảm thì nó cũng có cái lợi "thực dụng" của nó về phương diện văn học.

12.08.2001

Chú Thích:

(1) Chữ này có nhiều cách phiên âm, nhóm biên soạn đã theo cách của *Khang Hi*.

(2) Trong nước, ông Nguyễn Quảng Tuân cũng lấy hình cá *hức* và cá *lư* từ cuốn tự điển thứ nhất để in trong *Chữ nghĩa Truyện Kiều* (tr.105) nhưng ông cho in nhầm tên cá *lư* vào hình cá *hức* và ngược lại, tên cá *hức* vào hình cá *lư*. Tuy nhiên trong Truyện Kiều do ông khảo đính và chú giải cũng như trong *Nguyễn Du toàn tập*, ông đã sửa chữa lầm lẫn này. Tương tự như vậy, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú giải, ông cho in hai hình chim đỗ quyên ở hai trang 104 và 174 khác hẳn nhau, nhưng khi *Nguyễn Du toàn tập* được phát hành, hai hình chim đỗ quyên ở hai trang giống nhau và cùng xuất xứ từ *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển*.

(3) Từ điển Mathew gọi phong là rape-turnip và cho biết một tên khác của loài rau này là *vu tinh* (*vu* nghĩa là hoang).

Kinh cầu hồn cho người còn đi đứng

LÊ CẦN SƠN

1.
Khi gã tu tế chối bỏ quan thầy của mình
Để chơi trò xập xí xập ngầu
Ảo thuật mà mắt lương dân
Bằng những lời dụ ngôn sơn dông mãi võ
Vườn địa đàng giờ nhìn hiu quạnh
Đàn rắn đã bỏ đi
Đem theo những hạt giống tai-vạ khô
Theo gã tu tế từ nam lên bắc
Lập lại y những lời của kẻ ngay lành
Bắt chước y những việc làm của người chân phước

Rồi một ngày
Gã tu tế trương lên bảng hiệu
Giống kẻ ngay lành và người chân phước
Đàn rắn vây quanh
Bắt đầu gieo những hạt tai-vạ khắp xóm khắp làng
Và, từ đó
Dân lành sống bằng lời tiên tri chia rẽ

2.
những con thiêu thân không được táng trong mồ
dùng lời minh xác cắm cọc chiếm đất giành dân
lúc đó kẻ lỗi đạo giả vờ đọc vội lời thánh
trên những tờ giấy trắng
lễ toàn thiêu bắt đầu
mùa hoa giấy nở rộ từ cụu ước
những con rắn mười đầu lộng hành
đem lửa đi khắp anh em
khiến kẻ ngay lành mỗi khi ra đường
phải một lần soi gương
xem sự trong sáng quả tim
có sa chước cám dỗ
trước khi nhập nhằng nói chuyện giữa đám đông

Hôm ngày lễ Mình và Máu Thánh
Gã tư tế đem chuyện lễ nghĩa liêm sỉ
Nói với lũ hổ bôn tế tác
Giữa cơn mưa ơi nồng mùa hạ
Tội nghiệp đám chiên lành
Đứng ngơ ngác trên những bậc thềm cỏ xí
Chờ mãi một Tin Mừng

Triết lý củ khoai

Tràm Cà Mâu

Năm học lớp Đệ Ngũ bậc trung học, tương đương với lớp tám bây giờ, một hôm thằng bạn nhỏ ngồi cạnh tôi thì thầm: "Tại sao trong tiểu thuyết, mỗi khi có hai người ôm nhau, thì tác giả có đề cập đến hạnh phúc? Hạnh phúc là cái gì mầy có biết không?". Tôi liền tay giơ tay rụt rè hỏi giáo sư đang dạy môn nghị luận luân lý: "Thưa thầy, hạnh phúc là cái gì?". Hỏi mà run lắm, vì lỡ ra hạnh phúc là chuyện bậy bạ, thì e lãnh phạt đủ. Thầy liền ra cho cả lớp một bài luận văn, bình giải câu: "May thay, ngoài hạnh phúc ra, đời còn có cái gì khác nữa." Thầy còn ghi chú thêm câu viết bằng nguyên văn tiếng Pháp để học trò có thể hiểu rõ hơn. Thầy giảng rằng, hạnh phúc như là cái bóng, mà mọi người trên thế gian nầy đều luôn luôn theo đuổi, cố chạy theo nhưng không bao giờ bắt gặp được cả. Bởi vậy, cho nên may mắn quá, cuộc đời nầy còn có nhiều thứ khác nữa, để bù đắp vào cái thiếu thốn hạnh phúc, mà con người như chẳng bao giờ tìm thấy, không bao giờ nắm được. Chúng tôi hiểu mập mờ rằng, hạnh phúc là cái gì đó xa lắm, là như thứ ảo ảnh, mà con người thế gian ai cũng mơ ước, quay quắt đi tìm, và chẳng bao giờ tìm thấy. Tôi thầm nghĩ, thầy bắt chúng tôi bình luận làm chi cái thứ không có và khó khăn, để thêm tốn giấy mực, tốn thì giờ. Thế là cả đám học trò nhi nhô đầu còn cắt tóc trọc, đau khổ nhăn nhó, nặn óc bình giải về hạnh phúc, cái thứ mà chúng mù mờ, chưa ý thức, chưa hiểu nổi vài ba phần trăm ý nghĩa. Thằng bạn ngồi sau lưng, thụi tôi hai cái đau điếng, để phạt cái tội hỏi thầy câu hỏi cắc cớ, làm cho cả lớp phải nhức đầu. Tôi biết tội, ngồi yên.

Tôi cứ yên chí là hạnh phúc không có thật trên đời nầy, và không tội gì uổng công tìm kiếm. Dù sách vở, thơ văn, có nói nhiều đến hạnh phúc, tôi e rằng đó là chuyện mơ mộng ao ước hão huyền, chuyện bánh vẽ của những người chuyên làm thơ văn.

Nhưng khi lớn lên, được đọc kinh Phật, kinh Thánh, và nhiều sách triết lý Âu Á như Khổng, Lão,Trang... và luôn cả kinh Koran và kinh đạo Bahai nữa, thì tôi tìm cho tôi được một triết lý đơn sơ, mộc mạc, là cái món hổ lốn vắt ra từ tinh túy của các triết lý khác. Tôi tạm gọi là " Triết Lý Củ Khoai". Vì nó đơn sơ như củ khoai, rẻ tiền, mộc mạc, và dễ tìm thấy như củ khoai trong đời nầy. Triết lý đó được đơm gọn lại trong một câu ngắn ngủi: " Nếu chỉ có một củ khoai thôi, thì hãy nướng nó cho thật thơm mà đớp". Ý nghĩa của câu đó cũ mèm, hình như ai cũng biết, và có nhiều câu nói tương tự. Cái triết lý đơn giản nầy giúp tôi thấy được rằng, hạnh phúc là cái rất cụ thể, rất gần gũi, bất cứ ai, và bất cứ lúc nào, cũng có thể tìm dược hạnh phúc rất dễ dàng. Ai cho rằng hạnh phúc là cái xa vời, thì vì họ chưa nắm hết phần tinh túy của các triết lý khác, hoặc chưa từng nghe một phần của triết lý củ khoai. Nhiều sách vở khác cũng có nói đến, nhưng người đọc vô tình hoặc cố ý làm ngơ, hoặc biết rất rõ nhưng chẳng bao giờ thực hành.

Năm 1975 tôi mang cái "triết lý củ khoai" vào nhà tù cộng sản. Cộng sản gạt rằng, đi học tập chính trị trong vòng một tháng, cho "thông suốt đường lối của cách mạng" rồi về. Nghe dễ quá, nên bà con miền Nam mắc bẫy. Trong tù, ai cũng nôn nóng, chờ " học tập" cho xong, mà về với vợ với con, vì việc nhà còn trăm chuyện lu bu lắm, cả tháng trời ai mà lo cho. Lo nhất là hai ba tuần đã qua rồi, mà chưa thấy bài vở, chưa thấy học tập chi cả. Không lẽ khóa học phải kéo dài thêm vài tuần? Trong tù, ngoài đau khổ vì thiếu tự do, còn bị cái đói hành hạ, cái lạnh cắt da thịt từng đêm và nỗi khó nhọc hàng ngày khi làm lao động tay chân không quen mà tình trạng sức khỏe thì quá suy yếu. Còn phải đau khổ tinh thần vì làm đi làm lại bản tự khai tự thú, phải tự bịa đặt tội lỗi gán cho mình, để được cái gọi là " thành tâm cải tạo". Nhưng nỗi mong chờ làm cho đám tù nhân phờ phạc mau hơn các nguyên nhân khác. Một hôm đi lao động bên ngoài vòng trại, có anh lượm được bản nháp bức thư của một lính cọng sản, trong đó viết cho cha mẹ ngoài Bắc rằng, dạo nầy con canh gác tù rất nhàn nhã, bọn chúng toàn cả cán bộ cao cấp ngụy quyền. Anh tái mặt và đem lá thư về cho vài người bạn xem, có người xem xong phát khóc vì biết mình đang ở tù chứ không phải học tập chi cả.

Phần tôi, sau một tháng chưa được về, tôi lờ mờ hiểu rằng "có cái gì không ổn dây". Tôi chuẩn bị tinh thần để đón nhận những gì không thể tránh được. Một hôm, sau buổi cơm chiều, tôi chỉ ngọn đồi bên kia nói với người bạn tù: "Cứ xem như đó là nơi chôn chúng ta khi tóc bạc lìa đời, và xem đây như là nơi chúng ta phải sống trọn đời còn lại. Hãy tìm và tạo

những niềm vui nhỏ nhoi nhất mà chúng ta có được ở nơi nầy. Rán tìm vui, buồn bã cũng vô ích, mà còn có hại cho sức khỏe." Nghe thế, người bạn tù của tôi gần khóc vì sợ. Tôi đem triết lý củ khoai ra giảng giải. Về sau, nhiều người bạn tù khác gai mắt bực tức vì thấy chúng tôi vẫn tỉnh khô, vẫn thản nhiên vui vẻ cười đùa như không phải đang ở tù, như không phải đang cực nhọc, thiếu thốn, đói khát. Mặc dầu sức khỏe của chúng tôi sút kém rất mau, gầy gò, răng vẩu, mắt sâu. Chúng tôi cứ xem những bữa ăn thiếu thốn kham khổ kia là cao lương mỹ vị, tận hưởng từng miếng nhai nuốt. Khi chúng tôi bắt được con nhái bén nhỏ, ướp chút muối, nướng cho thơm ngậy, tổ chức một bữa tiệc thưởng trăng, xé con nhái làm ba. Ba anh em tù bí mật ăn trong đêm tối bên hè nhà, nhìn trăng chênh chếch, cười với nhau sung sướng và ngâm nhỏ vài đoạn cổ thi. Ngoài những sinh hoạt công khai trong tù, chúng tôi còn tổ chức được các buổi văn nghệ bỏ túi, cấp tốc. Ba bốn tù nhân hẹn nhau ở đám cỏ cao bên cầu tiêu, một người canh chừng, mấy người kia hát " nhạc cũ" cho nhau nghe đỡ ghiền, sửa lại lời hát các bản nhạc của cộng sản, để châm biếm cười chơi. Anh nào làm được bài thơ đắc ý, đem ngâm nga cho bạn tù chia sẻ, thưởng thức.

Những khi đi lao động khổ sai như cuốc rẫy, khiêng đất, tôi và anh bạn, hai đứa hai đầu gánh nặng, vừa làm việc vừa đánh cờ tướng không bàn: " Pháo hai bình năm, mã bảy tấn sáu, mã hai tấn ba, xa một tấn một. vân vân." Mãi suy nghĩ để chuyển quân trong bàn cờ, chúng tôi quên cả nhọc nhằn, cả hôi hám, cả nắng cháy, và quên luôn thời gian. Buổi lao động nhọc nhằn qua đi lúc nào mà không hay. Chúng tôi chơi cờ không cao, nhưng chơi mãi rồi thành quen, không cần bàn, mà vẫn quần nhau từ sáng đến khuya. Cả những đêm học tập chính trị chán ngắt, chúng tôi ngồi như chăm chú lắm, không ai biết chúng tôi đang chơi cờ không bàn, đang dàn trận, bắt quân, dứ, chiếu, đang chống đỡ cho khỏi bị chiếu bí. Chúng tôi say sưa với trò chơi, chấp cán bộ cọng sản nói dai, nói dài, nói dở, nói đến khuya.

Chúng tôi còn tổ chức các cuộc đua kiến, đấu đế. Bắt đế bỏ vào hộp cho chúng "học tập cải tạo", cho chúng cắn nhau. Những con ngất ngư sắp chết, chúng tôi thả ra và nói: "Nhờ học tập tốt và thành tâm cải tạo, nhờ ý thức giác ngộ cách mạng cao, và nhờ chính sách khoan hồng của đảng và nhà nước, nay cho về đoàn tụ với gia đình." Chúng tôi nháy mắt cười với nhau. Chúng tôi tạo những cuộc giải trí nho nhỏ, những buổi văn nghệ bí mật để quên ngày tháng, và thấy lo buồn tan biến đâu cả. Phương châm của chúng tôi là " không", không mong ước, không hy vọng gì cả. Không hy vọng thì khỏi thất vọng. Không mong ước thì không bồn chồn

nôn nao. Khi thấy vài người bạn tù được thả - theo lối làm kiểng của cộng sản - các anh khác buồn tủi, đau đớn thất vọng cho thân phận của mình, thì chúng tôi vẫn bình tĩnh ngồi đánh cờ, chẳng xôn xao, chẳng bàn tán chi cả. Chúng tôi biết, chưa đến phiên mình, thì có bàn tán xôn xao, đoán mò, suy diễn lạc quan hay bi quan, thì chỉ thêm buồn khổ mà thôi . Gạt hết ra ngoài tai cho yên lòng.

Chúng tôi tập bình thản tâm trí, và luôn tìm cơ hội tận hưởng những thứ hạnh phúc nhỏ nhặt nhất mà chúng tôi có thể có được. Những khi có được một chậu nước nhỏ để tắm, chúng tôi cử hành cái lễ tắm, tận hưởng niềm sung sướng khi cảm giác của nước mát chảy trên da thịt, trên mình mẩy, trên tóc tai, và hạnh phúc đến rên lên thành tiếng. Nước tắm trong tù quý như nước cam lồ. Chúng tôi chia cho nhau vài cọng rau hái được, và cảm được sâu xa nỗi hạnh phúc có thêm một miếng ăn trong tù, tận hưởng cái khoái khẩu, an ủi với cái tình bạn chân tình, vì ai cũng đói. Đêm đêm trước khi ngủ, tôi nghe nhiều tiếng bạn tù thở dài não lòng ngao ngán. Có lẽ họ đang lo cho vợ con bên ngoài, giờ nầy không biết làm sao mà sinh sống, mà tồn tại trong một xã hội đổi thay từ gốc rễ. Tôi biết rõ, ở trong tù lo ra cho bên ngoài, ở bên ngoài lo vào cho trong tù. Không có ích chi, cũng không giải quyết được việc gì. Không lo cho vợ con bên ngoài, không phải là vô tình bạc nghĩa, mà chỉ là không làm cái việc vô ích mà thôi. Để tránh suy nghĩ và lo âu, mỗi khi vào giường, tôi tìm cách giải một bàn cờ thế, hay làm vài ba câu thơ, cũng có khi ôn lại những kỷ niệm đẹp đẽ êm đềm trong quá khứ mà thấy lâng lâng, hoặc ôn lại các chuyện tiếu lâm mà cười một mình trong bóng tối. Nhờ thế mà ngủ thiếp đi rất mau.

Chúng tôi tập coi thường những nhọc nhằn, khó khăn và đau đớn thể xác. Chấp nhận định mệnh khắt khe mà không cầu than van. Tinh thần chúng tôi vững mạnh, sáng suốt. Chúng tôi cố gắng ý thức và hưởng thụ những hạnh phúc rất nhỏ từng ngày, từng giờ, từng phút, mà ít người cảm nhận. Triết lý củ khoai đã giúp tôi qua được những tháng ngày tù đày không quá nặng nề, khó chịu từ tinh thần đến vật chất.

Khi ra khỏi tù, sống trong chế độ cộng sản, người người cơ cực, thiếu thốn, sầu thảm, tinh thần bị đe dọa, sinh hoạt bị dòm ngó, rình mò. Trong cái giòng xã hội đó, chúng tôi cùng chung thân phận. Thân phận chúng tôi còn bạc bẽo, yếu kém hơn, thứ phó thường dân bên lề "xã hội chủ nghĩa tiên tiến". Nhưng nhờ triết lý củ khoai, tôi vẫn tìm được hạnh phúc từng ngày. Hạnh phúc của mỗi sáng đậy sớm, pha một chén trà nóng, uống vào lòng ấm áp, ngâm vài câu thơ, vặn đài phát thanh BBC, VOA nghe nho nhỏ. Để biết biến chuyển quốc tế, tin tức quốc nội mà cộng sản

cố tình bưng bít, ngăn chặn, che giấu. Hạnh phúc khi trao đổi tin tức quốc tế, quốc nội với bạn bè, bà con và ước đoán tình hình. Hạnh phúc nhất là cởi trần nằm phơi gió hây hây ngoài công trường, có khi ngủ tới hai ba giờ chiều mới thức dậy. Tôi đem cái triết lý thô sơ đó truyền bá cho vài anh em thân thiết, và khen xã hội cộng sản đã đem đến cho con người sự làm biếng vô cùng tận. Làm biếng cũng là một hình thức hạnh phúc nho nhỏ. Thật lạ lùng, nhà nước cho đến cán bộ to nhỏ, miệng ai cũng lớn lối đại ngôn ca ngợi lao động siêng năng cần mẫn, mà tất cả mọi người đều biếng nhác, tà tà. Đúng là cha chung không ai khóc. Trong xã hội cộng sản, con người không được sống yên ổn, nay chính sách nầy, mai chính sách khác, thay đổi lung tung, chẳng ai hoạch định cho đời sống riêng mình được cả. Chúng tôi vẫn tìm được nhiều hạnh phúc trong châm ngôn "không ước mơ, không hy vọng". Phải dập tắt mọi ước mơ, mọi hy vọng để mà sống, nghe thì như vô lý, nhưng thực vậy. Cứ thuận theo giòng khổ đau mà trôi nổi với tinh thần sáng suốt. Không than van, không kể lể, không bi ai. Khi có cơ hội bắt được niềm vui thì cứ tận hưởng hết mình chút hạnh phúc đang có. Chấp nhận nhưng không buông xuôi cho số mệnh. Tìm lối thoát với tinh thần nhẹ nhàng, lạc quan, sáng suốt.

Khi leo lên chiếc thuyền nhỏ bé để tìm đường đào thoát ra khỏi vòng tay cộng sản, chúng tôi cứ tự nghĩ như mình đang đi du lịch. Đề phòng tối đa, nhưng không quá nhiều lo âu sợ sệt. Cũng có sợ, nhưng sợ ở một mức độ nhẹ nhàng, đến nỗi đôi lúc còn cảm thấy thản nhiên và sung sướng, vì biết mình đang trên con đường đào thoát. Có gì mà lo? Nếu bị bắt thì ở tù lại, mà ở tù lâu thì tìm cách vượt ngục. Chiếc thuyền nhỏ đi từ bến sông Sài Gòn về miền Tây, ra cửa Ghềnh Hào. Trên đường đi, chúng tôi gặp nhiều trạm kiểm soát bắn súng kêu vào xét hỏi giấy tờ. Thấy chúng tôi vui vẻ, bình tĩnh quá, công an cộng sản không ngờ chúng tôi đi vượt biên. Như những kẻ ham chơi, chúng tôi thoát ra được hải phận quốc tế. Thuyền chết máy giữa biển mênh mông nhiều ngày, nhưng sao trong lòng chúng tôi vẫn thấy vui, và còn cảm ơn Trời Phật đã giúp chúng tôi thoát được bàn tay cộng sản độc ác. Có chết cũng vui, thỏa nguyện. Được chết giữa biển trời tự do. Chúng tôi vẫn kể chuyện tiếu lâm, cười đùa và có khi còn cùng nhau ca hát.

Khi may mắn đến được trại tị nạn, thiên hạ ai cũng nóng lòng, ăn không ngon, ở không yên, mong được đi định cư sớm. Họ cứ đưa ra giả thuyết nầy, giả thuyết kia để tự gây nên nỗi lo lắng cho chính họ và cho bà con chung quanh. Lo lắng về một bệnh dịch có thể phát ra, và phái đoàn Liên Hiệp Quốc sẽ không đám đến phỏng vấn. Lo lắng quốc tế thay đổi chính sách tị nạn. Họ lo để mà lo, không có đường lối và phương sách giải

quyết các mối lo âu đó. Tôi bảo họ: "Hãy xem những ngày tháng nầy như đi cắm trại nghỉ hè dài hạn bên bờ biển, cơm nước có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc nuôi báo cô, chỉ cần cái xà lỏn thôi là đủ lịch sự như mọi người, cứ vui vẻ nhẫn nại chờ ngày đi định cư". Không ai nghe lời tôi, ngày ngày họ họp nhau bàn tán, uyên bác suy diễn, bày đặt dủ tin đồn để gây cho nhau lo âu thêm, rồi đêm về mất ngủ thở dài thở ngắn. Phần tôi, thì lên đồi mắc võng nằm ngủ mơ màng trong gió hiu hiu, thưởng thức tiếng chim ca, nhìn đám mây mỏng lơ lửng bay qua bầu trời xanh, khi nóng thì nhào xuống biển nô giỡn với sóng nước mát dượi, rồi nằm dài trên cát. Chán thì chơi vài ván cờ tướng, nằm nghe nhạc "chùa" vẳng từ các lều lân cận có máy hát. Buổi chiều về chòi, ăn một bụng no, uống ly trà, họp bạn bè, kể chuyện tiếu lâm, vui cười vang rân. Đêm nhóm vài cành thông khô đốt lửa ngồi quanh nhắc chuyện Việt Nam, chuyện cổ tích, chuyện vui lạ trong đời mỗi người. Nhiều người ngứa cổ, ca hát, ngâm thơ, cuộc vui kéo dài mãi đến khuya như một thời thanh bình nào đó ngồi bên lửa trại. Tôi thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng thanh thản. Không bận tâm lo âu sinh kế, thì giờ tự do không ai bó buộc, không có chuyện khẩn cấp phải làm, không ưu tư về tiền bạc, trong túi không có một xu, không bị công an dòm ngó, đe dọa, khủng bố, và không có bổn phận, trách nhiệm gì cả. Thảnh thơi, vui thú. Cuộc dời có lẽ chưa bao giờ có dược những ngày tháng thần tiên như vậy. Sẵn đó, mà có mấy ai cảm nhận được? Một anh bạn trẻ đã nghe lọt tai cái triết lý củ khoai, đã cùng tôi gọi cái đảo tị nạn là miền dất thần tiên vô ưu. Nhưng với đa số, thì họ gọi dảo nầy là "Buồn Lo Bi Đát" đọc trại ra từ tên đảo là Pulau Bidong, họ cho là nơi chật chội, thiếu thốn, nóng nực, chờ mong, khổ sở, lo lắng. Tôi khó truyền bá cái triết lý củ khoai ra rộng rãi, vì người nghe sẽ cho tôi là thằng khùng. Không ai tin câu nói của tôi rằng: "Dù có nóng lòng lo âu đến mấy, cũng không thể đi định cư sớm hơn một phút, mà dù tà tà vô lo đến đâu, cũng không chậm đi định cư hơn nửa giờ." Tôi xem thời gian tại trại tị nạn như nửa năm đi cắm trại, còn sướng hơn là đi cắm trại. Trở về với thiên nhiên, quần xà lỏn, ở trần, đi chân đất, ngủ gốc cây, nằm trên cát biển, không lo âu sinh kế, và trong túi không có một đồng xu, mà cũng chẳng cần tiền bạc làm chi. Tôi chắc chắn trăm phần rằng, tôi là người sung sướng nhất đảo, vì tôi nhìn thấy được điều sung sướng, tôi cảm nhận được cái hạnh phúc to lớn thực sự tôi đang có. Còn đa số thì không thấy, không cảm được.

Tôi đến Mỹ, lang thang đi tìm việc, lội tuyết ngập nửa ống chân, rã cẳng, gió buốt lạnh cắt da thịt. Trong lòng vẫn vui, vẫn sung sướng, vì biết mình là kẻ may mắn, đang sống đời tự do. Đa số bà con bạn bè giờ

nầy đang khắc khoải sống trong áp bức, xiềng xích gông cùm của cộng sản. Nhiều bạn bè đã ra đi, nhưng không đến, đã chết giữa biển khơi,chết trong rừng sâu, bị bắt bớ tù đày, hành hạ. Biết bao nhiêu triệu kẻ mong được lội băo tuyết đi tìm việc như tôi mà không được. Tôi may mắn thế nầy, thế thì sao mà lòng không rộn rã niềm vui, ca hát cùng gió, cùng tuyết, cùng đất trời trắng phau phau.

Nhờ xông xáo, chỉ hơn mười ngày sau khi đến Mỹ, tôi tìm được một chân phụ bếp trong tiệm ăn Tàu. Làm việc hơn 15 tiếng mỗi ngày, làm không ngơi nghỉ. Cắt rau, gọt khoai, chặt thịt, xẻ cá, lạng tôm, chùi nồi, rửa bát, lau nhà, liền tay liền chân suốt ngày từ sáng sớm cho đến khuya mịt. Di chuyển, nhảy nhót trong cái khu bếp sực nức mùi đầu ăn, tôi nghĩ có lẽ những cao thủ võ lâm khổ luyện bí kíp chờ ngày xuống núi tranh hùng trong các tiểu thuyết kiếm hiệp, cũng chuyên cần đến thế mà thôi. Trong lòng tôi cũng tràn ngập vui sướng, hạnh phúc, vì mới đến miền đất lạ chưa được bao lâu, mà đã tự lập và sinh sống được. Tôi cũng tự phục mình, suốt đời ngồi văn phòng, mà thích nghi được việc lao động rất dễ dàng. Ông chủ tiệm rất bằng lòng cái vui vẻ, yêu đời, chăm chỉ của tôi. Một khuya trên đường về, tuyết phủ mênh mông, băng qua công viên tối, tôi trượt chân té ngửa nằm dài. Nhìn lên trời thấy trăng vằng vặc sáng với ngàn sao long lanh. Tôi thấy trời đất đẹp quá, cuộc đời đáng yêu vô cùng, và thân thể khoan khoái vì cái xương sống được nằm trong thế nghỉ ngơi sau hơn mười mấy giờ lao động tay chân. Bao nhiêu mệt nhọc trong thân thể như chảy loãng tan biến, chạy thấm vào nền tuyết sau lưng. Tôi nằm yên rất lâu ngắm trăng, và ngâm vài câu cổ thi ca ngợi trăng sao. Giá như có ai thấy được cảnh nầy, chắc họ tưởng tôi điên khùng. Cái lần té nầy, làm tôi bong gân, không đi được, phải nghỉ làm, nhờ đó mà tôi có thì giờ, tìm ra được một công việc trong nghề cũ.

Khi đi làm việc, đôi khi gặp những cấp chỉ huy dốt nát, hoặc đồng sự kém cỏi mà lương cao hơn mình, tôi không lấy đó làm điều bất mãn, thắc mắc như nhiều người khác. Vì công ty thì của tư nhân, họ muốn thuê ai, giỏi dốt, trả lương cao thấp là quyền của họ. Mình chấp nhận làm việc, thì rán làm tròn bổn phận của mình, làm tốt tối đa. Nếu không bằng lòng với đồng lương, thì cứ tìm nơi khác khá hơn. Vả lại, đất nước của họ, thì ưu tiên chút đỉnh dành cho họ là phải. Mình ganh tị thì hóa ra là kẻ không biết điều. Tổ tiên họ đã đổ xương máu ra khai phá, để bị đâm chết, lột da đầu, bệnh hoạn. Biết bao nhiêu thế hệ đã đóng thuế, xây dựng nên những tiện nghi ngày hôm nay. Mình là kẻ may mắn nhảy xổm vào chia phần. Thì cũng cứ vui mà hưởng cái phần chưa được hoàn toàn bình đẳng đang có.

Qua những cảm nhận, so sánh hàng ngày, tôi dễ dàng tìm được cho mình cái hạnh phúc của tâm hồn yên ổn. Ở sở, tôi gắng tạo cho mình một môi trường vui vẻ, thân thiện, cởi mở. Để cảm thấy tám giờ trong ngày là thời gian dễ chịu, vui, hạnh phúc, chứ không phải là thời gian "đi cày" khổ nhọc như nhiều người quan niệm. Mình chấp nhận công việc để được lãnh lương, thì để trả lại, rán sức làm việc. Tập yêu thích công việc, làm việc với tinh thần vui vẻ, dù công việc có lập đi lập lại nhàm chán, thì cứ nghĩ rằng sướng quá, công việc quen tay, dễ dàng, khỏi phải suy nghĩ nhiều, khỏi phải lo âu sợ làm sai, khỏi phải nản nỉ hỏi ai. Cứ yên tâm mà làm tới. Thế thì không phải sung sướng, hạnh phúc sao? Biến cái văn phòng của sở làm, thành một nơi ấm cúng, vui vẻ, yêu thích, thì đời mình có giá trị, hạnh phúc phong phú hơn nhiều. Những khi gặp khó khăn trắc trở, gặp những thay đổi bất thuận lợi, tôi cứ bình tĩnh chấp nhận chuyện không may, và tự bảo rằng, cuộc đời nầy như một chuỗi kết hợp giữa cái may mắn và xui xẻo, giữa hạnh phúc và đau khổ, giữa thuận lợi và trắc trở. Thì cứ từ từ mà giải quyết, sẵn sàng chấp nhận cái kết quả xấu nhất. Thế là yên tâm, và đôi khi cũng nhờ cái yên tâm, mà công việc được thuận buồm xuôi mái hơn.

Sống ở đất nước lạ, lòng hoài hương làm nhiều người thương nhớ không nguôi, làm đau nhức con tim. Tôi biến tình cảm đó thành một thứ an ủi dịu dàng, một thứ hạnh phúc êm đềm khi nhận được thư nhà, thư bạn bè. Những giúp đỡ nho nhỏ cho người cùng khổ bên quê nhà là một thứ an ủi cho những giây phút mệt nhọc khó khăn trong công việc nơi quê người.

Những buổi sáng, khi chuông đồng hồ rền rỉ đánh thức dậy đi làm, nhất là những sáng thứ hai ngày mùa đông rét mướt tối tăm, nhiều người cảm thấy quá mệt nhọc, quá khó chịu, và họ "giả như" hôm nay được nghỉ thì sướng vô cùng. Còn tôi, thì mỗi sáng thức dậy với tràn ngập niềm vui, biết hôm nay ta sống thêm một ngày trong thế giới tự do, hôm nay ta còn công ăn việc làm, chưa thất nghiệp. Thế thì lòng đã phơi phới, sá chi đông giá lạnh lẽo tối tăm. Con đường đi đến sở, nhạc trong xe dịu dàng rải rắc khắp không gian. Có lần tôi bị thất nghiệp, buổi sáng thức dậy, tận sâu thẳm trong lòng tôi vẫn lâng lâng niềm hạnh phúc lạ kỳ, với ý nghĩ rằng, nhờ thất nghiệp mà còn được ngủ nướng, muộn màng, nằm dã dượi, nhìn nắng ấm dịu dàng len qua song, trải lên chiếu giường. Chốc nữa, sẽ nằm đọc truyện, uống trà, nghe nhạc cổ điển êm dịu. Chiều đi câu bên hồ. Tối nay thức khuya xem phim muộn về đêm, khỏi phải sợ ngủ gục trong sở. Việc chi mà quá lo âu về kinh tế gia đình, khéo co giãn nhu cầu theo hoàn cảnh, thì không việc gì phải lo. Vả lại, công việc làm, thì cửa nầy

đóng, cửa kia sẽ mở, đâu đến nỗi chết đói mà sợ.

Nhiều người hỏi tôi sao không mua nhà để được trừ thuế mà cứ sống trong nhà thuê chật chội. Tôi trả lời là tôi đang mua hạnh phúc. Hạnh phúc mua được rẻ hơn tiền đóng thuế. Mua cái nhà khi chưa vững chắc về tài chánh là mua cả khối lo lắng lớn lao vào thân, làm mất đi cái an bình quý báu của cuộc sống. Nhiều người, vì mua nhà, sợ mất việc, cho nên hèn cả con người. Khi tôi đủ sức mua nhà mà không phải lo âu vì nợ nần, thì cũng có nhiều bạn bè bà con hỏi, sao dư khả năng để mua những căn nhà lớn hơn, khu sang trọng hơn, mà lại mua căn nhà nhỏ. Tôi nói với họ là tôi không có nhu cầu sang trọng, căn nhà nhỏ cũng đủ cho gia đình tôi trú ngụ yên ấm. Nhà càng lớn, càng phải chăm sóc, quét tước, chùi dọn nhiều, sửa chữa nhiều, mất thì giờ hưởng thụ những thú vui khác của cuộc đời. Lại nợ nần nhiều thêm lo lắng, có hại đến hạnh phúc bình thường. Căn nhà nhỏ của chúng tôi, nếu chẳng may cả hai vợ chồng thất nghiệp, cũng chẳng có chút bối rối nào. Có thể, tôi không khôn ngoan trên nhãn quan kinh tế, nhưng tôi chắc chắn không sai lầm chút nào trên quan điểm hạnh phúc nhân sinh. Vợ chồng chúng tôi thường nói với nhau, nếu bây giờ có thêm vài triệu đồng tiền mặt, thì có lẽ đời sống chúng tôi cũng chẳng thay đổi gì hơn. Cũng không ăn được nhiều hơn một miếng, cũng không ngủ được một lúc hai giường. Thức ăn thì bò, heo, gà, tôm, cua, cá, rau cải, bất cứ thứ nào cũng thừa khả năng mua. Không cần phải giàu lắm mới mua được. Ngồi ăn trong nhà hàng sang trọng đắt tiền, chắc chi ngon miệng hơn ngồi chồm hổm bên góc đường húp riêu.

Vợ tôi thường trách tôi bạn bè quá đông, bạn tốt cũng đông mà bạn xấu cũng đông. Tôi thì thấy không ai hoàn toàn tốt, mà cũng không ai hoàn toàn xấu. Đã là con người thì có xấu tốt lẫn lộn. Chơi với bạn thì chỉ nên nhìn vào cái tốt bạn có, đừng để ý đến cái xấu. Ngay cả bản thân mình, cũng đầy cả nết hư tật xấu mà chưa chừa được. Chắc chắn, cũng không ít người chê bai sau lưng mình, nhạo báng mình, mà mình không biết đó thôi. Nếu họ có chê trách mình, thì họ cũng đúng phần nào dưới nhãn quan của họ. Bởi vậy, tôi thường để vài giờ tự chế giễu mình, ghi lên giấy những lố lăng, những kỳ cục, những khả ố của mình. Để mình thấy rõ mà tha thứ cho cho mình, tha thứ cho người khác dễ dàng hơn.

Thế mà người gần gũi tôi nhất, thân thiết nhất, là vợ tôi, thường chống báng cái triết lý củ khoai nhiều nhất. Nhưng nàng đâu hiểu, những hạnh phúc bình thường tràn đầy mà gia đình tôi thực sự có được, cũng nhờ cái triết lý củ khoai ấy. Thường thường ít ai thấy và cảm được những hạnh phúc mà họ đang có, chỉ khi mất đi rồi, mới nhận chân ra, và chép miệng tiếc thương. Nhiều khi vợ tôi làm những điều không phải, nói những lời

Xóm

HUỲNH LIỄU NGẠN

Có những ngày hôm
xa nhà
cả ngàn vạn dặm
đất quê thổi mùi đồng
rạ
lên chân đê.

Rồi tôi nhớ
bằng con mắt dợi lũ
mục đồng
về qua xóm.

Thương một đời bên
chái rạ
em không đi đâu xa
khỏi mái đình làng
bốn mùa
áo vá lưng vai.

khinh bạc, tôi không nổi giận la hét làm dữ như những người khác. Tôi thầm bảo, nhiều người đàn bà còn tệ hơn vợ mình cả trăm lần, mình phải chấp nhận cái tương đối để vui sống. Vả lại, mình có hoàn toàn đâu mà buộc người phối ngẫu của mình phải hoàn toàn. Thế là mọi sự đều qua.

Điều tôi thường hay nghĩ đến là *nếu*. Nếu tất cả sự thực hôm nay là giấc mộng, sáng mai thức giấc, thấy mình đang còn nằm trong nhà tù cộng sản, thì thật có nhiều điều điều đáng ân hận và tiếc. Và nếu đời là một giấc mơ, thì sao chúng ta không mơ cho thật đẹp.

Những cây bông trắng

Ngụ Thuyết

Gởi Cao Huy Thuần, Nguyễn Đình Sơn

Người đàn bà trẻ tuổi ngồi ở băng ghế trước mặt tôi, phía bên trái, sát với cửa kính xe, nói với người đàn ông ngồi cạnh bằng tiếng Việt Nam, giọng Huế:

"Ô, ô, dẹp quá anh ơi! Đẹp quá anh! Thấy không, ngồi xe cao như ri mới thấy được hết. Đẹp lắm! Mà chán cái ông anh của tui chưa, hễ lên xe là ngủ như chết."

Câu nói lạc lõng trên một chiếc xe đầy hành khách mà hầu hết không phải là người Việt Nam. Nhưng tôi nghe kỹ. Những dấu sắc biến thành dấu nặng, dấu nặng biến thành dấu huyền, không dấu biến thành dấu sắc, giọng Huế của người đàn bà lâu ngày tôi mới được nghe thu hút sự chú ý của tôi ngay. Nó nhè nhẹ, âm ấm, thân yêu, nũng nịu, như những tiếng, những lời tôi từng được nghe, đã lâu lắm. Bây giờ tôi thử tiếp tục lắng nghe lại từng hơi thở nhẹ này, từng âm thanh thoát ra từ chiếc cổ trắng và xinh này, và cái gáy trên đó tôi thử chăm chú nhìn những nhú tóc ngắn trông như những chùm lá thon bị che một phần bởi chiếc khăn voan mỏng quấn hờ, và những sợi tóc mai dài màu râu ngô mảnh như tơ dán lên hai bên má mịn màng ẩm ẩm mồ hôi. Sao mà giống thế! Vâng, trong xe nóng dù bên ngoài tháng sáu đầu mùa hè thời tiết vẫn còn mát mẻ do những cơn gió lồng lộng bay đến từ những đỉnh núi xa tuyết phủ. Mình lại nghe lén, nhìn trộm, không thấy xấu hả, tôi tự bảo tôi. Nhưng lần này tôi không cưỡng được thói xấu đó. Tại sao vậy?

Có lẽ sực nhớ ngay ghế sau của mình có một người Việt có thể nghe được mình nếu hắn không ngủ gà ngủ gật như anh chàng ngồi cạnh, mà quả hắn đang chú tâm theo dõi, người đàn bà vội quay đầu nhìn lui, hơi ngượng, đôi má có lớp phấn hồng mỏng đỏ thêm lên đôi chút, nói chữa

thẹn :

"Dạ, dạ, à mà... có phải dúng như rứa không ông? Cảnh dẹp như ri mà người ta cứ ngủ li bì hoài không thưởng thức chi dược cả, ngó hiện ngụy không? "

Lại cái giọng thân mật ấy, như thể cô ta và tôi đã quen nhau từ lâu. Tôi đáp bằng một nụ cười, có lẽ là một nụ cười vô duyên nhất và không đúng lúc chút nào cả, và bằng một cái nhìn dài đồợng ý, một cái nhìn cũng lệch lạc. Hơi chau mày, người đàn bà vội vàng quay đầu lại dằng trước, nhìn mông ra ngoài, vẻ mặt lạnh lùng. A, thế là không sòng phẳng rồi. Hỏi thì tôi đáp, dù đáp dở hay hay, sao lại có thái độ như thế? Phật ý một cách dễ dàng vậy à? Hay làm bộ lập nghiêm? Nhưng quả thật tôi không muốn lợi dụng thời cơ lúc người đàn ông mải ngủ để sàm sỡ với người đàn bà. Mà người đàn ông dó có quan hệ gì với người đàn bà kia? Là "cái ông anh của tui"? Chắc chắn không phải rồi. Nói với anh dâu có cái giọng đó. Là bạn trai? Người yêu? Chồng? Tôi lại vớ vẩn! Là gì đi nữa cũng là chuyện riêng của người ta, thắc mắc làm chi, bận tâm làm chi. Nếu có muốn bận tâm thì cứ bận tâm vì giọng nói thủ thỉ đầy trìu mến của người ta lâu ngày tôi mới dược nghe lại, dù người ta không dịnh nói cho tôi nghe, giọng nói đã kéo tôi về một quá khứ nào đó. Và cũng hãy cứ bận tâm thêm vì những cây bông trắng đã gây chấn động bất ngờ nơi tôi.

*

Chiếc xe buýt cao, lớn, và dài, có hai tầng, tầng dưới chất đầy hành lý của chuyến đi xa, tầng trên chở trên 50 hành khách, vừa chạy trờ đến một quãng đường cong, hẹp. Xe giảm tốc độ, tôi nhìn thấy rõ con suối nhỏ nước trong veo chạy song song một đoạn với chúng tôi rồi bẻ ngoặt qua bên phải lòn qua một cái cống rồi lại xuất hiện phía bên kia đường. Hai bên bờ suối cỏ xanh mướt, dăm ba lùm cây không tên, thấp thoáng bông trắng. Nắng tràn vào đột ngột qua lớp cửa kính lớn đóng kín bưng. <f1>ừ nhỉ, tại sao người ta không nghĩ đến chuyện mở cửa kính cho không khí vào, cho nắng sưởi ấm mà cứ khi thì mở máy lạnh, khi thì mở máy sưởi, trên chuyến đi dài qua nhiều vùng, nhiều biên giới, nhiều nước, và nhiều loại thời tiết như thế này? Nắng vàng chiếu nghiêng nghiêng, không gian thủy tinh trong suốt.

Chỉ mấy phút trước đó, bên kia ngọn đồi nhỏ, trời mây nhàn nhạt, mưa hạt nhỏ như sương mù, nước đọng lấm tấm vào kính xe không đủ làm thành dòng chảy xuống, mưa như những cơn mưa phùn không đủ làm ướt sân ga một lần tôi về nhìn lại quê nhà trước khi bỏ nước ra đi. Tôi

nhìn mưa, lòng trống rỗng. Bỗng tôi chợt thấy những cụm bông trắng ẩn hiện trong đám lá xanh ướt loang loáng. Tim tôi nhói lên một cái. Tôi cố tập trung nhìn kỹ, nhưng xe vượt lên nhanh quá, tôi không còn thấy chúng nó nữa ngoại trừ những lùm cây dứt quãng gồm nhiều thứ cây tôi không biết tên mọc dài dài ven xa lộ. Tôi hồi hộp chờ những lùm cây phía đằng trước trong đó tôi hy vọng rằng sẽ có những cây bông trắng khác. Vâng, may thay, những cụm bông trắng lại xuất hiện đây đó chen lẫn trong đám lá, đu đưa trong gió, trong mưa. Chiếc xe cứ mải miết chạy, tôi nhìn lui, những bông trắng nhìn theo, rồi mất dạng. Cứ thế lặp đi lặp lại trên đường dài. Đúng rồi, đúng là cùng một loại cây bông trắng đó, tôi nói thầm, nhưng trông nó to hơn, cao hơn. Hay cũng có thể là thứ cây khác. Xe cứ chạy liên miên như thế này mình làm sao nhìn kỹ được cái gì. Thì muốn chắc, mình hãy mượn ống vi âm của cô hướng dẫn viên du lịch để được nói vài lời với tất cả hành khách rằng xin quý vị thông cảm đồng ý cho xe dừng lại trong chốc lát cho tôi được nhảy xuống đường chạy tới những cây bông trắng nhìn cho rõ hơn. Giá mà tôi có đủ lì lợm để có thể làm phiền người ta như thế!

Trời đất một màu u ám, lòng tôi ảm đạm. Tại sao vậy? Tại vì mưa? Không, tôi đã trải qua biết bao cơn mưa ở xứ người kể từ ngày tôi xa quê hương. Mưa hiếm hoi ở Cali, mưa dai dẳng ở vùng Portland, Seattle, mưa và tuyết của Toronto hay Montreal. Thì trời cứ việc mưa, tôi cứ việc quay kín kính xe, vặn nhanh cái gạt nước, mở to mắt nhìn cho rõ con đường mưa trước mặt. Lòng bình thản, dửng dưng. Thế mà bây giờ... Tự nhiên đâu óc cứ nghĩ ngợi lôi thôi, nhớ những cơn mưa của những ngày mới lớn, bơ vơ, một mình nghe mưa rào rào trong vườn chuối, buồn buồn trên mái nhà, âm thầm trên đường phố. Trắng cả dòng sông, mờ cả núi non. Nghe nỗi nhớ đi về cùng với tiếng thủ thỉ của tình yêu không dệt bằng gấm bằng hoa mà bằng hoang mang và cô đơn. Và những ngày thơ ấu cũng lần lượt hiện lên như trong một đoạn phim chiếu lại có tiếng cười trong veo, có đôi mắt sáng ngời, có tấm lòng ngây dại, và có những cơn mưa như pha lê mưa lên những bụi cây bông trắng mọc bên bờ suối sau nhà, bông trắng rung rung, nghiêng ngã, đám lá xanh ướt át nhỏ giọt ngắn giọt dài xuống dòng nước nổi bong bóng. Ngồi bên cửa sổ nhìn mưa, chú bé nôn nao chờ con chim sâu mới làm tổ trong một bụi cây bông trắng thế nào cũng phải bay ra. Mưa thế này mà không chịu bay đi tìm chỗ trú ở nơi khác sẽ ướt hết cả sao. Chú bé bây giờ thương xót con chim trong khi hôm qua và ngày mai vẫn hăm hở nhắm vào những cái ngực lông mượt trắng giương ná bắn. Những con chim sâu, chim sẻ, chim hoàng oanh, chim chào mào từ cành cây cao rơi nhanh xuống như quả chín rụng, xác chim chạm đất

nghe không thành tiếng, chỉ còn thấy rõ vài sợi lông vũ bứt ra từ thân chim bay lượn lờ trong gió.

Ô, nhưng mãi sao chú bé vẫn không thấy con chim trong bụi cây bông trắng động tĩnh!

Chỉ mấy phút trước đó chiếc xe quá cao ấy đang còn phía bên kia ngọn đồi. Này anh, làm sao nó chạy lọt qua được cái hầm nhỏ tê rứa anh, người đàn bà xuýt xoa. Ôn mệ ơi, lỡ xe đụng nóc hầm răng anh. Tiếng nói đang làm duyên làm dáng. Và đáp lại là tiếng thở đều đều của người đàn ông ngồi cạnh. Cái anh chàng này đêm qua làm gì vậy để bây giờ ngủ như chết chẳng biết trời trăng là gì! Cũng lạ, có người đi du lịch mà đêm thì lục đục trắng đêm, ngày thì chỉ lo mua sắm, hết bị này đến xách khác, rồi vừa mới lên xe là y như rằng hai con mắt cứ nhắm trít trước khi xe lăn bánh. Thì làm sao nghe được những câu nói nũng nịu, yêu thương! Không chừng người đàn bà này muốn gợi chuyện với tôi? Là vì xe đã luồn qua biết bao nhiêu hầm rồi chứ có phải là chiếc hầm đầu tiên đâu mà đụng với chạm! Nếu đụng thì đã đụng từ khi xe bắt đầu rời Salzburg hướng về phía đông để đi Vienna.

Nét mặt khá đẹp, đôi mắt xanh biếc, mái tóc vàng hoe, dáng người thanh tú, của cô hướng dẫn viên du lịch người Áo bỗng hiện lên thật rõ nét trong trí tôi. Cô nói tiếng Anh thành thạo, chốc chốc hất đầu ra phía sau cho mớ tóc vàng khỏi che hết nửa khuôn mặt: "Salzburg là nơi sinh của Mozart, ở đó có Viện Bảo Tàng Mozart, có ngôi nhà xưa kia Mozart từng ở. Nhưng điều ngộ nghĩnh là lúc sinh thời Mozart ghét nơi quê hương của mình lắm, chỉ muốn đi Vienna, và sống ở Vienna khá lâu cho đến khi từ trần. Thiên tài âm nhạc ấy chết trẻ, lúc mới 35 tuổi đầu, tiếc thay! Nhạc của Mozart, như quý vị đã biết, là nhạc thần tiên, hay lắm, vui lắm, nhưng bên trong, bên giữa những âm thanh ấy thỉnh thoảng vẫn là nỗi băn khoăn, nỗi bất an khó nói thành lời. Tối nay đến Vienna quý vị sẽ được nghe hòa tấu nhạc Mozart, xem thử tôi nói có đúng không. Bây giờ tôi nói đùa chút nhé, vị nào không muốn nghe thì cứ việc ngủ, cố ngồi thẳng người, chứ đừng ngã người qua phải, qua trái, rồi ngáy khò khò. Thỉnh thoảng gục gặc cái đầu cũng được, như thể mình đang tán thưởng thức vậy."

Mọi người cười ồ. Được thể cô ta nói tiếp: "Về cách ăn mặt thì...trước kia khó lắm, phải đúng điệu, bằng không, người gác cửa có quyền chận mình lại. Nay dễ. Như thế mới có nhiều người du lịch như quý vị tới chứ, quý vị đâu có đủ thì giờ thay áo quần, lại có vị không mang theo đồ sộp lấy đâu mà thay. Để giản tiện mới dễ hốt bạc chớ, miễn là quý vị đừng để lộ nhiều quá, mà lý do là nếu quý vị để lộ, nhất là phái nữ, khán thính giả sẽ thưởng thức quý vị thay vì nghe nhạc Mozart!

"Thôi, tôi xin trở lại thi hành nhiệm vụ. Salzburg tiếng Áo có nghĩa là đồi núi và lâu đài. Tiếng Áo! Hẳn quý vị sắp bẻ tôi rằng làm gì có tiếng Áo, rằng người Áo nói tiếng Đức kia mà. Đúng, nhưng thiếu. Tiếng Đức cũng có năm bảy thứ, và người Áo chúng tôi nói thứ tiếng Đức nhẹ nhàng nhất, êm ái nhất, nghĩa là hay nhất, mà tôi gọi là tiếng Áo. Nói thế có được không hả quý vị? Tôi phải nói thêm điều này để quý vị hiểu chúng tôi hơn. Quý vị biết không, xưa kia, chỉ vài trăm năm trước đây thôi chứ có lâu la gì, chúng tôi là một đế quốc mênh mông, lan rộng qua Đức, Hòa Lan, Ý, và xưa hơn nữa, nước Áo từng bao gồm cả Ba Lan, Hung...Thế mà bây giờ... Nhưng thôi, hãy quên chuyện cũ ấy, hãy trở về với chuyến đi thú vị này, vì quý vị còn phải *make a tunnel tour and have a tunnel dance.*"

Vũ điệu đường hầm! Cô này nói không đúng rồi. Hầm thì cũng có đó, nhưng còn có cả những cánh đồng bằng xanh tươi chạy theo con đường trường và bò đến nhiều chân trời xa chứ đâu phải chỉ có hầm với hầm! "Điệu nhảy đường hầm" phải áp dụng cho quãng đường trên biên thùy từ Ý qua Pháp mới đúng, với trùng trùng núi non, với Địa Trung Hải thăm thẳm xa ở cánh trái, với Italian Riviera rồi French Riviera, huy hoàng, lộng lẫy, với lũ lượt hàng trăm hàng ngàn chiếc xe uốn lượn quanh co chui vào rồi lú ra khỏi gần 170 cái hầm đài ngắn đủ cỡ.

Nắng lên vàng rực. Nắng tràn vào xe. Những tiếng càu nhàu ngái ngủ, những chiếc mũ vội để lệch, những tấm màn cửa xe được kéo kín. Không nhìn nhưng tôi vẫn thấy người đàn bà ngồi ghế trước kéo màn nửa chừng rồi đổi ý kéo lui chiếc màn trở về vị trí cũ. Vừa sợ nắng, lại vừa muốn ngắm cảnh? Phần tôi, tôi để nắng tha hồ vào và tôi để tôi nhìn cho rõ những tia nắng chiếu trên những cụm hoa màu trắng chen chúc trong những lùm cây bông trắng lá xanh mướt. Lá hoa rập rờn kỷ niệm! Nhưng kìa, mây thấp và mù từ xa lại lùa tới, trời đất lại đổi màu, và bông trắng của tôi sắp ủ dột. Cô hướng dẫn du lịch nhanh nhẩu: "Mùa này thời tiết ở đây luôn luôn như thế đó, hôm nay mưa, ngày mai nắng, ngày kia lại mưa. Cứ thế, một ngày mưa, một ngày nắng, để chúng ta sắp đặt chương trình du ngoạn cho phù hợp với thời tiết. Ô, ô, mà không phải chỉ có thế! Thiên nhiên bất trắc, sớm nắng, chiều mưa...là chuyện thường...và ngược lại, nghĩa là sớm mưa chiều nắng, vân vân." Vài tiếng cười khúc khích.

*

Cây bông trắng! Tôi không biết loài cây này có tên gì khác hay không. Hình như không. Nó có bông màu trắng nên người ta gọi nó là cây bông trắng, thế thôi. Cũng như cây bông hồng là đo hoa của nó màu hồng, mặc dù sau này nhờ kỹ thuật ghép giống, hoa hồng đã từ lâu mang nhiều màu

khác nhau. Bông trắng của những cây bông trắng vẫn y như cũ, không ai tìm cách ghép giống cho nó, nó vẫn là những chiếc bông màu trắng mịn màng, gồm nhiều búp nhỏ, tròn, kết lại thành cụm trông giống như hoa mâm xôi, nhưng lớn hơn nhiều. Những bông to có thể lớn hơn một đĩa xôi nếp trắng phau phau nằm gọn trong đám lá xanh. Thân cây khá cao, cao quá đầu người, vỏ màu xám, nhiều cành mảnh khảnh chìa ra thành từng nhánh nhỏ, nhiều nhánh chìa đôi cân đối, mà lũ trẻ con chúng tôi chặt đem về nhà uốn lại cho đẹp, rồi hơ lửa, làm nạng ná bắn chim. Lá của cây bông trắng trông gần giống như lá cây khoai mì, nhưng nhiều và xanh, kết lại thành chùm rậm rạp làm chỗ trú rất tốt cho chim sâu, chim sẻ. Những cây bông trắng thời thơ ấu của tôi mọc bụi mọc bờ, mọc hoang, mọc ven theo những dòng suối, mon men đến mép những khu vườn trồng khoai tây, trồng cà chua, trồng đậu Hòa Lan, v.v... hay lạc vào nghĩa địa nằm chênh chếch trên sườn đồi. Hay may mắn hơn, năm bảy cụm cây bông trắng được cho phép đứng xúm xít gần ngôi trường nhỏ vừa mới cất cách thành phố Đà Lạt năm, sáu cây số. Để ngôi trường hưởng một ít bóng mát và màu xanh. Để những triền đất mới bồi khỏi bị sụt vì những trận mưa mùa hè. Lũ trẻ con chúng tôi tha hồ dòm ngó, ngắm nghía những cây bông trắng, thấy thích là ngắt hoa cho vào cặp sách hoặc chặt những nhánh cân đối đem về làm nạng ná, không ai ngăn cản hoặc la rầy. Và khi những cây ươn của nhà trường đủ lớn, đó là những cây keo, cây thông, cây liễu, cây tùng, thì những cây bông trắng bỏ đi nơi khác. Bọn trẻ con, sau những ngày nghỉ cuối tuần, hôm thứ hai đến trường đi học lại, không thấy những cây bông trắng của chúng đâu cả, chạy lăng quăng tìm kiếm, ngẩn ngơ.

*

Cảnh đẹp quá anh! Tiếng nói của người đàn bà vẫn còn dư âm. Đẹp quá? Mà sao gọi là đẹp? Những cánh đồng ngăn nắp, xanh tươi, điểm lác đác những biệt thự cửa kính lớn, tường trắng, mái đỏ, ống khói vuông, bao quanh bởi dãy hàng rào thấp có tính cách trang hoàng và làm dấu mốc hơn là để ngăn chặn, cản trở. Như thế tức là đẹp? Những lâu đài cổ, những lâu đài xây dựng như pháo đài, nằm trên sườn đồi, trên đỉnh đồi, có cái đã đổ nát, hoang phế, làm chứng tích cho những lớp sóng phế hưng của một Âu châu ngày hôm qua già nua và đẫm máu, đó là một trong những định nghĩa thế nào là đẹp? Hay đẹp là, như một làn sóng bạc đầu tràn qua ghềnh đá, bầy cừu từ đâu bên kia triền đất dốc bỗng hiện lên trắng cả một vùng rồi đổ xuống cánh đồng thoai thoải bên này theo sau là người chăn cừu và vài ba con chó? Hay cái đẹp có thể tìm thấy trong tiếng reo: "Đó, đó, anh coi tề! Đàn chim trắng, chắc là đàn bồ câu, đang bay là

đà ngang qua những ngọn cây xanh, rồi bị cây che, rồi hiện ra lại, hướng về phía tháp nhà thờ cao thiệt là cao. Đẹp quá!"

Vâng, cảnh vật như thế cũng có thể đẹp lắm, nhưng tôi đang để hết tâm trí vào những cây bông trắng. Hồi bé, tôi sống gần gũi với những cây bông trắng của thành phố ấy, thành phố độc nhất tại quê nhà có cây bông trắng. Rồi tôi đi xa một thời gian dài. Về sau khi tôi có dịp trở lại Đà Lạt, tôi đi tìm thăm những hang dế, con dế lửa gáy vang lừng tuổi thơ, những ngôi nhà vách ghép bằng thân cây thông xẻ làm đôi còn nguyên vỏ dưới lũng thấp bên con đường cong cong trải đá, những buổi sáng tinh mơ sương mù tụ lại thành một lớp dày như mây trắng che kín hết mặt hồ, những ngọn đồi cỏ xanh úp tròn trên miền cao, những thác ghềnh ngày đêm thôi thúc. Và dĩ nhiên, tôi cũng đi tìm những cây bông trắng. Tôi gặp lại tất cả. Trong khi đó hoa hồng cũng kéo nhau về đầy những khu vườn của những nhà trồng trọt, những công viên, và trong hầu hết các tư gia.

Gần đây, một người bạn của tôi về thăm quê hương, có ghé qua Đà Lạt, cho tôi biết vì tôi mà anh đi tìm những cây bông trắng, nhưng lạ quá, anh không thể tìm thấy một cây nào cả. Tôi sửng sốt. Tại sao thế? Tôi chưa có câu trả lời, chỉ cảm thấy rằng đó một mất mát lớn không có gì bù đắp nổi.

Hồi bé tôi nghĩ rằng bông trắng của những cây bông trắng đẹp hơn hoa hồng. Đó là cái nhìn của tuổi nhỏ ngây thơ trong sáng, và nó ám ảnh tôi mãi. Cho đến bây giờ tôi vẫn nghĩ như vậy. Tôi là tên tù chung thân của những ám ảnh? Có thể là như thế mà cũng thể rằng quan niệm về cái đẹp vốn khác nhau, vốn tùy thuộc từng người, và đồng thời tùy thuộc rất nhiều yếu tố khác nữa. Hình ảnh một nông dân khắc khổ vác cuốc đi thăm hoa màu cằn cỗi của mình trên cánh đồng khô cỏ cháy vì bom đạn; hình ảnh một con chim hoảng hốt bay vèo mất dạng khi chợt thấy hai ba thằng con nít chúng tôi giương ná nhắm vào cái tổ mới xây của nó; hình ảnh những thuyền nhân đói khát rã rời trợn tròn mắt nhìn về phía một chấm đen nhỏ vừa hiện lên trên mặt biển mênh mông, không dám chớp mắt, sợ rằng cái chớp mắt sẽ khiến cho chấm đen biến mất; đó cũng là những hình ảnh đẹp, đẹp có kém gì quang cảnh ở hai bên con đường dài này với những cánh đồng xanh êm đềm, những lâu đài cổ uy nghi, những tháp nhà thờ cao ngất đang đóng chuông gọi chim bay về!

Tôi nghe nói gần đây nhiều du khách đến thăm quê hương tôi. Tôi nghĩ rằng có nhiều lý do. Có người tò mò muốn biết một đất nước bị dày xéo trong chiến tranh ác liệt kéo dài đến mấy mươi năm, nay nó ra sao. Có người đi nhìn cảnh khổ của người khác để cám ơn trời đã cho mình được sung sướng hơn. Mà cũng có người muốn đi tìm cái đẹp. Cái đẹp của một

con thú đang liếm láp vết thương, cái đẹp của miền Bắc xơ xác, cái đẹp của miền Nam đang nuốt tiếng thở dài, cái đẹp của một đất nước vốn có nhiều truyền thống đang mất dần quá khứ. Riêng tôi, tôi cũng sẽ về thăm. Để làm gì, để tìm cái gì? Tôi tự hỏi mãi. Có điều chắc chắn là tôi sẽ đi tìm những cây bông trắng nay không biết có còn sống sót ở một hang núi nào.

Bản nhạc "The Blue Danube"–chúng tôi vẫn quen gọi "Le Beau Danube Bleu", vẫn nhớ lời Việt rất lả lướt của Phạm Duy qua giọng hát cao vút, réo rắt, và truyền cảm của Thái Thanh– bỗng trỗi lên. Cô hướng dẫn du lịch quả đã biết chiều khách. Điệu nhạc khi êm đềm, khi dìu dặt, khi náo động, khi thánh thót, khi xa xôi, khi gần gũi, tạo nên một cái gì như là một dòng điện lan tỏa ra khắp mọi người. Những người đang ngủ bỗng thức dậy. Những người đang đọc sách, đọc báo cũng buông tay ngồi im lắng nghe. Bản nhạc chấm dứt một hồi lâu mới có người hỏi cô người Áo một cách thật nhỏ nhẹ như sợ xúc phạm đến dư vang mà khúc nhạc còn để lại, rằng sông Danube có thật xanh như người ta nói không. Câu trả lời kèm theo nụ cười hãnh diện,... "thì quý vị khi đến Vienna sẽ thấy rõ. Sông Danube, chúng tôi gọi là Donau, chảy qua rất nhiều nước, qua Đức, Áo, Tiệp, Hung, Nam Tư, Bảo Gia Lợi, Ukraine, và cuối cùng là Lỗ Mã Ni. Nó bắt nguồn từ Rừng Đen (Black Forest) rồi chảy ra Biển Đen (Black Sea). Ở những nơi khác tôi không chắc lắm, con sông có khi đen khi đỏ, rừng và biển mà còn đen huống là sông, thiên nhiên vốn đầy bất trắc, nhưng khi chảy qua Vienna, Danube là dòng sông xanh biếc. Quý vị biết tại sao không? Một phần là nhờ bản nhạc The Blue Danube của nhạc sĩ nước Áo Johann Strauss mà quý vị vừa nghe. Âm thanh đó đã giữ cho con sông xanh mãi. Nói đến nước Áo, nói đến thành Vienna, là phải nhắc đến The Blue Danube. Cho nên chúng tôi quý bản nhạc ấy lắm, cũng như chúng tôi đã trân qúy những cổ vật mà quý vị sắp được xem trong Lâu Đài Mùa Hạ của Nữ Hoàng Maria Theresa, thế kỷ thứ 18, người mẹ của dân tộc Áo. Chúng tôi trân trọng từ bức tranh, cái đèn, cái giường, cái lò sưởi của Người, cho đến cành hoa, ngọn cỏ mọc bên đường mà lúc còn sống Người ưa thích, chúng tôi cũng lo tu bổ, giữ gìn từ đời này đến đời khác. Bằng không, mọi thứ đều tiêu vong. Thiên nhiên đầy bất trắc mà!"

Cô gái tóc vàng mắt xanh lắm chuyện này không chừng có khi nói đúng. Thiên nhiên bất trắc! Tôi bỗng nhớ đã đọc ở đâu một câu chí lý đại khái rằng nếu có những khi thiên nhiên nói dối thì cũng có lúc thiên nhiên nói thật. Chiều nay con đường đi đến thành Vienna đang nói thật với tôi. Này anh! Những cây bông trắng ở nơi đây và ở quê nhà của anh đúng là cùng một loại đó anh. Cho nên khi nào có dịp anh nhớ trở về đây thăm những cây bông trắng! Vâng, một ngày nào đó tôi sẽ trở về, tôi sẽ tái ngộ

chốn này để nhìn những cây bông trắng của nước Áo mọc phơi phới rải rác ven con đường dài dưới những cơn mưa nắng vội vã thay nhau đón đưa khách phương xa. Nhưng đây có phải là chốn về của tôi không? Sớm muộn gì tôi cũng phải đi. Đi đâu? Đi tìm những cây bông trắng lang thang./.

Quỷ Vương xuất hiện trước 6000 người ở Kenya

Báo "Kenya Times" tại Thủ đô Nairobi (xứ Kenya) tường thuật rằng vào lúc 4 giờ 15 chiều ngày 11-6-1988 tại khuôn viên giáo đường Bethlehem cạnh thủ đô, nhân một buổi đại lễ, trong lúc 6000 người đang hát thánh ca thì bỗng từ thinh không hiện ra một người mặc áo dài trắng , đi chân không, có hào quang ánh sáng tỏa ra quanh đầu. Có người la lớn "Tùng hô Chúa Giê-su Tái Thế". Nhiều người sấp mình xuống đất để thờ lạy vì người ta tin rằng chỉ có Chúa Giê-su mới có thể hiện ra như vậy.

"Chúa" giảng một bài ngắn bằng tiếng Swahili là tiếng bản xứ với giọng nói hoàn toàn như nói tiếng mẹ đẻ. "Chúa" bảo mọi người hãy giữ vững đức tin, giữ vững các giới răn như trong Kinh Thánh vì "Ngày Chúa tái lâm đã gần kề". Rồi "Chúa" biến đi mất vào không khí. Một nhiếp ảnh gia tên là Francis Kaburu đã chụp được nhiều bức hình của "Chúa Maitreya".

Sau đó, trên tất cả các hệ thống thông tin tuyên truyền của Tara Centers trên khắp thế giới, người ta đọc thấy bản tin cho biết người khách lạ hiện ra tại Nairobi ngày 11-6-88 đó chính là "Chúa Maitreya Ki-tô". Theo các lời tiên tri trong Sấm Kinh Thánh từ hai ngàn năm trước, Maitreya chính là Quỷ Vương Ra Đời. Trong một ngày rất gần đây, Maitreya sẽ xuất hiện để ra mắt trước toàn thể nhân loại và nó sẽ đánh lừa được hầu hết mọi người vì nó sẽ làm những phép lạ vĩ đại như trong Sấm Kinh Thánh đã tiên báo.

Xin mọi người hãy tìm đọc tác phẩm **"Quỷ Vương Đã Ra Đời"**, hãy nhìn rõ mặt nó (hình chụp ngày 11-6-88), để đừng bị nó lừa. Sách dày 392 trang, biên soạn rất công phu, sưu tầm đầy đủ các sấm ngôn về Quỷ Vương và những đại biến cố thời Thế Tận, với lời trích dẫn và giải thích rành rẽ không ai có thể phi bác được. Kết quả của hơn hai chục năm trời nghiên cứu về Sấm Kinh Thánh của tác giả **Trương Tiến Đạt**, cựu Thượng nghị sĩ VNCH. Giá 1 cuốn là $15.

Gửi về cho TRUONG TIEN DAT.
PO Box 829, Fair Oaks, CA 95628.
Muốn biết thêm chi tiết, xin gọi: **916-961-6768**

Hạt Giống

Trúc Chi

Dềnh dàng mãi rồi thành ra cái bài viết bỏ dở vào tháng trước mãi cho đến hôm nay - một chiều hè nóng và ẩm có ánh nắng vàng hơi đục xuyên nghiêng mà chiếu xuống mặt bàn viết của tôi, làm nổi hẳn một lớp bụi mỏng điểm dăm đốm tàn thuốc có cái đã thành tro, có cái mới sém; nhìn cái mặt bàn ngổn ngang những thư từ, hóa đơn , tẩu thuốc, sách báo, nải chuối cau, tấm ảnh màu chụp chung với mấy người bạn cũ mới gặp lại tuần trước, chút cặn trà Ô Long trong cái chén đất Nghi Hưng (mà tôi đoán là chén giả vì tôi đã mua với một cái giá quá rẻ tại phố Tàu San Francisco cách đây mười hai năm vào hồi lên miền Bắc Ca-Li mà dự cái đám cưới thứ tư trong đời một anh bạn đã từng rong chơi khá mạo hiểm trong thế giới tình dục và giang hồ cũng khá rộng rãi trong vũ trụ tình yêu, rẻ quá: 6 đô-la 4 cái!) tôi đã nghĩ rằng, nếu có một họa sĩ nào đó vào phút này cao hứng mà chọn cái bàn viết của tôi rồi pha trộn sắc màu cho một bức tĩnh vật, hẳn người ấy phải nát óc mới kiếm ra thứ nào là chính, thứ nào là phụ trong cách bố cục, rồi phối trí ra sao cho cái đống ngổn ngang này có được một trật tự nghệ thuật chắc cũng không phải là chuyện dễ; cái hỗn mang chi sơ của thủa chưa tạo thiên lập địa có... hỗn độn cũng đến như cái bề bộn trên bàn viết của tôi là cùng - lạ thật, mà cũng bực mình thật vì mãi cho đến hôm nay cái bài viết ấy vẫn chưa có thêm được một chữ nào.

Hình như từ cái hỗn độn ban đầu mà có Đạo, rồi có Nhất, rồi có Nhị vân vân... Ai đã từng tò mò xem qua một vài trang của ông Lý Đam (sau được người Tàu phong làm Thái Thượng Lão Quân!) cũng đã quen thuộc với vũ trụ quan này. Bây giờ tôi có nhắc lại thì ai là kẻ dư thì giờ để mất vào những hàng chữ này hẳn không khỏi bực mình vì phải nghe lại điều mình đã biết. Thật tình, tôi không muốn phiêu lưu quá lâu vào cái vũ trụ

quan ấy - mà đi sâu vào bất cứ một vũ trụ quan nào dù là Đông hay Tây phương thường vẫn làm tôi nhức đầu - tôi chỉ muốn bắt chước ông Lão Tử mà nói rằng giữa cái đống ngổn ngang vô trật tự trên bàn viết, tự nhiên mà tôi chú mắt và chú tâm vào nải chuối cau xinh xắn, ngon mắt.

Nhờ vào cái chăm chút của vợ con, quanh năm, trên bàn viết của tôi luôn có ít trái cây. Tuần này, trên cái dĩa trắng này lại có một nải chuối cau, một món rẻ, bổ, sạch sẽ, thuộc vào loại bình dân thích ý, trí thức vừa lòng (Tôi luôn sắp tôi vào hạng thứ nhất trong câu nói vần vè này, không phải vờ khiêm tốn, nhưng mà vì, cứ như kinh nghiệm của tôi thì cứ bình dân cho nó khỏe cái xác, trí thức lắm, hình như nó khiến cho óc mình đã mệt mà đầu người khác lắm lúc cũng nhức theo).

Những quả chuối mập mạp bụ bẫm này, hôm qua còn là một màu xanh lá mạ dậm, hơi úa, bây giờ có chỗ đã chớm vàng. Giữa những khoảng màu lục và vàng này, không có một đường viền rõ rệt. Ngắm mãi mấy quả chuối dưới ánh nắng chiều hè, tôi đã nghĩ đến một bầu trời yên tĩnh không gió không sương, một bầu trời màu lục được thiên nhiên điểm xuyết bằng những áng mây vàng bất động. Giống như trời màu lục mà lần đầu tôi đã thấy - thấy với cái ngạc nhiên vui sướng, sửng sốt hân hoan, của một người thích xem tranh mà lại không biết vẽ, là vì từ thủa cha sinh mẹ đẻ cho đến lúc ấy chưa bao giờ tôi thấy một khung trời màu lục cả- thấy trong một bức danh họa của phái ấn tượng. Cái nhìn của một nghệ sĩ có tự do sáng tác và sáng tác với tinh thần trách nhiệm cao đối với nghệ thuật, với bản thân mình quả có đưa đến những chân trời mới và lạ trong cái Đẹp. Trong loại tranh cổ điển Tây phương, bầu trời thường là xám, trắng, xanh hoặc hồng. Theo tôi biết thì những khung trời có những màu khác , mới lạ, đã hiện ra cùng một lúc với những danh tác của phái ấn tượng. (Cứ cái đà đổi thay hiện nay trong ngôn ngữ thì có vẻ như "ấn tượng" đang tuần tự, dần dà rút lui về quá khứ để nhường chỗ "dấu ấn" nhan nhản trên sách báo. "Dấu ấn" mới và lạ, nhưng "phái dấu ấn" với cái lỗ tai ngoan cố không chịu tiến bộ của tôi, nghe chưa được ổn, vì vậy mà tôi vẫn viết "phái ấn tượng")

Nhưng mà dưới ống kính hiển vi của một nhà thực vật học theo dõi sự biến thiên, biến dịch của sắc tố trong những mảng vỏ chuối này thì, với sự giúp sức tích cực của khí nóng ngày hè, hẳn phải có cái chuyển mình của triệu triệu tế bào, có cái nhấp nhô nhịp nhàng hết sức chậm rãi của những lớp sóng vàng đang nhè nhẹ đẩy lui, mà đẩy lui từng giây từng phút, những lớp sóng lục . .. Bước đi của những làn sóng... sóng bạc đầu trên biển cả, sóng sắc màu trong vòm cây nhánh lá, sóng âm thanh trong tiếng gió lời chim, sóng hương thoang thoảng tỏa ra từ những cụm hoa

hồng, hoa lài vườn nhà bên và hình như phút này lại còn có thoáng một chút rung động vi tế, một gợn sóng đâu đó trong lòng tôi. Cái thứ rung động này, tôi nghĩ tất cả chúng ta đều đã từng cảm nhận. Nhưng mà giữa cái quay cuồng của nhân sinh, trong đó mỗi người trong chúng ta hoặc mải miết theo cái đam mê riêng của mình hoặc nhọc nhằn theo cái cơm cái áo cho gia đình cho bản thân, thường vẫn có ghi nhận cái rung động ấy thật, nhưng lại không để ý cho lắm đến nguyên nhân sâu xa của một giây ngừng lại giữa cái lăn lóc, cái nháo nhào trong cuộc sống của chính mình, của cuộc đời xung quanh mình. Vụt thoáng một cái...rồi thôi... rồi chúng ta tiếp tục xoay, như một con quay, trong cái lốc thường nhật. Nó cũng tương tự như những vòng tròn đồng tâm tỏa ra trên mặt nước của một cái ao nhỏ tình cờ mà lọt vào mắt một đứa trẻ đang nhởn nhơ bên một cánh đồng vào một trưa hè đứng gió. Đứa trẻ đó thấy cái lăn tăn trên sóng nước, nhưng mà cũng không cần nghĩ đến nguyên nhân của những lớp sóng tròn. Một quả sung chín vừa rụng? Một cái nhảy tung của một chú cá cấn, cá mại? Một cánh chim kẻ chài (bói cá) vừa mới sà xuống mặt ao rồi vụt bay lên? Bởi vì đứa trẻ đang bận tâm hơn với một quả ổi đào bóng loáng, một chùm trứng cá chín mọng hoặc đám đóa oanh trảo (hoàng lan) trong vườn nhà ai đâu đó cạnh bờ ao.

Mà bên dưới những thứ rung động chập chờn ấy thường lại là cả một khung trời mà chúng ta đã quên mất, một khung trời chập chùng những bóng đáng, những hình ảnh - dĩ nhiên là của quá khứ, bởi vì có hình bóng nào mà không thuộc về quá khứ ngay từ lúc chúng lọt vào tâm thức chúng ta; ngay cả một tiếng cười, một điệu nhạc mà chúng ta vừa để ý cách đây có mấy giây cũng đã là một nét của quá khứ rồi; cái "bây giờ", cái "phút này" chỉ là qui ước chứ thật ra nó không chứa đựng gì, cũng giống như "điểm" trong hình học được định nghĩa là chỗ hai đường thẳng giao nhau, chứ thật ra ngoài đời không làm gì có cái mà chúng ta gọi là điểm - thật vậy, chập chùng những hình bóng mà, khi chúng trở với hiện tại, chúng có cái ma lực xoáy sâu vào lòng, để mà dẫn chúng ta, dìu chúng ra về với những khóc cười buồn vui của ngày cũ, thường lại bàng bạc chút nhớ, chút tiếc hết sức mong manh, tạo ra chút buồn dịu nhẹ, nhẹ đến độ chúng ta không kịp ý thức rằng đó là một thoáng buồn.

Khi ngồi xuống để viết tiếp một bài tùy bút bỏ dở, tôi khép kín mọi cảm nhận trong hiện tại, cố trở về với tâm trạng của tôi vào lúc phải tạm ngưng vào tháng trước, tôi muốn sống với nó và chính vào lúc ấy, tôi lại đã ý thức hơn bao giờ hết, cái lộn xộn bừa bãi trên mặt bàn. Là vì tôi đã đánh mất cái tâm trạng cũ vào lúc tôi mải mê gõ những hàng chữ mà tôi đã say sưa sống với chúng vào tháng trước; nó giống như một người cố

tìm lại cái rạo rực khi gặp lại một người mà mình đã từng yêu và đã hết yêu, hoặc nao nức tạo lại nỗi vui mừng khi gặp lại một người bạn thân nay đã hết thắm thiết (Đời này có biết bao nhiêu lý do khiến cho những dòng suối - mà mình tưởng là bất tận - bỗng nhiên cạn dần cho đến lúc khô ráo! Tôi đang nghĩ đến hai câu thơ của Thái Can: *Chẳng phải vì anh chẳng tại em/Hoa thu tàn tạ rụng bên thềm*) ; nó giống như một người cô đơn cố tìm một cảm giác nóng ấm và ấm áp khi đang bước trơ trọi giữa một cánh đồng tuyết lơ thơ một vài gốc cây xương xẩu, trụi lá. Vô ích!

Thành thử, buồn tình, tôi lẩn thẩn "duyệt qua" cái đống ngổn ngang trên mặt bàn. Rồi chợt cảm thấy một gợn tiếc nhớ khi chăm chú ngắm nải chuối cau đang sống với cái sống của nó từ lúc còn xanh cho đến lúc bắt đầu chín. Và vậy là ánh nắng vàng dục, lớp bụi mỏng, mấy đốm tàn thuốc trên mặt bàn, giống như cái huơ tay của một nhà ảo thuật, đã mở tung hai cánh cửa mà ngay đằng sau đó, chợt hiện rõ nét mặt xinh xắn duyên dáng của người con gái ấy, của một lần gặp gỡ, cũng có lớp bụi trên mặt một chiếc bàn, cũng có ít tro tàn thuốc và cũng có nải chuối chín vàng, cũng có nắng chiều đổ nghiêng mái tôn của một cái quán nhỏ, nhưng mà đã lâu lắm, đã xa lắm rồi...

Tặng cho người con gái Việt lai Thái Lan ấy cái tên gì bây giờ? Là bởi vì tôi chỉ nhớ mang máng cái tên có đến bốn năm âm tiết mà hai âm cuối là Xêna, Tơna hoặc Vana. Thôi thì cứ cho rằng người con gái có nước da ngăm đen mà mịn màng này tên là Na, dù không phải là hoa thì cũng là tên một thứ trái cây có cả hương lẫn vị. Dạo ấy, vì công việc, tôi vẫn thường qua lại biên giới Thái Lan và Lào ở bến Thadưa cách thủ đô Vientiane hơn hai mươi cây số. Bên kia sông Mékong là bến Nongkhay, địa đầu Thái Lan. Bây giờ, giữa Thadưa và Nongkhai đã có một chiếc cầu lớn nối liền hai nước Lào và Thái Lan. Ngày trước, phải xuống phà qua Nongkhai để đáp xe lửa đi Bangkok. Trừ những lần có việc gấp cần phải đi máy bay, còn thường tôi vẫn thích đi xe lửa. Thấy được nhiều phong cảnh dọc đường, mà những lúc ngồi lâu, đọc sách đọc báo chán rồi, đứng dậy duỗi chân duỗi cẳng cho nó đỡ mỏi, tựa mình vào cửa sổ ở thân tàu, đốt cái tẩu nhìn khói vụt tan biến giữa khoảng không, bắt chuyện với một người Thái, nghe và học được một vài điều về địa lý, phong tục của từng miền mà con tàu đang xuyên qua đã bổ ích cho kiến thức mà cũng đỡ buồn. Ấy là chưa kể đến cái hương vị phong trần của những bữa cơm giang hồ ăn chầm chậm, một mình, những bữa cơm có một đôi món kho hoặc xào khá cay rất hợp với cái lưỡi Huế của tôi, nhấp một vài ly rượu mạnh bản địa, mà nghe lòng mình lắc lư theo cái tốc lực không quá nhanh - chắc chắn là chậm hơn tàu cao tốc (TGV) bên Pháp - của một con tàu

không tối tân mà cũng không cổ lỗ sĩ. Quả là thú vị. Tuyệt. Cái nhịp âm thanh đều đều, trầm trầm và từ tốn của những chuyến tàu đêm ấy, nghe được giữa trời khuya, vào những hôm có thêm chút ánh sáng trong và mát lạnh của một vầng trăng thượng tuần, nó khiến cho lòng mình dễ say lắm, nó... thơ lắm!

Nhưng mà tôi đang nhắc đến Na thì phải. Một lần, năm 197..., vừa ở bến phà lên đến ga Nongkhai, thấy một cái bảng lớn có mấy hàng tiếng Anh và tiếng Thái báo cho hành khách biết là chuyến tàu đêm đi Bangkok hôm ấy sẽ khởi hành trễ mất sáu tiếng. Tôi cũng không buồn hỏi cho ra lý do nữa. Kinh nghiệm đi xe lửa ở mấy nước Đông Nam Á hồi ấy đã dạy cho tôi rằng, tò mò mà hỏi về sự chậm trễ của giờ khởi hành, thường vẫn nghe được ba bốn lý do mà cái nào cũng... chính đáng cả. Giờ giấc ở miền nhiệt đới, có lẽ đã giãn ra dưới sức nóng của nắng hè, kể cả giờ Việt Nam. Tôi quày trở lại con đường bến phà, tìm một ly nước ngọt giải khát cạnh bờ sông, thoáng hơn, định bụng chờ cho nắng tắt sẽ dạo qua phố xá Nongkhai cho biết. Thấy mấy cái quán sạch sẽ cạnh một hàng chuối xum xuê, có bụi cao đến hơn bốn mét, dổ những khoảng bóng đâm mát mẻ xuống con đường nhỏ rải đá vụn. Thấy quán nào cũng giống nhau, tôi không chọn lựa gì, kéo cái ghế sắt, ngồi phía bên ngoài cửa hàng gần nhất. Quán trang trí sơ sài, phía trong, đối diện tôi, ngay trên tường là chân dung quốc vương và hoàng hậu Thái Lan. Phía trên là một cái án thờ Phật nhỏ, có một bình hoa giấy, mấy bàn con, một cái tủ kính chứa nước ngọt, bia nhiều loại trong chai và hộp sắt, một cái tủ lạnh trong góc, chỗ có bức sáo tre thông với lối vào bếp phía sau, trên cái quầy thấp có bốn trái dừa tươi mà người ta đã gọt lớp vỏ xanh bên ngoài, sắp thành một cái tháp nhỏ và hai nải chuối chín có trái đã có tàn nhang trong một cái rổ tre. Người khách độc nhất vào cái khoảng chưa chiều chưa tối ấy là tôi. Và người tiếp khách độc nhất là Na, cũng vừa vén bức sáo tre tươi cười bước từ phía sau quán ra mà chào tôi bằng một tràng tiếng Thái vào lúc tôi ngồi xuống ghế.

Tôi không nói được tiếng Thái và tuy biết rằng tiếng Anh rất thông dụng ở cái vương quốc này, tôi nghĩ thoáng là chưa cần phải dùng đến cái thứ tiếng kể như là quốc tế ở một quận lỵ nhỏ, có phần thôn dã nữa là khác, bên cạnh bờ sông Mékong. Vào một cái quán ở một chốn tương đối còn mộc mạc ở một góc "biên thùy" này mà lại xổ những oản-tù-tì (one-two-three) ra cái gì ra cái này thì có thể là mình gọi một tô mì mà lại được cho một bát cháo. Tôi sử dụng một loại ngôn ngữ quốc tế hơn cả tiếng Anh nữa: tôi đưa tay chỉ mấy quả dừa trên quầy hàng vì một phần tôi biết dừa vùng này ngọt không kém dừa Bình Định và một phần cũng vì tôi

nghĩ rằng ở một cái quán như thế này mà lại dùng đến những sản phẩm của văn minh như là bia Heineken, hay bia Spaten hoặc Coca-Cola và Seven-Up trong cái tủ kính kia thì nó dâm ra lạc điệu hết. Cái tận tụy trong con người tôi đối với chuyện ăn uống, nhất là cái ăn cái uống giữa những ngày lang thang lấy hơi mát của sông hồ làm chất ngọt cho lòng, lấy gió nắng dọc đường làm cái đậm đà cho cuộc sống, nó vẫn "xui" cho tôi thỉnh thoảng phải khó tính với chính mình một chút. Tay vừa chỉ miệng tôi vừa lẩm bẩm "cho tôi ly nước dừa" vì thật tình tôi nghĩ rằng khi ngôn ngữ đã bất đồng thì nói tiếng Tây tiếng U gì cũng giống nhau. Tốt hơn hết là nói cái thứ tiếng mà mình thạo nhất. Không ngờ, giọng Huế của tôi lại được đáp ngay bằng một câu tiếng Việt, cũng miền Trung mà có hơi đá giọng Nghệ-Tĩnh.

"Dạ, ông có dùng nước đá không?"

Tôi sửng sốt đáp nhanh:

"Nếu có sẵn một quả trong tủ lạnh thì tốt. Không cũng không sao. Đừng bỏ đá bỏ đường chi cả."

"Dạ."

Lúc Na bước về phía cái tủ lạnh, tôi nhìn theo cái thân hình tròn lẳn, dưới cái "xịn" (váy) vải thô màu tím thẫm có chạy mấy đường chỉ vàng song song chỗ gần đầu gối. Tôi thấy được cái sức sống dưới cái áo cánh màu vỏ mãng cụt, bó sát nửa trên của thân hình Na. Tóc đen và dày bối cao theo kiểu người Lào và Thái, có cài một cái trâm bằng cật tre già nâu và bóng nhoáng. Bắp chân thon trên đôi chân cũng thon nhịp nhàng trên đôi dép nhựa màu hồng có quai chéo màu lục.Trong lúc Na vào phía sau để bổ quả dừa tôi đoán non đoán già rằng ở cái trạc tuổi ấy, non ba mươi, mà lại sống ở Thái Lan, chắc Na phải thuộc lớp người Việt mà gia đình đã chạy qua bên này sau khi người Nhật lật người Pháp ở Đông Dương hồi năm 1945. Có người vượt sông Mékong, định tạm trú một thời gian sau ở lại luôn. Đoán đúng một phần thôi, bởi vì sau hơn một tiếng đồng hồ - một tiếng để mà cạn ly nước dừa thay vì phải uống mau cho nó đã khát, cho cái chất ngọt của đất trời nó thấm nhanh vào người; khỏi nói, lý do của sự rề rà ấy là người con gái bà lai này- bắt chuyện với Na, tôi được biết bà mẹ của Na gốc Nghệ An, nhưng cha lại là Thái Lan. Gia đình Na chỉ mới lên sinh sống ở Nongkhai khoảng hai ba năm, trước đó họ cư ngụ trong một khu người Việt ở miền Nam Thái Lan, và vì ngoài cái quán nhỏ này, gia đình Na còn buôn bán đủ thứ hàng, nên Na vẫn thường qua Vientiane là nơi có nhiều thương gia gốc Việt. Vì vậy mà Na còn thạo tiếng Việt.

Lúc Na đặt ly nước dừa trên bàn rồi cầm cái dĩa gạt tàn bằng nhựa có

mấy mẩu tàn định đem đi đổ, tôi bắt chuyện:

"Cứ để đấy, chờ cho tôi hút xong rồi đổ cũng được."

Na cười:

"Dạ để em thay cái khác cho sạch. Ông ở Mường Viêng (Vientiane) qua chơi?"

"Không. Tôi chờ tàu đi Bangkok."

Đưa mắt nhìn cái đồng hồ rẻ tiền treo trên tường sau quầy, Na nói:

"Mấy hôm nay không biết vì sao mà tàu đi Bangkok cứ trễ luôn. Nhờ vậy mà hôm nào cũng có thêm khách vào giờ này. Thường thường buổi chiều không ai vào đây cả. "

Sau câu nói thành thật và tự nhiên ấy, Na bước vào phía sau quầy, loay hoay sắp lại ly cốc, cầm cái chổi lông gà phất nhẹ vào một cái mạng nhện trên trần gỗ. Sau mấy mẩu "vấn đáp" vớ vẩn và lạt lẽo ấy là những mẩu chuyện thân mật hơn mà tôi vừa cố ý kéo dài vừa tò mò về gốc gác vừa thăm hỏi tên tuổi (thật ra thì tôi có bạo dạn hỏi tên, nhưng không hỏi tuổi. Ai lại bất lịch sự như thế bao giờ!) vừa ngắm đôi mắt đen khá sâu có những ánh nhìn hồn nhiên,vui vẻ. Tôi nhìn kỹ cái trán cao vừa đúng với một tỷ lệ nào đó đối với khuôn mặt thon dài, đôi má cũng cao mà làn da bánh mật không son phấn quả là mịn màng. Tôi vẫn thích ngắm những gương mặt duyên dáng không tô điểm thêm gì, ngoài những nét và màu của... trời cho. Giống như người thợ rừng đốn cây rồi cưa xẻ tại chỗ, nghỉ tay mà ngắm nghía mân mê những đường vân trên một tấm gỗ trắc, gỗ cà-tc, gỗ kiền-kiền còn tươi - những đường nhiều hình thể ấy, chưa được sơn quét hoặc đánh dầu láng hay đánh véc-ni, có cái đẹp và cái duyên tự nhiên của chúng. Thật ra, đàn ông nào - ngay cả nhưng người ngả hẳn về phía những kẻ đồng giới tính- mà không thích nhìn đàn bà. Mà người đàn bà nào lại không thích được người khác ngắm. Nhiều cô thiếu nữ, trước những cái nhìn ngây dại của các cậu si tình, đôi khi ngoe nguẩy nguýt lườm cho có lệ, nhưng tôi nghĩ trong bụng các cô, không mở cờ thì cũng nở hoa. Trong cái kho kinh nghiệm mà cổ nhân để lại, có một câu rất chi là cận nhân tình : "làm hoa cho người ta hái, làm con gái cho người ta nhìn!

Đứng sau quầy hàng trò chuyện với tôi hồi lâu, Na không theo dõi những đối tượng của cái nhìn của tôi - đôi cánh tay, mớ tóc bối cao... Nhưng tôi biết Na cảm được những gì mà tôi đã chú ý trên nhan sắc của chính Na, vì vậy mà Na hơi bẽn lẽn mỉm cười mà cúi xuống sắp lại mấy quả dừa, hai nải chuối trên quầy dù tôi thấy cái tư thế của chúng đã vững vàng, vững như bàn thạch, không cần phải xê xích, sửa đổi gì. Một động tác hơi bối rối vì thẹn, thật là dàn bà mà cũng quả là đễ thương.

Vào ngay lúc ấy, một tấm kính của một chiếc xe hơi đỗ ngay bên kia đường hoặc một tấm kính cửa sổ nhà trước mặt quán, tôi không nhớ rõ, chợt phản chiếu lại ánh nắng chiều, dọi thẳng vào bức tường khiến toàn thể bàn ghế, tủ lạnh, án thờ Phật vụt sáng rực hẳn lên; rồi giữa vùng ánh sáng ấy, bức tường trở thành cái màn bạc trên đó tôi đã thấy hiện rõ cái bóng bán thân của Na đang cúi xuống trong một dáng e thẹn và đồng thời tôi cũng thấy cái nét thật của người thật, cách tôi có chừng ba mét,ngay trước mặt tôi chứ không phải trên màn bạc, nét profile rất thanh, nửa khuôn mặt mà ánh nắng phản chiếu lại từ bên ngoài đang đổ chan hòa mà tô cho một vẻ thật tươi.

Chỉ chừng vài ba giây thôi, vì Na chói mắt nên xê sang một bên. Cả người lẫn bóng vụt biến mất trên tường và sau quầy hàng. Và cũng liền sau đó, có lẽ chiếc xe hơi đã chạy đi, tấm cửa kính đâu đó đã được mở rộng hoặc khép lại, cả cái quán không hẳn là tối hẳn lại, mà chìm vào thứ ánh sáng dịu hơn của mấy giây trước đó. Chỉ một vài giây thôi nhưng có lẽ vì sự hội tụ của nhiều thứ, cái lạ, cái tình cờ của hoàn cảnh, mà thị giác của tôi đã bị rung động mạnh, ký ức tôi nhận lấy một ấn tượng rõ rệt, đậm và bền bỉ. Ấn tượng sâu đậm của một điều gì đó là tôi biết là khá mong manh.

Tôi uống cạn ly, nhai nốt mấy miếng dừa non mềm và bùi, nhìn con đường rải đá vụn, xa xa, con đường hẹp hẳn lại, nhỏ dần thành một lối mòn rợp bóng tre. Giữa cái hiền hòa của rặng tre đong đưa theo đợt gió chiều thấp thoáng bóng hai nhà sư đang bước nhanh, thanh thoát trong tấm vải nâu và xa hơn nữa ẩn hiện mấy nếp nhà sàn ven sông nom cao lêu nghêu vào mùa nước cạn. Cảnh thật tĩnh mà lòng tôi cũng vui. Khi vui, cái tâm mình nó cũng độ lượng, tôi để lại trên bàn một số tiền bằng bốn năm lần giá một ly nước trái cây, vốn cũng không có là bao. Na cám ơn, chắp tay theo lối chào của người Lào và Thái rồi vui vẻ tiễn tôi bằng một câu nói mà tôi nghĩ là thành thật, không đưa đãi:

"Lần sau, tàu có trễ, mời ông ghé lại... uống nước dừa...không có nước đá."

Tôi cũng bắt chước chắp tay mà chào Na, không hẹn trở lại. Vừa bước về phía phố xá gần ga, tôi vừa nghĩ đến chút gì đó, hơi là lạ trong câu nói của một người kể như là đồng hương: một nửa giòng máu luân lưu trong huyết quản của Na cũng bắt nguồn từ đất Việt. Đến chỗ góc đường rẽ về phía ga, tôi chợt phát hiện ra cái là lạ trong lời chào của Na. Đó là hai tiếng "nước đá". Na chưa bao giờ qua Việt Nam, nên không biết và quen thuộc với lối nói ở miền Nam . Hồi văn minh tây phương theo ách đô hộ của người Pháp mà ghé thăm Việt Nam rồi lưu luyến mãi cho

đến bây giờ, chắc buổi đầu, có những nhà máy nhỏ sản xuất "nước đá" để cung ứng cho nhu cầu của các ông tây bà đầm. Ngày còn nhỏ, tôi vẫn còn nghe những từ ngữ như "nước dá bào, ướp nước đá v.v..." Năm 1950, lúc tôi vào Saigòn lần đầu, thì tiếng "nước" đã được lược đi từ lâu rồi, chỉ còn "đá" , *soda chanh đá, bia lạnh không đá* vân vân. Trong cái sống động của bất cứ thứ tiếng nào, dĩ nhiên là có thứ phải chết. Ngôn ngữ có luật đào thải của nó. Ngay bây giờ, có rất nhiều từ ngữ thông dụng trong nước mà tôi không biết hoặc không hiểu. Hỏi ra, ngày trước, nó là.... Cách đây khoảng mười năm, một anh bạn đồng nghiệp cũ tại một đài phát thanh ngoại quốc nọ, đi Việt Nam về kể lại rằng từ ngữ "nói chung" (mới, đối với tôi) rất thông dụng. Đặc biệt là cái câu "nói chung thì tốt ." Nhưng mà - lời anh bạn - "nói riêng, tôi thấy chỗ nào cũng nát bét!" Ấy, một người như tôi vẫn gắng theo dõi cái biến chuyển của ngôn ngữ, dù không được thường xuyên, mà còn thấy lạc lõng trước một cấu trúc, một từ ngữ mới trong câu văn, câu nói, thì hỏi làm sao mà Na, sinh trưởng ở ngoài nước, biết rằng "nước" đã tan từ lâu rồi! Chỉ còn "đá". Và cũng vì tiếng "nước" mà tôi nhớ mãi câu nói thật thà của Na.

"Lần sau, tàu có trễ..." Tôi cũng đã nghĩ rất nhiều về câu nói hết sức tự nhiên của Na. À, mà hình như tôi cũng đã trễ nhiều chuyến tàu, tàu bên bến ga đã đành, nói chi đến những chuyến tàu mà tôi là người hành khách muộn màng trong những lần ngược xuôi trên đường tình cảm của tôi. Nói cho ngay, chuyến tàu Nongkhai-Bangkok hôm ấy trễ còn tôi lại đến đúng giờ. Nhưng mà hậu quả cũng vậy thôi, cũng vẫn là cái cảm giác hụt hẫng, ngỡ ngàng. *Còn tôi lỡ chuyến chiều tà về không* ...tôi đã nghĩ đến câu thơ khá ngậm ngùi ấy cuả Thâm Tâm, tuy cảnh ngộ không có gì làm mình bùi ngùi cả. Lòng tôi hôm ấy hơi vui vui nữa là khác. Tình cờ bắt được cái đẹp trên bức vách của một cái quán, có cả bóng và người thật của một tấm nhan sắc duyên dáng, giống như một bức tranh của phái hiện thực và lập thể trên đó tác giả đã cho chúng ta thấy từ nhiều góc độ cái đa diện của người mẫu, của tĩnh vật cùng một lúc, chứ không riêng chi cái trực diện; bắt được vẻ đẹp ấy, tôi thầm cám ơn sở Hỏa Xa Thái Lan,vì tàu không trễ thì đào đâu cho ra cái ấn tượng mạnh ấy của một vẻ đẹp, một cảnh đẹp. Hôm ấy, tôi thấy tôi may mắn: bắt được một chút dẹp mong manh mà trường cửu giữa lúc bận rộn với nhiều thứ mà, nghĩ cho cùng, lại chỉ là tương đối như thu lượm dữ kiện thông tin cho bài vở, viết cho kịp kỳ hạn, tính toán lại giờ giấc cho mấy cuộc phỏng vấn ông bộ trưởng này, bà thương gia kia, ông đại sứ nọ mà tôi phải thực hiện ở Thái Lan, ấy là chưa kể đến việc ra ga phải điện thoại gấp cho cơ quan mà thay dổi thời khóa biểu vì tàu trễ! Thời ấy chưa có *laptop* và *e-mail*.

Chút gặp gỡ quen biết thoáng qua hôm ấy đã đưa tôi về với hai câu bất hủ trong bài phú cũng bất hủ của một người tài hoa mà mệnh bạc, bài phú mà, theo truyền thuyết, Vương Bột đã phóng bút viết thẳng một hơi từ đầu đến cuối, vào cái hôm ông ghé vào Đằng Vương Các trên đường qua Giao Chỉ thăm cha:

Quan san nan việt, thùy bi thất lộ chi nhân

Bình thủy tương phùng, tận thị tha hương chi khách

Phải rồi, non ải chênh vênh khó vượt, ai ngùi thương cho kẻ lỡ độ đường, thôi thì bèo nước gặp nhau đây, hãy cùng tạm vui trong cảnh lưu lạc nơi đất khách. Tôi cố tình vặn cái ý hai câu trên cho nó hợp với hoàn cảnh của mình, chứ thật ra thì nghĩa đúng và nghĩa đen lại khác. Thoáng một hình bóng xinh xắn duyên dáng bên đường , một hình bóng vô tình mà đọng lại bên một trong những đoạn đường mà nhiều lúc mệt mỏi- ai mà tránh được một vài phút mệt mỏi nản lòng trong nghề nghiệp - dù mình không muốn cũng vẫn phải xông tới, phải lang thang... Âu cũng là một chút lời lãi của nghề, của nghiệp.

Dư vị của một ly nước dừa tươi, thơm, mát -cái dư vị mà trong thú uống trà người mình gọi hậu ngọt và người Trung Hoa gọi là hậu vị - đĩ nhiên là đã tan biến trong vị giác, nhưng mà cái toàn thể của ảo ảnh của nét đẹp hôm ấy cho đến hôm nay có vẻ như vẫn nguyên vẹn mà hiện ra vào lúc tôi không chờ đợi, trở về từ cái vực không đáy của ký ức, của kỷ niệm. Trời đất! một chút nắng, một câu nói tự nhiên, một nét cúi đầu nhuốm chút e thẹn... thì ra chúng vẫn có cái đời sống riêng trong tâm thức tôi. Nếu như quả tôi tin vào sự hiện hữu của chủng tử mà sách vở của nhà Phật thường nhắc đến, vốn được chứa trong cái nghiệp của mỗi người, thì tôi chắc là buổi chiều vàng - vàng thật, nhờ vào ánh nắng, chứ không phải tôi lặp lại một cái sáo đã cũ mèm - hôm ấy đã lọt vào và đang dai dẳng sống trong tôi, sẽ theo tôi cho đến kiếp sau và nhiều kiếp sau nữa cho đến khi... tội tiêu thì tâm diệt, cho đến khi tôi biết tu. Tịnh Độ hay Thiền đây tôi cũng chưa biết, mà xét cho kỹ hai con đường ấy cũng là một.Tu mà dọn đường vào cõi vô sinh, rồi *stop* luôn cái vòng luân hồi lẩn quẩn của tôi. Coi bộ khó!

Bởi vì, mấy năm sau, nhân có dịp qua Nongkhai, tôi có ghé vào quán nước của Na, nhưng lại không gặp. Đứng trông hàng là một bà già Thái Lan, mà tôi lại không biết một tiếng Thái nào , ngay cả cái tên thật của Na, tôi cũng không nhớ. Làm sao mà hỏi thăm. Tôi uống một ly nước cam hộp, ngại rằng gọi một ly nước dừa như lần đầu, lại không bắt được cái hương vị cũ. Rời cái quán ấy được vài bước, tôi quay đầu nhìn lại con đường lúc ấy đã được tráng nhựa, chợt thấy tiếc, mà không biết tiếc những

gì... Nguyễn Bính thường vẫn hay tâm sự với một người chị, chị Trúc, về những *vấn vương*, những *duyên nợ dọc đường*. Thường, ông yêu thương thầm lặng rồi buồn mà tiếp tục ra đi, tiếp tục sống với những giấc mơ tình của mình. Nhưng mà, theo tôi biết qua hàng nghìn câu thơ giản dị, trong sáng mà đầy xúc cảm ấy, ít ra cũng có một lần mà ông đã yêu và được yêu, đã sống với ước hẹn, chứ không phải chỉ ước mơ:

Em trồng được một cây lê
Hẹn bốn năm nữa thì về hái hoa

Mà rồi cuộc hẹn hò ấy cũng không níu được bước giang hồ của ông. Lý do? Đây:

Nhưng mà vườn đất người ta
Mình là khách trọ một vài đêm thôi

Còn như tôi, không có trồng cây gì ở Thái Lan cả. Không trồng cây si đã đành, vì tôi chỉ ngắm Na trong chốc lát, thấy xinh xắn dễ thương ngồi nán lại chuyện trò bâng quơ. Rồi thôi. Không có hẹn hò chi cả. Còn như trồng dừa thì, với cái nghề nay đây mai đó của tôi vào dạo ấy, chờ cho đến Tết Congo mới có nước dừa mà uống!

Vậy nhưng mà có một hạt giống của cái Đẹp tình cờ đã rơi xuống luống đất tình cảm của tôi, một luống đất mà tôi nghĩ đã hết màu mỡ, đã khô cạn, đã cằn cỗi. Cũng trên luống đất ấy, một cái mầm Đẹp đã nẩy ra, lặng lẽ đâm rễ, ra nhánh, trổ hoa, kết trái dù tôi không hề vun xới, chăm bón.

Dừng mắt lại trên nải chuối giữa bàn viết, vô tình mà sức sống của nét Đẹp đó đã giúp cho tôi, dù chỉ trong mấy giây, sống thành thật, sống không giả tạo, không pha trộn, cứ nói là sống "nguyên chất" với con người thật của tôi. Và cái gợn rung động khi tôi nhìn màu lục và màu vàng trên mấy quả chuối cau giữa bàn chính là nỗi hân hoan khi tình cờ bắt lại được một hình ảnh cũ và đồng thời cũng là chút tiếc nuối một buổi chiều, một đoạn đường đã mất hút.

8/2001

Đón đọc Văn Học số đặc biệt về
trịnh công sơn
qui tụ nhiều bài vở quan trọng, nghiêm túc về
sự nghiệp âm nhạc và thi ca của trịnh công sơn
về ảnh hưởng của trịnh công sơn đối với
thế hệ lớn trong chiến tranh.
Báo ra đầu tháng Mười 2001

Mai sau

Song Thao

Khi vợ chồng Phụng ly dị, Giao mừng thầm trong bụng nhưng ngoài mặt anh vẫn giữ vẻ buồn bã vừa phải. Anh biết Phụng đã chịu đựng vợ rất nhiều. Loan có nhan sắc, bặt thiệp nhưng cái tâm không được đẹp như cái dáng. Nàng chỉ biết có mình, trau chuốt cho thân xác và thủ kỹ tới từng xu. Nơi Loan, đồng xu có hai kích thước. Nó rất nhỏ bé khi nàng tiêu cho mình và rất to lớn khi nàng tiêu cho người khác. Người khác đây bao gồm cả Phụng, người mà nàng bòn rút từng đồng tiền lẻ. Chẳng bao giờ Phụng được hưởng một chút tiền rơi vãi của vợ. Túi tiền của Loan có cái miệng rất hẹp, khó có một đồng tiền chì lách ra được qua những ngón tay kiểm soát cẩn thận của nàng. Nàng luôn luôn có một lý do để vắng mặt đúng lúc trả tiền, ngay cả trả cho những thứ chính nàng chọn mua cho nàng.

Tạo hóa là một ông chủ bất công số một. Khi kết đôi cho một cặp vợ chồng, lão trời già này thường đã ngang nhiên chỉ tay kết tội một người bắt phải thua thiệt mọi bề. Phụng nằm trong số những người xấu số này. Những đồng tiền rộng rãi mà anh dâng hiến cho vợ chẳng giúp anh mua được chút quyền uy nào. Loan dành luôn quyền vùng vằng, giận dỗi, nhiếc móc, chì chiết và thậm chí có khi còn lăng mạ, xỉa xói chồng. Giao đã có lần mắng Phụng.

"Tao chưa thấy có thằng chồng nào đụt như mày. Mẹ kiếp, cứ như tao thì tao đã cho xong từ lâu rồi".

Phụng chẳng hề có phản ứng với lời dạy dỗ thô bạo của bạn. Anh vớt vát.

"Thì tại phúc nhà mày lớn, mày vớ được Lựu nên mày không hiểu được tao. Thế thôi. Thằng nào hay, thằng ấy biết."

Giao tức trong bụng mà đành ngậm câm. Phụng nói cũng đúng. Biết Loan như vậy mà Giao cũng chưa bao giờ tỏ ra mặt được một phản ứng

coi được với vợ bạn. Anh không vồn vã với Loan nhưng anh cũng không tỏ ra ơ hờ với nàng. Chất nịnh đầm trong Giao vẫn còn đầy ắp. Một nụ cười tươi, một câu nói khéo hoặc một cử chỉ dịu dàng cũng đủ hóa giải mọi toan tính làm cho ra lẽ của anh. Làm một điều không tốt coi bộ khó hơn làm một điều tốt. Cái cốt của mấy anh lịch lãm nó như vậy.

Phụng có dư lịch lãm để phân vân trước đề nghị khá bất ngờ của Giao. Anh muốn kéo Phụng về ở chung với vợ chồng anh.

"Nhà tao rộng, ba phòng ngủ tao chỉ xài có một. Cho đứt mày một phòng cũng còn rộng chán. Tại sao mày phải đi thuê phòng ở ngoài?"

Nghe ra thì có lý nhưng Phụng vẫn ngại.

"Tao thấy không tiện. Có tao ở thì cuộc sống của mày với Lựu phải khác đi. Tao không muốn."

Giao quắc mắt.

"Tao đã mở lời mời mày thì chẳng có gì không tiện cả."

Giao nói át đi như vậy nhưng Phụng lại nghĩ khác. Thân thì thân thật đấy, mày tao từ thời còn đánh bi đánh đáo cho tới bây giờ vẫn cứ mày tao, nhưng mỗi người một phận, chung đụng nhau tất phiền. Đôi co mãi, Giao xuống nước.

"Tao cần mày. Chắc mày hiểu."

Mặt Giao chùng xuống. Xanh xao hơn. Hốc hác hơn. Từ khi vướng vào căn bệnh quái ác, Giao như một người khác. Hết sôi nổi, hết hăng hái, hết sức sống. Anh thu người vào trong căn nhà, chẳng buồn tiếp xúc với ai. Thành phố trăm đường trước kia anh tung tăng đủ cả trăm, ngày nay anh chỉ uể oải hầu như chỉ trên một con đường duy nhất: từ nhà tới bệnh viện và từ bệnh viện về tới nhà. Khi thì một buổi, khi thì một ngày, khi phải nằm lại vài ba ngày, lòng anh mặn chát mỗi lần phải tới nơi không thương được. Đời anh chỉ còn hai điều an ủi: có Lựu dịu dàng bên cạnh và có Phụng để anh quên đi cuộc sống ngặt nghèo. Chỉ với Phụng, anh mới tìm lại được phần nào đời sống cũ. Cười cợt, đấu láo, mắng mỏ, tâm sự với nhau.

Nhìn Giao ngồi lặng câm, mắt rũ xuống, người lỏng lẻo trong bộ đồ ngủ, bàn tay khẳng khiu mân mê quanh thành ghế, Phụng đành chịu thua.

"Thôi được. Tao chiều mày."

Mặt Giao sáng lên.

"Có thế chứ! Tao biết mày chẳng bao giờ bỏ tao."

Lựu sắp đặt căn phòng dành cho Phụng thật tươm tất. Giường tủ, bàn ghế đâu vào đó chờ Phụng dọn tới. Gia tài của Phụng nhét không đầy băng ghế sau và góc thùng xe. Quần áo, sách báo, đĩa nhạc, máy hát, ti vi và giàn máy điện toán. Giao nhìn Phụng khuân đồ vào nhà với đôi mắt

của người bắt được của. Anh hớn hở ra mặt, nụ cười nhẹ nhàng trên môi như chẳng muốn bay đi.

Thuốc của Giao, bày lủ khủ một bàn, thứ uống ngày, thứ uống tối, thuốc trước bữa ăn, sau bữa ăn, lại còn thứ giữa bữa ăn. Thuốc như một đống khổ hình. Lựu là người ngăn nắp, nàng sắp xếp, lựa sẵn thuốc cho Giao, nhưng anh vẫn õng ẹo như một đứa trẻ, phải ngọt ngào dỗ dành mới chịu uống cho. Từ ngày bữa ăn có Phụng, khác đi. Hai người trò chuyện liên miên. Phụng chỉ việc đổ thuốc ra trước mặt là Giao bốc bỏ vào miệng liền. Cơm ăn cũng vậy. Giao khều khều từng hạt cơm trông phát nản. Lựu có thân mật đút cho ăn thì Giao cũng vẫn uể oải.

"Nhai cơm như nhai rơm. Mẹ kiếp, trâu bò thật!"

Lựu vỗ về.

"Anh thích ăn món gì, cho em biết, em nấu cho anh ăn ngon miệng."

"Cái miệng anh nó không ngon chứ không phải cơm em nấu không ngon. Em có nấu tới gì đi nữa thì cũng vậy thôi. Để mai mốt, em nấu cơm cúng anh, lúc đó anh hết bệnh chắc sẽ thấy ngon miệng hơn."

Mắt Lựu tối sầm xuống. Nước mắt ở đâu mà dính trên má. Nàng đã nhất quyết giữ niềm vui cho chồng, nén mọi khổ đau trong lòng, nhưng sao câu nói của Giao vẫn dành đoạn lòng nàng. Nhìn thấy nước mắt của vợ, Giao thở dài.

"Anh xin lỗi em!"

Giao chẳng nói thêm được gì nữa. Nước mắt đã chặn môi miệng anh.

Những bữa cơm có Phụng thì khác. Anh oang oang chuyện gẫu, tán dóc, khích bác Giao. Miệng lanh lẹ như tay, Phụng vừa nói vừa tiếp cho Giao ăn. Giao vừa tỏ ra uể oải, Phụng đã mắng át.

"Ăn đi mày. Vợ mày vất vả đoán ý mày để nấu cho mày những món ăn vừa miệng thì mày phải ăn đi chứ. Chất ga lăng mày vất đi đâu hết rồi?"

Giao cười mếu máo.

"Ga lăng cái con khỉ ấy! Người còn nát hướng chi cái ga lăng. Mày đếch biết gì cả, chỉ nói tầm bậy!"

Phụng xuống giọng dỗ dành.

"Ừ thì thôi. Vứt mẹ nó cái ga lăng đi. Cơm cũng là thuốc đấy. Ăn đi cho khỏe để còn gây sự với tao chứ. Tính tao ưa nặng, không có đứa nào chọc cho sôi máu thì buồn. Mẹ kiếp, đớp đi mày!"

Giao đành cố nuốt miếng cơm một cách khó nhọc. Cũng chỉ được vài miếng rồi lại ai oán.

"Ăn cũng đi đứt, chẳng ăn cũng đi đứt. Chó má thật!"

Phụng làm bộ gân cổ.

"Thì thằng chó nào chẳng phải đi đứt. Mày tưởng tao lột da sống đời được à?"

Giao chậm rãi.

"Nhưng mày chưa trông thấy lằn mức. Tao thấy rồi."

"Trông thấy hay không thì lằn mức vẫn có đó. Mẹ kiếp, đời người mà! Có sinh có diệt. Khi mày chui ra khỏi bụng mẹ mày thì ông trời đã vẽ sẵn cho mày một vòng tròn rồi. Tụi văn vẻ chúng nó gọi là cái vòng tử sinh, cục súc như tao thì gọi là cái vòng chó má. Mày lớn lên một chút thì cái vòng kim cô đó thu nhỏ lại một chút. Lớn tới cỡ tao với mày thì nó đã chật lắm rồi. Bệnh tật của mày có làm nó chật thêm một chút thì mặc mẹ nó, lý tới nó làm gì. Nghĩ tới cái sống chứ đừng nghĩ tới cái chết. Vui được lúc nào hay lúc đó. Mày có Lựu, có tao. Thây kệ cái vòng chó má đó. Cho nó quê luôn!"

Giao lại cười gượng.

"Mày ăn nói nghe cũng dược đấy chứ. Chỉ phải cái tội dùng hơi nhiều dường thôi. Mà, kệ cha nó. Ngọt một chút cũng dâu có sao!"

Phụng bón cho Giao từng niềm vui nho nhỏ như thế. Tưởng là phất phơ cho Giao quên đi cái phũ phàng của bệnh tật, nhưng một lần, lựa lúc chỉ có hai người, Lựu đã nước mắt đầy vơi cám ơn Phụng.

"Từ ngày có anh ở đây, cuộc sống như thay đổi hẳn. Trước kia, em với Giao thui thủi như hai oan hồn nương dựa vào nhau. Em cố vui vẻ cười nói tới vô duyên mà Giao vẫn buồn bã nặng nhọc. Căn nhà không có sinh khí như một nấm mồ chôn chặt một thân xác và một tâm hồn. Thân xác của Giao và tâm hồn của em. Em chẳng biết cám ơn anh đến thế nào mới đủ."

Phụng gạt đi.

"Lựu có còn coi tôi là bạn không vậy? Làm được gì cho Giao, tôi không bao giờ nề hà. Tôi vẫn coi đó như là bổn phận của mình, huống chi chỉ làm một thứ lão ngoan đồng hạng bét!"

Thương Giao, dã đành, Phụng cũng thấy thương Lựu. Nhìn nàng cúc cung hầu hạ, chiều chuộng Giao, Phụng vừa khâm phục vừa thương hại. Cuộc sống nhiều khi bày ra những thử thách nặng nề tưởng con người chẳng cách gì gánh được. Vậy mà, dáng liễu như Lựu cũng trần thân xăng xái chống đỡ. Bệnh của Giao là bệnh khốc liệt, chẳng một chút hy vọng qua khỏi, mà còn lặng lẽ ngốn đần da thịt anh mỗi ngày, mỗi giờ. Thuốc thang như làm phép, chống đỡ được ngày nào hay ngày đó. Giao biết vậy mà Lựu cũng biết vậy. Giao chịu đựng sự dày vò thân xác thì Lựu cũng quay quắt chịu đựng sự dày vò tâm hồn. Giao cam chịu dã đành mà Lựu

cũng dành phải cam chịu. Trời đã nhẫn tâm gửi đến họ phong ba bão táp thì họ chỉ còn biết co vào nhau mà chống đỡ. Có điều là Giao nằm dẹp lép trong cơn lốc còn Lựu vừa cố đứng vững trong cuồng phong vừa cố lôi kéo Giao đứng dậy. Phụng thấy nể sức chịu đựng của Lựu. Chết héo trong lòng mà vẫn phải tươi tỉnh dựng Giao lên.

Giao cũng có nỗi dày vò riêng. Anh có cảm tưởng như mình đã ăn cắp cuộc sống của Lựu. Trước kia, Lựu ưa chưng diện, ưa đi ra ngoài, ưa những tụ họp đông người, ưa chồng đưa đi ăn, đi chơi. Giao bao dung chiều chuộng cái duyên dáng đàn bà của Lựu. Đàn bà phải tươi tỉnh nhẩn nha gặm nhấm cuộc sống như vậy. Giao thích cái nữ tính mềm mại nơi vợ. Anh có cái thú căng ngực mang chất đàn ông ra sống với Lựu. Cho tới khi cơn bệnh ập đến làm anh xấc bấc xang bang. Những con vi khuẩn giấu mặt đã quay anh như quay dế. Giao chán mình, chán tất cả cỏ cây hoa lá trên đời. Chẳng gì có thể làm anh tha thiết. Anh lập một hàng rào tự nhốt mình cô độc bên trong. Cho tới khi anh quen với cơn bệnh. Nó ở trong anh như một thân thiết. Lại thêm có Phụng mang đến cuộc sống không nhuốm bệnh. Anh như người triền miên trong cơn ngủ dài bỗng giật mình thức giấc. Giao chợt nhận ra lại cái bóng bên mình là Lựu.

Lựu như khô héo đi với căn bệnh của Giao. Nàng vứt bỏ cuộc sống của mình để đau cùng chồng. Nhiều khi Giao ngồi thẫn thờ nghĩ tới cái sức sống vui tươi của Lựu đang bị nỗi bất hạnh của anh đè bẹp dí. Anh muốn chảy nước mắt. Còn nhúc nhích được chút nào, anh cố mang lại vui tươi cho Lựu chút đó. Lựu không biết lái xe, anh cố gắng đưa Lựu đi chợ, ghé chỗ này một chút, chỗ kia một chút cho Lựu mua sắm. Sức anh chỉ được đến vậy. Nhiều khi anh mệt lả nhưng vẫn cố deo mặt nạ với vợ. Nhưng Lựu có con mắt và linh tính của một người vợ. Nàng luôn luôn muốn hy sinh cái thú riêng của mình để vợ chồng có thời giờ ngồi hóng gió bên hồ hoặc đi dạo chút chút dưới những hàng cây xanh lá. Nhưng đành hanh là tính của con tạo, mỗi ngày Giao như mỗi đuối thêm. Lái xe giữa phố phường đông đúc, xe cộ dan nhau, bụi khói ngột ngạt là một cực hình đối với anh. Có Phụng, anh như nối được thêm cánh tay.

"Phụng này, mày làm ơn thay tao đưa Lựu đi chợ, đi công việc được không? Tao ngại chơi với con ngựa sắt già nua quá rồi."

Nghe bạn nói, Phụng thấy ngại. Sóng đôi với Lựu ra đường, gặp người này, gặp người kia, anh sợ có sự hiểu lầm. Nhưng anh cũng thấy cái lý của Giao. Giao cần nghỉ ngơi. Khi Giao đã thấy sợ lái xe thì trong người anh hẳn đã lại hụt thêm sinh khí. Phụng ngần ngừ.

"Lái xe đưa Lựu đi thì không thành vấn đề. Nhưng có khó nghĩ cho Lựu không? Rồi còn thiên hạ nữa chứ. Toàn những cái miệng rồi rảnh

không mới phiền chứ!"

Giao háy Phụng.

"Mày cũng kiểu cách dữ hè! Mẹ kiếp! Làm như con quan không bằng. Lựu thì chẳng có gì phiền. Để tao nói với bà ấy là xong. Còn miệng thiên hạ ấy à? Mày lý chi tới những cái lỗ đó. Chuyện mình mình cứ làm, ai mà bịt được những cái toang hoác ấy. Hay là mày lại viện cớ để nuông chiều cái thói làm biếng của mày?"

Phụng đỏ mặt.

"Vừa thôi chứ mày. Công nhận là cái gì có thể làm biếng được thì tao ít khi bỏ qua dịp may. Nhưng khi cần thì cam đoan với mày, tao nhất định không thua anh lực điền nào hết. Mày cần tao lái xe à? Xong ngay!"

Giao mỉm cười. Cái thằng phổi bò này muốn được việc thì phải nặng tay với nó một chút. Chơi với nhau lâu ngày, anh biết tính bạn. Cho Phụng vào xiếc là nghề của anh, từ lâu. Xong được Phụng, anh tính với Lựu. Buổi tối, hai vợ chồng nằm trên giường, anh thấy người bải hoải, than nhức chân nhức tay. Lựu vội vàng xoa nắn cho anh. Anh được dịp nhỏ nhẹ với vợ.

"Chân tay anh hồi này coi bộ yếu. Nghĩ tới lái xe anh ớn quá. Ngay cả chỉ ngồi trên xe, anh cũng đã thấy mệt đứt hơi. Anh tính em cần đi đâu thì nhờ anh Phụng đưa em đi được không?"

Lựu dừng tay ngơ ngác nhìn chồng. Anh xuống thêm một nấc thang nữa rồi sao? Nàng nuốt tiếng thở dài trong bụng. Lựu chẳng ngạc nhiên, bà bác sĩ đã nói rõ với nàng đường đi nước bước căn bệnh của Giao , nhưng sao tim nàng vẫn như bị một bàn tay vô hình bóp đến nghẹt thở.

"Anh tính sao cũng được. Sức khỏe của anh là trên hết, lúc nào em cũng nghĩ như vậy. Nhưng đi riêng với anh Phụng, em thấy ngài ngại thế nào ấy. Có kỳ không anh?"

Giao uể oải.

"Ở đó mà kỳ với không kỳ! Chuyện mình nghĩ là phải thì mình cứ làm chứ, còn thiên hạ thì kệ xác họ. Khi cần, có ai đưa cái móng tay ra giúp mình không?"

Giao nói gì thì nói, Lựu vẫn chưa quen được cái ý tưởng sóng đôi với Phụng ở ngoài đường, nhưng nàng quả lo ngại cho chút sinh lực còm cõi của Giao. Chẳng vì cái cấn cái không đâu mà nàng có thể đành lòng véo đi một chút sức tàn quí giá của chồng.

"Anh đã nói vậy thì em xin vâng lời anh. Em luôn luôn chỉ nghĩ tới sức khỏe của anh. Em yêu anh!"

Lựu ôm ghì chồng, hôn tới tấp lên má, lên môi, lên mắt, lên trán Giao. Nước mắt nàng rịn quanh mi. Trận mưa hôn làm Giao tê tái. Anh

siết vòng tay, gục mặt vào vai Lựu, ngàn cân buồn phiền như được gửi vào đôi vai mảnh mai tội nghiệp của nàng.

Giữa chốn đông người, Phụng luôn luôn ké né giữ khoảng cách cần thiết khi đi với Lựu. Lựu cũng cố tránh những cử chỉ, lời nói dễ gây hiểu lầm. Vậy mà cũng không xong. Cái cộng đồng người Việt nhỏ bé trong thành phố không thiếu gì những đôi mắt soi bói, những cái miệng rỗi rãi, những cái đầu lươn trạch luôn muốn rúc vào đời sống của người khác. Cô bạn thân của Lựu kéo nàng vào một góc vắng trong chợ.

"Anh Giao khỏe không?"

Lựu thẫn thờ.

"Khỏe gì nổi. Càng ngày càng tệ đi thì có. Mày tính coi, bệnh đó thì mày đã biết, tính theo tháng, rồi tuần, rồi ngày, rồi giờ. Thuốc và tẩm bổ chỉ để kéo dài được chừng nào hay chừng đó. Tới một lúc nào đó..."

Lựu nghẹn ngào nói không thành tiếng. Cô bạn thở dài.

"Tội vợ chồng mày quá! Khi không vướng vào ngõ cụt. Anh Giao không đi với mày được nữa à?"

"Anh ấy đã bắt đầu thấy sợ cái ồn ào ở ngoài đường rồi, người như muốn buông xuôi. Đành theo mệnh trời chứ biết làm sao!"

Mắt cô bạn hực lên.

"Tao biết nỗi khổ tâm của vợ chồng mày. Vậy mà mấy đứa ăn không ngồi rồi, chuyên dí mũi vào quần người ta nói ra nói vào phát ghét!"

Lựu cười nhạt.

"Chuyện tao đi với anh Phụng phải không?"

"Chứ còn gì nữa! Mà thây kệ những cái miệng thúi hoắc đó mày ơi. Chịu khó nghe mày! Cho tao gửi lời thăm anh Giao nghe. Mai mốt tao lại thăm."

Chia tay cô bạn, lòng Lựu bầm dập. Nàng như thấy trăm ánh mắt nóng rực đang thiêu đốt vai nàng. Lựu co người lại, cúi mặt ra quầy tính tiền. Khi theo Phụng lễ mễ trên tay những túi xách ra xe, Lựu đi như người không hồn.

Buổi tối, khi đã ở trong phòng riêng với Giao, Lựu phân vân chẳng biết có nên nói cho chồng nghe chuyện ngoài đường không? Mặt Lựu đờ dẫn. Những ngổn ngang trong lòng nhảy cả lên mắt Lựu. Giao đọc trên đôi mắt ngần ngại của vợ sự bất an.

"Hình như em không được khỏe phải không?"

Câu thăm dò của Giao làm Lựu giật mình.

"Sao anh hỏi em vậy?"

Nàng cố vui nét mặt. Giao ngả đầu lên thành ghế.

"Anh đọc được trong mắt em."

"Như vậy thì anh đọc sai trang rồi. Thấy mắt em tươi chưa?"

Giao bẹo má vợ.

"Anh không đọc sai trang đâu. Em vừa giở sang trang đấy chứ. Em chưa xong trang trước sao đã vội giở sang trang sau? Em có điều chi muốn kể cho anh nghe không?"

Lựu dựa đầu vào vai chồng. Nàng muốn bung lòng mình ra cho vơi bớt tủi hờn. Đầu nàng trĩu xuống. Giao nghe nằng nặng trên vai. Ruột anh quặn đứt. Đôi vai chắc nịch ngày xưa Lựu vẫn tìm về dựa mỗi khi bối rối nay vênh lên khúc xương cấn cái. Dù sao, đó vẫn là đôi vai của Giao. Lựu nghe lòng mình được vỗ về êm ả. Giao với tay xoa đầu Lựu. Nàng như muốn khóc.

"Thiên hạ lắm miệng quá anh ạ. Em buồn!"

Giao kéo đầu vợ dựa vào ngực mình, bàn tay dò dẫm trên mi mắt Lựu.

"Chuyện em đi với Phụng phải không?"

Đầu Lựu ngúc ngắc trên ngực chồng.

"Kệ họ! Anh biết là được rồi."

Giọng Lựu run rẩy.

"Anh, em cần anh!"

Giao hôn lên tóc vợ.

"Anh biết. Anh thèm được làm chỗ dựa cho em, suốt đời. Nhưng anh biết chẳng bao giờ được như vậy. Anh thương em!"

Lựu bật khóc nấc lên. Nỗi tủi hờn ào ra xối xả. Giao lặng thinh xiết chặt Lựu. Mắt anh mờ đi. Mặc cảm bất lực càng anh ra. Trí óc anh dờ dẫn. Anh cảm thấy mắt anh đang ứa ra nỗi đau đớn tê dại.

"Mai sau, khi anh không còn nữa, em sẽ dựa vào đâu mà sống? Anh có lỗi với em. Anh thương em côi cút."

Lựu mở to mắt thết lên.

"Anh đừng nói nữa! Em van anh!"

Mặt Giao vô hồn. Bức tường trắng trước mặt bày ra một khoảng trống rợn người.

"Lựu, chúng ta phải nhìn vào sự thực phũ phàng đang ngấu nghiến chúng ta."

Lựu rấm rứt cố đè chặt những thổn thức trong lòng. Giọng Giao băng giá.

"Phụng là bạn anh. Anh ấy cũng như anh. Anh hiểu từng ngóc ngách trong con người anh ấy. Anh tin Phụng. Anh thương em. Anh nghĩ Phụng có thể bảo bọc em. Kệ thiên hạ em ạ!"

Lựu ngẩng mặt lên, khuôn mặt nhòe nhoẹt nước mắt. Giọng nàng sắt lại.

"Anh muốn nói gì vậy?"

Mặt Giao vẫn không có hồn. Lựu như thấy một bức tượng chảy nước mắt. Nàng bấu mạnh vào ngực Giao. Pho tượng sống vẫn câm nín. Như đã ngàn năm.

Gió thốc tháo rung từng cánh cửa. Mưa bùng bùng gõ vào những vuông kính giận dữ. Trời gầm thét dữ dội. Phụng vừa đi kiểm soát cửa vừa bảo Giao.

"Xứ sở gì đâu mà cái gì cũng quá đáng. Mình leo tuốt lên đỉnh trái đất để ngụ cư kể cũng có cái bất tiện. Mưa gió thì như anh vũ phu nổi giận, sấm chớp thì như đập nát mặt. Khi trời yên gió lặng thì treo sát đầu một ông trăng khổng lồ mặt đỏ rần như anh say rượu có thể té xuống đè bẹp mình bất cứ lúc nào."

Giao cười.

"Vậy mà có người loay hoay mãi mới đặt được cái chân run rẩy vào cái chỗ dễ sợ đó."

Phụng nói lảng.

"Bởi vậy!"

Lựu từ phòng bếp chạy qua.

"Anh Phụng đóng giùm hết cửa chưa? Trời đất gì mà dữ dằn. Sợ muốn chết."

Giao nhìn vợ.

"Em khỏi lo. Anh Phụng có bùa ếm sấm chớp ở bên ngoài hết rồi. Cứ để cho mưa gõ cửa. Làm gì nhau tốt!"

Lựu te tái trở vào bếp. Giao lắc đầu.

"Tội nghiệp! Đàn bà là một sinh vật cần dựa dẫm. Phụng này, tao rùng mình khi nghĩ tới lúc Lựu mất chỗ dựa."

Phụng xua đi nỗi lo của Giao.

"Đừng có nghĩ vẩn vơ. Mày làm ơn giữ vững tinh thần, thuốc thang chăm chỉ, ăn uống bình thường dùm tao. Rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp."

Giao lắc đầu.

" Tao không nghĩ như mày. Tao nghĩ tới những người thân, mai sau. Tao biết trong người tao chứ. Mày đâu có nói với tao những điều mày thực sự có ở trong đầu, phải không?"

"Tao không phải là người đối trá."

"Đúng, mày không đối trá, mày chỉ thương tao thôi. Tao lại thương Lựu và tin ở mày. Phụng, tao hỏi thật mày nghe, khi tao không còn, liệu Lựu có thể dựa vào mày được không?"

Phụng bàng hoàng. Câu hỏi của Giao cũng xoáy vào tai anh như tiếng sấm ầm ì cuồng nộ ngoài kia. Anh nhìn Giao bối rối.

"Chuyện mai sau còn xa vời vợi, lúc đó sẽ hay. Mày nghĩ xa làm gì cho tổn thọ."

Giao vẫn đính cứng vào ý nghĩ của anh.

"Tao chỉ muốn mày trả lời thẳng. Có thể hay không?"

Phụng chiều bạn.

"Còn tùy, nhưng có thể."

Giao cúi mặt nói nhỏ.

"Cám ơn mày!"

Giao trở lại bệnh viện. Bác sĩ giữ anh nằm lại. Người Giao mỏi nhừ. Cái đau như một đứa trẻ nghịch tinh, cấn chỗ này rồi nhảy qua cấn chỗ khác. Khắp người. Anh chống trả với những cơn đau bằng tất cả sức tàn của anh. Bác sĩ mời Lựu vào phòng riêng. Nhìn bộ mặt nghiêm trọng của bà bác sĩ thường ngày chẳng bao giờ vắng nụ cười, Lựu run lên. Nàng kéo Phụng.

"Em sợ quá! Anh vào với em được không?"

"Lựu phải bình tĩnh. Chắc chưa đến nỗi nào đâu."

Phụng trấn an Lựu mà như tự trấn an mình. Anh cũng hoang mang chẳng kém Lựu. Phụng đỡ Lựu vào gặp bác sĩ. Bà bác sĩ lúc nào cũng bị công việc quấn lấy chân nên không có thời giờ vòng vo. Giọng bà nhỏ nhẹ buồn rầu.

"Chắc bà đã biết, bệnh ung thư cho tới bây giờ vẫn chưa trị dứt được. Thuốc thang chỉ để kéo dài thêm được tới đâu hay tới đó. Bệnh ông nhà đã ở vào thời kỳ cuối. Sau những cơn đau ông sẽ hôn mê cho tới khi tắt thở. Tôi đã cố kéo dài cuộc sống của ông được hơn ba năm, đó là một điều an ủi. Cho bà cũng như cho tôi. Cầu mong bà có đủ can đảm để vượt qua lúc khó khăn này cũng như ông nhà đã can đảm đương đầu với căn bệnh ngặt nghèo trong suốt mấy năm qua."

Bà bác sĩ không tiết lộ cho Lựu và Phụng biết là Giao có gửi bà hai bức thư dán kín. Một cho Lựu và một cho Phụng. Giao đã dặn kỹ bà là chỉ trao hai bức thư này khi anh không còn nữa. Nét mặt nhàu nát và lời nói nghẹn ngào của Giao đã nói cho bà biết đó là những bức thư quan trọng. Anh đã lắp bắp dặn bà như một người đang cố bước ra khỏi những vòng dây rối mà chân cẳng còn như muốn dính vào đất đai cuộc đời.

tháng7/ 2001

Thơ Nguyễn Khánh Hòa

Uống rượu một tình xa

(Để nhớ một xà tinh)

Không ước gặp
có chi
mà nuối tiếc

Trăm năm sau
thân thiết
chẳng muộn màng

Vuông tóc ngắn
tịnh yên
trong trí nhớ

Niú chân người
một thuở
đã sang sông

Da mật ngọt
thơm từng
hơi thở dịu

Vết son môi
ngơ ngác
một đời tình

Em nhỏ nhẹ
ngỡ ngàng
quên xiêm áo

Chút ân cần
sót lại
sẽ...riêng nhau

Đêm . Ngửa cổ
nuốt từng
hơi rượu đắng

Say . Suốt đời
sao chẳng
khỏi ...được em

Là em không chừng

Là em
theo
bước xuống dời

Là xôn xao
nắng
Là bồi hồi
mưa

Là tôi
lậm
phải yêu bùa

Là trăng sao
rũ
bốn mùa khiêm cung

Là mây
xa
dẫu muôn trùng

Là em
tôi biết
vô cùng dấu yêu

Là mai sau
hết
nuông chìu

Là yêu thương
chớ
đôi điều
thiệt , hơn

Là em
Là em không chừng

Là tôi
thương
nhớ
xin
đừng xa tôi

Thập giá

Hoài Mỹ

- Em gấng thu xếp về kẻo muộn mất.

- Mẹ vẫn ở trong nhà thương à?

- Bác sĩ chê cả rồi. Họ cho đem mẹ về từ chiều hôm qua.

- Chị báo cho cái Thịnh chưa?

- Tính gọi cho em xong rồi điện cho nó sau. Giờ này chắc nó đang đi làm.

- Liệu vợ chồng nó về được không?

- Chị cũng không biết nữa. Nghe nói ở bên Mỹ xin nghỉ khó lắm. Với lại nó mới nhận công việc này.

- Trường hợp đặc biệt chắc sở thông cảm.

- Hy vọng vậy. Thế em về nhá. Nhà có mình em là trai. Mấy ngày trước còn tỉnh, mẹ cứ nhắc em hoài.

- Vâng. Nhưng em cũng phải thu xếp một vài công việc. À, chị Trâm này...

- Gì, em?

- Mà thôi.Không sao.

- Nhớ cho cả con bé về nhá.

- Phải vậy chứ còn biết gửi ai.

- Tội nghiệp! Bà nội thì cũng chưa được thấy mặt cháu.

Ở đầu dây bên kia bỗng bật lên tiếng khóc. Tùng đặt nhẹ điện thoại xuống. Chính Tùng cũng phải dằn lại cơn đao động. Tùng biết nếu nói chuyện tiếp, chắc chắn Tùng sẽ lại phải nghe những tiếng nức nở của chị mình. Tùng rất sợ nước mắt.

Ly cà phê đậm giúp Tùng tỉnh táo hơn. Trên mặt đồng hồ hiện lên số 6. Vậy bên nhà đang giữa trưa. Tùng tính nhẩm đồng thời tưởng tượng

những sinh hoạt sắp tới của gia đình. Thông báo hung tín. May áo tang. Mua quan tài. Trình cha làm lễ. Xin đất trong nghĩa địa. Bận tíu tít. Chắc có đông người lui tới. Mẹ vốn được nhiều người dành cho thiện cảm. Hàng xóm. Họ hàng. Bạn hữu. Hẳn ai cũng muốn nhìn mặt kẻ hấp hối lần cuối. Từ biệt sinh ly. Không biết anh chị sẽ đặt giường mẹ ở đâu. Chắc phía bên trái bàn thờ, cạnh cửa sổ trông ra vườn. Tùng thở dài. Hình ảnh của mẹ sinh động trong tâm trí Tùng. Từ thuở xa xưa. Thời mẹ Tùng đầu tất mặt tối với gánh bún riêu hàng này ngoài chợ để nuôi đàn con năm đứa. Chồng chết sớm nhưng bà vẫn lo được cho các con ăn học. Vừa lớn lên, Tùng chưa kịp phụng dưỡng mẹ ngày nào thì đã phải chạy ra nước ngoài. Ít năm sau em út của Tùng theo chồng sang Mỹ. Vợ chồng chị Trâm đọn về ở chung với mẹ, phần để mẹ đỡ buồn, phần để phụ mẹ chăm sóc đứa em gái kế bị bệnh tâm thần. Tùng cũng đã về thăm gia đình một lần. Lâu lắm rồi. Chừng hơn bảy năm nay. Thời Tùng còn độc thân. Ngày đó Tùng đã thấy mẹ mình già đi nhiều. Tóc bạc trắng. Tròng mắt kéo màng. Lưng không còn thẳng. Tay chân run rẩy. Cuộc đời gánh gồng vất vả đã rút hết sinh lực của mẹ. Tùng muốn bảo lãnh mẹ sang Na Uy cho mẹ sung sướng phần nào nhưng mẹ bảo chỉ ao ước khi ông bà gọi về, được nằm cạnh thày chúng mày. Vả lại mẹ cũng không nỡ xa lìa đứa con bệnh hoạn. *Tao đi thì ai lo cho nó.* Trọn đời mẹ chỉ biết sống cho con, vì con. Thế rồi Tùng cưới vợ. Có con. Tan vỡ. Những sóng gió cuộc đời khiến Tùng tối tăm mặt mũi. Tùng như đã quên hẳn những người ruột thịt ở quê nhà, chỉ sực nhớ khi chị Trâm gọi điện thoại sang hỏi thăm hoặc thông báo tin tức gia đình. Rồi Tùng lại quay cuồng trong nhịp sinh hoạt của xã hội. Nhất là hoàn cảnh của Tùng. Gà trống nuôi con. Đối tượng của cuộc sống hiện tại là con. Nhưng cả tuần rồi Tùng được chị cho biết những diễn biến bệnh tình của mẹ. Tùng xốn xang, tuy nhiên chỉ như những đợt sóng. Cho đến sáng sớm nay, sau lời gọi về của chị, Tùng tự cảm thấy phải quyết định. Bất cứ giá nào cũng phải nhìn thấy mẹ lần cuối.

Uống cạn phần cà phê đã nguội tanh còn lại trong ly, Tùng lật đật đứng dậy. Đã hơn bảy giờ. Tùng vào phòng đánh thức bé Phượng. Như mọi lần Tùng bật hết các ngọn đèn, kéo màn cửa sổ, đặt một đĩa nhạc thiếu nhi vào máy. Bé Phượng đang ngon giấc, bị lay dạy, càu nhàu:

- Con muốn ngủ nữa!

Tùng ngồi xuống mép giường, lùa tay vào cạnh sườn con khiến nó la oai oái:

- Nhột! Nhột!

- Sáng rồi, dậy đi con.

- Chưa có sáng! Con còn buồn ngủ!

- Đó, tối qua bố đã bảo đi ngủ sớm, cứ đòi xem tivi mãi. Bây giờ nhụ nhựa.

Bé Phượng kéo chăn lên đắp lại, miệng phụng phịu:

- Tại phim hoạt họa hay chứ bộ.

- Nếu vậy để bố điện thoại lên đài truyền hình yêu cầu họ bỏ phim hoạt họa đi để con được ngủ nhiều, chịu không nào?

- Con sẽ méc cô giáo!

- Thế thì bây giờ con phải dậy chứ. Nhanh lên con, sáng nay bố có nhiều việc phải làm lắm.

- Việc gì?

Tùng không trả lời, lấy dép xỏ vào chân con rồi dắt tay con vào phòng tắm:

- Con đánh răng, rửa mặt lẹ tay rồi ra ăn sáng. Bố thấy trễ giờ rồi đó.

Bé Phượng đứng lên một chiếc ghế cho cao hơn bồn rửa, vặn nước nhưng lại đùa nghịch với bóng mình trong gương. Nó há lớn miệng, le lưỡi. Hàm trên của nó đã mất hai cái răng cửa. Chân nó nhún nhẩy, tay múa uốn éo theo tiếng hát của ban hợp ca nhi đồng. Con chim ban mai đã tỉnh táo.

Tùng nướng sẵn hai miếng bánh mì, quét mứt dâu, hâm nóng ly sữa pha với ca-cao. Ấy vậy mà Tùng vẫn phải dỗ ngon dỗ ngọt và hứa đủ thứ bé Phượng mới chịu ăn hết phần nửa. Rồi thay quần áo - vào mùa đông thì hết lớp áo trong, áo ngoài, mũ, khăn quàng cổ, sau đó thoa kem cho da mặt da tay khỏi khô. Sáng nào cũng phải mất ít nhất cả tiếng đồng hồ hai cha con mới ra xe. Điệp khúc cũ lại được bé Phượng cất lên:

- Cho con ngồi trước với bố đi!

Và lần nào cũng vẫn câu trả lời quen thuộc:

- Con còn nhỏ, chưa được phép, cảnh sát phạt bố.

- Thế sao bố vẫn bảo con lên bẩy thì đã lớn rồi phải ngoan?

- Trong nhà thì khác, đi xe thì con vẫn còn bé.

- Khi nào con được ngồi ghế trên với bố?

- 12 tuổi.

- Con sắp 12 chưa, bố? Đến tết phải không?

- Ừ

Xe chạy được một đoạn đường, bé Phượng nói vọng lên:

- Bố nhớ gì không?

- Nhớ gì?

- Bố hứa chiều nay cho con đi ăn tiệm.

- Muốn Mc Donald hay Pizza?

- Con ngán mấy thứ đó rồi. Ăn hoài à!

- Thế con thích gì? Bố cho con tha hồ chọn.

- Con cũng không biết nữa. Mà thôi đừng ăn tiệm nữa bố ạ.Hay là bố mua..mua...cá về chiên ăn với cơm ở nhà.

- Con hết thích đi tiệm rồi sao?

- Thích...nhưng con sợ nhỏ Tina biết lại chọc quê con.

- Chọc gì?

- Nó bảo chỉ những người không có mẹ mới phải đi ăn ở ngoài nhiều lần.

Ngực Tùng bỗng nhói đau. Chiếc xe chao đảo. Tùng bẻ quặt kịp tay lái, bằng không đã gây ra tai nạn cho dòng xe bên cạnh. Trong kính chiếu hậu Tùng thấy khuôn mặt bé Phượng vẫn bình thản. Ánh mắt nó hướng ra bên ngoài. Trời hôm nay âm u. Những ngọn cây dọc bên xa lộ ngả nghiêng. Gió chắc mạnh lắm.

- Bố mở nhạc đi. Con muốn nghe Spice Girls.

Tay Tùng làm theo ý muốn của bé Phượng nhưng câu nói vừa rồi của con vẫn quẩn đọng trong đầu óc Tùng. Mẹ nó bỏ đi như vậy mà đã hai năm rồi. Sự việc xảy ra với Tùng vẫn như trong chiêm bao. Bất ngờ. Dễ dàng đến không tưởng nổi. Đang làm trong sở thì Tùng nhận được vợ nhắn tin qua lời nhắc lại của bà thư ký văn phòng. *Chiều về anh ghé đón con ở vườn trẻ.* Và một lá thư để lại trên bàn trong phòng khách. *Vĩnh biệt. Xin anh tha lỗi cho em. Con hãy tha tội cho mẹ.* Từ đó biệt tăm. Có người đồn vợ Tùng theo một người Na Uy giầu sang. Kẻ khác quả quyết chính mắt nhìn thấy cô ấy ở bên Mỹ và nghe nói đã lập gia đình với anh chàng tình nhân cũ. Tùng không tìm hiểu. Với Tùng, một khi người đàn bà đã dứt tình mẫu tử thì chẳng còn sức mạnh nào có thể lưu giữ họ lại được nữa. Vợ Tùng đã tự quyết định một sự lựa chọn dứt khoát. Tùng bó tay. Chới với nhưng rồi Tùng cũng cố gắng hồi tỉnh. Tùng dành trọn tâm trí cho con. Tùng xin nghỉ làm một thời gian. Các công việc nhà hoàn toàn xa lạ đối với Tùng. Luống cuống. Vụng về. Tùng tập làm một người mẹ. Thật khó khăn. Tùng chịu đựng và nhẫn nại. Điều khiến Tùng khổ tâm quay quắt là những câu nói của con. *Mẹ đi đâu mà lâu quá vậy bố? Chừng nào thì mẹ về? Bố nấu món này dở ẹc, chẳng giống mẹ vẫn làm tí nào. Bố lấy lộn rồi, cái này là quần nhái mùa đông chứ dâu phải vớ dài. Mũ len màu đỏ của con đâu rồi, bố?Bố ơi, con nhức đầu, buồn...*Nước mắt Tùng ứa ra những lần giữa đêm con giật mình thức giấc ú ớ gọi mẹ. Tùng tưởng đã phải bỏ cuộc, buông xuôi nhưng các cơn lốc rồi cũng lắng yên. Bé Phượng quen dần cảnh ngộ. Nay Tùng đã dám ngẩng đầu, hướng mắt về tương lai.

- Bố chạy quá trường rồi!

Tùng giật mình. Thấy đường vắng, Tùng vội đạp thắng rồi cho xe chạy lùi trở lại, tìm chỗ đậu. Bé Phượng gặp bạn, ùa ngay vào đám đông. Tùng hỏi thăm cô Kari nhưng đồng nghiệp cho biết cô bị bệnh, không đến dạy. Lớp của bé Phượng có thầy giáo khác thay thế. Tùng nói chuyện với hiệu trưởng, xin phép cho bé Phượng được nghỉ học hai tuần để về Việt Nam vì bà nội sắp sửa qua đời. Sau đó đến sở làm, Tùng cũng trình bày lý do như vậy và cũng được chấp thuận ngay.

Tùng không ngờ các công việc đều trôi chảy. Liên lạc với tòa đại sứ Việt Nam bên Thụy Điển để xin giấy phép tạm nhập cảnh bằng điện thư. Đặt vé máy bay, chuyến sớm nhất trong tuần. Đổi tiền. Đến văn phòng bác sĩ xin chỉ dẫn một số thuốc cần thiết. Mua vài bộ quần áo mỏng cho con, ít quà tượng trưng cho các cháu... Xong xuôi cũng vừa đến giờ Tùng lái xe đến trường đón con.

Bé Phượng lần đầu tiên được đi máy bay, gặp gì cũng hỏi. Tùng đã lo con sẽ chóng mệt vì cuộc hành trình lâu dài. Nhưng nó vẫn nói cười huyên thuyên. Các nữ tiếp viên hàng không cho bé Phượng đồ chơi, hình vẽ và những thứ nước ngọt nó đòi. Nó vui hơn cả những lần được dự sinh nhật của bạn bè cùng lớp. Tùng chỉ được ngồi yên khi bé Phượng đã ngủ say. Đầu óc Tùng thơi thả đôi chút để nghĩ đến mẹ. Những ray rứt đồng thời cũng ùa tới trong tim. *Mẹ ơi, chờ con về!* Hôm qua không thấy chị Trâm cho hay thêm tin gì nữa. Sáng nay Tùng và bé Phượng lại ra đi sớm. Hy vọng mọi sự còn kịp. Ngoài ra Tùng cũng không muốn gọi điện thoại báo tin ngày giờ mình về. Lúc này người nào cũng bận rộn. Tùng chẳng dám phiền ai đến đón mình ở phi trường. Tùng thầm cầu nếu mẹ có mệnh hệ gì, hãy đợi con và cháu về nghe lời trăn trối. Thời gian trên máy bay, nhất là những giờ chờ đợi chuyển tiếp hành trình ở các phi trường Tùng có cảm tưởng dài vô tận.

Nhưng rồi Tùng và bé Phượng cũng đặt chân xuống phần đất quê hương. Tùng xúc động mặc dù trong thâm tâm đang ngổn ngang những lo âu. Tùng điều chỉnh đồng hồ đeo tay. 9 giờ 30. Bé Phượng luôn miệng kêu nóng:

- Bố ơi, mình về Na Uy đi bố!
- Con hổng thích ở đây, gì mà nóng như lửa!
- Con cởi trần được không hả bố?

Tùng lắc đầu, cười mỉm. Mặt mũi bé Phượng lấm tấm mồ hôi. Nó uể oải đi sau bố. Tùng theo các bảng chỉ dẫn để tới các địa điểm làm thủ tục nhập cảnh. Gần một tiếng đồng hồ sau Tùng và bé Phượng mới ra khỏi phi cảng. Người ta chen chúc chờ đón thân nhân từ ngoại quốc về. Vài

Tùng đeo chiếc túi xách, một tay kéo va-li, tay kia nắm chặt tay con. Hai cha con Tùng phải vất vả lắm mới lách qua khỏi các đám đông. Lại phải không ngừng chống chọi với những cuộc giành giật của cả một đạo quân tài xế thuộc đủ loại xe. Tùng không lạ cảnh tượng này vì đã về đây một lần nhưng chưa thể quen nổi. Cuối cùng Tùng đành chịu thua một anh lái taxi. Tuy đã có máy tính tiền tự động trong xe nhưng anh ta vẫn xin thêm một khoản phụ trội. Bằng đô la. Phần mệt mỏi, phần lo con bị đãi nắng quá lâu, Tùng đồng ý. Chiếc xe liền lao mạnh đi, lách như con lươn trong dòng lưu thông đông nghẹt, thỉnh thoảng chiếm cả lề đường của bộ hành.

Gia đình Tùng cư ngụ ở vùng ngoại ô Gia Định. Nơi đây đã thay đổi bộ mặt. Những hàng dừa sai trái ngày nào nay đã nhường chỗ cho xa lộ. Nhiều cửa hàng thương mại xuất hiện. Đã mất đi quang cảnh hiền hòa của đồng nội. Tuy vậy chen lẫn giữa những ngôi nhà lầu vẫn còn nhiều mái tranh vách đất. Xe cộ thi nhau ngược xuôi, tung bụi và phun khói lên các quán cóc nằm rải rác dọc theo hai bên đường. Những người gồng gánh lặng lẽ nhanh chân dưới ánh nắng gay gắt.

Chiếc taxi quẹo vào một đường hẻm, Tùng nhận ra được ngay căn nhà mình. Bỗng như có một luồng điện chạy khắp cơ thể khi Tùng chợt thấy đông người đang đứng lố nhố trước cổng nhà. Loáng thoáng có vài người mặc áo trắng hoặc chít khăn trắng. Một chiếc bạt nhà binh được giăng từ hiên nhà, che rợp đến nửa phần ngõ đi. Trống ngực Tùng đập mạnh, liên hồi. Tùng ra hiệu cho tài xế dừng xe. Bé Phượng nhổm hẳn người lên, ngơ ngác:

- Tới nơi rồi hả bố?

Tùng gật đầu. Từ trong đám đông một người đàn bà lớn tuổi đăm đăm nhìn về phía taxi và khi Tùng vừa bước ra khỏi xe thì một giọng nói khàn đục cũng đồng thời reo lên:

- Chúa ôi, ai như thằng Tùng kìa!

Bà đi vội tới. Tùng thốt lên:

- Dì Thảo!

Bé Phượng đứng lặng bên đống hành lý. Nó chẳng biết sự liên hệ thế nào giữa bố mình và người đàn bà lớn tuổi này. Nó càng ngạc nhiên hơn khi bà ôm lấy bố, gào khóc:

- Mẹ mày đi mất rồi! Ối giời cao đất thẳm ơi, sao chị không chờ con, chờ cháu về rồi hãy đi! Chị nỡ lòng nào.

Nhiều người nữa cũng chạy lại. Ai cũng rưng rưng nước mắt. Bắt tay Tùng hoặc ôm Tùng nhưng dường như không người nào nói thành câu. Tùng cũng nghẹn lời. Bé Phượng vẫn không hiểu chuyện gì. Hôm qua bố chỉ nói cho nó về Việt Nam chơi, thăm bà nội. Được nghỉ học, đã thích

quá chừng, lại còn đi du lịch, nó nhảy lên reo hò sung sướng. Bé Phượng chưa từng chứng kiến cảnh tượng nào như thế này. Rõ ràng không phải họ khóc vì mừng gặp lại nhau, bởi vắng hẳn những nụ cười thông thường kèm theo. Chỉ toàn nước mắt. Những bộ mặt méo mó đau khổ. Những âm giọng nghẹn lại trong cổ họng. Bé Phượng mất hết những hào hứng. Nó ngùi ngùi bước đi giữa đám người thân thuộc của bố nhưng vẫn hoàn toàn xa lạ với nó.

Vừa vào đến nhà, Tùng bật khóc lớn, gọi mẹ ơi! *Mẹ ơi!à Sao mẹ không chờ con về?* Tùng lao người tới, ôm lấy chiếc quan tài đã được đặt ở giữa nhà, trước bàn thờ. Người ta nâng Tùng dậy, mặc cho Tùng áo sô và khăn tang. Đèn, hương nghi ngút. Hoa phúng điếu đầy dẫy. Một người nào đó đặt tay bé Phượng lại gần Tùng sau khi đã quấn trên đầu nó một vành khăn trắng. Bây giờ thì nó đã hiểu sự kiện. Thì ra bà nội chết và bố nó đang khóc thương. Tự nhiên nó cũng rươm rướm nước mắt. Lần đầu trong đời nó thấy bố khóc. Và nó tội nghiệp bố.

Chị em Tùng đứng tụm lại ở đầu quan tài. Chỉ thiếu người con gái thứ ba ở Hoa Kỳ không về được. Những tiếng sụt sùi cộng với giọng cầu kinh tiếp tục rân ran trong bầu khí nóng nực, ngột ngạt. Giờ phút nghiêm trọng. Thân nhân muốn Tùng được nhìn mặt mẹ lần cuối. Ông trưởng họ thắp hương, khấn vái trước tấm ảnh của người quá cố. Rồi với dáng điệu hết sức thành khẩn, ông từ từ nâng nắp quan tài lên. Bé Phượng sợ quá, khóc thét, bám chặt lấy sau lưng bố mình. Bà Thảo đứng gần đó vội kéo bé Phượng ra ngoài. Bà vẫy một đứa cháu gái lại, nói nhỏ:

- Tí này, mày dẫn em sang nhà bà mà chơi nhá. Bà cho chị em ít đồng muốn mua gì thì mua.

Bé Phượng líu ríu đi theo đứa con gái tên Tí mà chiều cao chắc cũng chỉ nhỉnh hơn đỉnh đầu nó. Miệng nó vẫn mếu máo. Mặt tái nhợt. Sau lưng bé Phượng tiếng khóc nức nở từ trong vẫn nhà vọng ra, như muốn đuổi theo nó.

Nắp quan tài được đậy lại. Vĩnh viễn. Tùng đứng vái trả những khách đến phân ưu sau khi họ được tin con trai của người chết mới từ nước ngoài về. Gần tới chiều chị Trâm nói nhỏ với Tùng:

- Giờ này vãn người, em vào nghỉ tí đi rồi đùng bữa. Đã có cái Tuyết với ông họ Thiện lo ngoài này. Tội nghiệp em, về chưa kịp thở đã phải lăn xả vào việc. Chắc em đói bụng lắm rồi nhỉ?

Tùng cũng hạ giọng khi trả lời chị như sợ nói lớn sẽ phạm đến sự u buồn và trang nghiêm hiện hữu trong nhà:

- Không đói nhưng nóng kinh khủng. Em tắm cái đã.

Mâm cơm đã được dọn sẵn ở chái nhà. Thức ăn có cả thịt gà, heo và

bia rượu. Anh Nguyễn, chồng chị Trâm bỏ những cục nước đá vào ly trong khi vợ múc thêm tô canh cua rau đay. Tùng ngồi vào bàn:

- Nhà bận mà chị cũng bày vẽ thế này?

Chị Trâm chép miệng:

- Gì thì cũng phải ăn uống chứ. Với lại những thức này cũng có sẵn. Mấy đứa bên dì Thảo qua hộ một tay, thoáng cái là xong ấy mà. Mai mốt lo dám cho mẹ xong nhà mình cũng phải làm một bữa đàng hoàng để dãi đàng họ hàng. Dù sao em và cháu lâu lắm mới có dịp về.

Tùng như không chú tâm lắm đến câu nói của chị, đảo mắt nhìn quanh, thoáng cau mày:

- Thế chị Thanh đâu, chị? Từ lúc về mải việc em không để ý.

Chị Trâm vẫn bận tay với mâm cơm, trả lời bình thản:

- Gửi bên bác Trọng rồi. Dở người như thế đâu dám để ở nhà. Với lại từ lúc mẹ mất nó cứ cào cấu mặt mũi, xé cả quần áo.

Tùng nén tiếng thở dài, chuyển hướng câu chuyện:

- Anh chị gọi các cháu vào ăn một thể cho vui.

Anh Nguyễn đỡ lời:

- Cậu khỏi lo, các cháu ăn bên bà Thảo. Từ ngày nhà có đám, các cháu qua nhờ bên đó cả. Cậu cầm đũa, kẻo nguội.

Tùng mời anh chị rồi uống một hơi cạn ly bia:

- Chắc cháu Phượng cũng theo các anh chị?

Chị Trâm cười nhỏ; giọng thoáng chút tự mãn:

- Bám chị Tí lắm! Hai chị em có vẻ hợp nhau.

- Tí mấy tuổi rồi chị?

- Chín rồi đấy. Chỉ tội đẹt nhưng cũng khôn dáo để. Lần trước em về, nó đi chưa vững thế mà nay đâu đường xó chợ nào cũng biết.

Anh Nguyễn hạ tách rượu xuống, góp chuyện:

- Chắc con Tí lại dẫn em ra Trung Tâm chơi thôi.

Tùng thắc mắc:

- Chỗ nào vậy, anh? Nghe lạ quá.

- Bây giờ ở đây thay đổi nhiều rồi. Cậu nhớ quán bà Tư Xệ không? Chỗ đó cách nay hơn một năm có xí nghiệp nước ngoài về mở một khu vực buôn bán gọi là Trung Tâm. Hàng quán nhiều lắm, bán đủ thứ mặt hàng nội, ngoại. Mà cũng khối trò chơi bòn tiền con nít!

Tùng vừa và miếng cơm đầu tiên vào miệng, chưa kịp nuốt thì bỗng ngoài ngõ, trước cổng nhà xôn xao tiếng gọi, tiếng la. Khác thường. Nhiều người chạy tới, chạy lui. Nhốn nhác. Anh chị Nguyễn và cả Tùng đều vội bỏ đũa bát, chạy ùa ra. Một giọng nói thất thanh từ phía xa:

- Con bé bị điện giật!

Chị Trâm túm lấy một thanh niên vừa chợt đi tới:

- Ai bị...gì thế?

Cậu này ngơ ngác, ú ớ:

- Em...mà đâu có biết!

Vừa lúc đó đứa cháu lớn của dì Thảo hớt hơ hớt hải chạy từ đầu ngõ về. Đầm đìa nước mắt. Nét kinh hoàng in rõ trên khuôn mặt tái nhợt của nó. Con bé gào lên:

- Cô ơi...là cô ơi...em nó...chết rồi...cô ơi!

Trâm nắm lấy hai vai nó, lắc mạnh;

- Em, em nào? Sao...chết? Kể cho tao nghe đầu đuôi ra sao!

Cặp mắt của con bé như dại đi, giọng tức tưởi:

- Em...Phượng...Cái Tí...dẫn em...ra Trung Tâm...

Tùng thét lên Trời ơi, con tôi! - đồng thời lao mình chạy. Anh Nguyễn gọi với theo: Trung Tâm phía này cơ mà! - rồi vội giật chiếc xe gắn máy của một người hàng xóm đang dừng lại nghe chuyện. Anh Nguyễn vừa đẩy xe vừa đạp bốn năm lần động cơ mới nổ. Tùng nhảy lên yên sau. Chiếc xe vụt đi, tung bụi mịt mù.

- Thế còn con Tí đâu? Mày có đi chung với chúng nó không? Ai bảo chúng mày dem nhau ra chỗ ấy?

Chị Trâm tiếp tục nắm cánh tay con bé, hỏi dồn dập. Nó vẫn như kẻ mất hồn:

- Cái Tí về sau cháu!Cái Tí rủ cháu chứ...Cháu lạy cô!

Bà Thảo đứng gần đó, lôi con bé về phía mình, hỏi nhẹ nhàng hơn dù giọng của bà cũng lật bật:

- Tại sao em Phượng lại bị điện giật?

- Dạ. Cái Tí có tiền mua vé. Nó bảo cân thi xem ai nặng. Em Phượng cởi dép...trèo lên trước. Chúng cháu đâu biết...cái cân bị... chạm điện.

Từ phía xa bóng cái Tí xiêu vẹo hiện ra. Tiếng khóc nức nở của nó vọng tới trước. Nhìn thấy con, chị Trâm đứng sững.

Những người đang cầu kinh cho kẻ quá cố cũng đã chạy cả ra ngoài ngõ, bàn tán. Chị em Trâm gần như lăn lộn bên vệ đường, gào khóc. Trong nhà chiếc quan tài nằm cô quạnh. Hai ngọn đèn đặt cạnh tấm ảnh đã cháy hết nến, tắt ngúm từ bao giờ. Khuôn mặt người từ trần trong hình tối sầm lại.

Ba bốn người đàn ông ôm Tùng giữ lại, không cho Tùng chạy theo vào bên trong bệnh viện. Người ta sợ đứa bé ộc máu tươi nếu để thân nhân ruột thịt nhìn thấy mặt. Vô phương cứu chữa. Như trường hợp kẻ bị chết đuối. Tùng tiếp tục vùng vẫy, gào thét. Giọng đã khản. Mắt đã đỏ vì khóc

mẹ, giờ như hai cục máu trên khuôn mặt tóp lại, hốc hác. Tùng biến đổi nhanh chóng. Trong khi đó anh Nguyễn đứng nói chuyện trong văn phòng. Một nữ y tá hỏi anh tên, tuổi, quốc tịch và địa chỉ của nạn nhân. Ngoài ra cô ta không cho anh biết thêm chi tiết gì khác nữa, bảo chờ bác sĩ. Anh Nguyễn chầu chực trước phòng cấp cứu hồi sinh. Toàn thân anh như bị lửa đốt. Anh hết đứng dựa vào tường lại ngồi xệp xuống sàn gạch. Cửa phòng vẫn đóng im ỉm.

Gần hai tiếng đồng hồ sau bác sĩ phụ trách bước ra hành lang bệnh viện. Anh Nguyễn đi bên cạnh. Tùng vội vàng chạy lên. Với cặp kính trắng xệ xuống sống mũi, khuôn mặt lộ vẻ mỏi mệt, bác sĩ bắt tay Tùng, nói ngay:

-Cháu bé bị điện giật khá mạnh. Chúng tôi đã cố gắng nhưng cháu vẫn trong tình trạng hôn mê, phải tiếp tục nằm trong phòng hồi sinh. Tôi chưa thể biết chắc sự gì có thể xẩy ra. Ngày mai tôi sẽ cho chụp hình toàn bộ, xem có triệu chứng xuất huyết nội tạng hay không.

Tùng mếu máo:

- Xin bác sĩ cứu con tôi. Hết bao nhiêu tiền tôi cũng sẵn sàng trả.

Vẫn với giọng trầm trầm, vị bác sĩ lớn tuổi này trấn an Tùng:

- Hy vọng chiều mai anh vào thăm cháu bé được. Bây giờ thì anh cứ về nghỉ ngơi. Trường hợp có chuyện gì khẩn trương, chúng tôi sẽ liên hệ với gia đình. Bệnh viện đã có số điện thoại đây rồi.

Anh Nguyễn chào bác sĩ rồi cầm tay Tùng kéo xuống bậc thềm. Đi được vài bước bỗng Tùng quay ngược lại, xụp xuống ôm lấy chân bác sĩ, khóc thảm thiết:

- Trăm lậy ông...ngàn lạy ông...xin cứu con tôi! Tôi chỉ có mình nó!

Những người đứng gần dấy trố mắt nhìn cảnh tượng. Vị bác sĩ phụ trách đỡ Tùng đứng dậy. Anh Nguyễn đưa tay ngang lưng Tùng, dìu đi. Tùng vẫn nấc lên từng hồi.

Sáng sớm hôm sau dám tang mẹ Tùng vẫn được tiến hành như đã định. Linh cửu được đưa đến nhà thờ trước khi ra nghĩa địa. Ngoài họ hàng con cháu, hàng xóm láng giềng đến dự lễ an táng chiếm gần hết ghế trong thánh đường. Số người đông bất ngờ có thể vì họ thấy ứng nghiệm điều mà xưa nay sách vở vẫn nói tới. *Họa vô đơn chí*. Và họ muốn chia sẻ niềm cảm thông với gia đình người quá vãng. Vị linh mục chủ tế trong bài giảng phân ưu với nhà hiếu nhắc lại cuộc bức tử của Chúa Giêsu trên thập giá. Đau đớn tận cùng. Nhục nhã tận cùng. Để hy vọng vĩnh cửu. Ông nói thuộc lòng và trơn tru.

Tùng theo sau quan tài. Những bước chân của Tùng chập choạng như

đi trên vùng đất lồi lõm. Bên cạnh Tùng chị em Tùng khóc lóc, kể lể. Mất Tùng ráo hoảnh dưới tấm khăn sô.

Đám tang chưa hoàn tất hẳn, Tùng đã vội vàng thuê xe chạy lên bệnh viện. Tùng quên mình vẫn còn đang mặc tang phục. Cô y tá dẫn Tùng vào gặp bác sĩ trực. Ông ta giảng giải gì đó nhưng Tùng chỉ nghe rõ được mỗi câu cháu bé vẫn hôn mê.

Bé Phượng đã được đưa ra nằm ở một phòng riêng, có máy điều hòa không khí. Vừa thấy con, Tùng nhào tới, nấc lên *Con ơi... Bố đây, con ơi!* Tùng ôm con, gọi tên nó, hôn lên trán nó, xoa nắn bàn tay nó. Nước mắt Tùng rơi xuống mặt con. Bé Phượng như đang ngủ say. Giống công chúa ngủ trong rừng. Chỉ khác nơi đây không có tiếng chim hót, suối reo, không bầu trời, gió mát, không cây xanh, hoa muôn sắc. Trái lại, toàn màu trắng. Và tử khí.

Một ngày rồi hai, ba ngày qua đi, bé Phượng vẫn nằm bất động. Tùng không rời con giây phút nào. Khuôn mặt Tùng hốc hác. Đôi mắt như đã lạc thần. Miệng Tùng nhiều lúc lẩm bẩm một mình, khi lại nhếch cười vu vơ. Chị Trâm, em Tuyết, dì Thảo muốn thay Tùng coi cháu nhưng đều bị Tùng đuổi đi. Anh Nguyễn cũng chẳng nói được chuyện gì với Tùng. Công an địa phương điều tra nội vụ không trông cậy được sự cộng tác cần thiết nơi Tùng, đành chấp nhận anh Nguyễn làm đại diện. Hàng ngày anh Nguyễn vẫn lên nhà thương nhưng phần nhiều chỉ để trả bệnh phí và chạy đi mua những thứ thuốc mà bác sĩ ghi trong toa.

Đến ngày thứ tám bác sĩ điều trị gọi anh chị Nguyễn vào văn phòng. Ông khuyên nên đưa cháu bé về nhà. Dù gì, cháu ra đi cũng giữa những người thân thay vì lạnh lẽo trong bệnh viện. Ông đã bó tay. Chị Trâm òa khóc.

Trái với sự lo lắng của nhiều người, Tùng không phản ứng gì khi bác sĩ tháo máy trợ tim và các dây truyền dưỡng chất nơi bé Phượng. Chị Trâm đứng trong góc phòng, luôn tay chấm nước mắt. Tùng ngồi bất động trên chiếc ghế đẩu. Cô y tá quấn bé Phượng trong một tấm vải hoa. Tùng bỗng đứng bật dậy, dành lấy con. Anh Nguyễn đã gọi được taxi. Tùng ôm con ra xe. Suốt dọc đường Tùng lẩm bẩm như đang nói chuyện với con. *Bố đưa con về Na Uy nhá. Ở đây nóng quá, hả con? Bố con mình về Na Uy, nghe con!*

Bé Phượng cũng được đặt trên chiếc giường kê trước bàn thờ. Chỗ của bà nội tuần trước. Hai ngọn nến cháy sáng bên cây thập giá. Tùng vẫn không rời con. Khoảng 9 giờ 30 tối, bé Phượng bỗng như rùng mình một cái. Tùng há hốc miệng, ngã chúi xuống. Âm thanh không thoát khỏi lồng ngực

*

Một người đàn ông Việt Nam tiều tụy kéo những bước chân nặng nề vào máy bay. Không hành lý. Trừ một chiếc bị đeo ở trước ngực. Trong bị này có bình đựng tro hài cốt con gái của ông ta. Nếu nhìn kỹ, người ta thấy ông ta hẳn chưa lớn tuổi nhưng nhân dáng thì như đã già lắm. Tóc bạc gần hết đầu. Khuôn mặt xanh xao, bạc nhược. Đôi mắt thẫn thờ, lạc thần. Miệng ông ta không lúc nào ngưng lẩm bẩm điều gì đó. Nữ tiếp viên hàng không xem vé trên tay ông ta rồi hướng dẫn vào ghế ngồi. Ông ta không nhìn ai hay bất cứ thứ gì. Người ngồi bên cạnh nhắc ông ta cài thắt lưng an toàn nhưng dường như ông ta không nghe thấy âm thanh nào bên ngoài. Nữ tiếp viên định giúp ông ta để chiếc bị lên thùng chứa hành lý, tức thì ông ta gầm gừ; ánh mắt trở nên dữ dội. Từ đó hai tay ông ta luôn luôn ôm ghì chiếc bị. Người ngồi bên cạnh đã điều đình với nữ tiếp viên xin đổi sang chỗ khác. Trong suốt cuộc hành trình người dàn ông Việt Nam này không nhận thức ăn, nước uống. Miệng ông ta thì thầm liên miên với chiếc bình đeo trên ngực. Cả khi mọi hành khách khác đã ngủ.

Sau hơn 19 giờ bay, phi cơ từ từ hạ cánh. Khuôn mặt người dàn ông Việt Nam vui lên rõ rệt. Như xảy ra một phép mầu. *Con ơi, mình về đến Na Uy rồi đấy!* Ông ta xô đẩy những hành khách khác, chen ra trước. Đi như chạy. *Con thấy không khí mát chưa con?. Bố con mình về nhà mình, nghe con!* Ông ta linh động hẳn, biết gọi taxi và nói địa chỉ. Xe chạy ngang qua những con dường trùng điệp núi rừng. Bầu trời nhiều mây xám. Gió. Ông ta nhìn qua kính xe, cười một mình. Nụ cười hiền lành, pha nét ngây ngô. Vào tới thành phố, xe giảm tốc lực. Ông ta chỉ tay qua kính xe, lay lay chiếc bình trên ngực. *Trường của con kia kìa! Đấy, đấy Tina, Vivi, cả Diễm nữa đang vẫy con! Chúng nó mừng lắm khi biết con đã về. Cô Kari thì đương nhiên vui rồi. Mai con lại đi học nhé! Bố hứa sẽ cho ngồi xe phía trước với bố, chịu chưa! Sức mấy mà bố ngán cảnh sát!* Ngươi tài xế nhíu cặp lông mày đậm, liếc nhìn gã ngoại kiều Á châu kỳ lạ.

Tới nơi, người đàn ông Việt Nam lôi một nắm giấy bạc trong túi đưa cho tài xế. Cả đô la lẫn tiền Việt Nam, tiền Na Uy. Ông ta biến dạng thật nhanh vào trong chung cư. Người tài xế nhún vai, lắc đầu. Chiếc xe lại vụt đi.

Ông ta bước nhẹ chân vào phòng ngủ, ấn nút đèn bàn. Ánh sáng vàng nhạt tỏa lan. Ấm cúng. Ông ta đặt chiếc bình đựng tro hài cốt đứa con gái xuống cái gối có thêu hình con thỏ cầm củ cà-rốt. Ngủ đi, con gái rượu của bố! Bây giờ con được an toàn rồi! Ông ta xuống bếp, ngồi vào chỗ vẫn ngồi uống cà phê mỗi buổi sáng sớm, chờ đến giờ đánh thức con dậy đi học. Chẳng hiểu ông ta có nghĩ ngợi gì không mà bộ mặt thẫn thờ. Bên

ngoài trời bắt đầu nhá nhem tối. Gió chuyển mình thổi mạnh hơn. Sắp mưa. Ít phút sau ông ta đứng dậy mở tủ thuốc. Hộp valium ngay tầm mắt. Thuốc này ông ta đã dùng một hai viên vào những ngày đầu vợ mới bỏ đi. Sau đó ông ta không cần nữa vì thấy phải tỉnh táo để lo cho con. Ông ta dần dần tập được giấc ngủ tự nhiên. Thế mà ông ta lại quên quẳng vào thùng rác. Như vẫn thường làm mỗi khi thấy thứ thuốc nào hết hạn. Hai năm rồi đấy. Ông ta cho một viên thuốc vào miệng, rót nước. Ực. Viên thứ hai, thứ ba. Ực. Cuối cùng như sốt ruột, ông ta dốc hết vào miệng những viên thuốc màu hồng còn lại trong ống nhựa. Uống cạn ly nước. Ực. Giống như hồi trẻ ông ta thường "đụng trận" với bạn bè. Trước khi ra khỏi bếp ông ta cũng nhớ tắt ngọn đèn treo thẳng xuống mặt chiếc bàn tròn, nơi cha con ông hàng ngày vẫn ngồi ăn cơm, cười đùa với nhau.

Ông ta trở lên phòng ngủ, đặt mình xuống giường. Bằng một cử chỉ hết sức âu yếm ông ta kéo chiếc bình đựng tro hài cốt sát vào người mình. *Uả, con còn thức hả?* Ông ta lại lẩm bẩm nói chuyện. *Con chưa buồn ngủ sao? Đi đường xa như thế mà không mệt à? Thôi được, để bố kể chuyện cổ tích con nghe nhé. Ngày xửa ngày xưa, lâu lắm rồi, có một con heo con sống với bố nó ở trên một đỉnh đồi. Gì, con? À, cô giáo Kari kể có những ba con heo con hả? Ừ thì ngày xửa ngày xưa. Con không thích nghe chuyện nữa hả? Con thích bố hát? Cũng được! Bằng giờ năm xưa Phượng còn bé tí teo. Mà rày năm nay Phượng lớn như con mèo! Hả? Con không chịu làm con mèo à? Thế con muốn làm con gì? Con thỏ? OK Bằng giờ năm xưa.* Tiếng hát nhỏ dần...nhỏ dần rồi tắt lịm.

Gần giữa trưa mà trời cũng chỉ hửng sáng. Thời tiết đã chớm vào thu. Ngày kéo dài chừng năm sáu tiếng đồng hồ. Chóng tối. Người đi lại vắng vẻ. Thiên nhiên khởi sự xơ xác. Bỗng chuông điện thoại của người đàn ông Việt Nam này reo vang. Tiếng reng...reng như gầm lên vì trong nhà hoàn toàn thinh lặng. Điện thoại reo lâu lắm. Người ở đầu dây bên kia vẫn kiên nhẫn chờ. Có thể đó là thân nhân của ông ta ở Việt Nam gọi sang để biết tin tức cha-con đã về tới Na Uy bằng an chưa.

Trên giường, người đàn ông Việt Nam nằm xõng xoài. Chiếc bình đựng tro hài cốt đứa con gái lăn sát vào cạnh sườn ông ta. Hai cánh tay ông ta giăng ngang. Hai chân chồng chéo lên nhau. Đầu ông ta ngoẹo sang phía bên trái. Mắt mở trừng trừng.

Hoài Mỹ (tháng 7 - 2001)

Lửa

NGUYỆT THU

Những âu yếm
ngậm ngùi không nói
lâu sẽ vùi
tim đỏ thành than,
dù khi gặp vòng tay như lửa
cháy nổi không đời dã xế tàn.

Những bài thơ
từng giòng dẫy chết
khua động hoài
điệp khúc rỗng không,
cơn mộng dữ giật mình tỉnh giấc
có mắt nhìn như thổi cuồng phong.

Người sẽ đến?
chừng khi người đến
sóng cuốn trôi
biển lấp dấu chân,
rượu cạn bình nhạt thếch mùi hương
vị chát đắng lẩn trong mòn mỏi.

Những giọt lệ
từng đêm thầm đổ
tưới vết thương
già hút tháng năm,
cây sa mạc bao mùa chưa trổ
sững góc trời tìm bóng núi quen.

Mặn nồng đã cơ hồ dấu cũ
lâu sẽ vùi lấp với thời gian,
dù khi gặp nụ hôn có lửa
cháy nổi không bếp nguội tro tàn.

sáu tháng chín

Đi hết đường mưa

Phạm Hải Anh

Anh đâu buồn mà chỉ tiếc
Em không đi hết những ngày đắm say
- lời bài hát -

San về. Bà dì ruột mừng cười như mếu, chốc chốc lại trách: "Sao về không báo trước!" San nhìn dì nhỏ thó, búi tóc bạc lất lẻo sau gáy, tất tả dọn dẹp chỗ cho mình. Trong một lúc chợt không nghĩ tới Vũ. Trong một lúc rưng rưng sao mình quên nơi này quá lâu.

San ra bể múc nước mưa rửa mặt. Bể cạn. Tay San không quen, cái gầu cao su dập bòm xuống mặt nước, vọng vào thành bể âm âm. San vục nước định uống, suýt chạm môi vào mấy con nòng nọc. Buông tay, nước văng tung tóe. Con nòng nọc giãy giụa trên nền gạch. San ngắt cái lá chanh, vớt nó lên, thận trọng mang ra ao thả. San nhớ Ngần, Lượng. Ba đứa làm hàng ăn sát sinh nhiều, ngày rằm tháng bảy mua ốc sống phóng sinh. Thắp hương cúng xá tội, tàn cong vút, lòng thành giời đã chứng giám. Ngần bàn hay bớt lại nửa chỗ ốc, sẵn bếp luộc ăn chơi. Nước mắm gừng, lá chanh thơm, ốc nóng, ớt cay. Ngần nhóm bếp ba lần, cuối cùng chỉ còn vỏ ốc đổ vào thùng rác. Những con ốc kém may mắn.

Ngần từ quê lên, mới đầu chỉ đứng phụ bếp, sau chuyển lên chạy bàn. Ngần có cặp chân thon dài, thẳng khít tuyệt đẹp, nhưng phải cái nhiều sẹo. Ngần đi tất đen che kín, mặc váy ngắn, trông hấp dẫn. Ngần mê Lượng. Lượng đàn ngọt, tóc dài rủ rủ rất nghệ sĩ. Lượng cũng chạy bàn, khi rảnh rỗi chơi đàn phục vụ khách. Đi làm ở đây chỉ có San hay mặc áo dài, tóc buông mượt ngang lưng. Nhiều khi đứng ghi thực đơn, thấy gáy mình nhột nhạt, San quay lại gặp cái nhìn Lượng nóng bỏng. Lượng hay hát bài Thời hoa đỏ. *"Dưới màu hoa như lửa cháy khát khao, bước dọc*

trên con đường vắng năm nao, chỉ có tiếng ve sôi ồn ào, chẳng chịu cho lòng mình yên chút nào ...Mỗi mùa hoa đỏ về, hoa như mưa rơi rơi, cánh mỏng manh tan tác đỏ tươi..." Mỗi lần nghe Lượng hát, San lại hình dung ra con đường đến trường phủ kín những giàn hoa tigôn màu máu. San hái cả nón hoa thả xuống hồ Tây, ngắm vạt hoa như lửa cháy bềnh bồng loang trên mặt nước. Những chuyện đó San không bao giờ kể cho Lượng. Lượng cũng không bao giờ hỏi. Chỉ hát và ngắm San từ sau lưng. Suốt ba năm như thế. Rồi San lấy chồng, làm đám cưới ngay tại quán ấy. Lượng không đến dự. Ngần cũng đã thôi làm. Ngần chửa hoang, phải về quê đẻ. Hình như đứa con ấy của Lượng.

San tựa lưng vào gốc ổi già. Cành ổi ngả xoài trên mặt ao phủ kín bèo. Giống ổi đào, ruột chín đỏ như son, hạt chi chít khó ăn nhưng thơm sực nức. Đến mùa, hương thơm sóng sánh ba gian nhà, những giấc trưa cũng dượm mùi ổi chín. Vũ..., mà thôi, không nên nhớ đến Vũ. Vũ chưa từng tham dự vào cuộc sống này của San. Đã thèm biết bao được chỉ cho Vũ thấy, căn nhà cổ này, rặng ổi bị quên lãng này, cả tiếng cá đớp nước khe khẽ dưới mặt ao bèo. Vũ hứa anh sẽ đến. Và không đến.

Ngăn thế nào cũng không được. Bà dì nhất định bắt con gà duy nhất làm cơm đãi San. Con gà bị ghì chặt cả chân lẫn cánh, nằm ngoẹo cổ. Bàn tay già héo kề con dao sát cái cổ gà đã vặt trụi lông, đường gân máu phập phồng khiếp đảm. Dì lẩm bẩm khấn :"Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Tao hóa kiếp cho mày kiếp này. Kiếp sau mày lên làm người, đừng oán." Con dao khía mạnh. Máu phun phè phè vào chiếc bát sành kê phía dưới, đỏ bầm. San thảng thốt kéo tay dì. Con gà vùng ra, chạy điên cuồng. Cái cổ bị cứa dở ngúc ngắc, máu tuôn nhuộm ướt bộ lông nó, rải thành vệt sẫm nhày nhụa trên sân. Những con gà bán sẵn trong quầy hàng. Không còn giọt máu nào trong những thớ thịt đông lạnh của chúng. Không có chút thèm sống nào lộ ra trên những cuống họng dứt lìa đó. Và San cũng không một thoáng sám hối hay khát thèm nào khi mua chúng, nấu, ăn rồi quẳng vào thùng rác những mẩu thừa. Vũ..., Vũ sẽ nói gì khi nhìn thấy cảnh này? Mà thôi, đã bảo là đừng nhớ tới Vũ.

Bữa cơm không có thịt. Con gà chắc đã chết vùi đâu đó. Một cái chết đau đớn, chậm chạp. Bà dì nhắc đi nhắc lại thế nào cũng tìm thấy, nó chẳng chạy đi đâu xa được. Để chiều nay gọi cái Ri về thăm San rồi sai nó đi tìm. San cười ngượng nghịu, thấy mình vô duyên. Biết thế đừng kéo tay dì, cứ để mọi chuyện như tự nó vốn thế. Chồng San nói em làm gì cũng nửa vời. Nửa đời để dằn đo, nửa kia để ân hận. Rút cục còn lại được bao nhiêu cho mình. Lúc đó hai người đang đứng dưới chân thác nước. Dòng thác chảy vắt từ đỉnh núi cao ngất phía trên. Nắng soi qua những hạt nước

trong vắt ánh lên bảy sắc cầu vồng. Những chùm hoa dại ướt đẫm run rẩy bám trên vách đá. Phía dưới, biển và trời trộn vào nhau xanh thẳm, hun hút. Nếu dang rộng cánh tay, San sẽ bay bổng vào khoảng xanh vô tận đó. Không bao giờ trở lại, không bao giờ còn phải bận tâm vì những toan tính nửa vời... Nhưng San đứng bất động. Gió thổi tóc bay cuồng loạn. Thác nước phồng lên, màn nước trắng mềm mại vờn múa như tà váy cưới của người trinh nữ đẹp nhất thế gian. Khi yêu nhau anh bảo San là Giáng Tiên bẻ cành mẫu đơn để lụy cho Từ Thức. Anh không tưởng tượng ra Giáng Tiên ngày ngày tất bật chợ búa gạo tiền, đêm về cùng anh trên chiếu chăn nhầu nhĩ mồ hôi. Giáng Tiên không sống được ở cõi trần. Nàng trinh nữ chết trong đêm hợp cẩn đầu tiên. Chỉ còn người đàn bà trần thế muốn cùng anh chia sẻ muối mặn gừng cay, những lo toan tiền nhà, tiền điện. Nhưng anh chỉ yêu Giáng Tiên. Chàng Từ Thức không biết mình tìm gì, mất gì khi Đào Nguyên đóng cửa và quê cũ cũng chẳng còn. Trước mặt San, dòng thác vẫn ào ào tuôn chảy. Triệu triệu hạt ngọc trai lớn nhỏ lao mình xuống vỡ tan thành bụi nước li ti. Đã chảy và tan vỡ như thế cả nghìn năm rồi.

Buổi chiều, cái Ri qua. San vẫn giữ tấm ảnh Ri hồi bé. Tóc cắt ngắn, mặt tròn vạnh, miệng cười hớn hở phô hàm răng nhỏ đều như bắp non. Người phụ nữ trước mặt San không còn vẻ gì như thế. San nhìn đôi dép lê nhựa dưới chân Ri, nhìn mớ tóc kẹp dí cẩu thả, nhìn gương mặt sạm nắng, vạc từng nét nhọc nhằn... Trong một giây ấy, San hiểu tất cả đã khác đi nhiều lắm. Không còn San và Ri những ngày đi mót đòng đòng. Cánh đồng lúa ngậm sữa ngát hương, muồm muỗm bay rào rào. Ri bắt nhanh lắm, xiên thành xâu, nướng lửa rơm thơm chảy nước miếng, bao giờ cũng nhường San con to nhất, béo múp. Ri nắm chặt tay San chạy thục mạng trên con đường làng gồ ghề ngang cầu Tủng lắm ma. Ri cười khanh khách thấy San ngẩn ngơ ngắm đám rau cần mọc lô nhô dưới đáy nước. San còn nhớ nước trong lắm, con kênh chở cả mây trời, rau cần xanh mươn mướt ngọn vờn trong mây... Ri ngày ấy không phải là Ri như bây giờ và San cũng thế. Ngón tay San nuột nà, quần áo, giày dép San, cả hương thơm thoang thoảng từ mái tóc... chúng thuộc về một cuộc đời khác, nằm ngoài tưởng tượng của Ri. Không có cách nào vượt qua và chia sẻ. Ri lúng búng mấy câu hỏi thăm, đi quanh sân tìm ra con gà chết rất nhanh rồi theo đì vào bếp đun đun nấu nấu. Dì vẫn đun bếp rơm. Căn bếp tối, ngọn lửa ấm sáng bập bùng. San tỉ tê hỏi chuyện Ri. Ri bảo Ri làm ruộng, khi nông nhàn thì buôn hàng xáo. Chở mấy chục cân gạo, dạp xe từ quê ra thành phố giao lẻ từng nhà, đi như thế, một ngày bảy mươi cây số, kiếm được mười mấy nghìn, cũng tạm đủ ăn. "Nhà quê chúng em đâu tất mặt tối khổ

lắm chẳng được như chị đâu !", Ri nói rồi thở dài. San cũng thở dài. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.

Bữa ăn tối có đĩa thịt gà rắc lá chanh. Cổ cánh nấu măng. Hai mẹ con dì thay nhau tiếp thịt đầy bát San. San ăn dè dặt, hình ảnh con gà bị cắt tiết vẫn lởn vởn. Dì ấy náy bảo cơm nhà quê chẳng có gì ngon. San có thèm gì nói cho dì biết để mai ra chợ điếm sớm. Nếu Vũ ở đây chắc sẽ cười những lo âu lẩm cẩm của dì. Vũ coi thường miếng ăn uống, chuyện xác thịt. Với Vũ, chẳng có gì tồn tại ngoài những tâm hồn lớn cùng tần số gặp nhau, hút nhau làm nổ tung cả vũ trụ. Trong những cú Big Bang đó, mối lo về miếng thịt của bà dì thật tủn mủn. San nhớ đến Phú. Phú đeo vàng nặng trĩu, đến nhà hàng San làm thường xuyên, trả từng tập tiền lớn bắt San đếm. Mất Phú đấm đuối ngấm San, ngấm tiền. Còn Quang nữa, những đêm hè Hà Nội ve kêu nôn nao, ghì San dưới vòm cây nhãn, cái hôn chiếm đoạt ướt đẫm, tuyệt vọng, làm San ngạt thở... Những người đàn ông đi qua đời San. Rốt cuộc không một ai để ý đến góc khuất này. Không ai cùng San trở về. Không ai chi chút dành cho San cái phần ngon quý nhất mà mình có . Như dì. Mà San chỉ là đứa cháu chợt tạt về để mai lại ra đi. Cuộc rượt đuổi không có tận cùng.

Mưa. Mưa nhà quê khi trời chiều nhập nhoạng. Vườn chuối lá già rách tơi tả, lá non run rẩy rung lên đón mưa. Mưa đâm xiên xuống mặt ao. Những vòng sóng chằng chịt giao nhau, có nỗi niềm nào loang rộng mãi chẳng thể nào thu lại. San đã ngắm mưa như thế này bao nhiêu lần. Mùa hè năm ấy bão to, San cũng ngồi bên cửa sổ này, sướng điên lên nhìn những trái bưởi bị gió giật rụng đầy quanh gốc cây. Lúc ấy San không hiểu sao được nhiều bưởi thế mà dì lại thở dài. Rồi lần San và Ri tắm mưa bắt cá rô rạch cạn. Vẳng bên tai San như còn cả tiếng cười lanh lảnh của cái ngày rất xa xưa ấy. Và những lần ngắm mưa khi tuổi lớn, bâng khuâng đợi một cái gì không rõ. Mưa phùn căm căm trên đường về một mình ảm đạm. Vòm cây không đủ che tóc ướt. Chiếc lá còn xanh rơi ngang đường khẽ như tiếng thở dài. Cũng mưa ấy rắc xuân lên nụ dào Nhật Tân ngày gặp Vũ. Mùi khói pháo thơm lan trong mưa lộc đêm giao thừa. Mưa trên sóng hồ Tây cái buổi chiều San nói lời tạ từ. Những cụm bèo vật vã, trôi nổi trong mưa. Bèo mây tan hợp.... Mưa. Giây phút này San thèm biết bao nhiêu một vòng tay ấm. San, nửa đời đắn đo, nửa đời nuối tiếc. Cũng có lần muốn trao hết. Nhưng chẳng có ai nên dành gửi vào hư không.

Amsterdam
tháng năm mưa 2001

Có gì đâu

TRẦM HƯƠNG

Đèn vẫn sáng như lần thứ nhất
ánh mắt nào đã gặp gỡ nhau
Và như thế
những đèn đường vẫn sáng
suốt những ngày những tháng đã xa nhau
Anh đã biết
em có gì đáng nhớ
Không tình sâu nghĩa nặng buộc ràng nhau
Ta như thế
mà không quá khứ
Không tương lai
và chẳng hôm nay.
Thư đã cháy và tình không thể giữ
Cả một lời không thể nói cùng nhau
Ta chẳng có những ngày thơ trẻ
Chẳng cùng nhau thấy được tuổi già
Mộng đã hết
và chiêm bao cũng chết
Có gì đâu - đời cũng trôi qua
Như những chiều đi
như làn nhang khói
đã bay cao đã tỏa hết hương rồi.
Như những bông hoa qua thời khoe sắc
Như nắng vàng bàng bạc sân rêu.
Em vẫn biết
Có gì đâu đáng nhớ
Mây bay đi tan rã một bóng hình

Một tiếng nói một giọng cười bất chợt
Một tia nhìn giây phút lặng thinh.
....
Em biết chú
Trời nam hay biển bắc
Không gian nào thì cũng mông mênh
Có cố gắng cũng không bao giờ được
Phút tình cờ có gặp cũng quên tên.
Một quả ớt cay
Một ly rượu ngọt.
Có khi mình đã nếm ở đâu đây.
Đèn vẫn sáng những nẻo đường dịu vợi
Có khi mình như thấy chút thân quen
Đời chẳng sống những ngày còn trẻ
Cũng lãng quên khi chớm về già
Đèn vẫn đứng chừng như muốn đợi
Ta chợt rơi vào ký ức xưa.
Nhưng tít tắp những con đường đi tới
Những con đường vẫn cứ đi qua.
Mỗi giây phút cuộc đời đã mới
Chiếc phao mình sóng đẩy càng xa

Ta vẫn biết
dâu có gì để nhớ
Cát sông Hằng trải rộng hằng sa...

Con câm

Trần Thị Diệu Tâm

Mỗi lần tới ngày cúng kỵ, mẹ tôi tất bật dọn dẹp nhà cửa từ hai tuần trước. Lần này là ngày giỗ lớn, của ông nội. Trong nhà ai nấy đều được sai bảo lau chùi bàn thờ tổ tiên. Bộ đỉnh đồng trên cao được hạ xuống cùng với cặp hạc ngậm cành sen. Chùi thế nào cho thật bóng, thật sáng, cho tổ tiên cảm động gia sức phù hộ con cháu. Chén bát trong các tủ chè đều được đem ra rửa lại sạch sẽ, phơi trên các bể nước.

Những ngày như thế, lòng tôi cũng rộn rã theo. Con bé ham chơi lười học chỉ mong có dịp khỏi ê a những bài học thuộc lòng nhàm chán, học hoài không thuộc. Tôi xung phong ngồi cạnh bà cô tập bẻ lá dừa làm vỏ bánh su sê. Bẻ lá làm sao cho đúng góc, xếp lại vuông vức thành một nắp vỏ, nắp trên úp vừa vặn nắp dưới như một chiếc hộp. Nhân bánh cho vào nắp dưới. Nhân bánh làm bằng bột lọc trong vắt điểm xuyết những sợi dừa non trắng nõn, bên trong lớp bột còn là đậu xanh tán nhuyễn thơm bùi. Mở nắp bánh ra, nhai vô miệng sần sật mà thơm mát. Mẹ tôi cho rằng chỉ có mẹ mới pha đúng bột để cho bánh khi ăn nhai sần sật. Còn cô tôi cho rằng nhân bánh ngon mà không được bọc trong một lớp vỏ bẻ khéo thì cũng như không. Vì cô nói rằng bánh trái cần phải đẹp mắt bày biện cúng bàn thờ, chứ không phải cốt để ăn. Người lớn nói gì chẳng đúng. Mình con nít chỉ việc nghe. Cúng giỗ tết nhất cũng là dịp cho đàn bà trong nhà khoe tài bếp núc đảm đang. Tôi rất khoái lân la nơi bánh trái, vì cái nào xấu tôi được lãnh phần cất để dành trong cặp đem cho bạn bè trong lớp.

Tôi nhìn theo cách cô bẻ bánh, bắt chước, nhưng lần nào bẻ cũng lệch góc. Khi thì nắp trên quá rộng, khi thì quá nhỏ không sao vừa vặn hai khuông trên dưới úp vào nhau.

Bà cô không cho làm : "Thôi, mi chỉ làm hư hết lá dừa."

Cô đuổi tôi đi chỗ khác. Tôi tức mình, cảm thấy mình ngu đần thật.

Tôi hỏi cô :

- Tại sao là bánh su sê hả cô ?

- Su sê nói trại chữ phu thê mà ra.

Tôi hỏi tiếp :

- Phu thê ? Cháu chẳng hiểu.

- Mi đi học mà ngu vậy à ?

Tôi giả vờ hỏi thế để chọc cô, chứ biết thừa đi rồi. Bánh phu thê vì có hai nắp, nắp nằm trên là chồng, nắp nằm dưới là vợ. Tôi muốn nói với cô rằng cô rất khéo tay, nhưng cô không làm sao bẻ một nắp bánh cho đúng, cho vừa vặn để úp xuống đời cô một tấm chồng. Nhưng chỉ nghĩ như thế thôi chứ không dám. Mẹ tôi còn phải nể nang cô nữa là tôi. Cô vừa giỏi giang lại vừa khó tính. Cô luôn chê bai những đám quen biết ngắm nghé cô. Cho nên cô ở vậy mãi.

- Thôi, cho mi một ít giấy màu ngũ sắc, liệu mà xếp bánh lục giác.

Tôi cầm xấp giấy màu từng vuông dài xanh đỏ tím vàng rực rỡ dạ cám ơn cô. Mẹ tôi dúi vô túi áo một nắm kẹo gừng tẩm bột. Thế là tôi khuất mắt người lớn. Tôi chạy ra phía cuối của nhà bếp, tìm chỗ vắng nhai kẹo một mình khỏi mời ai, nhởn nhơ xếp tàu bay tàu lặn, tha hồ. Chứ làm sao xếp nổi vì bánh lục giác còn khó gấp mười lần bánh su sê.

Tiếng bửa củi đập chan chát vào tai. Con Câm đang ngồi bên hè đằng kia, chẻ củi với chiếc búa đưa lên đưa xuống. Những ngày có việc, mẹ tôi thường gọi nó đến phụ các việc nặng nhọc. Nhà tôi vắng đàn ông vì cha chết sớm. Đàn bà quá nhiều. Lúc nào cũng tụm năm tụm ba vừa nấu nướng chuyện trò râm ran. Tôi để ý nhà ai cũng thế. Đàn ông đi đâu hết biệt tăm. Có lẽ chết giặc như các chú tôi, chết bệnh như cha tôi.

Để lại đám đàn bà con gái, người góa chồng, kẻ muộn màng, tối ngày lo ma chay, cúng kỵ, hương khói. Nhưng đến lúc thắp nhang vái tổ tiên, cỗ bàn sắp sẵn đâu vào đấy tôi mới thấy đàn ông xuất hiện khăn áo tề chỉnh, họ là các bậc trưởng tộc, trưởng sự. Và mâm trên chiếu trước, phải kính cẩn mời họ cầm đũa. Rượu thịt ê hề, chuyện trò vung vít. Ăn uống no nê rồi ngã ra đánh bài. Mẹ tôi phải lo dọn mâm cỗ chiều.

Con Câm là một năng lực lao động đáng kể trong xóm. Ai cũng muốn gọi nó đến giúp việc. Nó nhiều ưu điểm mà những đứa đầy tớ khác không có. Siêng năng làm việc tận tụy, ít chuyện, chuyện ai cũng mặc kệ. Làm xong cuối ngày, chỉ cần được ăn no rồi xách nón ra về. Không ai cho nó ở lại qua đêm vì không biết gốc gác cha mẹ nó. Không ai biết nhà nó ở đâu. Chỉ thấy sáng sớm đã có người gọi đến làm. Khi thì nhà này, khi thì nhà nọ.

Vừa làm xong chiếc tàu bay giấy màu đỏ tươi, tôi chạy lại khoe với

con Câm. Nó ngừng chẻ cũi, đưa tay quệt mồ hôi trán, cười. Nó ú ớ nói một tràng dài, những câu chỉ toàn nguyên âm : a, i, u o, ơ, không có phụ âm ghép vào, ai hiểu nổi. Tôi thương hại, cho nó một viên kẹo gừng. Nó gật đầu nhìn viên kẹo cho vào miệng lại cười. Nó tiếp tục chẻ đống củi còn nhiều, làm việc chăm chú.

Nó lớn hơn tôi chừng cả mười tuổi, cỡ bằng dì út tôi. Nhưng khỏe mạnh hơn nhiều. Hai cánh tay trần chắc thịt, chiếc áo cánh vải cũ của ai cho nó mặc căng ra ở phía ngực, cả chiếc quần đen nó mặc cũng căng ra ở mông. Dì út tôi trái lại, gầy nhom, ngoài việc học hành cho có lệ đi về hai buổi, dì chẳng động đến móng tay việc nhà. Dì thường soi bóng mình trong chiếc gương nhỏ trong phòng, mơ mộng. Ngực dì thì như hai quả cau khô. Dì thích tắm sông để mong hai quả cau nở thêm ra. Dì chẳng bao giờ tâm sự điều gì với tôi. Có lẽ tâm hồn dì cũng giống như một chiếc mo cau, mong chờ một nắm cơm dẻo để gói lại.

Tôi xếp thêm một chiếc tàu thủy, đứng dậy để thử nghiệm máy bay, tàu lặn. Tôi phóng lên cao chiếc máy bay hình con chim màu đỏ. Xoẹt một cái, chiếc máy bay đâm đầu vào chum nước. Tôi nhào tới, vớt ra, cả chum nước loang màu đỏ, tôi bỏ luôn chiếc tàu thủy màu vàng nổi lềnh bềnh. Con Câm chạy tới, nhìn lu nước hoảng hốt. Tôi chợt nhớ đây là dãy chum đựng nước mưa để nấu nướng, mẹ tôi cẩn thận để riêng phía bên hè để không ai dùng rửa ráy. Con Câm phải đổ hết đi. Thấy tôi lo, nó chỉ trên trời nói năng. Tôi muốn hiểu rằng, mai mốt trời sẽ mưa, sẽ có nước vào chum. Tôi cũng cười với nó. Nó là người độc nhất biết tôi nghịch phá có lỗi nhưng nở nụ cười. Những người lớn khác luôn luôn la mắng, cứ cho rằng đáng lẽ tôi phải là thằng con trai, hoặc nuôi tốn cơm tốn của, chẳng được tích sự gì.

Một lần buổi trưa đi học về cùng đám bạn. Thấy con Câm từ xa đi lại, cả lũ hùa nhau chặn ngang chọc ghẹo. Đứa kéo tóc, đứa nắm áo.

- Ê, con Câm, vừa câm lại vừa điếc, thích giết rắn hổ mang. Con Câm ú ớ thoát chạy. Nhưng một đứa túm lấy áo, chiếc áo rách, xoạc ra phía trước, hở một phần ngực. Tôi thấy cái vú nó to bằng trái thanh trà. Cả bọn cười nức nẻ.

Tôi hoảng hồn can :

- Tụi bay không được chọc người ta, để nó đi làm việc.

Lũ trẻ quay qua tôi, thằng Tý hỏi :

- Mày là bạn nó hả ?

Tôi gật đầu, mặt làm ra vẻ nghiêm chỉnh :

- Ừ, con Câm là bạn tao, nó giúp việc cho mẹ tao.

Thằng Tý tức thời hét vào mặt tôi :

- Vậy nhớ nghe, mày làm bạn với con hạ tiện đó, tụi tao cho mày nghỉ chơi luôn.

- Tao thèm chơi với lũ mất dạy bây !

Nói xong, tôi ba chân bốn cẳng chạy xa, chỉ sợ bọn nó kéo áo nắm tóc tôi lôi ngược. Con Câm đã chạy xa. Không hiểu sao, con Câm tính tình rất hiền từ, nhất là với bọn con nít, nó dư sức gạt mấy đứa nhỏ qua một bên, hoặc tát tai tụi nhỏ. Nhưng nó chỉ tránh né. Có lẽ nó biết nó là một loại người bần cùng, tật nguyền, sống nhờ vào kẻ khác, nên không muốn mất lòng ai. Và tụi nhỏ sau này cứ nằn nì theo tôi nghe chuyện đời xưa, tôi nhất định không kể chuyện cổ tích cho chúng nó vào những giờ ra chơi. Tôi có vô số chuyện, vừa bịa đặt vừa thêm thắt hấp dẫn, để dành kể cho những đứa dễ thương thôi. Mỗi lần đến giúp việc cho mẹ tôi, con Câm đều có sẵn mấy trái ổi chín, hay một khúc mía, quả đào đưa cho tôi. Có lẽ ai cho nó nhưng nó dành cho tôi. Trong đám con nít nghịch ngợm, Thằng Tý là đứa đầu têu, là đứa to gan nhất. Nghe kể lại, có lần nó đi vớt cá lòng tong ở đâu mé sông, lỡ trợt chân rớt ùm xuống nước. Cu cậu không biết bơi, chìm lĩm. Cả bọn hoảng hốt, kêu cứu inh ỏi. Con Câm đang gánh nước vội quẳng đôi thùng, nhảy ào xuống vớt được thằng Tý đem vô bờ. Từ đó mỗi lần gặp con Câm, nó chỉ lấm lét nhìn.

Mùa hè tới, mẹ tôi muốn đưa tôi về quê nội nghỉ hè. Nhưng tôi không chịu, vì về quê tôi không được đi thuê truyện bằng tranh đọc hàng tuần. Lúc này ngoài phố, họ có cho thuê truyện vẽ hình rất nhiều, giá rẻ. Với bộ óc thích phiêu lưu, tôi sống với những câu chuyện đời xưa trong một thế giới đầy biến hóa. Và hy vọng cho mình, một ngày nào đó tôi và mẹ tôi cũng gặp được may mắn hạnh phúc, giàu sang phú quý.

Ngoài ra, mùa hè tới, tôi còn được theo mẹ qua nhà Cụ Bảng đếm trái cây chở ra chợ cho các bạn hàng. Mẹ tôi nhờ quen biết với Bà thứ thất cụ Bảng nên được thầu một phần trái cây trong vườn cụ để buôn lại kiếm lời.

Nhà Cụ Bảng chiếm một khoảng đất rộng nhất làng, không biết là bao nhiêu mẫu, sào hay mét ca-rê. Vì kích thước số học tôi chẳng hề nhớ, chẳng hề biết. Diện tích và chu vi tôi thường nhầm lẫn nhau. Bài toán đố nào cũng bị hột vịt lộn to tướng, khá hơn thì hai, ba điểm.

Chính giữa dãy nhà lớn hai bên là hai dãy nhà ngang. Bên trong nhiều cột kèo bằng gỗ lim chắc chắn. Bao quanh là vườn cây ăn trái bát ngát. Trái vải từng chùm đỏ ong, nặng trĩu nước rũ xuống. Trái nhãn từng lồng bó trong những mo cau. Còn một khoảng đất đầy mãn cầu đang nở gai. Chim chóc đến mùa này từ đâu bay về tìm trái chín, ríu rít gọi nhau tưng bừng rộn rã một vùng trời ấm áp.

Tôi mơ tưởng, ước ao được ở trong ngôi vườn ấy dạo chơi suốt ngày.

Thế nào tôi cũng bắt gặp những con chim lạ biết nói tiếng người, hay những chú cóc tía vốn là những hoàng tử bị lưu đày. Bên ấy biết bao chuyện kỳ thú mà cuộc đời buồn tẻ của gia đình tôi không bao giờ biết được. Thấy tôi lon ton chạy ra vườn với mẹ để đếm giúp số trái cây, bà Hai kêu tôi vào "cháu lên nhà trên hầu các cụ chia bài".

Các cụ đang chơi tài bàn tổ tôm, thiếu người chia bài. Thằng cháu cụ Bảng vô ý chia bài khi thiếu khi thừa, bị đuổi ra ngay. Bà cho biết thế, thằng cháu ngoại là cháu của bà Cả, chánh thất. Bà Cả chỉ sinh rặt ba người con gái, đẻ ra một lũ cháu ngoại, bà Hai không con. Bà vốn con quan Thượng thư, dẹp và quý phái như một bà phi nên dù không có con cái vẫn được cụ Bảng nể trọng.

Tôi như được mở cờ trong bụng, từ đây tôi có dịp ra vô nhà này, vườn này mà không cần phải đi theo mẹ. Tôi rón rén đi lên nhà trên nơi các ông cụ đang xòe bài. Tôi thưa gửi rõ ràng đâu đấy, lễ phép rất mực đúng là một đứa con gái gọi dạ bảo vâng.

Cụ Bảng nói : "Cháu chia cẩn thận cho đủ cây, xong hội bài, cháu sẽ được tiền thưởng để dành mua sách vở học".

Và đúng như lời cụ Bảng, tôi chăm chỉ, chú tâm theo lời chỉ bảo. Lúc chưa có bài chia, tôi lấy quạt quạt mát cho các cụ. Ai nấy đều khen con bé ngoan ngoãn và có ý tứ. Phen này chắc mẹ tôi sẽ hãnh diện vì có con gái ngoan. Thú thật, ở nhà tôi chẳng bao giờ biết quạt mát cho mẹ lấy một lần. Đến bữa ăn, mẹ cứ phải gọi tôi ơi ới.

Hết buổi chơi bài, tôi dọn dẹp các thứ đâu vào đấy, được cụ Bảng cho vài đồng mua sách vở đi học năm tới. Tôi lý nhí cám ơn cụ, chạy về vòng theo lối vườn. Tôi gặp ngay con Cầm đang quét dọn lá cây và hoa quả rơi rụng. Nó đúi cho tôi mấy trái vải bị chim ăn, ngọt lịm.

Từ đó thỉnh thoảng tôi được gọi qua hầu chia bài. Số tiền thay vì mua sách vở, tôi mua hết các truyện bằng tranh, không thèm thuê. Truyện của mình, có thể xem đi xem lại cho sướng. Nhất là các đoạn có ông Bụt hiện ra giải trừ các lời nguyền rủa độc ác của bà phù thủy. Để làm vui lòng mẹ, buổi tối tôi đọc truyện Phạm Công Cúc Hoa cho mẹ tôi nghe trước khi bà đi ngủ. Bao giờ mẹ cũng rơm rớm nước mắt thương cho hai đứa trẻ dại mất mẹ là Nghi Xuân và Tấn Lực.

Một hôm, theo lệ thường tôi qua nhà Cụ Bảng. Nhưng nhà trên vắng vẻ, tôi trở xuống nhà ngang thì có người cho biết hôm nay không đủ tay chơi bài nên cụ nghỉ. Thay vì trở về nhà, tôi lại long dong tò mò quan sát những câu đối câu liễn treo đầy ngang dọc. Những bộ ghế trường kỷ nạm xa cừ, những chén bát màu men xanh chất đầy trong các tủ lộng kiếng. Tôi bước qua các cửa gỗ, tiến vào một quá khứ, một thời đại của vua quan

áo mão. Đây là một giòng họ lớn. Vừa sợ hãi khi nhìn các bệ thờ đầy hình ảnh người đã chết, lại vừa thích thú. Chắc chắn không có ai trong các phòng này. Bức tượng Phật bằng đồng trên cao, hiền từ nhìn xuống. Lạy ông Bụt, tôi thì thầm. Có tiếng động, tôi đứng tim. Hẳn là ma, tôi nép vào cột gỗ lớn. Không phải. Con Cám đang cầm hai tay chiếc ống điếu đi vào. Hôm nay trông nó gọn gàng sạch sẽ lắm. Nó đi thẳng vào bên trong phòng. Tôi chợt nghĩ, nhà không có ai cả, sao nó dám vào đó làm gì ? Tôi tưởng tượng có thể con Cám vào trong một phòng tối để trở lại với kiếp người bình thường của mình. Có thể ánh sáng ban ngày làm nó tật nguyền. Nhưng bóng tối cho nó trở lại một thiếu nữ xinh đẹp. Ôi câu chuyện thần tiên ngày xưa ấy nay biết đâu là một sự thực...

Đang miên man, tôi nghe có tiếng rì rầm. Tiếng ú ớ của nó, rồi nó cười rúc rích. Chắc hẳn nó đang được biến hóa. Tôi lẻ làng nhìn qua khe cửa hở. Một thứ ánh nắng ma quái trong phòng, đủ cho tôi thấy. Cụ Bảng đang nằm úp, con Cám nằm phía dưới.Thân hình cụ nặng nề đè lên người nó. Không biết nó có lỗi gì mà bị làm tình làm tội đến như vậy. Nhưng con Cám không phản ứng vùng vẫy tránh né, lại đưa hai tay ôm lưng cụ.

Mùi thuốc nhừa nhựa thoang thoảng bay ra. Mùi thuốc chưa bao giờ tôi từng ngửi vì có hương thơm kỳ lạ. Một ý tưởng tiếp theo trong đầu óc non nớt của tôi : người nằm trên là chồng, người nằm dưới là vợ. Họ là vợ chồng. Họ là hình ảnh của bánh su sê.

Niềm kính trọng cụ Bảng sau đó vẫn không suy giảm với tôi. Nhưng tôi không dám hở môi vì chứng kiến một điều đầu tiên trong đời. Trong căn phòng mờ mờ ấy, biết đâu con Cám đã được biến dạng, thành vợ cụ Bảng chăng.

Những ngày hè trôi qua nhanh chóng. Vào niên học mới, tôi theo mẹ ra phố chợ sắm sửa mọi thứ cần dùng. Biết tôi được lên lớp, mẹ rất mừng chắc hẳn tôi học hành tử tế đàng hoàng. Nào vở mới, bút mực mới, áo quần mới, guốc gỗ mới. Vô lớp mới, bạn mới, cô giáo mới. Ôi sao mà hân hoan quá. Chuyện làng xóm tôi quên bẵng đâu mất.

Một buổi trưa đi học về, không thấy mẹ đâu. Dì Út tôi nói, "Cụ Bảng vừa mất đêm qua rồi, mẹ ở bên ấy lo phụ cơm nước cho nhà tang." Tôi đứng ngớ ra, chẳng biết hỏi han gì thêm, muốn chạy bay qua bên ấy xem cụ chết như thế nào. Nhưng dì tôi mắng tôi lanh chanh, người ta đang lo ma chay, mi qua làm rộn người ta à ?

Đến ngày động quan, tôi cố chạy theo mẹ. Gian trong gian ngoài, gian chính đông nghẹt người. Bà con xóm trên xóm dưới bỏ dày bỏ dép ngoài cửa, đi chân đất vào vái trước linh cữu. Người ra kẻ vô không ngớt. Tôi đứng sau lưng mẹ, nhô đầu ra phía trước nhìn cỗ quan tài. Cỗ quan gỗ

nâu bóng có chạm trổ tinh vi, trên có để một bát cơm, một quả trứng cắm một nén nhang. Bức hình ai vẽ cụ giống như lúc cụ còn, với chùm râu bạc trắng. Tôi chẳng thấy buồn bã hay một xúc cảm nào, chỉ có điều gì làm mình sợ hãi thôi. Bỗng dưng vào trong cỗ quan tối thui nằm một mình.

Tôi đưa mắt nhìn hết người này than vãn, người kia kể lễ về công đức của cụ. Vừa kể vừa khóc thật to, một người khóc, thì cả chục người khác khóc theo. Bà Cả và bà Hai đang lo xé khăn tang phân phát cho con cháu.

Con Câm từ đâu len lỏi, nước mắt, nước mũi ràn rụa. Nó khóc nhưng không thành tiếng. Nó không kể lể. Tóc tai nó rũ rượi. Nó chắp tay xin bà Hai một miếng khăn trắng buộc trên đầu. Mọi người lắc đầu xô nó đi ra phía sau. Nó không chịu, quỳ sụp xuống đất vái lia lịa.

Mẹ tôi chú ý nhìn nó, nói nhỏ với bà cô tôi: "Sao bụng con này lùm lùm như người có chửa!"

Đám tang cụ Bảng kéo theo một đoàn người thật dài. Mẹ tôi nghỉ chợ búa, cho tôi đi theo ra nghĩa địa tận tít mù xa. Con Câm chen lẫn vào đoàn người. Nhưng không ai muốn cho nó đi ngang hàng với mình, nên nó cứ tụt ra phía sau. Cuối cùng là nó thất thểu một mình.

Chiếc quan tài được hạ huyệt mang theo cả phần dương gian xuống tận mồ. Mọi người đều ngậm ngùi cho cụ, vì cụ không có người con trai nào nối dòng cho một gia tộc vừa phú lại vừa quý.

Làng tôi vốn hiền hòa, như giòng sông nhỏ. Mùa mưa chở về xuôi từng dàn từng lũ bèo lục bình. Thế mà cũng lắm chuyện đa đoan sau ngày cụ Bảng mất. Cái tin "con Câm bổng dưng to bụng" được đàn bà kháo nhau.

Mọi người cho đó là chuyện xấu xa. Đã chẳng ra giống người, lại còn sinh chuyện. Riêng mẹ tôi thở dài : "Thật oan nghiệt cho nó, tại sao Trời Phật nỡ đày nó cơ cực như thế ?"

Mẹ tôi cũng như các nhà khác, phải lo khép cửa mỗi khi nhác thấy con Câm với cái bụng lớn vượt mặt đi ngang qua nhà tỏ ý muốn xin ăn. Chỉ sợ cho nó ăn xong không chịu đi, ở lại nằm vạ với cái bụng chửa.

Tôi cũng thế, chỉ đưa mắt nhìn nó từ xa. Bây giờ, nó là hình ảnh tội lỗi theo như ý nghĩ của mọi người. Tôi không biết làm sao giúp nó. Những hôm trời nắng chang chang, nó mệt nhọc lê bước với chiếc nón rách tả tơi như số kiếp phải chịu. Đôi lần tôi muốn kể cho mẹ tôi nghe về "chuyện ấy", và hỏi mẹ rằng có phải con Câm là vợ cụ Bảng không. Nhưng thế nào mẹ tôi cũng cho rằng tôi bày đặt, đánh đòn một trận nên thân. Có thể mẹ sẽ lôi các xấp truyện dấu dưới gầm giường đốt hết. Thôi, tôi không dám. Mặc kệ người lớn.

Một ngày, bà Hai sang nhà tôi. Từ ngày chồng mất, bà trông buồn và

gầy hẳn đi. Mẹ tôi có họ xa với bà, gọi là bác. Mẹ đon đả mời bà vào, tự tay pha trà và têm mấy miếng trầu cánh phượng mời.

- Bẩm bác, xin mời bác ở lại xơi cơm với mẹ con cháu cho vui.

- Ừ, ta cũng có đôi ba chuyện muốn nói với mụ.

Dù không được sai bảo, tôi tỏ ra có ý tứ, lấy ống nhổ bằng đồng để bên cạnh và cầm quạt đứng sau lưng bà Hai. Linh tính tôi nhạy bén.

- Mụ này, bên nhà tôi đang ồn ào dữ lắm, có chuyện tôi kể mụ nghe mà để bụng. Họ mới đem đi chúc của ông cụ ra đọc để chia gia tài.

- Dạ bẩm bác, bác được cụ thương quý, lại là người quán xuyến chăm sóc nhà cửa vườn tược chu đáo, chắc hẳn được phần lớn.

- Nói nghe cũng phải, ông không để tôi phải thiệt thòi nhiều. Nhưng cái con Cám trời đánh thánh vật đó lại có phần riêng mới lạ, mới ghê thật.

- Ủa, tại sao lại con Cám ?

- Mụ không biết. Trong đi chúc, viết nếu con Cám đẻ con thì phải đem hai mẹ con nó về nuôi. Nếu con trai thì đặt tên Đởm, con gái tên Đang.

Lần này, mẹ tôi cắt ngang :

- Trời ơi, xin lỗi bác, thứ con hoang đem về nuôi báo cô à ?

Bà Hai nhổ vào ống đồng bãi nước trầu đỏ quạch.

- Con của chính ông chứ ai ! Người của tòa án bắt phải làm đúng theo lời di chúc. Nhưng người mẹ hạ tiện như vậy thì con sinh ra cũng chẳng ra gì.

Mẹ tôi như bị tê liệt một phần cảm giác, ngồi bất động, nét mặt sững sờ. Tôi đứng phía sau, nhìn phản ứng của hai bà. Tuy thế mà họ không thấu đáo bằng mình. Cụ Bảng đã lấy con Cám làm vợ từ lâu rồi, trong căn phòng thơm mùi nhựa thuốc. Chuyện giản dị như thế mà họ cứ muốn rắc rối nhiêu khê. Con Cám dù gì nó vẫn là một người con gái, mạnh khỏe, đảm đang, tận tụy, một lòng một dạ. Trong tâm hồn thơ dại tôi, bị ảnh hưởng bởi đạo lý trong các truyện cổ tích, luôn luôn cho rằng sự bất hạnh sẽ được biến thái. Sự may mắn sẽ hoàn tất nốt cơ hàn.

Sau khi bà Hai ra về, tôi hỏi mẹ tôi :

- Cụ Bảng lúc chết, chắc già lắm hở mẹ ?

- Ừ, thì nghe bà Hai nói cũng xêm xêm bảy mươi.

Con Cám, sau đó sinh được thằng con trai mạnh khỏe. Hai mẹ con nó được cho về ở trong gian nhà phụ của dinh cơ cụ Bảng.

Bấy giờ người ta không còn gọi nó là con Cám nữa mà là mụ Đởm, và ca ngợi cụ Bảng là người đàn ông tinh tường, có nhân nghĩa. Thằng Đởm lên hai tuổi, đã nói sõi tiếng người, dòng họ cụ Bảng được kéo dài, nối tiếp.

THƠ HOÀNG XUÂN SƠN

Đọc Thảo An mùa chớm trăng.

Phóng bút
vào nơi thâm sâu
vầng trăng bỗng nở nên mầu
mực tươi
còn khăng khăng
dạ yêu đời
chuỗi thanh tân với gọi mời
sương
hoa
ô kìa!
liền lạc xương da
hồng ân vẽ một quê nhà nắng mưa
điểm tranh lên
nụ cười
vừa
dấu khắc bỗng cạn
huyền xưa
nỗi niềm
bây giờ khép nụ thuyền quyên
ngàn năm
sóng vỗ
hương nguyền
mới
như.

Mây

làm xong, đọc bài viết về mây
để tặng Võ huynh

Sao đời anh lúc này chao đảo
sáng ngủ dậy mất thăng bằng chúi mũi
nhúng đầu vào hư vô thực tại
ở bồng bềnh....mây
(lũng lờ mây phàm y không vướng bận
labyrinthe du plaisir con sâu bò quanh lỗ khóa
trần truồng tinh khôi)

ôi mây dâu phải là nguỵ trưng chiếc bánh
sừng bò vẫn còn móc ngoéo
bàn tay khum ngón cong hút địa bàn
anh chao đảo từng giờ từng phút giây không có
thực không anh buổi sáng cà phê không thuốc lá
làm gì đau cùng phù vân một đời hoang dại

Điểm tựa lời không nói
anh vịn trầm tư đứng lặng khung
người
và mặt mũi này thiên tai
chỉ còn râu tóc về hùa theo năm tháng
cọng mơ lung lạc mọc choài ra
như nhánh khô gie bờ vực
cẩn thận đấy không ngã đời anh
(lúc này vẫn hoài chao đảo)
em ngúc ngắc đung đưa hình như em
trong đầu anh bướu mọc
sừng bò buổi sáng vụn huyết thanh
anh trông đời anh ngủ dậy mây phủ đầy đầu
vin bước xuống trần gian mộng ảo.

Sồi

Nguyễn Hoài Phương

Ít lâu nay Lệ nhận thấy mình béo ra nhiều. Mớ quần áo váy xống rất *mode* một thời ở Việt Nam mang đi, từ dạo nảo dạo nào đã phải xếp xuống đáy hòm chờ dịp gửi về cho mấy con em và mấy đứa cháu. Quần áo của tây thì khó chọn. Và khó chọn nhất là những thứ có thể mặc đi ra đường hoặc đến những chỗ đông người mà không sợ bị ai nhòm ngó hoặc chê bai bình phẩm. Thường thì không khi nào Lệ chọn mua được ba thứ đồ may sẵn trong các cửa hàng. Bởi, cứ chọn được chiều dài thì mất chiều ngang. Và ngược lại, chọn được chiều ngang thì lại mất chiều dài.Áo dài, quần dài, váy, cái nào vừa bụng thì dài lượt thượt, cái nào vừa chiều dài thì có cố tọp bụng lại cũng vẫn không sao cài được cúc hoặc kéo được phecmotuya. Áo sơ mi, áo phông cũng vậy, chiều dài chỉ cần số M, số N, trong khi chiều ngang lại phải cần tới số L, thậm chí số S.

Lệ nhận thấy sở dĩ mình chóng phát tướng như thế này là do chế độ ăn uống. Đồ ăn của bọn tây thứ nào cũng quá béo hoặc quá ngọt. Nói chung là quá nhiều chất, nhiều năng lượng. Lệ thừa biết rằng năng lượng nạp vào nhiều mà không xài hết thì nó phải tích lại, có nghĩa là làm cho mình béo lên. Vậy thì phải hạn chế ăn đồ tây. Đã mấy năm nay rồi Lệ không còn mua bơ, sữa, pho mát, xúc xích và đặc biệt là bánh ngọt ở cửa hàng của bọn tây nữa. Thịt cũng rất hạn chế. Không phải tiếc tiền nhưng mỗi lần vào cửa hàng Lệ chỉ mua ít xương xẩu, đầu, chân giò, tai lợn, hoặc mấy con gà già vì nghĩ rằng những đồ thứ phẩm này tuy hay có mùi và không ngon một tí thật nhưng lại cũng không nhiều chất bằng các loại thịt chính hiệu.

Lệ trở thành khách quen của các cửa hàng bán đồ Á châu. Nước mắm, mắm tôm, đậu phụ, rau cải, rau muống, dưa chua... là những đồ ăn mà lần nào lên trung tâm rẽ vào mấy cửa hàng loại này Lệ cũng không thể

quên được. Nhưng cái mà Lệ thích nhất bao giờ cũng vẫn là món măng. Cái anh gốc tre, gốc nứa non ngâm chua hoặc phơi khô ấy mà mang xào với lòng gà già hay ninh nấu với xương lợn, chân lợn sao mà ngon đến thế. Lúc múc ra, lại thêm một ít lá mùi tầu thái nhỏ, rắc một ít hành hoa lên trên nữa thì cứ gọi là thơm ngào ngạt. Đúng là bố tướng. Đơn sơ, giản dị, rẻ tiền, không nhiều chất (gốc tre lấy đâu ra chất) mà lại ngon, lại dễ nuốt.

Ăn uống thế nhưng Lệ vẫn cứ béo. Lệ thấy càng ngày mình lại càng mập. Chân tay mặt mũi Lệ như phì ra. Bụng Lệ to như cái trống, như bụng bà chửa sắp đến tháng đẻ, lưng như cánh phản còn bộ ngực thì đúng là đồ sộ, ngồn ngộn trông đến phát ngốt. Nhiều hôm bất mãn Lệ chẳng còn muốn soi gương để khỏi phải thấy cái mặt nung núc đầy những thịt. Lệ thấy ghét hai cái má bánh đúc của mình quá. Cả đôi mắt hum húp và cái mũi vừa to như quả cà chua vừa sần sùi cũng vậy. Tất nhiên là cả cái mồm với đôi môi vừa đầy, vừa to, vừa thâm xì xì lại vừa trễu ra.

Lệ nghĩ là có thể tại mình ít vận động. Mà đúng là Lệ ít vận động thật. Hết ngày này sang ngày khác Lệ chỉ quanh quẩn trong nhà chứ ít khi đi đâu. Và trong nhà thì còn chuyện gì khác ngoài ăn với ngủ. Ai cũng phải công nhận rằng Lệ thuộc dạng ăn được ngủ được. Hàng ngày, cứ cơm nước xong, ngồi trước cái ti vi một lúc là Lệ đã díp tịt cả hai mắt lại. Thế là lại đành phải ngủ. Lệ ngủ triền miên, hết giấc này sang giấc khác. Ngủ dậy lại thấy đến bữa nên cứ ăn xong lại ngủ, ngủ dậy lại ăn.

Gần nhà Lệ có một con sông. Ở xứ này đã ngót nghét chục năm song Lệ vẫn không biết tên con sông này là gì, dài bao nhiêu, chảy qua những đâu. Chẳng riêng gì Lệ mà cả ông xã của Lệ, cả bọn đàn ông con trai, và nói chung là tất cả người Việt ở đây kiến thức địa lý nói riêng và kiến thức mọi mặt đều rất kém. Chẳng ai biết tên con sông này là gì cũng như chẳng ai biết tại sao cái thành phố nho nhỏ này lại được mệnh danh là thành phố du lịch. Mà cũng chẳng biết có phải là thành phố du lịch thật không hay là do mấy ông địa nhà mình bịa ra. Mấy ông địa nhà mình là chuyên gia trong lĩnh vực bịa đặt những cái tên thật kỳ quặc, đọc lên nghe lạ hoắc, hoàn toàn không có sự thật và chẳng hề có chút ý nghĩa gì.

Nhưng Lệ thấy con sông không tên này thật rộng, thật đẹp, nước xanh biếc và sở dĩ phải nhắc đến nó chính là vì con đường Bờ Sông. Ngôi nhà mà vợ chồng Lệ mới thuê cách con đường Bờ Sông này có một quãng phố ngắn. Từ đạo cảm thấy thân thể càng ngày càng vuông ra, trọng lượng tăng một cách vô tội vạ mà liệu pháp ăn uống không có tác dụng gì, Lệ quyết định phải vận động. Mà cách vận động hữu hiệu nhất bao giờ cũng là đi bộ. Bơi lội thì còn phụ thuộc vào thời tiết, vào ngày giờ đóng mở cửa của bể bơi, nhưng đi bộ thì thoải mái. Ngày cũng như đêm, bất kỳ lúc nào

cũng vẫn có thể đi được. Mưa nắng thì đã có ô dù, có mũ. Xứ sở này ít gió bão. Chỉ có gió to bão lớn may ra mới thổi bay quyết tâm ngày ngày ra bờ sông đi bách bộ của Lệ, nhưng có phải là ngày nào cũng có gió có bão đâu.

Được khoảng một vài tuần thì Lệ nhận thấy rằng đoạn bờ sông này toàn những cây sồi già. Những gốc sồi cổ thụ với những hình thù kỳ dị cách nhau với những khoảng cách hết sức tùy tiện. Đang là mùa hè, lá sồi xanh biếc. Tiếng gió thổi rì rào hòa cùng tiếng đủ loại chim hót trong kẽ lá làm Lệ thấy phấn chấn. Quên béng cái dáng đi lạch bà lạch bạch như vịt bầu, Lệ cảm thấy mình trẻ trung như thuở mười tám đôi mươi, cái thuở mà Lệ còn là một cô nữ sinh trẻ trung và giỏi giang thuộc loại nhất nhì của một trường đại học danh tiếng ở Hà Nội.

Giữa sân trường của Lệ cũng có một cây sồi to y như thế này. Cũng những chiếc rễ sồi cuồn cuộn, mốc meo nổi trên mặt đất trông như những con trăn và cũng một cái hốc đen ngòm to đùng ngay ở dưới gốc. Lệ không hiểu tại sao sét lại hay đánh vào cây sồi. Như nhiều cây sồi ở đây, mùa mưa gió năm 1978, cây sồi già trong sân trường của Lệ cũng bị sét xẻ làm hai phần. Nhưng nó vẫn không chịu chết. Hai phần cây vẫn vươn cao và cành lá thì vẫn giao vào nhau như chẳng có vấn đề gì. Dạo đầu, nơi vết thương thật to, thật dài và cháy sém của nó, hàng ngày nhựa vẫn ứa ra. Nhưng mãi rồi nhựa cũng đông lại. Rồi gió đưa những bào tử của bọn rêu ở đâu đến. Bọn này bám thật chặt vào dòng nhựa còn đang se lại của sồi và sinh sôi nảy nở chẳng mấy chốc đã làm lành vết thương.

Hàng năm, cứ đến tháng ba tháng tư là mùa tuyển quân. Năm 1979, vì ở biên giới đang có chiến tranh ác liệt với quân Trung Quốc xâm lược, số phận tổ quốc ngàn cân treo sợi tóc nên mùa tuyển quân biến thành mùa tổng động viên. Không khí khắp nơi sôi sùng sục. Các trường đại học, vì là nơi đào dạo nhân tài cho đất nước mà được chiếu cố chút xíu, nhưng vì gia đình chưa có ai cống hiến cho cách mạng nên Nhật, người yêu của Lệ vẫn có tên trong danh sách động viên. Buổi tiễn đưa các tân binh lên đường hướng ra biên giới diễn ra ngay ở sân trường. Một cái loa cỡ đại được treo lên cây sồi già, và Nhật là một trong những thanh niên được mời lên bục phát biểu ý kiến. Hôm ấy, trong số những người đưa tiễn có Lệ đứng ngay dưới gốc sồi. Đến bây giờ bên tai Lệ như vẫn còn vang lên giọng nói rất sôi nổi của Nhật lúc đọc bản quyết tâm thư viết bằng máu của gần hai trăm sinh viên trường đại học... gửi lên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam. Hình như những bản quyết tâm thư đều có mẫu chung. Đại để Nhật hứa sẽ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, quyết tâm trau đồi đạo đức cách mạng, quyết tâm giữ gìn, phát huy truyền

thống của cha anh... và cuối cùng thì thề nếu chưa quét sạch bóng những tên xâm lược quyết chưa trở về quê hương.

Năm tháng sau cái ngày ra quân đầy khí thế hào hùng ấy Nhật đã ngã xuống ở mặt trận Vị Xuyên. Đấy là một trong số những mặt trận hết sức ác liệt. Đêm ngày pháo giặc bắn sang như giã giò hết đợt này đến đợt khác. Nhưng sau này Lệ nghe người ta nói rằng ta bị lừa. Họ nói là bên Trung Quốc có những kho đạn pháo cần phải hủy vì hết niên hạn bảo quản và họ lấy mảnh đất Vị Xuyên bên Việt Nam làm cái thúng để hứng chứ vị trí ấy chẳng có gì mà gọi là chiến lược. Lệ chẳng biết rằng sự hy sinh của Nhật và của hàng vạn chàng trai khác có ý nghĩa hay không có ý nghĩa. Và nếu có thì cái ý nghĩa ấy là gì. Vì chỉ một thời gian sau quan hệ giữa đảng cộng sản nước ta với đảng cộng sản Trung Quốc, tức cũng là quan hệ giữa nước ta với nước Trung Quốc lại trở lên hữu hảo, lại thắm tình hữu nghị anh em.

Lệ nhớ trong lá thư đầu tiên Nhật gửi về cho mình có ép một cánh lá sồi. Nhật viết rằng đơn vị của anh đang đào hầm hào trú quân ở một vạt đồi trơ trọi chỉ có duy nhất một cây sồi. Rằng không một tảng đá, một hòn đất nào ở đây còn nguyên vẹn. Rằng đất rừng bị đạn pháo của quân Trung Quốc cày xới đi cày xới lại đến tơi ra như bột. Rằng cây sồi cũng bị ăn đạn đến xác xơ tơi tả và chiếc lá hiếm hoi này là do anh và đồng đội nhặt được giữa hai trận pháo kích của giặc.

Chẳng biết rằng cây sồi Vị Xuyên ấy còn sống thêm được bao lâu nữa? Chẳng biết nó có bị xóa sổ cùng với đơn vị của Nhật hay không? Lệ học ngành sinh vật. Về phương diện lý thuyết, từ một cánh lá Lệ có thể tái tạo lại cả một cánh rừng sồi. Nhưng Lệ đã bỏ qua cơ hội ấy. Cánh lá Sồi Vị Xuyên, cùng với lá thư, kỷ niệm duy nhất ấy của Nhật đã bị thất lạc đâu đó trong những di chuyển của Lệ. Đến giờ, trong hành trang của Lệ chẳng có một cánh thư hay một cánh lá sồi nào.

Kể cả cánh lá sồi nơi sân trường đại học. Và kể cả cánh lá sồi nơi đầu con phố nhỏ ở quê nhà. Phần lớn tuổi thơ vốn chẳng được yên ổn mấy của Lệ được trôi qua trong căn nhà nhỏ ở một phố ngoại ô của bà nội. Trên khoảng sân nhỏ trước cửa nhà bà cũng có một cây sồi. Không ai biết cây sồi đã mọc lên ở đấy từ bao giờ. Nhưng chắc chắn là nó phải nhiều tuổi hơn ông nội của Lệ. Theo lời bà nội kể lại thì khi ông nội sinh ra đã thấy cây sồi rất to và rất cao rồi.

Đầu con phố của Lệ là một ngôi chợ nhỏ. Cả ông lẫn bà nội Lệ đều làm nghề quét chợ. Chưa có bao giờ và chưa có ai coi cái nghề quét chợ này là quan trọng, hay hơn nữa, vinh quang. Nhưng với ông bà nội của Lệ thì điều đó đâu có ý nghĩa gì. Lệ nhớ, thỉnh thoảng bà nội vẫn kể lại bằng một giọng hết sức thỏa mãn rằng cái đại dịch năm bốn mươi lăm, trong

khi bao nhiêu con cái các ông các bà chức sắc sắc trong vùng đều lăn ra mà chết vì đói cả thì mấy anh em của bố Lệ nhờ có bữa no bữa đói mà sống sót. Đấy là nhờ lộc của cái nghề quét chợ.

Chợ, bao giờ cũng là bộ mặt kinh tế của một vùng. Cứ nhìn cảnh sinh hoạt tấp nập ở cái chợ đầu phố thì biết nền kinh tế của cái vùng đất ngoại ô quê Lệ không phải loại xoàng. Cuộc sống của những người quét chợ là nhờ vào cái chợ, và công bằng mà nói thì trong cả một thời gian dài thu nhập của ông bà nội Lệ cũng không đến nỗi nào. Ngày Lệ còn nhỏ, người ta còn tiêu tiền xu, tiền hào. Năm xu một bát nước chè tươi đặc quánh. Một hào một chiếc kẹo dồi ngọt lừ và béo ngậy to như ngón chân cái. Nếu mỗi cửa hàng chỉ cần thu một hào tiền công quét chợ thì một phiên ông nội của Lệ cũng có đến ba bốn đồng nhét túi.

Với những ai không muốn nộp một hào thì đợi đến cuối phiên bà nội Lệ sẽ xách cái thúng con đi dạo một vòng thu đồ ăn. Vì ngày nào cũng trông thấy nhau nên cũng phiên phiến thôi, bà nào bán cái gì thì cho cái ấy và số lượng thì cũng tương đối, còn nhiều đồ ăn, các bà bốc hoặc múc cho nhiều, còn ít thì bốc hoặc múc cho ít.

Lệ thấy phải nhớ ơn bà nội, nhớ ơn cái chợ nho nhỏ ở đầu phố. Có bà nội và có cái chợ này mà Lệ mới may mắn biết được hầu hết miếng ngon trong thiên hạ. Những miếng ngon bao giờ cũng làm người ta nhớ mãi. Mấy chục năm qua rồi nhưng đến giờ Lệ vẫn không sao quên được cái cảnh khi chợ vừa tan, trên manh chiếu con trải dưới gốc sồi, mấy bà cháu, ông cháu lại xúm xít quanh thúng quà bà mang về. Món gói trong lá đong, món đùm trong lá chuối, món dúm trong lá khoai, món lót bằng lá bàng, món đựng trong bát, món đặt trên đĩa..., hàng chục món, nhiều ít khác nhau nhưng chẳng thiếu món nào.

Đến đâu Lệ cũng được coi là sành ăn. Người Việt Nam có thói quen hay tụ ba nhau nấu nướng. Những dịp như thế bao giờ Lệ cũng đến phải chóng mặt lên vì những câu hỏi. Các cô gái trẻ bây giờ rất thiếu thực tế. Cái gì họ cũng thấy cần phải hỏi và hỏi đến cái gì cũng thấy họ bảo không biết, không nhớ, không rõ, không thấy bao giờ. Nấu một nồi giả cầy mà nhiều cô có mấy cái chân lợn không chịu đem thui qua. Nấu giả cầy mà các cô không chịu bỏ mấm tôm thì còn gọi gì là giả cầy nữa. Món ốc nấu cũng vậy, không có mẻ, các cô phải dốc bia vào. Cái chua của bia làm sao có thể giống được cái chua của mẻ mà các cô cứ khăng khăng đòi nấu món bún ốc. Mà là nấu để đãi khách quý hẳn hoi. Sao các cô không cố học cho được bằng một phần của Lệ. Từ ngày còn ở Việt Nam, Lệ đã tự đặt ra cho mình một nguyên tắc là lúc nào cũng phải chuẩn bị sẵn gia vị. Bất kể đơn giản hay phức tạp, nhưng nếu thiếu dù chỉ một thứ gia vị Lệ

cũng không cho phép mình bắt tay vào chế biến một món nào.

Từ gốc cây sồi nơi đầu phố, ngày này qua ngày khác, Lệ thu mọi hoạt động của cái chợ nhỏ ngoại ô vào mắt vào tai mình. Những cảnh mua tranh bán cướp, cảnh giành giật, mắng chửi, thậm chí đấm đá nhau đâm chém nhau xảy ra hàng ngày như được khắc vào trí não non nớt của Lệ. Chính vì thế mà đến nay, riêng về khoản ăn nói ít có bà có cô nào ở đây qua nổi mặt Lệ. Được cái là Lệ biết tự kiềm chế. Và được cái là chị em vùng này cũng biết điều chứ không ai nhịn ai như kiểu đối xử với nhau ở chợ thì không cần nói người ta cũng biết phần thắng thuộc về ai rồi.

Không mang theo cánh lá sồi đầu phố chợ của tuổi ấu thơ, trong mớ hành trang của mình Lệ cũng quên không mang theo luôn cánh lá sồi của tuổi trưởng thành. Ngày được tin Nhật hy sinh trên chiến trường Vị Xuyên, tuy đau khổ lắm nhưng Lệ vẫn phải nuốt nước mắt vào lòng để học, để thi. Cuối cùng rồi bốn năm niên học dài dằng dặc cũng qua đi. Không phụ lòng trông đợi của các giáo sư, Lệ tốt nghiệp đại học với số điểm cao nhất trường, và chỉ có một điều hơi khó chịu là với kết quả học tập như thế thì theo tiêu chuẩn, dáng lẽ được giữ lại trường làm cán bộ giảng dạy thì chẳng hiểu sao Lệ lại bị điều về công tác ở một viện nghiên cứu sinh vật biển mãi tận dưới Hải Phòng.

Trong sân viện cũng có một cây sồi. Lần đầu tiên, vừa bước chân về viện Lệ đã thấy dưới gốc cây sồi này có mấy chiếc ghế đá. Đang là mùa thu, những chiếc lá sồi vàng suộm, vênh vênh như những chiếc bánh quế nho nhỏ theo nhau rơi đầy mặt đất. Còn trên một trong số bốn chiếc ghế đá quanh gốc sồi là một dáng tu mi nam tử đang ngồi đọc báo. Nhác thấy Lệ, gã gấp tờ báo lại, gật đầu chào rồi vừa tháo cặp kính trên mắt xuống lau vào vạt áo vừa nở một nụ cười mơ hồ đến khó hiểu.

Lệ không ngờ rằng cuộc đời mình sẽ rồi gắn bó với người đàn ông này. Lúc ấy, cô chỉ có một nhận xét là gã ta trông rất giống Nhật. Cũng dáng người dong dỏng, chân tay loòng khoòng, cũng bộ ngực lép kẹp như thế, cái lưng lòng còng như thế, cũng nước da mai mái, cũng mái tóc bờm xơm ít khi có dao kéo dụng đến và cũng khuôn mặt dài dài với hai con mắt tinh nghịch lấp lánh sau cặp kính cận. Tuổi tác chắc cũng xấp xỉ với tuổi của Nhật. Nếu cũng học dại học, Lệ chắc rằng gã chỉ ra trường trước mình khoảng hai ba năm là cùng.

Một làn gió nhẹ thoảng qua. Một chiếc lá sồi khô như bánh đa, cuộn tròn như một con sâu kèn rơi thẳng từ trên cành xuống găm vào tóc Lệ. Hai tay đều bận, Lệ phải dứng hẳn lại, đặt cái va li nhỏ và cái túi du lịch xuống đất mới có thể gỡ được chiếc lá ra khỏi đầu. Quả là một khoảnh khắc định mệnh, vì lúc đó gã đàn ông đã lau xong cặp kính, đã đeo lại lên

mất, tức là đã nhìn thấy mọi vật một cách bình thường nên đã kịp cất tiếng hỏi:

- Bạn về đây nhận công tác?

- Dạ... - Lệ vừa đáp vừa nhận thấy đến giọng nói của con người này sao mà giống giọng nói của Nhật đến thế. Nghĩa là, đều đều, cao cao, khàn khàn... và chẳng thể hiện một tư tưởng gì cả.

- Thế thì đầu tiên bạn phải đến gặp phòng tổ chức - hành chính...

- Dạ...

- Phòng tổ chức - hành chính ở ngay đầu dãy kia.

- Dạ... Cảm ơn anh.

- Nhưng hôm nay họ đi vắng cả rồi.

- Họ đi đâu hả anh?

- Họ đi Vĩnh Bảo, đi dự đám tang bà mẹ của ông trưởng phòng.

- Bao giờ họ về hả anh?

- Chắc phải đến sáng mai.

Trong số bà con họ hàng của Lệ chẳng có ai ở Hải Phòng, địa chỉ của mấy con bạn với mấy chục bạc cùng toàn bộ số giấy tờ tùy thân để cả trong ví và giắt kỹ vào hông cái túi lịch thì đã bị bọn ăn cắp rạch ra moi mất từ lúc còn chen chúc nhau trên tầu rồi. Cuộc đời vẫn thường hay có những cảnh trớ trêu như vậy. Sao bà mẹ ông trưởng phòng tổ chức - hành chính không chọn lúc khác mà chết. Từ giờ đến sáng mai Lệ biết ăn ở đâu, ngủ ở đâu, trong túi không có tiền, không có giấy tờ thì có nhà trọ nào dám chứa.

Cánh lá sồi cứng quèo đã được gỡ ra khỏi mái tóc nhưng chân Lệ thì chùn lại. Biết đi đâu bây giờ... Cô xách cái va li và cái túi du lịch đặt lên một cái ghế đá, ngồi xuống bên cạnh thở một hồi rồi mới quay sang gã đàn ông hỏi cầu may:

- Phòng viện trưởng viện phó ở chỗ nào hả anh?

- Đằng kia... Nhưng họ cũng đi đưa đám ma hết cả rồi.

- Cả ông bí thư đảng ủy, ông thư ký công đoàn, ông bí thư đoàn thanh niên, bà hội trưởng phụ nữ?

- Vâng. Và không chỉ thế. Với hàng ngũ từ phó phòng trưởng phòng trở lên, tất cả các ông các bà cán bộ chủ chốt đều đi hết... Bạn tính: Mẹ của ông trưởng phòng tổ chức chết. Một sự kiện quan trọng lắm chứ.

- Nhưng từ giờ đến sáng mai em không biết ăn đâu ngủ đâu? Chẳng lẽ lại ra đồn công an?

- Không đến mức phải thế đâu. Tôi có thể giúp bạn.

Nói xong, gã rút trong túi ra chùm chìa khóa, loay hoay tháo mãi mới lấy ra được một chiếc đưa cho Lệ:

- Đây là chìa khóa cửa phòng thằng bạn tôi. Nó đi công tác Nha Trang, tuần sau mới về. Trong khi chờ đợi ban lãnh dạo viện về đông đủ, bạn có thể nghỉ tạm ở dãy.

Hai mắt tròn xoe, Lệ ngạc nhiên nhìn gã dàn ông. Thời buổi nhố nhăng, trộm cắp như rươi thế này mà gã ta không sợ ăn phải quả lừa sao?

Sau này, khi hai người đã thân nhau lắm, có lần Lệ hỏi Vũ (tên gã đàn ông ngồi dưới gốc sồi ngày nào) rằng:

- Sao anh cả tin vậy?

Thì gã trả lời:

- Có phải ai cũng là người lừa lọc cả đâu? Nhìn vào mắt em, anh biết.

Vũ tin vào con mắt nhìn nhận con người của mình. Gã học ngành tâm lý. Nhưng Vũ chủ quan quá. Một đêm, đúng vào hôm Lệ đi công tác, trời mưa gió đùng đùng, có một đứa con gái ướt lướt thướt như chuột lột, gõ cửa xin vào trú nhờ. Nhìn mặt mày nó tái mét, hai hàm răng va vào nhau lập cập, cả thân người run lên từng cơn bần bật như cầy sấy, Vũ mới lấy quần áo của vợ cho nó thay và còn định pha cả sữa cho nó uống nữa. Nhưng đúng lúc gã đang lúi húi chuẩn bị bếp nước thì con trấn lột đã lôi được bình thuốc mê ra xịt thẳng vào mặt.

Cửa nhà có cái gì đáng giá bị con trấn lột cuỗm sạch cho lên chiếc xe đạp duy nhất của hai vợ chồng chở đi. Vũ bị quả đắng chưa từng thấy. Nhưng đúng như câu chuyện Tái Ông thất mã diễn lại, trong đợt xét duyệt đi lao động hợp tác với nước ngoài cuối năm ấy, vì thuộc thành phần nghèo nhất viện mà Vũ có tên trong danh sách đầu tiên.

Nhưng đấy đã là cuối những năm tám mươi, chuyện làm ăn ở mấy nước xã hội chủ nghĩa không còn mầu mỡ như xưa nữa. Ba năm liền ở Nga, làm đủ mọi nghề từ xúc tuyết, đào đất, đến làm cửu vạn..., nhiều công việc phải liều lĩnh, vào sống ra chết, phải tiết kiệm, tích cóp từng đồng, nhưng đến khi về nước tài sản của anh bộ đội* tên Vũ vẫn hết sức khiêm tốn. Một thùng hàng gồm cái tủ lạnh, mấy chục cái bàn là, mấy chục cái nồi áp suất, mấy trăm cái áo bay vào thời điểm bấy giờ là mấy cây vàng nhưng đâu có giải quyết được cái gì.

Ở nhà được vài ba năm, hết một nửa thùng hàng rồi mà chẳng thấy tương lai gì, Vũ quyết định phải đi. Giá cả ngày ấy còn mềm, trọn gói từ Việt Nam sang Đức mới có năm nghìn đô la một suất, nhưng chạy đủ mười ba nghìn suất của hai vợ chồng và đứa con gái lên năm tuổi để nộp cho đường dây đưa người đối với Vũ cũng đâu có phải chuyện dễ dàng.

Lại phải bán hết. Ti vi, tủ lạnh, áo bay, nồi áp suất, bàn là... theo nhau đi ở. Nhưng chỉ được một phần. Muốn có đủ mười ba nghìn đô, hai vợ chồng phải sang tên cả cái nhà một gian mười lăm mét vuông mới dựng

trong khu đất gần viện cho người khác.

Hành trình gồm mấy chặng là mấy chặng táng đởm kinh hồn. Ngay ở Hà Nội, mặc dù đã có hộ chiếu nhưng để vào được sân bay cũng không phải là chuyện dễ dàng. Khác với những nhà ngoại giao, những người đi làm ăn, buôn bán, du lịch hoặc học tập..., nét mặt của những kẻ rắp tâm chạy trốn khỏi đất nước của mình có một cái gì đó rất dễ nhận ra. Ngay cả Vũ, một chuyên gia tài giỏi về tâm lý cũng không sao có thể che giấu được. Lệ thì khỏi phải nói, làm cái gì cũng lúng ta lúng túng, lóng ngóng như gà mắc tóc. Còn con bé vốn chưa quen đối trá thì lúc nào cũng chỉ sợ nó buột mồm nói cháu đi Đức tỵ nạn lúc có ai ngứa mồm hỏi tới thì đúng là lạy ông tôi ở bụi này. Vậy nên, cả nhà ai cũng dễ để người ta bắt nọn. Từ anh công an cửa khẩu cho đến chị kiểm tra hải quan ai cũng có thể nhìn chằm chằm vào mắt rồi soi mói bới lông tìm vết, kiểm tra, hỏi han, hạch sách lung tung. Rồi dọa nạt. Mỗi lần thử gân như thế chết không biết bao nhiêu noron, bao nhiêu tế bào thần kinh. Mà với những tế bào thần kinh này thì chết có nghĩa là hết, là không bao giờ hồi phục được.

Chẳng riêng gì Matxcova, mà là cả nước Nga, như đã thành thói quen, mấy ông cảnh sát cứ thấy bóng đầu đen ở đâu là đuổi. Mỗi lần bị xe cảnh sát bắt dừng lại để tra hỏi, khám xét là một lần sợ tưởng muốn vãi linh hồn. Ngồi trong thùng xe bịt kín mít mà tim như muốn thót lại và mặt mày thì tái xanh tái xám. Tất nhiên là mấy tay đưa người lại phải xùy ra năm chục, bảy chục đô. Và cũng may mà với mấy ông cảnh sát Nga, cứ tiền vào là xong hết. Nếu không thì hành trình từ sân bay quốc tế Matxcova tới được biên giới giữa Belorusia với Ba Lan chẳng biết còn khó khăn phức tạp đến thế nào.

Mấy tháng ở Belorusia đối với Lệ quả là một cực hình. Hơn hai chục con người, đàn ông, đàn bà, người lớn, trẻ con... bị nhốt lẫn lộn vào một căn nhà hoang cũ nát khoảng ba bốn chục mét vuông dưới một cánh rừng sồi. Hàng ngày chỉ có bánh mỳ khô và nước lã. Họa hoằn lắm mới được mấy người mới được một quả táo héo. Mặc dù trời lạnh đến gần hai chục độ âm, nhưng mấy tay đưa người vẫn cấm, không cho đốt lò sưởi vì sợ khói bốc lên sẽ lộ. Chúng cũng cấm, không cho ai được nói to. Không ai được vén rèm cửa sổ nhìn ra ngoài. Mặc dù là cửa sổ quay ra phía rừng sồi và mùa này thì những cây sồi đã trút hết lá chỉ còn trơ lại những những cành cây dài duỗn duỗn và đen xì xì.

Qua mùa đông, đến mùa xuân mấy tay đưa người mới tìm được cơ hội vượt biên giới. Biên giới giữa Belorusia với Ba Lan là một dòng sông. Phải đợi đến khi băng tan, lính biên phòng cả hai bên bờ đều có phần chểnh mảng, lơ là, chủ quan thì mới có thể vượt sông được. Có lẽ chỉ dân

Việt Nam mới dám liều mạng như vậy. Năm người, với một chiếc xuồng cao su mỏng mảnh, có thể thủng, có thể lật bất kỳ lúc nào vậy mà họ dám vượt qua cả một con sông vừa rộng vừa sâu vừa lạnh giá. Nước sông lờ đờ trôi, con xuồng nhỏ với những tay chèo vụng về lóng ngóng luồn lách qua những tảng băng đang tan to nhỏ đủ các kiểu. Nói dại, chỉ cần dụng vào một trong số rất nhiều những tảng băng to như những con bò, con trâu, con voi kia thì số phận của mấy con người yếu ớt trên xuồng chỉ phút chốc là đi tong. Thế mới biết, khát vọng của con người ta thật là lớn. Hay nói đúng hơn, thế mới biết cái đói, cái nghèo ở quê nhà thật đáng sợ. Tỷ tỷ lần đáng sợ hơn, kể cả là khi phải mặt đối mặt với cái ông Thủy Thần Hà Bá hung hăng dữ tợn nơi đất khách quê người.

Nhưng đấy mới chỉ là một số trong những cửa ải phải qua. Chuyến đi của vợ chồng Lệ thật vất vả. Qua Ba Lan, đến Tiệp, tức là đến cửa ngõ của Đức rồi mà vẫn chưa hết gian truân... Lệ không ngờ tụi dưa người lại có thể dốn mạt đến vậy. Được đúng một tuần, khi thấy mọi người đã hơi lại sức sau mấy tháng ăn vật nằm vạ ở Belorusia và mấy tuần liền vượt sông, vượt núi, lội suối, băng ngàn, chui lủi trên đất Ba Lan và đất Tiệp, một tên trong bọn chúng nói với Vũ:

- Bọn lính ở biên giới dạo này canh gác rất dữ. Chúng nó tuần tra bằng máy bay trực thăng. Dưới đất thì ô tô, xe máy với chó Berger. Đi cả đoàn khó thoát lắm. Chúng tôi tính là phải xé lẻ ra để đưa từng người một. Đêm nay, anh đi trước. Nếu thoát được, sang bên kia chịu khó chờ ít lâu. Mấy hôm sau, chúng tôi tôi sẽ đưa chị ấy và cháu bé sang.

Từ mấy hôm nay, thấy mấy thằng nhìn vợ chồng mình với ánh mắt khang khác Vũ đã linh tính thấy có chuyện gì không ổn. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Cả Lệ và Vũ, hai vợ chồng đều chẳng có người quen nào ở Tiệp. Mà có thì cũng chẳng giải quyết được vấn đề gì. Vì lấy đâu ra phương tiện mà liên lạc. Ở vùng gần biên giới này lại không có dân. Khắp nơi, chỗ nào cũng chỉ thấy toàn có rừng là rừng. Những cánh rừng sồi bạt ngàn nối tiếp nhau đi cả ngày không hết. Nói dại, nếu muốn, chúng nó có thể thủ tiêu Vũ rồi vùi xác ở đâu đó thì đến muôn đời cũng chẳng ai tìm ra.

Vũ phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Bằng lòng với những điều kiện mà bọn đưa người đặt ra. Và đêm hôm ấy, khi chiếc xe chở Vũ ra biên giới vừa đi khỏi thì một chiếc khác cũng ghé cửa đưa hai mẹ con Lệ về Praha.

Từ đây, bắt đầu những ngày nhục nhã ê chề của Lệ. Tiếng là hai mẹ con ở hotel Kosik nhưng cứ có điện thoại là chúng lại dẫn Lệ ra cái taxi thuê sẵn lúc nào cũng chờ ở dưới sân để đưa đến những nơi có nhu cầu. Sau khi hạch toán tất cả các khoản chi phí, mấy thằng đưa người thấy rằng chuyến hàng này chuyến hàng này chẳng xơ múi gì nhiều. Và chúng quyết

tâm phải gỡ lại một phần bằng thân xác Lệ.

Một trăm Curun một lần đi khách, trừ tiền ăn uống của bốn năm người, tiền son phấn của Lệ, tiền thuê khách sạn và bao nhiêu thứ tiền khác nữa, sáu tháng sau không biết là vì đã thu hồi đủ số tiền thất thoát hay là vì thấy Lệ càng ngày càng héo hon quắt quéo, bọn đưa người này mới quyết định đưa Lệ sang Đức để nhập trại và đoàn tụ với chồng.

Ngày ấy, ai nhìn Lệ cũng thấy thảm hại vô cùng. Chân tay Lệ khẳng khuyu, gầy gò trông như chỉ còn da bọc xương, mặt mày quắt lại, đen đúa và tóc thì rụng đến quá nửa đầu. Cặp mắt Lệ thất thần, vô hồn, trông Lệ hết sức mệt mỏi, Lệ cân được có ba mươi bảy ki lô. Không ai ngờ rằng chỉ có mấy năm mà trông Lệ khác hẳn. Bây giờ có cân vội Lệ cũng phải được ngót nghét bảy chục ký, và cái chính là Lệ rất sung sức.

Người ta bảo là Lệ vô tư. Những người vô tư dễ béo lắm. Bản thân Lệ cũng muốn trở thành người vô tư để khỏi phải lo, khỏi phải nghĩ, và nhất là khỏi phải nhớ lại cái gì.

Và cũng có lẽ là Lệ đã đạt được cái điều vô tư ấy, nếu như trong một lần đi dạo cô không chợt nhận thấy rằng mấy rặng cây trồng hai bên con đường bờ sông này toàn những sồi là sồi. Mà ở sân trường học của Lệ, ở đầu con phố nhỏ của nhà Lệ ngày nào lại cũng có cây sồi.

Tại sao lại thế nhỉ? Tại sao đi đến đâu Lệ cũng thấy sồi?

Tháng Năm 2001
Nguyễn Hoài Phương

Đón đọc hai tác phẩm giá trị **Văn Mới** xuất bản trong tháng 9/ 2001:

thương thế, ngày xưa
tập truyện, tùy bút của
Lê Minh Hà

huyết đằng
tập truyện đầu tay của
Phạm Hải Anh

Xin liên lạc địa chỉ mới của nhà xuất bản Văn Mới:
1127 N. Gardena Boulevard, Gardena CA 90247 USA
Phone: **(310) 366-6867**

Mắc cạn

Đỗ Tử Hậu

Con tầu đang rẽ sóng ào ào bỗng như bị vướng phải cái gì nên giảm tốc lực thật bất ngờ và khựng lại. Hải chỉ kịp nhìn vội theo ly rượu Martel trượt thật nhanh ra cạnh bàn và rơi xuống sàn tầu mà không chụp được. Ly vỡ trộn rượu văng lênh láng lổn nhổn. Chưa kịp có phản ứng gì ngay tiếp đó thì lực dội của con tầu đang chạy sáu mươi hải lý một giờ bị hãm lại đột ngột hất tung khung hình mang chân dung Thúy Huyền, vợ sắp cưới của Hải, ra khỏi cái móc trên vách và rơi xuống sàn tầu vỡ nát mặt kính. Hai ba cái ghế sắt cùng đổ lỏng chỏng về một phía đè lên cái bình pha lê cắm hoa cúc trắng cũng vừa rơi ngay xuống trước đó. Mảnh thủy tinh vỡ tan cắt vụn những cánh hoa bắn tứ tung. Hải bám tay vào thanh vịn bên vách vội lao thật nhanh về phía cầu thang sắt dẫn lên phòng lái.

Hải hốt hoảng la:

- Cái gì vậy Bảo?

Bảo nhanh miệng:

- Tầu bị mắc cạn thuyền trưởng!

Hải nhoài vội người đến nhìn vào tấm bản đồ hải hành trên bàn, anh sẵng giọng:

- Mắc cạn cái con khỉ khô! Đang ở ngay chính giữa biển sâu mà cạn mới cụng gì! Đo vị trí coi! Bảo phòng máy chạy máy một, giữ mười, đo chiều sâu.

Bảo nhắc lại lệnh xuống phòng máy:

- Chạy máy một, giữ mười, đo chiều sâu.

Kéo cây thước nhôm lại trên bàn hải đồ chi chít những con số li ti đè lên những đường vòng ngoằn ngoèo chỉ chiều sâu của lòng biển, Bảo cẩn thận cắm chặt cây kim đầu nhựa tròn và đỏ xuống để đo vị trí hiện tại của

con tầu. Nhẹ nhàng đẩy cây thước nhôm lại, anh cho chạm thật khẽ vào cây kim. Trên hải đồ con tầu đang ở giữa một vùng xanh thật thẫm của biển cả. Bảo đõng dạc đọc con số đo được là:

-Báo cáo thuyền trưởng Vĩ độ 22, 37 phút, 8 giây - Tung độ 137, 49 phút, 4 giây. Hải trình 27 dặm cách điểm đo trước đây 30 phút. Vị trí cho thấy cách Đài Loan 80 dặm về hướng Đông.

Ông Trương, phụ tá hoa tiêu, lật đật chạy lên phòng lái, ống nhòm đeo lủng lẳng trên ngực, nhìn Hải hỏi nhanh:

- Tầu bị mắc cạn há thuyền trưởng? Hay đâm vào cái gì? Ngộ nhìn quanh tầu chẳng thấy gì chọi, tối thui à!

Hải nhìn Trương nghiêm giọng ra lệnh:

- Ông cho mấy đứa nó rọi đèn pha về phía boong trước xem có thấy cái gì không nào?

Vang trên loa từ phòng máy:

- Chiều sâu đo được 824. Máy một chạy mười.

Lái chiếc Cửu Long này của hãng Vinaco Lines đã ba năm nay chưa bao giờ Hải gặp trường hợp lạ như vầy. Hải trình từ Sàigòn đi Yokohama chàng đi lần này tính được đã là lần thứ ba. Chàng thuộc làu như trong lòng bàn tay. Chiều hôm nay vừa mới rời bến Đài Loan sau một ngày dài đổ hàng Hải đã mường tượng chừng hai ngày nữa tầu sẽ cặp bến Nhật Bản chàng sẽ phải đi mua một món quà cho Huyền. Món quà mà Huyền đã mong đợi từ bấy lâu nay. Đó là một bộ sa-lông bằng song đánh vẹc-ni màu nâu sậm với những tấm nệm ngồi bé gọn gàng màu xanh lục điểm hoa cúc trắng thật to mà Hải đã cho nàng xem trong catalogue của một cửa hàng bàn ghế mây bên Nhật. Bộ sa-lông ấy vừa nhẹ vừa xinh nếu kê ở căn phòng khách bé nhỏ của Huyền thì không gì tuyệt hơn. Huyền rất mê hoa cúc trắng không biết từ thuở nào. Hải còn nhớ những ngày mới quen Huyền sáu năm trước đây khi chàng còn là Hải quân Đại úy Hạm trưởng chiếc Hàm Tử. Lúc ấy tầu được giao nhiệm vụ chở gạo, quân trang, quân dụng và súng đạn từ Sàigòn ra Đà Nẵng. Lần đi cũng như bận về chàng vẫn cho tầu ghé vào Qui Nhơn một hay hai ngày đểthăm Huyền. Đúng mùa hay trái mùa không thành vấn đề, lần nào Hải ghé Qui Nhơn thì Huyền cũng đều có hoa cúc trắng cả. Huyền lúc ấy là một cô nữ sinh đệ Nhị trường công lập Cường Để. Luôn thướt tha với tà áo dài trắng, tóc để dài đen nhánh, Huyền đã hớp hồn biết bao chàng trai trẻ cùng thời trong đó dĩ nhiên là có cả Đại úy Hải. Hai năm sau chàng thăng cấp Thiếu tá. Chàng xin biệt phái ra lái tầu buôn và dự tính cưới Huyền. Mười hai năm trong Hải quân chàng là một Hạm trưởng gương mẫu. Chưa hề vi phạm một luật hải hành nào và cũng chưa hề gây một tai nạn nhỏ hay lớn nào kể

cả chuyện thường tình như là đâm tầu vào cảng lúc cặp bến như biết bao những Hạm trưởng khác.

Tiếng ông Trương đang hò hét dám đàn em rọi đèn pha đằng trước tầu:

- Tui pay có thấy gì hôn? Rọi cả hai pên nữa chứ! Sao có thấy gì hôn? Rọi gần lại chúc nữa! Hổng có gì cả há!

Hải bước ra cửa phòng lái bảo ông Trương:

- Thằng Quang dâu? Ông cho nó lặn xuống gầm tầu xem sao!

Ông Trương quay lại nói:

- Thuyền trưởng à, thằng Quang vợ nó lẻ, ngộ cho nó nghỉ hổng lì chuyến này. Chẳng thấy gì ráo chọi ông thầy ơi. Nước tối thui à!

Hải bực mình gắt:

- Có mỗi thằng thợ lặn lúc cần thì đếch có mặt.

Hải móc cái ống vố Dunhill trong túi áo jacket ra nhồi thuốc. Hải có thói quen phì phèo cái dọc tẩu vào những lúc bối rối mà chưa tìm được giải pháp cho một vấn đề gì. Chàng thích trộn thuốc 79 chung với thuốc Cherry, vì 79 thì hơi khô đối với gu của Hải trong khi Cherry thì lại hơi ẩm. Hai thứ trộn chung thành một gu riêng rất được Hải ưa thích đã nhiều năm nay. Rít hai hơi thuốc thật dài, Hải cắn cái ống vố sang một bên và ra lệnh qua kẽ răng:

- Bảo phòng máy chạy máy một 20, máy hai 20.

Hải quay tay lái ba bốn vòng để đổi hướng. Máy tầu rú lên nhưng con tầu vẫn không thấy có vẻ gì muốn nhúc nhích cả.

Tiếng trên loa từ phòng máy:

- Máy một 20, máy hai 20.

Hải ra lệnh tiếp:

- Hai máy chạy 30.

Bảo lập lại khẩu lệnh. Tầu vẫn chẳng thèm nhúc nhích. Hải đâm lo. Trán chàng bắt đầu rịn mồ hôi. Rít thêm hai ba hơi thuốc nữa, anh quay bánh lái tầu ngược lại sáu bảy vòng và lại ra lệnh tiếp nữa:

- Hai máy chạy 40.

Ông Trương vội chạy vào phòng lái mặt lộ đầy vẻ lo sợ:

- Tầu không chạy mà ông thầy cho máy chạy dữ quá lột đên à!

Hải ngước lên cau mày gắt to:

-Lột cái con khỉ khô! Ông bảo dứa nào hạ ca nô xuống chạy quan sát quanh tầu vài vòng xem sao!

Ông Trương bước ra. Hải ra lệnh cho Bảo lấy ống kính trắc giắc ra đo sao trên trời để định vị trí cho chính xác hơn đồng thời cũng ra lệnh giảm tốc độ máy. Trăng tròn vằng vặc. Hằng hà sa số những vì sao thi đua nhau

lấp lánh. Đêm thật thơ mộng nếu mà không có cái chuyện tàu không chịu chạy này. Đêm lại còn thật thơ mộng hơn nữa nếu được thả hồn mơ về Huyền dưới một bầu trời đẹp như vầy ... Chòm sao nọ ngoan ngoãn nằm cạnh chòm sao kia. Thiên hà nọ đâu lưng ấm áp với thiên hà kia. Giải Ngân Hà chi chít không biết cơ man nào là sao lóng lánh như một chuỗi kim cương đẹp tuyệt vời nằm thõn thẹn vắt ngang qua bầu trời rộng bao la. Người phương Tây thực tế quá nên đặt tên cho nó là Con đường sữa. Thật chẳng còn thấy gì làthi vị cả. Bảo đo đạc thật cẩn thận một lát. Anh ghi chép đàng hoàng rồi mới lên tiếng báo cáo:

- Chòm Kim Ngưu 372 độ, chòm Thiên Mã 28 độ, chòm Đại Hùng 133 độ.

Hải vẽ những yếu tố vừa đo được ấy lên hải đồ, chàng kéo cây thước lại tự tay chính anh đo lại kỹ lưỡng và ngẩn người ra một lúc rồi lẩm bẩm:

-Đâu có sai mấy đâu. Ở ngay giữa biển rành rành đây này, có đảo có hòn gì đâu?

Tiếng lao xao của đám đàn em mới leo từ canô lên tầu vang vọng. Ông Trương hỏi lớn:

- Tụi pay có thấy gì hông? Hổng có thấy gì ráo há?

Hải nhìn ra biển cả thật mênh mông và cũng thật huyền bí. Biển từ lâu đã là cả cuộc sống của Hải. Biển vẫn là bạn của Hải. Biển đã luôn luôn tốt với Hải. Nhưng hôm nay biển lạnh lùng quay lưng vào mặt Hải. Biển trở mặt. Biển trở chứng. Biển biến thành kẻ thù cuả Hải. Biển cướp hết uy tín cuả Hải. Biển dáng Hải xuống thành một tên bất lực bên chiếc bánh lái tầu mà Hải đã từng thực thi quyền làm Thuyền trưởng trên chục năm nay. Biển rất êm. Gió rất lặng. Nhưng tại sao tầu bỗng dưng lại giở quẻ không báo trước mà làm reo một cách thật vô lý và bất công thế này. Tại sao Hải không tìm ra được phương cách giải quyết với bao nhiêu kinh nghiệm hải hành đầy mình. Những bài học ở Trung tâm huấn luyện Hải quân Nha Trang bỏ đi đâu? Những ngày tháng dài tu nghiệp ở Trường Hải quân Hoa Kỳ Annapolis vứt đi đâu? Hải nổi cáu. Tại sao mình lại chịu thua biển. Tại sao mình lại phải bó tay khi hãy còn cựa quậy được. Anh lại cho tầu nổ máy. Anh cho rẽ sang bên này. Anh cho quay sang bên kia. Anh cho tầu chạy lùi. Anh cho tầu chạy tới. Vô phương. Vẫn vô phương! Bất lực. Vẫn bất lực! Tầu vẫn không nhúc nhích. Không nhúc nhích đến cả giờ đồng hồ rồi. Thật là vô lý hết sức. Anh ra lệnh:

- Truyền tin gọi về Sàigòn báo cáo là tầu không chạy được, lý do không biết, khoảng 11 giờ đêm cách Đài Loan 80 đặm về phía Đông, sẽ báo cáo tiếp khi có thay đổi.

Hải xuống phòng thuyền trưởng ngồi thừ người ra, suy nghĩ mông

lung và rít không biết hết mấy cối thuốc rồi. Anh móc tro thuốc ra khỏi cối và chuẩn bị nhồi thuốc mới vào. Ông Trương bước vào mặt mũi lo lắng tột độ. Ông lên tiếng:

- Ông thầy à. Tôi mới nghĩ ra liều này há, nói cho ông thầy nghe lừng có la tôi nhe!

Hải ngẩng lên nhìn ông Trương, không giữ được bình tĩnh anh gắt:

- Nói đi! Vòng vo mãi!

Ông Trương vội nói:

- Tôi suy nghĩ kỹ lắm à. Ông thầy có piết pữa lay là ngày rằm tháng pảy há. Tôi nghĩ là tầu mình phải cúng cô hồn à...

Hải thở ra bực mình, anh cắt lời:

- Tưởng cái gì! Ông chỉ có nghĩ tầm bậy tầm bạ là giỏi. Thời buổi này mà còn tin cô hồn với các đẳng. Thôi dẹp đi!

Ông Trương vẫn cố nài nỉ:

- Thuyền trưởng à, thằng Pàng nó mới nói dới ngộ lúc nãy á là nó li chiếc này chín năm rồi. Rằm tháng pảy năm nào thuyền trưởng cũ ló cũng cúng hết ráo á.

Hải im lặng suy nghĩ một ít giây. Anh quay ra bảo ông Trương:

- Bảo thằng Bàng lên gặp tôi.

Ông Trương bước ra. Hải nghĩ mình đã từng đi Singapore biết bao nhiêu lần, đi Manila đều đều, đi Nhật cũng hai lần rồi có làm sao đâu. Mấy năm nay có bao giờ anh cúng với kiếng gì đâu. Anh gạt bỏ ngay ý nghĩ tin là có cô hồn đòi ăn vào ngày rằm tháng bảy. Thế tầu Mỹ tầu Pháp thì sao? Tụi nó có cúng ai đâu? Có đứa nào níu giò tụi nó đòi cúng đâu?

Bàng theo chân ông Trương bước vào. Ông Trương nói:

- Nói ông thầy pỏ qua cho chớ mấy năm trước ngộ cúng mà không cho ông thầy biết ló. Dới những ngày rằm năm trước tầu mình nằm ở pến Sàigòn chứ không có ở ngoài piển như pữa nay. Ngộ cúng xong rồi mới kêu ông thầy xuống nhậu ló.

Hải hỏi Bàng:

- Chú mày cũng tin vào cô hồn nữa hả?

Bàng tránh tia nhìn của Hải nhìn ra chỗ khác, nó ấp úng:

- Khúc biển Nam Hải này có nhiều oan hồn lắm thuyền trưởng. Em nghĩ cúng thì cũng đâu có mất mát gì, rồi đi êm xuôi à, thưa thuyền trưởng.

Hải cất cao giọng:

- Như vậy mấy người xúi ta nạp tiền mãi lộ hả? Bộ tụi Lương sơn bạc âm phủ nới rộng vùng làm ăn ra đến tận ngoài hải phận quốc tế này sao?

Ông Trương nở một nụ cười nhăn nhó cầu tài:

- Ông thầy dui tánh khôi hài hay quá cỡ. Ngộ lo dụ cúng kiếng cho ông thầy hổng phải làm gì ráo, chỉ cho phép ngộ thôi á!

Hải bị thuyết phục. Anh yếu ớt lên tiếng:

- Mình có cái gì đâu mà cúng?

Ông Trương tươi hẳn nét mặt, sáng xái nói ngay:

- Ngộ piết có cái lảo nhỏ cách lây chừng một giờ lồng hồ. Cho ngộ li mua lồ cúng chừng hơn hai giờ lồng hồ là ngộ đề tới à.

Hải dành khuất phục. Anh cho ông Trương mang theo ba đứa đàn em lấy canô đi mua đồ cúng. Hải rót Martel ra ly làm một hớp. Rít hai ba hơi thuốc. Anh kéo cái ghế sắt đang nằm lỏng chỏng lên. Anh ngồi phịch xuống mệt mỏi. Hải liên tưởng đến cái lần sang Mỹ lãnh tầu lái về Sàigòn lúc đến gần quần đảo Hawaii thì tầu chui ngay vào một cơn bão cấp bảy. Thật là hãi hùng mà Hải tởn mãi chắc là đến già. Lần ấy nhờ phúc đức bẩy mươi đời của ông bà để lại nên có được phương tiện truyền tin hiện đại của Hải quân Hoa Kỳ và đài Hướng Dẫn Hải Hành đặt tại Honolulu đã giúp Hải điều khiển chiếc Nhật Tảo trốn gọn trong tâm bão đến bốn ngày đêm liền. Con tầu sau đó đã nương theo cơn bão tan đến gần hải phận đảo Maui mới biết là mình còn sống. Những bài học ở trường Hải quân Annapolis đâu có đề cập gì đến những oan hồn ngoài biển hay thủy quái hay những quyền lực vô hình gì đâu. Chuyện những con tầu bị cuốn chìm xuống đáy biển mất tích trong vùng tam giác tử thần Bermuda trên Đại tây dương chỉ là những huyền thoại rơi rớt lại đằng sau chuyện kể cái lục địa Atlantis tối ư là văn minh đã bị nổ chìm xuống lòng đại dương cách đây hàng chục ngàn năm. Chẳng qua chỉ là sản phẩm tưởng tượng qúa phong phú của những người viết chuyện khoa học giả tưởng. Ngày nay các tầu buôn, tầu đầu hay tầu chiến vẫn nghênh ngang qua những vùng biển ấy mà có sao đâu. Tại sao đêm nay chàng lại phải khuất phục cái ông Trương tận cùng vô lý như vầy. Hải vẫn chưa tìm ra câu giải đáp.

Ông Trương và bọn lau nhau đã về. Chiếc đồng hồ dạ quang trên cổ tay Hải chỉ ba giờ sáng. Mấy đứa xúm xít bày ra nào là giấy vàng giấy bạc, nào là nhang, đèn cầy, bánh bao, và lại còn cả mấy hũ Mai quế lộ nữa. Ông Trương và dám thủy thủ, trừ Hải, ai nấy đều thắp nhang khấn vái xì xụp. Tiếng ông Trương ê a:

- Cô hồn các lảng trên pờ à... Oan hồn uổng tử dưới piển à... Sống khôn thác thiêng à... Cho ngộ li đề pằng an à... Ngộ cúng các nị à...

Nghe tiếng cúng vái của ông Trương làm Hải nực cười thầm về lòng mê tín qúa đáng của ông ấy. Tuy nhiên nghĩ đi nghĩ lại thì Hải lại phải đặt một câu hỏi thật to tướng cho chính mình. Sự kiện ấy có hay không? Phong tục cúng rằm tháng bảy của ta và của Tầu có thật là một sự liên hệ

giữa hai thế giới người sống và chết chăng? Cúng vái lâu lắc một hồi xong ông Trương cho đàn em ném hết đồ cúng xuống biển chỉ giữ lại mấy hũ rượu.

Tầu từ từ trôi từ lúc nào. Chẳng cần chờ máy nổ mà cũng chẳng cần chờ lệnh của thuyền trưởng Hải gì cả. Chuyến ấy rốt cuộc tầu cũng cặp bến Yokohama tuy chỉ muộn mất có độ nửa ngày.

Đỗ Tử Hậu
Tặng Hạm Trưởng Đ.M.A.

Những số báo Văn Học cũ hiện còn tồn kho

Một số bạn đọc viết thư hoặc điện thoại về Tòa soạn hỏi mua những số Văn Học cũ. Xin thông báo chung đến các bạn:

1. Văn Học không còn đủ trọn bộ 180 số báo đã phát hành trong 16 năm qua. Hiện trong kho Văn Học chỉ còn các số sau đây:

6, 15, 20, 27, 29, 38, 39, 59&60, 64, 65, 67, 68, 69, 72&73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80&81, 82, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 107, 108, 109, 112, 113, 114, 115, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129&130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150&151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165&166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177&178, 179, 180, 181, 182

2. Giá bán mỗi số báo cũ là **Hai Mỹ kim**. Vì việc gửi bưu kiện đi ngoại quốc quá phức tạp và đắt tiền, chúng tôi chỉ gửi báo cũ đến các địa chỉ trong nước Mỹ và theo hạng media mail.

Tình khúc

truyện dài đăng nhiều kỳ

Hoàng Chính

12

Vài cơn nhức đầu vu vơ, một chút chóng mặt không đáng kể. Bác sĩ gia đình bảo tại thiếu máu và yêu cầu anh ăn nhiều rau, trái cây tươi, thịt bò... Bác sĩ cũng cho toa mua thuốc. Anh đem toa về nhà bỏ đấm dúi đâu đó mất tiêu. Dạo này anh hay quên. Đầu óc chỉ siêng năng khi cần nhớ những gì liên hệ tới cô; ngoài ra...

13

Vậy là mùa hè đã qua. Những buổi sáng thức giấc, nhìn xuống đường phố vắng hoe, ngập đầy sương trắng, anh thường nghĩ đến cô và tự hỏi, giờ này Quyên của anh đang làm gì. Có ngủ nướng vì tối hôm trước thức khuya coi băng hình *Paris by Night* không? (lẽ ra anh không nên ghi tên băng nhạc ấy vào đây, vì ai lại đi quảng cáo không công cho nhà sản xuất băng hình như vậy, nhưng vì đó là chương trình văn nghệ mà cô đã xem, đã thích... nên anh mới viết ra. Những gì liên-hệ đến cô, anh đều coi là quan trọng cả.)

Một đôi lần cô vẫn kể cho anh nghe rằng cô có tật ngủ nướng. Buổi sáng thức dậy rồi, còn cuộn mình trong chăn, uốn éo thân mình như con mèo lười biếng. Nghe cô kể, bao giờ anh cũng thầm mơ phải như có anh bên cạnh, anh sẽ đánh thức cô dậy bằng những nụ hôn. Nếu cô chưa chịu thức nữa, anh sẽ dở cái chăn cô đang đắp lên, luồn thân thể lạnh cóng của anh vào đó. Anh sẽ làm cô la hoảng vì lạnh.

"Trời ơi, bàn tay anh lạnh quá!"

"Anh sắp hóa thành tảng băng rồi, bé biết không?"

"Đừng phá mà, em buồn ngủ quá trời." Cái giọng nhõng nhẽo của cô làm anh vừa muốn để cho cô ngủ, vừa muốn phá cho cô thức dậy. Thân thể cô mềm và ấm, như thể cô đang ngồi bên bếp lửa hồng, canh nồi bánh chưng đêm ba mươi tết của một thời thơ ấu xa lơ xa lắc.

"Quyên ơi!" Anh gọi, thảng thốt.

"Gì, anh?"

"Anh..."

"Anh, sao?"

"Anh..."

Trời ơi, anh làm sao nói ra được cái lời tự thú đầy ắm ấp trong lòng từ suốt một mùa hạ dan díu đã qua. Anh đã hứa với lòng rằng anh sẽ giữ gìn cho cả hai, anh sẽ coi cô như một cô bạn nhỏ thân ái. Anh sẽ không bao giờ... làm gì cô cả, trừ khi...

Mà thôi, anh không tưởng tượng nữa đâu. Tưởng tượng làm đầu óc anh rối tung, làm sao mà làm việc. Nhớ, một lần cô với anh tranh luận về tình yêu và tình dục (chao ơi, cái đề tài nguy hiểm ấy!) Anh bảo tình yêu và tình dục phải đi bên nhau như hồn và xác. Phải không nào? Cô bé cổ điển nhất thế gian! Giọng anh châm chọc, bởi vì anh nghĩ cô, vốn cổ điển và yếu bóng vía như bất kỳ cô gái ngoan đạo nào, sẽ không bao giờ dám nói về chuyện yêu đương thể xác.

"Dĩ nhiên!" Cô thản nhiên trả lời.

"Dĩ nhiên cái gì?"

"Chuyện đó cũng bình thường thôi."

"Tốt!" Anh gật gù, tán thưởng ý kiến của cô. "Vì vậy anh ghét nhất điều răn thứ sáu. Chỉ cần hai người yêu nhau là đủ."

"Chưa đủ."

"Tại sao?"

"Nếu hai người yêu nhau, và chắc chắn sẽ về sống với nhau suốt đời mới được."

"Trời ơi, làm sao hai người yêu nhau biết trước được là họ sẽ sống với nhau suốt đời!"

"Được chứ!" Cô cả quyết.

Vậy là Quyên của anh cũng vẫn còn ngây ngô trong quan-niệm về tình yêu. Có biết bao nhiêu mối tình chết queo một cách thảm thương trong hôn nhân. Và biết bao nhiêu cặp tình nhân trở thành vợ chồng, để sống với nhau trong chịu đựng, khổ ải một đời. Tới đoạn này, có lẽ anh cũng nên ngừng lại một chút để chú thích về Điều răn thứ sáu, để biết đâu

có lúc nào đó buồn tình, anh đem cái truyện mà anh dự tính là chỉ viết cho cô và cho anh đọc thôi, gửi cho một tờ báo nào đó, người ta đăng lên, nhiều độc giả sẽ thắc mắc Điều răn thứ sáu là sao. Vậy thì Điều răn thứ sáu là một điều cấm kỵ khó chịu nhất trong mười giới răn của đạo Thiên Chúa. Điều răn này bảo: Chớ làm sự dâm dục. (Cái công việc dễ thương tuyệt vời ấy mà lại gọi là sự dâm dục, nghe tàn độc làm sao!)

"Anh thì không nghĩ vậy," Anh thuyết phục cô bằng quan niệm của mình. "Đời người, theo anh nghĩ, gồm những khoảnh khắc nối kết lại. Những đoạn vui nối với những đoạn buồn. Càng có nhiều đoạn vui càng hạnh phúc. Thành ra, những lúc có em, anh quên hết mọi thứ. Đời sống ngắn ngủi, việc gì phải bôi xóa lem luốc những khoảnh khắc hạnh phúc nhỏ nhoi?"

Anh nói thao thao. Và cô có biết không, ngay cả trong lúc xôn xao với những mảng dam mê rực lửa trong lòng, anh vẫn không dám hình dung ra một Quyên của anh bốc cháy trong những rung động thể xác ngào đường ướp mật. Cô vẫn rực rỡ trong anh, như một cánh hoa tươi còn đọng những giọt sương mai lấp lánh đầu mép lá.

Rồi cuộc "thảo luận" dừng lại ở đó. Anh tôn trọng ý kiến của cô. Từ trước đến giờ, có bao giờ anh lại tôn trọng ý kiến của một cô bạn gái như vậy nhỉ. Tôn trọng một cách người lớn chứ không phải "thôi, nhường người ta một chút cũng chẳng mất mát gì" đâu.

Vậy là mùa thu đã về. Những đổi thay của thời tiết lúc sang mùa bao giờ cũng làm lòng anh rạo rực. Những ý thơ bất chợt thường hay dạt về trong trí tưởng. Anh thèm tuông chạy trên thảm cỏ đẫm sương, đuổi bắt cô cùng khắp, và khi chụp bắt được cô rồi, trải lên thân thể mềm mại của cô những nụ hôn ấm áp, để làm tan đi cái lạnh ngây ngất trên thịt da cô, cái lạnh đầu mùa; cái lạnh xao xác nhắc nhở những con chim thiên di về phương nam. Quyên ơi, mùa thu, rồi mùa đông lần lượt sẽ tới, em có chỗ nào trú ẩn cho cánh chim lưu lạc hồn anh không?

(Chú thích lúc hai giờ ba mươi sáng, khi chợt thức dậy sau khi vấp ngã lúc chơi trò đuổi bắt với cô trong giấc chiêm bao:

Thục Quyên là người có cái vỏ cổ điển. Nhưng cái vỏ ấy mỏng teo, dễ vỡ. Và anh sẽ bóc cái vỏ ấy, gọn gàng như người ta bóc một cái vỏ trứng gà luộc.)

14

Một buổi sáng, khi nhìn qua khung cửa kính, bắt gặp những chiếc lá vàng xoáy tròn trong gió, lòng anh chợt xôn xao một nỗi niềm quá dỗi trẻ thơ. Và anh điện thoại vào hãng cáo bệnh. Anh thèm rủ cô đi chơi trong

cái nắng óng ả màu mật ong và cái lạnh gai người của mùa thu Bắc Mỹ. Những chiếc lá vàng lao xao gõ vào khung cửa kính, như tiếng gõ cửa rụt rè của một người con gái lần đầu đến thăm người yêu. Anh hình dung đến khu công viên Victoria rộng thênh thang, với bờ hồ lạnh căm buổi sớm mai. Thảm cỏ đã bắt đầu úa vàng, cứng lại trong cái giá băng của một đêm thấp gần không độ. Anh thích nghe tiếng vỡ rạn của những thân lá cứng như nước đá, khi cô đưa tay hái một chiếc lá phong đã úa màu, trao cho anh. Và anh thèm da diết một chút ân cần, đưa đón. Và trời ơi, anh thèm vô cùng một nụ hôn thơm ngát sớm mai.

Anh trở vào, dở ống nghe điện thoại lên, bấm số điện thoại của cô bằng những ngón tay lâng lâng hạnh phúc. Những con số vô tri mà anh đã thuộc lòng. Anh áp ống nghe vào tai, chờ tiếng *hello* ngọt ngào.

Chuông điện thoại reo năm sáu lần mới có người bắt. Anh hồi hộp nghe ngóng tiếng gọi ấm áp từ đầu dây bên kia. Thường cô bắt điện thoại rất mau, tưởng chừng như suốt cả ngày cô ngồi chờ anh gọi.

"*Hello.*" Tiếng nói rụt rè và lạ lẫm trong ống nghe điện thoại xoáy khẽ vào tai anh. "Ai đấy ạ?"

"Dạ thưa," anh cũng rụt rè như tên trộm đang cố dấu tông tích. "Dạ thưa... làm ơn cho nói chuyện với Thục Quyên ạ..."

Anh cố đọc tên cô một cách thanh thản. Như thể anh chẳng "có gì" với cô hết. Như một người gọi điện thoại cho một người khác vì công chuyện gì đó chẳng quan trọng chút nào.

Giọng nói khàn khàn trong điện thoại đầy thắc mắc. "Em nó đi vắng, cậu... gọi có chuyện gì không ạ?"

"Dạ không," đoán là mẹ, hay dì hay cô gì đó của cô, anh chối bay chối biến, và nói dóc nhanh không ngờ. "Cháu ở trong ca đoàn Công giáo." (Yêu cô, anh đang thực hành bỏ điều răn thứ tám một cách thành thục và cần thiết. *Thứ tám chớ làm chứng dối! Who cares!* anh chỉ có tội nói dối khi nào anh không thành thật với cô kìa!) "Cháu muốn hỏi thăm Thục Quyên xem tuần này ca đoàn tập hát lúc mấy giờ."

"À," giọng người đàn bà dịu xuống như vừa thấy bóng ông thánh Phê rô với chiếc chìa khóa bằng vàng hai mươi bốn để mở cửa thiên đàng, thấp thoáng đầu ngõ. "Trưa nay cậu phôn lại đi. Trưa em nó mới về."

"Dạ, cám ơn bác. Thôi chào bác ạ."

"Chào cậu."

Cúp điện thoại xong, anh mới thở phào hú hồn hú vía vì thoát nạn. Chắc người đàn bà là mẹ cô. Giọng bắc của bà làm anh nhớ tới mẹ mình. Giờ này mẹ đang làm gì nhỉ. Giờ này là mười giờ sáng Bắc Mỹ, tức là mười giờ đêm ở Việt Nam. Mẹ đã ngủ chưa vậy, hay vẫn còn lui cui bên

ngọn đèn đầu, cố vá cho xong chiếc áo rách vai của bố.

Khi không anh lại sinh tật nhớ vu vơ những người thân còn lại. Và bỗng dưng anh thèm có cô bên cạnh vô cùng. Cô là hiện thân của tất cả những thân thương anh góp nhặt trong đời. Anh thèm ôm cứng lấy cô, siết cho cô ngộp thở. Thèm hôn cô cùng khắp, thèm cấn nát nụ cười trẻ thơ trên đôi môi hồng mới lớn của cô. Nhớ ơi là nhớ!

Rồi anh cứ loay hoay với những bài thơ chưa hoàn chỉnh vần điệu. Thêm chữ này, bỏ chữ kia. Chữ này sẽ làm cho ý thơ lấp lánh sương mai, nhưng nếu đặt bên cạnh chữ kia thì câu thơ sẽ trở thành ngớ ngẩn, trẻ con. Anh vật vã hoài với lũ câu kệ vô nghĩa như đứa bé xếp những khối vuông lên nhau, rồi quơ tay phá đổ, rồi lại cố gắng xếp lại theo một kiểu cách khác. Cứ thế cho tới khi chuông điện thoại reo. Anh bắt điện thoại lên, mà lòng thì ơ hờ như sương, như khói.

"*Hello*!" Giọng của cô, trời ạ.

"Ô, Thục Quyên đấy hả."

"*Ya*, em đây."

Anh buông rơi cây bút Bic xuống nền nhà, níu chặt lấy cái ống nghe điện thoại như sợ cô sẽ trôi tuột vào hư không. "Sao biết mà gọi cho anh vậy?"

"Em nghe mẹ nói..."

"Vậy sao?"

"Mẹ bảo *có cậu nào trong ca đoàn điện thoại lại hỏi giờ tập hát*"

Cô cười rộn ràng sau câu nói.

Anh lo lắng, "mẹ có đó không?"

"Mẹ đi ra ngoài rồi."

"Rồi sao Quyên biết mà gọi cho anh?" Anh thắc mắc và lo lắng như tên trộm (sao lúc nào anh cũng cảm thấy mình như tên trộm thế không biết!) sợ bị lộ tông tích.

"Em biết ngay là anh." Giọng cô hể hả.

"Sao vậy?"

"Vì chẳng bao giờ có người con trai nào trong ca đoàn điện thoại cho em hết!"

Những chiếc pháo bông muôn màu nổ tung trong không gian u ám lòng anh. Đêm hội hoa đăng rực rỡ những môi cười thân ái khai mạc trong anh. Chẳng bao giờ có người con trai nào trong ca đoàn điện thoại cho em hết! Trời ơi, anh thương cô biết chừng nào; thương câu nói thật thà của cô (anh tin cô nói thật dù anh đã dụ cô bỏ điều răn thứ tám: thứ tám chớ nói dóc, nói xạo, nói dối, nói ba láp, ăn gian, đặt điều, đặt chuyện, vv...)

"Thật không?"

"Thật chứ."

"Đi tập hát, vậy chứ em chẳng bao giờ nói chuyện với ai."

"Tốt!"

"Thiên hạ hay nói chuyện đâu đâu, nghe chán!"

Được đấy. Anh thầm nói.

"Gọi em có gì không?" Cô nhắc.

"Đi vòng vòng với anh không?" Anh rủ rê bằng cái giọng trầm trầm, xa vắng.

"Lạnh thấy mồ!"

"Mặc áo len vào."

"Mà anh tính đi đâu?"

"Vòng vòng..." Anh lừng khừng. "Đi ra ngoài ngắm mùa thu." Thấy cô ngần ngừ, anh vẽ vời. "Quyên thấy lá vàng không? Anh sẽ chỉ cho em một chỗ ngập lá vàng như thơ Lưu Trọng Lư..."

"Lưu Trọng Lư?"

"ừ. *Lá thu rơi xào xạc, con nai vàng ngơ ngác, dạp trên lá vàng khô...*"

"Có nai nữa sao?"

"Có chứ," Anh mạnh bạo trả lời, vì biết chắc cái nơi anh đang rủ cô đến, thường hay có những con nai đứng ẩn trong bụi cây vàng úa, ngu ngơ nhìn xe cộ qua lại trên con đường quê cũ mòn.

"Xa không?"

"Cũng... gần."

"Chừng nào anh lại em?"

Anh nới lỏng sợi dây và cái ống nghe điện thoại. Bây giờ anh mới yên tâm là cô sẽ không nại lý do nọ kia để không đi 'vòng vòng' với anh. "Mười lăm phút nữa," anh đưa tay xem đồng hồ. "Mười giờ bốn mươi lăm. Được không?"

"*Ya.*"

"Vậy chút nữa gặp nghe."

"*Ya.*"

"*Bye.*"

Anh thầm hôn lên môi cô, nơi có những vệt son hồng óng ả hôm nào, trước khi cúp điện thoại. Và khi không anh hát vang một lời ca của bài hát *Love Story* mà anh vẫn thường nghe *Andy Williams* hát. *How long does it last? Can love be measured by the hours in a day...* Rồi sẽ có nhau được bao lâu? Bao lâu anh không cần biết. Chỉ cần mỗi ngày, gọi cho cô, rủ cô đi 'vòng vòng', nghe cô hăng hái nhận lời là đủ.

Nhà cô ở gần một ngã ba, nơi có những căn nhà cũ mốc ngời năm tháng. Đó là căn nhà thuê. Anh chỉ mới leo lên những bậc thang gỗ căn nhà ấy có một lần, bữa hôm đưa cô đi làm giấy tờ ở sở Di trú về. Nhưng anh nhớ rõ lắm những bậc thang ọp ẹp, thường rên lên cót két dưới mỗi bước chân.

Những lúc đến đón cô, anh hay ngừng xe bên lề đường. Cặp sát lề ở đầu khúc quanh, chớp đèn hiệu tạm ngừng chắc cũng làm thiên hạ bực mình vì phải nhích ra ngoài một chút, rồi mới tiếp tục chạy tới được. Mới đầu, anh cũng ngại, riết rồi mặc kệ thiên hạ. *Who cares!* Phải không nào.

Anh dợi ở khúc quanh, quay đầu lại, bắt gặp cô đang bước xuống những bậc thang gỗ cũ. Màu áo đỏ ánh lên trong nắng nhạt những tia lấp lánh.

"*Hello!*" Cô chào, nhỏ nhẹ khi chuồi vào trong xe.

Anh lẩm nhẩm một lời tạ ơn đất trời. Cám ơn Chúa của cô đã cho anh một hẹn hò, rồi sang số cho xe chạy lướt đi trên đường phố.

"Bữa nay Quyên làm anh nhớ một bài thơ cũ của Huy Cận." Anh nhập đề.

Cô dịu dàng nhìn anh. "Đọc em nghe đi."

"Trong bài thơ có chiếc áo màu đỏ, giống hệt màu chiếc áo em đang mặc."

Cô hơi cúi đầu nhìn xuống thân áo màu rực rỡ. "Chắc bài thơ hay lắm?"

"*Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời, lúc người còn sống tôi lên mười, mỗi lần nắng mới reo ngoài nội, áo đỏ người đem trước giậu phơi...*"

Anh đọc cho cô nghe. Hai mắt cô chớp nhanh như cố gắng che dậy dòng cảm xúc trào dâng trong khóe. Cô nhận xét, "Những bài thơ, bài văn viết về mẹ bao giờ cũng dễ thương."

Xe chạy một quãng, anh mới sực nhớ mình đã đi sai đường. Anh nhẩm tính thật nhanh những con đường mình sẽ phải đi qua để "đến" với mùa thu, và đổi hướng vội vã ở ngã tư lúc đèn vừa đổi sang màu đỏ.

"Anh tính vượt đèn đỏ hở?"

"Đâu có."

"Em thấy rõ ràng."

"Vừa mới đỏ thôi," anh gật gù, khoái trá. "Lái xe cũng như sống; nhiều khi phải vừa lì vừa liều."

"Lỡ..." Cô bỏ lửng câu nói.

"Tại mình phải chạy đua với thời gian."

"..."

"Phải bắt cho kịp mùa thu."

"Xa không?"

"Ở ngoại ô..."

"Anh tới đó bao giờ chưa?"

"Một lần. Lâu lắm rồi."

"Với ai?" Cô hỏi với một nụ cười.

Anh quay qua tròn hai mắt nhìn cô. "Sao lại hỏi thế?"

"Không lẽ đi một mình?"

"Chứ đi với ai?"

"Em đâu biết."

Anh ngừng xe ở ngã tư lúc đèn đỏ, và rộn rã quay qua nhìn cô. Môi cô hôm nay thoa son đậm, gần với màu áo. Thế này thì làm sao mà hôn. Cô sẽ viện lý do là sợ bay hết son môi. Nhưng thú thật, anh thèm một nụ hôn quá lắm. Anh sẽ tránh nhìn cô để khỏi đánh thức cơn thèm.

Anh cố trở lại với câu chuyện dở dang. "Đi một mình. Có chiếc xe này làm chứng." Anh vỗ vỗ lên tay lái.

"Nếu chiếc xe biết nói, nó sẽ che dấu cho chủ nó. Chiếc xe chắc chắn đã bị anh dụ bỏ hết mười điều răn rồi."

Câu nói của cô làm cả hai cùng cười rộn ràng. Nắng loang loáng quệt qua vai anh, và nắng nồng nàn trên vai, trên tóc cô. Anh đưa tay vặn nút cát-sét. "Quyên thích nghe nhạc gì?"

Cô suy nghĩ một giây. "Nhạc Việt Nam đi."

"Có lý. Băng Việt Nam đã để sẵn trong máy." Tiếng nhạc tràn ra khoảng không gian chật hẹp của hai người. Bài hát viết về mùa thu; một mùa thu nào đó ở quê nhà. Nơi có lá vàng quét trên những lề đường lát gạch cũ kỹ. Con đường dẫn đến giáo đường một chiều chủ nhật thênh thang.

Bài hát bất chợt làm anh nhớ da diết những con đường thời niên thiếu.

"Trong bốn mùa, anh thích mùa nào nhất?" Cô chợt hỏi.

Anh ngần ngừ suy nghĩ vài giây, rồi xoay qua nhìn cô, đong đưa. "Bất cứ mùa nào có em."

"Em không tin."

"Thật mà."

"*I don't think so...*"

"*Đức tin chở được núi*. Quyên nhớ Chúa nói không?"

"Nhưng cũng tùy thứ mà tin chứ." Giọng cô nghịch ngợm. Anh thương nụ cười trên môi cô quá chừng. Chúa ơi, bao giờ con mới hôn được lên đôi môi của Thục Quyên vậy nè! Anh thầm thĩ cằn nhằn với

Chúa. Và hình như Chúa nói gì đó với anh, bởi vì anh thấy lòng mình dịu xuống, và ai đó nhắn nhủ anh rằng phải tin tưởng ở tình yêu của mình. Rồi chuyện gì phải đến, sẽ đến.

"Đúng không?" Cô hỏi.

"Đúng gì?"

"Không nên tin tất cả mọi chuyện."

"Đúng. Và điều đáng tin nhất là điều anh mới nói."

"Điều gì?"

"Anh chỉ thích mùa nào có em."

"Làm như em nhiều quyền phép lắm!"

"Thật chứ..."

Xe chạy ra ngoại ô. Nhà cửa thưa thớt dần. Những lề đường trải rộng hai bên. Cánh đồng vàng những thân bắp đã qua mùa gặt. Chân trời thênh thang bốn phía. Vài thân cây nhô lên trơ trọi giữa cánh đồng, như những thân bù nhìn ngơ ngáo. Mặt trời chói lọi tỏa xuống cái nắng nhạt lấp lánh trên những giọt sương vương đầy cành lá.

"Đẹp quá!" Cô suýt soa.

"Lát nữa tới một khúc rừng thưa mới tuyệt."

"Em nóng ruột quá." Cô nhăn nhó, lộ ra cái vẻ nôn nóng của cô bé học trò trên đường về quê nghỉ hè, sau một năm học dài dằng dẳng.

Rồi xe chạy vào một thị trấn nhỏ. Cô nhìn cái bảng tên thị trấn cùng với dân số trong khu vực, và xoay qua anh. "Thành phố này em chưa nghe tên bao giờ."

"Đây là một trong những khu vực định cư đầu tiên của người Đức. Quyên nhớ hồi nãy mình gặp một chiếc xe ngựa, với những người mặc áo đen đội khăn choàng kín mít không?"

"Nhớ chứ..."

"Đây đúng ra là một ngôi làng nhỏ..."

Vài nếp nhà mái nâu nằm rải rác giữa cánh đồng vàng ươm trong nắng. Dăm con đường nhỏ lẩn khuất giữa ruộng bắp rậm rạp. Khung cảnh gợi nhớ đến những thôn xóm nhỏ bé quê nhà thời anh còn trẻ thơ. Thỉnh thoảng, một chiếc xe chạy ngược chiều vùn vụt lướt qua. Bầu trời mở rộng khắp chung quanh.

Qua bao nhiêu là khúc quanh, bao nhiêu là ngã tư, anh cũng không nhớ nữa, mãi đến khi bất chợt thấy xe mình đang lăn bánh trên con đường nhựa ẩn khuất giữa một rừng cây vàng rực lá phong, anh mới sực tỉnh.

"Phải đây không?" Cô hỏi.

"Đúng rồi."

Môi cô trễ xuống như vướng đầy những sững sờ, kinh ngạc. "Đẹp quá!" Tiếng reo vui của cô loãng trong tiếng nhạc Việt Nam buồn não nuột.

Anh xoay qua, tha thiết hôn cô bằng mắt nhìn âu yếm. Cô nhìn lại anh bằng cái nhìn biết ơn, "Giống hệt trong tranh vẽ."

"Rừng thu..." Anh mơ màng.

Cô suýt soa khe khẽ trong miệng như khi cắn phải miếng ớt. Niềm hạnh phúc nở ra trong anh, tràn đầy như cánh hoa đương độ. Anh thèm, trời ơi anh thèm ôm cô trong tay, thèm siết cô đến ngộp thở vì hạnh phúc. Và nhất là anh thèm một nụ hôn từ đôi môi trẻ thơ của cô biết chừng nào.

Bỗng dưng, cô la lên, "Ngừng xe đi anh!"

"Hở?" Anh ngạc nhiên đạp nhẹ thắng xe, ngơ ngẩn nhìn cô.

"Ngừng xe." Cô ngọt ngào ra lệnh.

"*What for?*"

"Em nói *ngừng*."

"Xin tuân lệnh!"

Anh đạp thắng xe, và cặp sát bên lề đường ngợp lá vàng. Những cành lá rậm rạp giao nhau phía trên.

Anh xoay qua nhìn cô. Chả cách nào biết được bây giờ có phải là lúc cho một nụ hôn hay không. Nhưng anh chỉ đoán, chỉ nghĩ ngợi xa xôi, mà không dám quyết định. Anh sợ bị cô từ chối. Quê, chứ sao không!

Cô mở cửa xe, tuông chạy ra ngoài. Những chiếc lá theo gió lao xao rụng xuống tóc, xuống vai cô. Anh cũng chạy theo, mà lòng xôn xao những ước muốn thầm kín.

Cô ngừng lại bên một gốc phong nhỏ, chống hai tay vào thân cây, rung nhẹ. Cơn mưa lá dịu dàng đổ xuống vai cô. Anh đến bên cạnh, sẽ sàng gỡ chiếc lá vướng trên tóc cô xuống, đưa cho cô. Cô dựa vào thân cây, tha thiết nhìn anh. Tiếng gió rì rào trong lá nghe xa xôi, vời vợi. Bé có nghe gì không. Tiếng gió. Không, ngoài tiếng gió ra, còn tiếng gì khác kìa. Mắt cô chớp nhanh. Anh mê muội nhìn xuống đôi mi khép mở lao xao. Có bóng anh sau làn mi đó, chao nghiêng, ngộ nghĩnh. Anh đặt hai tay lên vai cô. Anh không hỏi cô cho anh mượn bàn tay nữa. Anh sợ cô sẽ nói *No way*, thành ra anh chẳng để nghị gì. Nhưng anh cứ nhìn hoài vào mắt cô. Cô bối rối nhúc nhích đôi vai, và đôi môi cô mấp máy, "*Say something.*"

"*I love you.*" Anh nói liều.

Một cơn gió mạnh thổi qua đúng lúc anh nói những lời yêu đương tha thiết nhất, nên chắc hẳn cô nghe tiếng được tiếng mất. Anh nghĩ vậy,

vì chính anh cũng không nghe rõ được những lời tỏ tình của riêng mình.

"*Say it again. I did not hear you.*"

Mười ngón tay anh bấu chặt lấy vai cô. Anh gục vào vai, vào tóc cô, thì thầm trong những sợi tóc nâu sẫm. "*I love you.*" Anh nghe tiếng thở hụt hẫng của cô. Anh lại run run vùi vào tóc cô một câu hỏi ngát hương, (bằng tiếng Việt, dĩ nhiên,) "Thương anh không?"

"Em đâu biết!" Tiếng cô thoảng qua, nghe như tiếng thở.

Lòng xốn xang như lúc ở trong lòng một chiếc thang máy tuột xuống quá nhanh, anh nài nỉ, "Quyên!"

"Hình như... có..."

"Nhiều không?"

"Chắc nhiều."

Và bất chợt anh hôn lên môi cô từng chút một, dịu dàng, thong thả như đứa bé cẩn thận liếm láp một cây kẹo ngọt ngào, thơm ngát.

"Thương... hoài nghe."

Cô nói, lúc hai người buông nhau ra, sau những nụ hôn ngàn ngật. Ơi những nụ hôn tưởng chừng chẳng bao giờ hái được!

Chợt cô nắm lấy tay anh, (đã có bao giờ cô nắm tay anh đâu!) kéo về phía rừng cây ngập lá.

"Đi!"

Anh lúp xúp chạy theo cô, cuống quýt, hoang mang. "Đi đâu?"

"Chắc phải có một dòng suối đâu đây..." Cô vừa nói vừa thở hổn hển. Những sợi tóc lất phất bay, quất vào mặt anh mùi hương dịu dàng của cây trái đầu mùa. Cỏ dại đan đầy dưới gót chân. Sương sớm rụng đầy trên tóc, trên vai. Những chiếc lá chao nghiêng trong bóng nắng thấp thoáng qua khe lá. Hoa nắng lao xao trên vai cô. Đi đâu thế này? Anh nín thở, hỏi một cách hổn hển. Cứ đi... Cô trả lời hụt hẫng. Rồi bất chợt, cô dừng lại. Anh đâm sầm vào cô. Cả hai chao chao muốn ngã bên cạnh gốc phong đầy bằng mấy vòng tay ôm. Cô vịn lấy cánh tay anh cho khỏi ngã. Anh vừa thở phì phò vừa đăm đăm nhìn cô, ngơ ngáo. Mỏi chân rồi phải không? *No*. Em không mỏi chân đâu. Sợ anh đuổi bắt em không kịp thì có. Em đi tới đâu anh cũng theo tới được như thường. Ham lắm! Thật chứ.

"Nhắm mắt lại đi." Cô ra lệnh.

"Tại sao?" Anh ngu ngơ như cậu bé mười bảy tuổi.

"Nhắm mắt đi mà." Cô nhăn nhó.

Anh từ từ nhắm hờ hai mắt.

"Cấm ăn gian!" Cô nhắc. Anh dành nhắm chặt hai mắt. Cái bóng

nhòe nhoẹt của cô biến đi. Nhưng trong tâm trí anh, hình ảnh cô vẫn hiện rõ, choáng ngợp không gian. Cô hiền lành, dịu dàng như cành huệ trắng cắm trên bàn thờ Đức Mẹ đồng trinh.

Rồi anh nghe hơi thở cô phả nhẹ trên mặt. Và đôi môi mềm ướt của cô đậu lên môi anh. Anh run lên vì xúc động. Những ngón tay bóp nát tay áo cô. Anh hoảng hốt nghe môi cô miết khẽ trên môi mình.

"Đừng mở mắt." Cô thì thào nhắc nhở. Và đôi môi mềm ấy lại ngừng thật lâu trên môi anh. Năm, mười phút gì đó anh không còn nhớ nữa. Bởi vì anh chẳng còn ý niệm gì về thời gian. Anh đang trôi vào cõi vô biên của tình ái.

Cứ thế. Anh nghe loáng thoáng tiếng gió rì rào qua cành lá, lẫn với tiếng thở nhẹ của cô. Anh uống mê man niềm ân sủng của đất trời. Nhưng trời ơi, sao cô hôn yếu xìu vậy nè! Anh muốn lồng lên như gã say rượu, mà hôn cô ngấu nghiến cho đã thèm, nhưng anh ngại, đúng ra là anh sợ; anh sợ cô sẽ biến đi, như một cánh gió thoảng hờ qua khe lá.

Thành ra anh chỉ dám níu hai cánh tay áo cô mà vái van thê thiết. Rồi anh liều mở choàng hai mắt. Bắt gặp hai mắt cô nhắm nghiền như đang chìm sâu trong giấc ngủ.

Mãi, cô mới nới lỏng vòng tay mềm và ấm, cho một tiếng thì thào gió thoảng. "Thương anh biết bao nhiêu!"

Lúc anh buông cô (hay là cô buông anh) ra, thì nắng dường như đã rơi rớt xuống từ ngay trên đỉnh đầu. Anh đếm những giọt nắng chảy tuôn trên vai cô, thì thầm, "Trưa rồi!"

Cô lặng thinh.

Anh bóp nhẹ vai cô, "Đói bụng không?"

"Em không đói!" Cô trả lời khẽ, cùng với cái lắc đầu dịu dàng.

"Anh cũng vậy."

Anh nghe ngóng những chuyển động của ruột gan. Bao tử anh no đầy hạnh phúc. Yêu và được yêu. Làm sao còn thấy đói cho được. Cô ở bên cạnh anh, đếm từng bước ngắn, đi sâu vào rừng cây rậm lá vàng. Gió lạnh ướp vào da thịt nổi gai. Những sợi tóc bay lồng trong gió. Hai con sóc đuổi bắt nhau phía trước, hoảng hốt chạy biến vào bụi rậm khi nghe tiếng chân hai người xạc xào trên lá.

"Cám ơn anh..." Cô ngập ngừng.

"Sao lại cám ơn anh?" Anh thắc mắc bóp nhẹ vai cô.

"Anh cho em lại thời tuổi trẻ."

Anh ngỡ ngàng đứng sựng lại, nhìn vào mắt cô đăm đăm.

"Nghĩa là sao?"

Cô bám lấy tay áo sơ mi anh, kéo đi len lỏi giữa những bụi cây

gần đây một loài lá đỏ thẫm. Giọng cô chậm rãi, thanh thản. "Ba năm ở trại tỵ nạn, em mất đi cái thời hoa mộng. Em phải tập làm người lớn để sống sót, để được đi định cư. Em cứ ngỡ mình sẽ đi thẳng từ thời thơ ấu qua tuổi trưởng thành, rồi già, rồi chết. Tưởng sẽ không bao giờ có được cái thời hai mươi tuổi." Cô nói một cách say mê, như đang kể lể với một bà tiên vừa hiện ra, và đã hứa sẽ cho cô vài ba điều ước. Cô làm anh cảm động. Anh hình dung những ngày cô mười tám mười chín tuổi ở trại tỵ nạn trên đất Nam Dương, rồi trại chuyển tiếp ở Phi luật tân. Đó đúng ra là thời của mối tình đầu bất diệt. Nghĩ đến tình đầu, tự nhiên anh thầm ghen với những người trai trẻ cô đã quen ở trại tỵ nạn. Nhưng lòng anh chợt dịu xuống ngay khi sực nhớ có một lần, khi dẫn cô lên sở Di trú làm giấy tờ, anh đã hỏi khéo cô rằng cô có muốn bảo lãnh "thân nhân" nào qua Canada không. Hồi đó cô bảo cô chẳng có "thân nhân" nào để bảo lãnh cả.

"Nếu không gặp anh..." Cô thì thầm, rồi bỏ lửng câu nói, gợi trong anh những thắc mắc trẻ thơ.

"Thì sao?"

Cô không trả lời.

Những bụi cây đã khởi sự đan đầy, bít kín lối đi. Vài cánh chim loạt xoạt bay vút lên cao khi khám phá ra bóng hai kẻ đi lạc trong rừng cây. Anh mê tiếng gió rì rào qua kẽ lá và cái lạnh nổi gai trên da thịt.

"Lạnh quá!" Cô rên rỉ.

"Trở ra xe lấy áo khoác của anh mặc vào cho ấm." Anh nói và dìu cô trở về phía đường xe. Ban nãy hấp tấp cuộc duổi bắt, bỏ xe đậu đại bên lề đường, chẳng biết có bị cảnh sát phạt không đây. Anh thầm nghĩ và mong sẽ không thấy tấm giấy phạt gài trên cây quạt nước phía trước kính xe.

Một con thỏ chạy băng ngang phía trước mặt hai người, làm cô bật lên tiếng cười trong trẻo thích thú. Rồi giọng cô bỗng trở nên lo âu. "Ở đây có cọp không?"

Anh cười thay cho câu trả lời. Tiếng một cành cây gẫy rào rạo dưới chân. Anh nghe lòng mình mở rộng trước đất trời, như một linh hồn vừa được ơn cứu rỗi.

(xin xem tiếp kỳ sau)

Một cách hữu hiệu nhất để giúp cho
văn chương hải ngoại tồn tại
là trở thành độc giả dài hạn của tạp chí Văn Học

Tin Văn

Thế Quân

100 năm ngày sinh của John Steinbeck

Phải đến ngày 27 tháng 2 năm 2001, nghĩa là còn nửa năm nữa, mới là đúng ngày sinh nhật lần thứ 100 của nhà văn Hoa Kỳ John Steinbeck, nhưng người dân thành phố Salinas, California - nơi sinh trưởng của nhà văn - đã bắt đầu chương trình kỷ niệm từ hôm 2 tháng 8/2001. Vào ngày này, Trung Tâm Quốc Gia John Steinbeck (National John Steinbeck Center) tổ chức một chương trình liên hoan kéo dài 4 ngày có chủ đề là "The Birth of America's Author" với những màn trình diễn công phu, tốn kém và những chuyến đi tham quan có hướng dẫn đến những nơi mà Steinbeck thường lui tới thời thơ ấu. Liên hoan này, vừa là liên hoan hàng năm lần thứ 21 vừa là chương trình đầu tiên trong một loạt gồm nhiều chương trình khác nhau kéo dài suốt 7 tháng, từ tháng 8/2001 đến cuối tháng 2/2002, của dân chúng thành phố Salinas đánh dấu kỷ niệm sinh nhật lần thứ 100, với những buổi diễn thuyết, trình diễn văn nghệ, tham quan...nhắc nhở lại cuộc đời, cuộc sống cũng như di sản văn chương mà nhà văn đã để lại cho nước Mỹ nói chung và thành phố Salinas nói riêng.

Những hoạt động kỷ niệm rầm rộ như thế này về John Steinbeck tại đây là điều không ai có thể tưởng tượng được hơn 30 năm trước đây. Lý do: Với hai cuốn tiểu thuyết "In Dubious Battle" và "The Grapes of Wrath", ông làm hài lòng những người lao động thì đồng thời lại làm những ông chủ nông trại trồng nho Salinas hết sức phẫn nộ vì hai tác phẩm đã lên án cách cư xử bất công của họ đối với những người làm công. Tuy thế, khi nhà văn viết những tác phẩm "The Long Valley", "East of Eden" và "Travels With Charley" và nhất là sau khi nhà văn đoạt giải Nobel thì những phẫn nộ tan biến đần, thay vào đó là lòng kính phục. Và rồi chính những

ông chủ nông trại lại là những người đóng góp nhiều tiền của nhất trong việc vận động thành lập "National John Steinbeck Center" để vinh danh nhà văn. Trung tâm này, mở ra vào năm 1997, gồm có đủ các phương tiện truyền thông hiện đại, có viện bảo tàng và các phòng triển lãm nghệ thuật bao gồm phim ảnh, băng videó, các tài liệu đủ loại liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn. Từ đó đến nay, trung tâm tiếp đón trung bình hơn 100.000 du khách mỗi năm từ khắp nơi trên thế giới đến viếng thăm quê hương của nhà văn.

John Steinbeck sinh ngày 27/2/1902 và mất vào năm 1968. Hai tác phẩm nổi tiếng nhất của nhà văn có dịch sang tiếng Việt là "Của Chuột và Người" (Of Mice and Man) và "Chùm nho uất hận" (The Grapes of Wrath). Ông đoạt giải Nobel văn chương năm 1962. Trong thời kỳ còn chiến tranh Việt Nam, Steinbeck đã từng sang làm việc ở Việt Nam với tư cách là một phóng viên.

Ebook lại không phải là sách

Ebook có phải là sách không?

Alain Cordier (Pháp) cho rằng: không. (Tin Văn, VH số 183)

Neil Baldwin (giám đốc National Book Foundation, Mỹ) cho rằng: phải (Tin Văn, VH số 183)

Tháng 7/2001 trong một phiên xử về vấn đề bản quyền giữa nhà xuất bản lớn nhất nhì Hoa Kỳ Random House và một công ty chuyên bán eBooks trên Internet có tên là RosettaBooks, quan tòa Sydney Stein thuộc tòa án liên bang Hoa Kỳ tại New York phán quyết rằng eBooks không thể được xem như là sách bình thường vì eBook và sách in xuất phát từ hai thực thể riêng biệt (separate entities). Nói một cách khác, eBooks lại không phải là sách. Vụ việc như sau:

Vào tháng 2/2001, công ty RosettaBook mở một địa chỉ trên mạng lưới điện toán toàn cầu, cho phép những người sử dụng Internet có thể lấy xuống dùng hàng trăm tác phẩm văn chương khác nhau. Random House đâm đơn kiện RosettaBooks, tố cáo công ty này vi phạm nghiêm trọng bản quyền của Random House vì RosettaBooks đã cho bán dưới hình thức eBooks những tác phẩm mà Random House đã ký hợp đồng với các tác giả và đã phát hành từ trước đó dưới dạng in. Nhưng với lập luận rằng eBooks và sách in là hai sản phẩm khác nhau, quan toà liên bang đã cho RosettaBooks thắng kiện. RosettaBooks được quyền tái xuất bản dưới dạng eBooks, được quyền mua bán, cho những người sử dụng Internet download và đọc trên màn ảnh nhỏ những tác phẩm vốn thuộc bản quyền

trước đó của các nhà xuất bản sách in. Nói thế có nghĩa là một tác giả, sau khi ký hợp đồng với một nhà xuất bản dưới dạng sách in một tác phẩm, vẫn còn có quyền ký một hợp đồng khác để xuất bản tác phẩm đó dưới dạng eBooks. Martin Kratz, giáo sư Luật tại trường đại học Calgary, nhận định rằng với phán quyết mới này, tòa án vô hình chung đưa ra một định nghĩa mới về Internet, theo đó, Internet được thừa nhận như là một không gian riêng biệt, và những sản phẩm tạo ra trên Internet không có cùng những thuộc tính như những sản phẩm có thật khác, tức là nhà in.

Random House cho biết sẽ kháng án lên tòa trên. Với đà này, có thể vụ án sẽ lên đến Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ.

Được biết RosettaBooks đã ký hợp đồng với những tác giả về 8 tác phẩm mà Random House đã xuất bản trước đó dưới dạng in, trong đó có tác phẩm của một số tác giả đang ăn khách như Kurt Vonnegut, William Styron và Robert Parker.

Vậy theo ý bạn, eBook có phải là sách hay không? Nếu không là sách thì là cái gì?

Ngôn ngữ thời Internet

A: hey! wassup?
B: nuttin u?
A: same here.. watcha doin? bz?
B: nutin.
A: oh hey.. u wanna do suttin tamoro?
B: where?? there's nowhere da go..
A: let's go c a movie...
B: gtg, c u lata

Mẩu đối thoại trên lấy được từ một "chat" trên Internet giữa hai cô choai choai 15, 16 tuổi. Mấy cô bé nói thứ tiếng gì vậy? Đó là một thứ Anh ngữ mới, được sáng chế một cách tự phát, qua một loại đàm thoại mới, có thể gọi là "bút đàm", à không, phải nói là "gõ đàm" mới đúng. Vì mấy cô cậu không dùng viết mà gõ trên bàn phiếm computer. Khi chat, cô cậu gõ lách cách suốt từ giờ này qua giờ khác, nói chuyện một lần với 3,4,5 người bạn cùng một lúc, đồng thời có thể đọc truyện trên một website nào đó không chừng. Trong hoàn cảnh đó thì là phải gõ như nói, gõ đàm với cô này xong lại gõ đàm với cậu khác...Cách duy nhất để gõ đàm được nhanh, nhiều là rút gọn câu chữ, biến chúng thành ký hiệu. Và mấy cô cậu vô tình đóng góp một phần quan trọng vào việc tạo ra một thứ ngôn ngữ mới trong thời đại Internet. Nói cho đúng, đó là một loại tốc ký mới. Vì

hiện nay, chúng không chỉ được dùng cho các cô các cậu choai choai chat trên Internet nữa mà trở thành ra một loại "text message" (lời nhắn viết) áp dụng cho những người dùng điện thoại di động và có thể áp dụng rộng rãi hơn trong tương lai.

Nắm bắt được nhu cầu mới mẻ này, nhà xuất bản chuyên môn về tự điển Anh quốc Oxford University Press vào đầu tháng 7/2001 vừa cho phát hành ấn bản mới của tự điển Concise Oxford Dictionary, gọi tắt là COD, trong đó, phần bổ sung quan trọng nhất là ghi thêm những từ ngữ mới dùng để viết text messages, bây giờ được chính thức gọi là SMS (short message system). Phát biểu trong một thông báo loan báo việc phát hành ấn bản mới, Judy Pearsall, giám đốc nhà xuất bản, tuyên bố "Chúng tôi đã và đang lưu tâm khảo sát sự tăng trưởng đáng ngạc nhiên của loại "lời nhắn viết" (text messaging); ảnh hưởng của loại ngôn ngữ này bây giờ lớn đến nỗi chúng tôi cảm thấy đã đến lúc phải đối xử với nó như là một phần quan trọng trong Anh ngữ". Một danh sách các "lời nhắn viết" được thêm vào trong phần phụ lục để giúp những người dùng điện thoại di động có thể sử dụng trong trường hợp cần thiết. Đồng thời tự điển mới cũng có những "emoticons" (từ mới, nối hai chữ emotion + icons = xúc ảnh?), tức là những ký hiệu dùng để biểu lộ cảm xúc như giận, buồn, vui, suy tư...thường để vào cuối text message. Hãy xem thử vài text messages:

RUOK? = Are you OK? (Bạn khỏe chứ?)

WAN2TLK? = want to talk? (Có muốn nói chuyện không?)

CUL8R = see you later. (Gặp nhau sau nhé)

BCNU = be seeing you (sẽ gặp bạn)

Một vài emoticons:

:-) = vui vẻ :- (= buồn :- S = suy tư :- O = ngạc nhiên

Người ta dựa vào các âm tương tự của các chữ cái hay con số...để rút ngắn câu. Như chữ C = see; R = are; U = you; số 2 = two hay too hay to; số 4 = for...Tóm lại, chẳng có gì ghê gớm cả. Chỉ có điều là tiện, thế thôi. Thời đại điện tử mà!

Theo công ty truyền thông Anh quốc, hiện nay ở Anh, có đến hơn một triệu "lời nhắn viết" được gửi đi mỗi một tiếng đồng hồ. Trong lúc đó, hiệp hội GSM (Association of Global System for Mobile Communication) cho biết trên thế giới, có khoảng 13 tỷ "text messages" được gửi đi hàng tháng, tăng một tỷ so với cách đây hai năm. Riêng tam cá nguyệt đầu năm nay, con số đó là 50 tỷ. Hiệp hội tiên đoán, đến cuối năm nay, số lượng text messages chuyển đi hàng tháng sẽ đạt tới 25 tỷ.

Công ty Oxford University Press chuyên môn xuất bản bộ tự điển

Anh ngữ gồm 20 tập, thường phát hành ấn bản mới mỗi 5 năm với những sửa chữa và cập nhật hóa những từ mới phát sinh từ trong sinh hoạt xã hội, đáp ứng với nhu cầu sử dụng của nhiều người. Thỉnh thoảng, nếu có gì đặc biệt, công ty cũng sẽ phát hành những ấn bản sửa chữa hoặc thêm thắt vào khoảng giữa thời gian đó. COD (Concise Oxford Dictionary) nằm trong đợt phát hành đặc biệt này.

Quý vị có biết những chữ sau đây nghĩa là gì không: WERV U BIN?, SIT, GR8, JIC. OTA và HAND.

Nếu không đoán được, quý vị có thể tìm câu trả lời đâu đó vào cuối bản tin văn này.

Harry Potter bị đặt vấn đề.

Như ta đã biết, bộ truyện trẻ em nhiều tập Harry Potter của nhà văn Anh quốc Joanne K. Rowling đã đạt con số bán kỷ lục trên toàn thế giới với 100 triệu ấn bản vào mùa hè này (Tin Văn, VH số 183). Bộ truyện không những lôi cuốn trẻ em mà còn lan sang cả người lớn ở Hoa Kỳ, Anh quốc và các nước Tây Âu khác và đoạt được nhiều giải thưởng về sách dành cho trẻ con ở Hoa Kỳ và Anh quốc. Theo văn phòng của hiệp Hội Thư Viện Hoa Kỳ tranh đấu cho Tự Do Tri Thức, bộ Harry Potter nằm hàng đầu trong danh sách những cuốn sách bán chạy nhất kéo dài hai năm liên tiếp.

Ấy thế mà, ở Hoa Kỳ hiện nay, bộ truyện đang càng ngày càng bị đặt thành vấn đề. Một phong trào chống đối Harry Potter đã phát khởi ngay từ khi bộ truyện được bán trên thị trường Hoa Kỳ và hiện đang lan rộng trên toàn quốc với sự tham gia của nhiều bậc phụ huynh, các nhà giáo dục, các nhóm tôn giáo nhằm cấm đoán hoặc hạn chế việc phổ biến cũng như sử dụng bộ truyện này trong nhà trường và tại các thư viện. Theo họ, bộ truyện chứa nhiều đề tài nói về tà ma quỷ mị như bùa yêu, phép thuật, gậy phù thủy, lời nguyền... Truyện khuyến khích sự bất lương, chứa đựng những quan điểm chống lại gia đình, ngoài ra, lại còn có bạo động và những cảnh đổ máu, chết chóc hoàn toàn không có lợi cho trẻ em.

Năm rồi, bộ truyện Harry Potter nhận được đến 52 vụ cáo buộc khác nhau liên quan đến nội dung truyện. Điều này có thể dẫn đến việc xây dựng một văn bản chính thức đệ nạp cho nhà trường hay thư viện yêu cầu xét lại nội dung và sự thích hợp của bộ truyện trong việc giáo dục con em. Trong lúc chờ đợi việc xét lại bộ truyện một cách chính thức, nhiều trường tiểu học đã cấm lưu hành bộ truyện trong phạm vi trách nhiệm của mỗi trường. Cũng đã có nỗ lực vận động nhằm cấm lưu hành bộ truyện ở các

lớp học thuộc hệ thống trường công lập trong 26 tiểu bang. Một tổ chức tôn giáo gần Pittsburgh đã tổ chức một buổi đốt sách, đĩa và băng có chứa những tài liệu với nội dung có tính cách phù chú (sorcery), trong đó có Harry Potter. Năm 1999, một ty trưởng giáo dục ở Zeeland, bang Michigan, cấm học sinh đọc Harry Potter, đồng thời đòi hỏi các học sinh lớn tuổi phải có phép của phụ huynh mới được mượn sách ra khỏi thư viện nhà trường. Ông cũng ra lệnh cấm thư viện trường không được đặt mua các tập tiếp theo của bộ truyện. Mặc dầu không hoàn toàn đồng ý với Ty trưởng, nhưng hội đồng giáo dục ở đó lại ủng hộ quyết định của ông ta.

Phản ứng lại với quyết định có vẻ độc đoán trên, vào tháng 3/2000, một giáo viên và một trợ giáo đã tổ chức một buổi họp gồm có các học sinh, phụ huynh, giáo viên và các thành viên cộng đồng khác chống đối lại lệnh cấm, từ đó hình thành nên một tổ chức gọi là "Muggles for Harry Potter" nhằm hỗ trợ cho việc lưu hành bộ truyện (trong truyện, muggles là những người bình thường, không có phép phù thủy). Trong vòng 9 tháng, có đến 18.000 người trên toàn quốc tham gia tổ chức và vì vậy, ty giáo dục Michigan phải bãi bỏ lệnh cấm. Tuy thế, việc đọc Harry Potter trong các lớp từ mẫu giáo đến lớp 5 vẫn bị cấm.

Và như thế, bộ Harry Potter được thêm vào trong danh sách dài gồm nhiều tác phẩm bị đặt vấn đề từ bao nhiêu năm nay ở Hoa Kỳ, trong đó có "I Know Why the Caged Bird Sings" của Maya Angelou, "The Catcher in the Rye" của J.D. Salinger và "Of Mice and Men" của John Steinbeck. Các tác phẩm đó bị đặt vấn đề trên nhiều khía cạnh khác nhau: cái thì bị lên án là kỳ thị chủng tộc, cái thì bị lên án là bạo động, cái thì bị xem là có xu hướng chống Do Thái...

Những người ủng hộ Harry Potter, trong đó có luật sư - đồng thời cũng là nhà văn - Larry Atkins (Philadelphia) đặt câu hỏi: nếu thế thì có nên cấm trẻ em đọc thánh kinh bởi vì trong thánh kinh có chứa nhiều câu chuyện "có vấn đề" hoặc cấm đọc Nhật ký của Anne Frank vì trong đó lò thiêu xác Holocaust là một đề tài chẳng hay ho gì đối với trẻ em? Và có tốt đẹp hơn không khi hàng chục triệu trẻ em hàng ngày bỏ chơi game, bỏ chơi đánh bài và các trò chơi có hại khác để cầm tập truyện dày 734 trang của Harry Potter và say sưa đọc?

Buông súng cầm bút: Trường hợp Sergio Ramírez

Những người có quan tâm theo dõi tình hình chính trị thế giới, nhất là tình hình chính trị châu Mỹ La tinh, có lẽ không lạ gì với cái tên Sergio Ramírez, một trong những người lãnh đạo phong trào tả khuynh Nicara-

gua là Mặt trận Sandinista vào những năm thuộc 2 thập niên 1970-1980. Mặt trận cầm đầu một cuộc nổi loạn vũ trang chống lại chế độ độc tài gia đình trị của Somoza, với đủ các hình thức của một cuộc chiến tranh du kích như ở Việt Nam: bắt cóc, ám sát, khủng bố, phục kích, phá đường, đặt bom...Năm 1979, cuộc nổi loạn thành công, lật đổ chế độ Somoza, thành lập chính quyền cách mạng thân Liên Xô và Cuba. Họ muốn thiết lập một chế độ độc tài vô sản kiểu Cuba, nhưng phải đối đầu với một cuộc đấu tranh vũ trang chống Cộng do lực lượng Contra lãnh đạo (sau này dưa đến vụ án Iran-Contra nổi tiếng ở Hoa Kỳ) buộc mặt trận phải chấp nhận chế độ dân chủ. Trong cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên, liên danh tả khuynh Ortéga-Ramírez đắc cử, Ramírez trở thành phó tổng thống từ 1985-1990. Sau khi bị đánh bại trong cuộc bầu cử tiếp đó, cả hai người đồng chí - tổng thống và phó tổng thống -trở thành địch thủ chính trị của nhau. Năm 1996, Ramírez ra ứng cử tổng thống, chỉ thu được rất ít phiếu bầu và nhiều nợ nần. Sau đó, Ramírez rút khỏi thành phần lãnh đạo Sandinista và rồi đến đầu năm nay, chính thức tuyên bố rửa tay gác kiếm, từ bỏ hẳn chính trị để trở lại nghiệp văn.

Để chứng tỏ quyết tâm của mình, Sergio Ramírez, 59 tuổi, xuất bản một tập hồi ký nói về kinh nghiệm của mình như một lãnh tụ của mặt trận "Sandanista" phát hành vào mùa hè năm 2000 với tựa đề rất dứt khoát: "Adiós, Muchachos" (Chào tự biệt, các đồng chí). Ông phát biểu "Hôm nay tôi tự thấy mình là nhà văn và nếu tôi có một ý kiến nào đó thì đó là ý kiến của một nhà văn chứ không phải là nhà chính trị. Tôi không phủ nhận rằng tôi đã là một phần của một quá trình diễn biến chính trị khiến cho đất nước này chia rẽ một cách sâu sắc. Khi tôi được hỏi câu gì, tôi trả lời nó. Nhưng sinh hoạt chính trị của tôi đã chấm dứt".

Ramírez viết văn ngay khi vừa đến tuổi trưởng thành, vào đầu thập niên 1970, lúc đang là một sinh viên trẻ du học ở Bá Linh, Đức quốc. Trong thời gian ông góp phần lãnh lạo mặt trận Sandinista từ năm 1977, ông vẫn tiếp tục viết và các tác phẩm của ông được nhiều người trên thế giới ngưỡng mộ. Sách của ông thuộc loại bestseller tại Nicaragua. Mỗi lần ông nói chuyện, dân chúng tụ tập nhau nghe một cách say sưa. Người ta bảo ít có quốc gia nào trên thế giới dành cho nhà văn một cách cư xử nhiệt tình như vậy. Bây giờ, sau khi "rửa tay gác kiếm" - renounced the Sword for the Pen -, ông muốn dành hết thì giờ theo duổi hẳn con đường văn chương vốn đã đưa danh tiếng ông lên cao không những ở các nước châu Mỹ La tinh mà còn ở Âu châu và xa hơn nữa. Ông được xem là một ngôi sao của nền văn học Nicaragua hiện đại, xếp ngang hàng với một thi hào được yêu mến nhất Nicaragua, Rubén Darío, chết vào năm 1916. Không

những thế, một nhà phê bình văn học gần đây đã quả quyết Sergio Ramírez là một trong những khuôn mặt tiêu biểu nhất của nền văn chương Mỹ-Tây Ban Nha.

Tác phẩm hư cấu mới nhất của ông là "Margarita, Está Linda la Mar". Tựa đề này, ông lấy từ giòng mở đầu của một bài thơ nổi tiếng của Rubén Darío. Tác phẩm đoạt giải Alfaguara Prize ở Madrid, một vinh dự không chỉ mang lại sự nổi tiếng và kính trọng mà còn là tiền bạc: 175.000 đô la. Tác phẩm lấy chất liệu từ những biến cố trong lịch sử nước Nicaragua, một lịch sử đầy những biến động và nhiều màu sắc cọng thêm với nhiều hư cấu. Carlos Fuentes, nhà văn nổi tiếng Mễ Tây Cơ, là trưởng ban giám khảo của giải.

Hiện nay ông đang viết một tác phẩm mới, là truyện dài, lấy bối cảnh là giai đoạn lịch sử gần đây nhất ở Nicaragua. Cuốn truyện mở đầu với một phần mô tả một câu chuyện khiếp đảm xảy ra vào tháng 5/1979, khi cuộc nổi loạn của phong trào Sandinista đang đạt đến đỉnh cao. Một toán chiến sĩ Sandinista bắt được một cựu cố vấn của nhà độc tài gần căn nhà gần bãi biển của ông ta và mang ra trước đám đông. Ông ta được phép lên tiếng xin tha mạng và được cho biết rằng nếu đám đông vỗ tay tán thành lời xin của ông ta, thì ông ta sẽ được tha. Nhưng đám đông bất động, không có tiếng vỗ tay và ông ta bị hành quyết. "Tôi thừa nhận rằng người đàn ông này có thể đã là một phần tử xấu, nhưng những gì đã diễn ra, thật đáng kinh khiếp. Người đàn ông này và số phận của ông ta là một vọng âm có tính chất biểu tượng trong lịch sử chúng tôi".

Ramírez hiện là một giáo sư thỉnh giảng tại trường đại học Maryland (Mỹ) và Free Berlin (Đức). Ngoài sáng tác, ông còn viết biên khảo. Tác phẩm mới nhất của ông trong lãnh vực này là một tuyển tập gồm những bài tiểu luận văn học mà ông đã giảng ở Mexico về nghệ thuật viết và đọc, gọi là "Những lời nói láo thành thật" (True Lies)

Bàn về việc viết, Ramírez cho biết: "Các tác phẩm được viết ra trong sự cô đơn tuyệt đối. Bạn viết sách bằng cách viết, bằng hàng bao nhiêu giờ làm việc y như bạn là một nhà tu. Không có cách nào để sáng tạo văn chương hơn là làm việc, làm việc, làm việc và rồi bằng các sửa chữa đầy sáng tạo, bằng cách xét xem cái gì là hay cái gì là dở. Bạn phải có cái cam đảm lạnh lùng của một bác sĩ phẫu thuật, sẵn sàng cắt bỏ không thương tiếc cái gì cần phải cắt bỏ. Nhận ra cái gì hay cái gì dở là công việc gian khổ nhất của nhà văn".

Nhà xuất bản Curbstone Press, ở Willimantic, bang Connecticut sẽ xuất bản ấn bản Anh ngữ tác phẩm "Margarita, Está Linda la Mar" (Margarita, How Beautiful the Sea). Tác giả mà ông hâm mộ nhất là

Faulkner (Hoa Kỳ) vì theo ông "Lối viết của ông luôn luôn ảnh hưởng tôi. Không khí của miền Nam Hoa Kỳ hết sức giống không khí vùng quê Nicaragua"

Eudora Welty, nhà văn "Nam bộ" cuối cùng của Hoa Kỳ

Vâng, người ta vẫn thường gọi bà, Eudora Welty, là nhà văn "Nam bộ", a Southern writer, từ vốn vẫn dùng để chỉ William Faulkner, khuôn mặt vĩ đại của văn học Hoa Kỳ. Như tên gọi, truyện của bà là tiếng nói của đất, của người, của sông nước miền Nam Hoa Kỳ (voice of South). Ngày 23/7/2001,Eudora Welty, Grand Lady of American Literature (từ của nhật báo Washington Post), đã từ trần. Đối với hầu hết trong chúng ta, có lẽ cái tên Eudora Welty quá xa lạ, mặc dù dây là nhà văn rất nổi tiếng, người được liệt vào hàng ngũ những khuôn mặt văn chương lớn của Hoa Kỳ, đã từng đoạt giải Pulitzer và giải "American Book Award" là hai giải thưởng cao quý nhất của Hoa Kỳ về văn học nghệ thuật. Welty sống rất thọ: 92 tuổi. Cho đến khi chết, bà vẫn còn là "con gái", nghĩa là không bao giờ lấy chồng. Tờ Le Monde (Pháp) gọi bà là "une éternelle jeune fille". Bà được mệnh danh là nhà văn cuối cùng còn sót lại của nhóm các nhà văn lớn miền Nam Hoa Kỳ và là một trong những nhà văn tài hoa nhất Hoa Kỳ của thế kỷ 20, theo Washington Post.

Welty ra đời tại thành phố Jackson, bang Mississippi vào ngày 13/4/1909 và hầu như ăn ở sinh hoạt, làm việc, viết lách tại đó cho đến cuối đời. "Tôi chỉ rời thành phố đó để đi học, hay làm việc và du lịch" ... "Tôi chọn sống tại nhà để có thể viết lách trong một bầu không khí thân quen. Tôi không bao giờ luyến tiếc điều đó", bà nói. Bà bắt đầu viết lúc còn là học sinh tiểu học, có truyện đăng ở tạp chí thiếu nhi. Truyện ngắn người lớn đầu tiên in vào năm 1936. Tập truyện ngắn đầu tiên được xuất bản năm 1941. Trong khoảng thời gian 50 năm tiếp sau, bà xuất bản tất cả gần 15 tác phẩm, cả truyện ngắn lẫn truyện dài. Năm 1973, bà nhận được giải Pulitzer với "The Optimist's Daughter". Năm 1996, bà nhận được huy chương "French Legion d'Honneur", huy chương dân sự cao quý nhất của Hoa Kỳ. Tác phẩm cuối cùng của bà là một hồi ký "One Writer's Beginnings" nói về kinh nghiệm viết văn của bà. Theo nhận định của nhiều người, đó là một tác phẩm bình thường. Ấy thế mà, ngoài sự tưởng tượng của mọi người, chỉ một thời gian ngắn sau khi xuất bản, nó nằm trong danh sách những tác phẩm bán chạy nhất (bestseller) trong suốt 46 tuần lễ liên tiếp của tờ New York Times.

Người ta gọi bà là người còn lại sau cùng của một nhóm nhà văn gọi

là nhà văn miền Nam, nghĩa là người cuối cùng có thể kể những chuyến dạo chơi trên sông nước miền Nam (giống như vùng Nam bộ bên Việt nam?), chẳng hạn như đi thuyền với nhà văn William Faulkner, người vẫn được gán cho là thủ lãnh của những nhà văn miền Nam. Bà nói "Ông ấy là một người khổng lồ, người vĩ đại nhất trong tất cả chúng tôi, những người mà người ta thường đặt tên một cách có vẻ lạm dụng là "những nhà văn miền Nam", bởi vì thực ra, chúng tôi chẳng hề thành lập một nhóm hay một trường phái nào như thế".

Theo những nhà phê bình văn học thì bà vừa là một nhà văn địa phương (local writer), vì bà viết về những chuyện địa phương với một phong cách riêng, tuy thế cũng là một nhà văn của thế giới, vì những chủ đề chính của bà không chỉ giới hạn trong những vấn đề riêng biệt của miền Nam. Những nhân vật của bà không có gì phức tạp. Đó là những người mạnh mẽ, sành sõi và rất giản dị. Văn phong của bà có chút tối tăm kiểu William Faulkner, một chút dữ dội của Flannery O'Connor, một chút sắc bén như Richard Wright, nhưng kiểu cách hơn và thẳng thắng hơn cả ba nhà văn trên. Truyện của bà đề cập đến cuộc sống gia đình, tình cảm và đất đai. Bà bắt một nhịp cầu giữa thế giới tình cảm và thế giới tri thức, điều mà ít nhà văn Hoa Kỳ nào trong thế kỷ rồi làm được. Vì vậy, tuy đã ngừng viết từ sau cuốn hồi ký "One Writer's Beginnings" xuất bản năm 1984, văn phong tao nhã, khiêm tốn pha chút hài hước và nhân bản với những cấu trúc câu ngắn gọn, ít ẩn dụ của Welty vẫn tiếp tục ảnh hưởng vào lối viết văn của những văn đương đại, nhất là trong truyện ngắn.

Mặc dầu cũng thành công trong truyện dài, nhưng Welty nổi tiếng về viết truyện ngắn. Bà vẫn được gọi là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, short story writer. Và bà cũng tự nhận như thế. Reagan Wilson, giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Văn Hóa miền Nam thuộc trường đại học Mississippi, gọi bà là một Anton Chekhov của Hoa Kỳ, an American Chekhov. Như ta biết, Chekhov là nhà văn viết truyện ngắn tài hoa của Nga thế kỷ thứ 19. Được hỏi vì sao bà thích viết truyện ngắn, bà cho biết "Ở Hoa Kỳ, các nhà xuất bản thường thúc đẩy các nhà văn viết truyện dài. Tôi cũng bị bắt buộc phải làm như thế. Nếu người ta đọc kỹ "Delta Wedding" hay "The Optimist's Daughter", người ta sẽ thấy đó không phải là những truyện dài thực sự. Chỉ là những truyện ngắn kéo dài ra thôi. Những bài viết ngắn thích hợp với tôi hơn. Tôi chẳng mấy ưa cái kiểu giảng giải và phê bình dài giòng".

Về vấn đề tranh đấu cho dân quyền, bà nói: "Người ta thường trách tôi là không hề nói đến người da đen trong các tác phẩm của mình và

không sáng tác một tác phẩm tranh đấu cho sự thay đổi"... "tôi luôn luôn chống đối lại với cái được người ta gán cho là một nền văn chương dấn thân. Những vị trí mà tôi có, trong cuộc đời tôi, ngay lúc có cuộc tranh đấu cho các quyền dân sự, chỉ liên quan đến tôi, như một con người bình thường, như mọi công dân khác. Theo tôi, một tác phẩm hư cấu không phải là nói cho người khác biết phải làm gì. Viết truyện, đối với tôi, là thăm dò, phác họa, biểu lộ, làm chứng, mà không phải phê phán, không dạy luân lý cho bất cứ ai"

Bà không thiện cảm mấy với vấn đề phê bình văn học. "Hẳn nhiên, phê bình là một nghệ thuật, nhưng chỉ có câu truyện, ở một mức độ nào đó, mới là cái đẹp; không thể có một giảng nghĩa nào nằm ngoài truyện cho bất kỳ cái gì mà nhà văn sáng tạo ra". Đối với bà, truyện là những món quà tặng từ nhà văn. "Không phải từ phê bình mà là từ thế giới này mà những câu truyện bắt đầu hình thành; nguồn gốc của chúng là nơi quy chiếu sống động, ngay cả cho dù chỉ dưới mắt nhà văn mà thôi. Khối óc và trái tim nhà văn, nơi mà tất cả ngoại giới tiếp tục chuyển đổi thành một cái gì đó - luân lý, đam mê, thi ca, rốt cuộc hình thành ý tưởng - không thể bị vẽ vời, thêm thắt".

Bà cũng dị ứng đối với việc các nhà phê bình muốn đem đối chiếu tác phẩm với đời thật của bà trong việc nghiên cứu văn chương. Được hỏi về việc làm sao để có thể giảng nghĩa tác phẩm của bà, bà khẳng định rằng ngay sự hiện hữu của tác phẩm tự nó đã trả lời cho mỗi một vấn đề đặt ra về sự hình thành của nó rồi, không cần phải tìm hiểu gì thêm - the work to exist as the thing that answers every question about its doing. Bởi vậy, mà bất chấp mọi nỗ lực của những nhà nghiên cứu, bà không hề tiết lộ và tìm cách chận đứng mọi tiết lộ về cuộc sống riêng của bà. Chính điều này, theo các nhà phê bình, khiến cho việc nghiên cứu và tìm hiểu các tác phẩm của bà trở nên khó khăn và hạn chế rất nhiều.

Với một văn nghiệp như thế, nhưng bà lại không được biết nhiều trên thế giới. Một phần có lẽ là vì bà chủ yếu là nhà văn của truyện ngắn; thứ đến bà không ưa quảng cáo ồn ào; và nhất là vì, văn phong của bà cùng với tính cô đọng và đầy chất thi ca của nó, dù với tài năng xuất sắc của những người dịch, không thể nào phục hồi được khi dịch sang một ngôn ngữ khác, theo Le Monde (số ra ngày 11/12/1987). Cũng theo Le Monde, hiểu theo kiểu nào, "Eudora Welty, mà tác phẩm đã ảnh hưởng tới hai thế hệ người Hoa Kỳ đương nhiên được xếp vào hàng những nhà văn lớn nhất nước Mỹ".

Là một trong những tác giả được kính trọng nhất tại Hoa Kỳ, bà nhận được nhiều huy chương: "Gold Medal for Literature", "American Acad-

emy of Arts and Letters Gold Medal for the Novel" và "Presidential Medal of Freedom" năm 1980.

Haruki Murakami: sự trở về của đứa con lạc loài

Le retour au Japon de l'enfant perdu. Đó là tựa đề trong một bài bình luận văn học của tờ Le Monde (Pháp) khi đề cập đến cuốn tiểu thuyết mới nhất của nhà văn Nhật vừa được dịch sang tiếng Pháp "Les chronicles de l'oiseau à ressort" (bản tiếng Anh là The Wind-up bird chronicle, Vintage 1998), tạm dịch là "Biên niên sử của một con chim lò xo" (ý chỉ chiếc đồng hồ chạy bằng dây thiều). Theo Le Monde "Sau một thời gian dài cắt đứt với xứ sở, cuốn trường thiên tiểu thuyết mới của Haruki Murakami tạo nên một sự hòa giải giữa chủ trương hướng nội và xu hướng mở cửa ra thế giới".

Haruki Murakami sinh ở Tokyo năm 1949, nhưng lớn lên ở Kobe, một hải cảng, là nơi người ta rất dễ dàng giao tiếp với người ngoại quốc và các sách báo bằng Anh ngữ. Được nuôi dưỡng trong một môi trường đa-văn hóa như thế từ thuở nhỏ, Murakami chịu ảnh hưởng sâu xa của văn học nước ngoài. Giống như những người trẻ khác ưa nổi loạn và chống đối trong thập niên 1970, ông theo học đại học và tham gia phong trào chống chiến tranh Việt Nam, sống phóng đãng và tùy tiện mãi đến sau này khi cưới vợ xong mới tốt nghiệp đại học môn Kịch nghệ cổ điển tại đại học Wasada. Ông bắt đầu viết vào năm 1974. Tiểu thuyết đầu tiên của ông, Hear The Wind Sings, xuất bản năm 1979 và đoạt giải Văn chương Gunzou Literature Prize dành cho những nhà văn đang lên. Truyện này và hai truyện khác sau đó, Pinball 1973 (1980) và The Wild Sheep Chase (1982) giúp ông đoạt thêm giải "Noma Literary Prize For New Writers". Các tác phẩm của ông và đời sống mà ông diễn tả phản ảnh trạng thái tinh thần của thế hệ trẻ trong những nước kỹ nghệ phát triển của những năm thập niên 1960, đó là xu hướng nổi loạn bạo động, cảm giác mất mát, trống rỗng, sự mất gốc...Do nội dung tác phẩm, Murakami, cùng với một nhà văn Nhật khác, Yasuo Tanaka, được nhiều nhà phê bình văn học Nhật bản và phương tây xem là thuộc khuynh hướng văn chương hậu hiện đại (postmodernism), nghĩa là viết truyện không theo tuyến tính thời gian và quy luật nhân quả, nhân vật thì gãy khúc, cuộc sống đứt đoạn. Tác phẩm quan trọng nhất của ông là "A Wild Sheep Chase" (dịch từ tiếng Nhật "Hitsuji o Meguru Boken), bìa trước và sau có trích những giòng giới thiệu như sau:

"Hãy quên đi mọi điều mà bạn biết về nước Nhật và hãy đi vào thế

giới hậu hiện đại của Haruki Murakami trong "A Wild Sheep Chase" nơi mà người ta làm việc cật lực, uống rượu dã dời và trôi nổi qua những cuộc hôn nhân tan vỡ, tất cả không hề thấy bóng chiếc áo kimono" ... "Một chuyện trinh thám hậu hiện đại trong đó, giấc mơ, những ảo tưởng và một trí tưởng tượng hoang dã nhất định quan trọng hơn cốt chuyện thực sự"

Tác phẩm "The Wind-up Bird Chronicle" hoàn toàn khác. Khung cảnh và nhân vật truyện, tuy vẫn sống một cách hiện đại, nhưng thay vì xem quá khứ là hoàn toàn vô nghĩa thì ở đây, hiện tại được nối liền với quá khứ, đó là một nước Nhật truyền thống với những tập tục, những thành kiến, những bảo thủ, đặc biệt là một nước Nhật gây ra thế chiến thứ hai với những tàn bạo và đau khổ của nó. Nhân vật chính ý thức rằng quá khứ và hiện tại có liên hệ với nhau và quá khứ - dù có tối tăm chàng nữa - cũng dự phần vào hiện tại. Haruki Murakami phát biểu "Lịch sử của một cá nhân không thể tách rời khỏi lịch sử cộng đồng. Tôi sinh ra sau khi chiến tranh chấm dứt nhưng tôi không thể tách khỏi bao nhiêu trách nhiệm từ cuộc chiến tranh đó bởi vì chặng lịch sử này dự phần vào ký ức cộng đồng mà tôi thừa hưởng dù tôi có muốn hay không".

Một ngành nghiên cứu mới:
tiên đoán sự tự tử bằng ngôn ngữ học?

"Linguistic predictors of suicide", cụm từ mới sáng chế này, ông James Pennebaker, giáo sư Tâm lý học trường đại học Texas, sử dụng để chỉ kết quả một cuộc nghiên cứu do ông hướng dẫn cùng Shannon Stirman, một sinh viên cao học thuộc trường đại học Pennsylvania, theo đó, những mẫu ngôn ngữ được dùng bởi một nhà thơ có thể cho ta biết trước là nhà thơ sẽ có thể tự tử trong tương lai hay không.

Dùng một chương trình máy vi tính, những nhà nghiên cứu phân tích 156 bài thơ được viết bởi 9 nhà thơ đã tự kết liễu đời mình và 135 bài thơ của 9 nhà thơ không làm điều đó. Họ nhận thấy rằng những nhà thơ tự tử thường bị thu hút về những từ chỉ sự xa cách của họ đối với những người khác và chỉ quan tâm tới chính họ.

"Những chữ mà chúng ta dùng , đặc biệt là những chữ thường có vẻ như chẳng quan trọng gì, lại cho biết nhiều về chúng ta là ai, chúng ta nghĩ gì và tiếp cận với thế giới chung quanh như thế nào". Theo Pennebaker, trong thơ, một chữ viết ngắn lại có thể chứa đựng một thông điệp quan trọng. Những nhà nghiên cứu xem xét tác phẩm của John Berryman (1914-1972), Hart Crane (1899-1932), Sergei Esenin (1895-1925), Adam L. Gordon (1833-1870), Randall Jarrell (1914-1965),

Vladimir Mayakovsky (1893-1930), Sylvia Plath (1932-1963), Sarah Teasdale (1884-1933) and Anne Sexton (1928-1974) là những nhà thơ đã tự tử. Họ đều là người Anh, Mỹ và Nga. Để dễ so sánh, họ chọn những nhà thơ phù hợp càng nhiều càng tốt với những nhà thơ trên về quốc tịch, thời kỳ, trình độ giáo dục và phái tính. Nhóm đối chiếu gồm có những nhà thơ Matthew Arnold (1822-1888), Lawrence Ferlinghetti (1919-present), Joyce Kilmer (1886-1918), Denise Levertov (1923-1997), Robert Lowell (1917-1977), Osip Mandelstam (1891-1938), Boris Pasternak (1890-1960), Adrienne Rich (1929-present) and Edna St. Vincent Millay (1892-1950).

Kết quả cho thấy: những nhà thơ tự tử dùng nhiều đại danh từ ngôi thứ nhất số ít như I, Me và My hơn là những nhà thơ thuộc nhóm sau. "Một trong những từ nói cho chúng ta biết nhiều nhất là từ "I". Người tự tử hay người bị nỗi tuyệt vọng dày vò thường dùng từ "I" với một tỷ lệ cao tương đương với việc bỏ những từ ám chỉ đến người khác", giáo sư Pennebaker phát biểu trong một cuộc phỏng vấn. Những nhà thơ tự tử thường có xu hướng giảm thiểu sự sử dụng các từ có tính cách giao tiếp như talk, share và listen ngay một thời gian ngắn trước thời gian họ tự tử và ngược lại, những nhà thơ không tự tử có xu hướng sử dụng những từ như thế nhiều hơn. Mặt khác, những người ưa tự tử thường thích dùng những từ gắn liền với cái chết. Còn những từ có tính cách tiêu cực như "hate" hoặc tích cực như "love" không có sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm.

Pennebaker cũng cho biết, những cuộc nghiên cứu trước đây cho thấy tỷ lệ tự tử thường cao ở những nhà thơ hơn là nhà văn và công chúng và nhà thơ dễ bị tuyệt vọng nhiều hơn. Ông cũng cẩn thận thêm rằng "Không phải hễ ai dùng nhiều từ I cũng sẽ tự tử, tôi chỉ muốn nói là những người như thế có nhiều nguy cơ dễ tự tử hơn thôi".

Dân Việt Nam ta có nhiều nhà thơ. Nếu điều này đúng, không hiểu có ai tìm xem thử nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên của chúng ta có dùng từ I, Me, và My nhiều không? Và những nhà thơ khác thì sao?

---

* Ghi chú: - WERV U BIN?: Where have you been? SIT : stay in touch GR8: great! JIC : Just in case

HAND: Have a nice day! OTO (one the other hand)

- nuttin u = nothing and you? bz? = busy? gtg c u lata = got to go, see you later (đi cái đã, gặp sau)

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Lê văn Xe (Shinagawaku Japan), Thanh Ha Le (Richmond BC Canada), Thanh Nguyen (Eagan MN), Nguyen Hong Cam (Dallas, TX), Nguyễn Thanh Châu (Phoenix AR), Kim Fitzgerald (Waikuku HI), Nguyễn Thiệp (Okaland CA), Yen Tu (Midway City CA, mua báo cũ), Diem D. Nguyen MD (Seattle WA), Hoa Nguyen (Newton KS), Phong Duong (San Diego CA, gia hạn cho Nguyễn văn Trung, Kitchener Canada), Pham Xuan Thao (Lakewood CA, gia hạn 2 năm), Cao T. Nga (McLean VA), Mr. Truong Tien Dat (Fair Oaks CA, quảng cáo sách), Đoàn văn Xuyên (Irvine CA), Phyvan T. Doan (Westminster CA), Thanh T. Ton (Lemon Grove CA),Nguyen Nhu Khue (Springfield VA), Hoang Nga (Silver Spring MD), Lê Thế Đàn (Santa Ana. CA), Vũ Công Định (Bellevue WA), Tran Cang (Stockton CA), Hong Nguyen (Eden Prairie MN), Đức Phổ (Peachtree GA), Nguyễn Ngọc Chi (Tustin CA), Nguyễn văn Hai (Louisville KY), Nghiêm Xuân Hy (Fountain Valley CA), Thuy Nga Munson (Sunnyvale CA), Lan H. Nguyen (Seattle WA, thanh toán tiền báo các tháng 4, 5, 6/2001), Bernard Nguyen (Dallas TX), Le Lan (Metairie LA, mua Văn Học năm 2000), Lâm Anh Tú (Sammamish WA), Lai Xuyen (Seattle WA), CTTN Bảo Khanh (Garland TX), Nguyễn văn Minh (Bankstown NSW Australia, độc giả mới, thông báo qua e-mail), Võ Trần Thị Mai (Koeln Germany), Hồng Huy (Winnipeg Canada), Xuyên Trà (Chamblee GA)

Bài nhận được qua bưu điện.

"Dưới tàn cây cao su" gửi từ Bloomington MN, "Nghe mùa hè ôn đới" gửi từ Irvine CA, "Từ Quy" gửi từ Caluire France, "Đến Hàn San Tự tìm hiểu bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế" gửi từ Sài Gòn VN, "Chiếc lá sau cùng", "Kim Sơn Tự", "Chuông Nhà Thờ" gửi từ Pittsburg CA , "Những gì còn lại" gửi từ Ontario Canada.

Trong tháng Tám 2001, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ. Kính cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn.

Cũng trong tháng Tám, server Saigonline.com của website và hộp thư email Văn Học bị trục trặc kỹ thuật một thời gian khá lâu, làm trở ngại cho việc giao dịch thư từ bài

vở của Văn Học rất nhiều. Trong khi chờ đợi Saigonline.com sửa chữa các trục trặc, xin quí văn hữu và bạn đọc liên lạc về địa chỉ email của anh chủ bút Nguyễn Mộng Giác: **nmg@vinet.com.**

Báo bị trả về:

Thế Dũng (Berlin Germany, dời địa chỉ không thông báo), Nguyễn Đức Thanh (Emporia KS)

Gửi quí độc giả dài hạn mua hạng surface ở các nước Úc, Pháp, và Đức.

Như thông báo trên các số báo vừa qua, Tòa soạn Văn Học bắt buộc phải hủy bỏ hạng surface gửi báo đi ngoại quốc, do giá biểu bưu điện Hoa Kỳ thay đổi quá nhiều đối với bưu kiện gửi surface. Thay đổi này khiến nhiều bạn đọc ở các nước Úc, Pháp, Đức không có điều kiện tài chánh tiếp tục mua báo. Nay Tòa oạn Văn Học đã nhờ được một số văn hữu có thiện chí ở các nước trên, sẵn sàng nhận báo gửi theo hạng priority với số lượng lớn rồi dùng bì thư gửi tiếp đến từng bạn đọc tại địa phương. Làm như thế, thời gian từ lúc gửi báo đến lúc nhận báo chỉ lâu độ hai tuần (gửi priority thường một tuần thì đến, gửi prioriy + gửi lần nữa theo hệ thống bưu điện địa phương thêm một tuần nữa).

Do đó, Văn Học vui mừng báo tin cùng quí bạn đọc ở Úc, Pháp và Đức: những bạn từng mua báo theo hạng surface có thể gia hạn theo hạng priority + printed matter địa phương với giá biểu **75 dollars.** Trân trọng kính báo cùng quí bạn.

Đính chính:

Trên Văn Học số 184 (tháng Tám 2001), trong bài viết "Một vài vấn đề phân kỳ lịch sử văn học nhìn từ điểm đầu thế kỷ XXI" của Nguyễn Huệ Chi, vì sơ suất tác giả đã để sai hai lỗi về xuất xứ. Xin cáo lỗi cùng quí vị độc giả và mong quí vị chữa giùm:

1. ở chú thích 39, phần sau xin đọc: "họp mặt với một số văn nghệ sĩ trong hai ngày 6 và 7 tháng Mười hai năm 1987 trước khi ra Nghị quyết 05 về văn hóa văn nghệ"

2. ở chú thích 42, phần sau xin đọc: "in trên Văn Nghệ, số 49-50 ra ngày 5 tháng Mười hai năm 1987."

Tìm mua tại các hiệu sách và trung tâm băng nhạc
những tác phẩm mới của nhà văn ***Trần Diệu Hằng***:
* **Niềm im lặng của mây**, tập truyện ngắn, giá 15 MK.
* **Ngày hằng thơ**, CD thơ: Quê hương trong ngôn ngữ thi ca
* **Ngày khâm liệm**, băng đọc truyện
* **Trí Huệ Mỹ Huệ**, băng đọc truyện.

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave. Ste. # 123 Westminster CA 92683
(Trong Khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

Sách mới về mùa Xuân năm 2001:

Gọng kìm lịch sử (609 trang, bìa cứng) Bùi Diễm, giá $25.00
Đặng Tiểu Bình, Nhà chính trị lỗi lạc (440 trang) Ngộ Thiện, $18.00
Saigon Cali 25 năm gặp lại (206 trang) phóng sự Saigon của Văn Quang, giá $13.00
Bạn bè gần xa (460 trang) hồi ký của Phan Lạc Phúc, giá $22.00
Đảng Cộng sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào cộng sản quốc tế (23- trang) Nguyễn Minh Cần, gía $13.00
Bí mật hậu trường chính trị Miền Nam 54-75 Tập III, Đặng văn Nhâm , giá $25.00
Windows 98 — Tự học nhanh trong 24 giờ (356 trang) Greg Perry, giá $15.00
Được vay nụ cười (313 trang) truyện dài tình cảm của Kathy Trần, giá $12.00
Bói toán, Số mệnh mỗi người (413 trang) Đoàn văn Thông, giá $16.00
Lưu hương đạo soái (2 vol., 508 trang) tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, giá $25.00
Trời xanh cũng khóc (3 vol., 864 trang) Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ dịch, giá $36.00

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

Sắp phát hành **Một quyển sách quý**

SẢNG ĐÌNH THI TẬP

của J.M.THÍCH

Tựa của Phước-môn Nguyễn Hữu Bài

Bạt của Hương-trai Hoàng Châu Tích

Cha J.M.Thích là một vị "tinh tu đắc đạo", bình sinh "sống chí đạo, nêu gương khiêm hạ, bác ái". Cha J.M.Thích là một nhà văn hóa giáo dục nổi tiếng ở Huế. Hơn nửa thế kỷ tận tụy dạy học, Cha dạy từ tiểu học, trung học đến đại học.

Bẩm tính đầy nhân ái, Nho học, Tây học đều uyên thâm, lại có tâm hồn nghệ sĩ, lẫu thông cổ nhạc, cổ họa, nên Cha làm thơ, viết văn, làm báo, soạn nhạc, soạn sách giáo khoa, mỗi mỗi đều có những nét đặc sắc. Những tác phẩm của Cha không chỉ giới hạn trong khuôn viên nhà thờ, hay ở đất Thần kinh, mà từ những thập niên hai mươi, ba mươi đã từng phổ biến khắp nước. Tuy nhiên, cho đến nay một số lớn tác phẩm đó đã bị thất lạc, một số khác có thể bị tuyệt bản nên trở thành hiếm quý mà ***Sảng Đình Thi Tập*** là một.

Sảng Đình Thi Tập là một thi tập tam ngữ gồm hơn trăm đề mục sáng tác bằng Quốc văn, Hán văn, Pháp văn và hơn bảy mươi đề mục thơ phú vừa chữ Hán, vừa chữ Pháp dịch ra tiếng Việt.

Nếu "Thi ngôn chí", thì chí hướng của *Sảng Đình* trước sau vẫn chăm về đạo lý, và ***Sảng Đình Thi Tập*** hoàn toàn có một đạo tâm trong sáng. Ngoài "chí đạo", tác giả còn trân trọng tình người, tình đời, diễn tả một cách tự nhiên, đôn hậu nhưng không kém bóng bẩy, thần tình. Còn các dịch phẩm Hán văn, Pháp văn, Cha thường chọn dịch những tác phẩm của các bậc đại gia hợp với sở thích của mình. Hầu hết loại thi ca này đều được Cha dụng công dịch rất sát nghĩa với lời thơ rất tự nhiên trôi chảy, không khác chi những sáng tác phẩm của Cha.

Ngoài phần chính văn, ***Sảng Đình Thi Tập*** xuất bản lần này còn có phần giới thiệu tác giả, tác phẩm của Võ Long-Tê và các phần sưu tập, chú giải của Đoàn Khoách.

Sách dày 376 trang, do THANH TỊNH xuất bản

Ấn phí và cước phí $25.00 US

Địa chỉ liên lạc: 18189 Moon Song Court

San Diego, CA 92127 - USA

Phone : (858) 674 - 9767

E-mail : khoach@hotmail.com

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1127 W. Gardena Blvd.
Gardena, CA 90247 - USA
Điện thoại: **(310) 366-6867**

*****

Đã phát hành khắp nơi, tác phẩm mới nhất :

Dặm Trường

Truyện dài của nhà văn Trần Doãn Nho
Bìa Nguyễn Trọng Khôi
Sách dày 580 trang, giá $17.00US

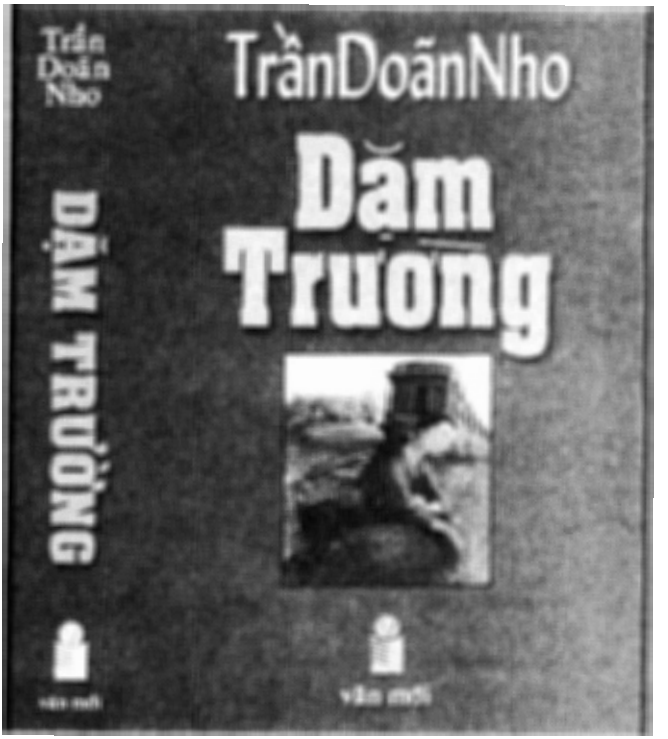

Quý vị muốn mua, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ trên. Trong nước Mỹ không tính cước phí.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1127 W. Gardena Blvd. Gardena, CA 90247

Tel: (310) 366-6867

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, tác phẩm đánh dấu 5 năm hoạt động của Nhà Xuất Bản Văn Mới (7-1996 / 7-2001).

VÕ PHIẾN
TUYỂN TẬP

782 trang, giá $25US

Quý vị muốn mua, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ trên. Trong nước Mỹ không tính cước phí.

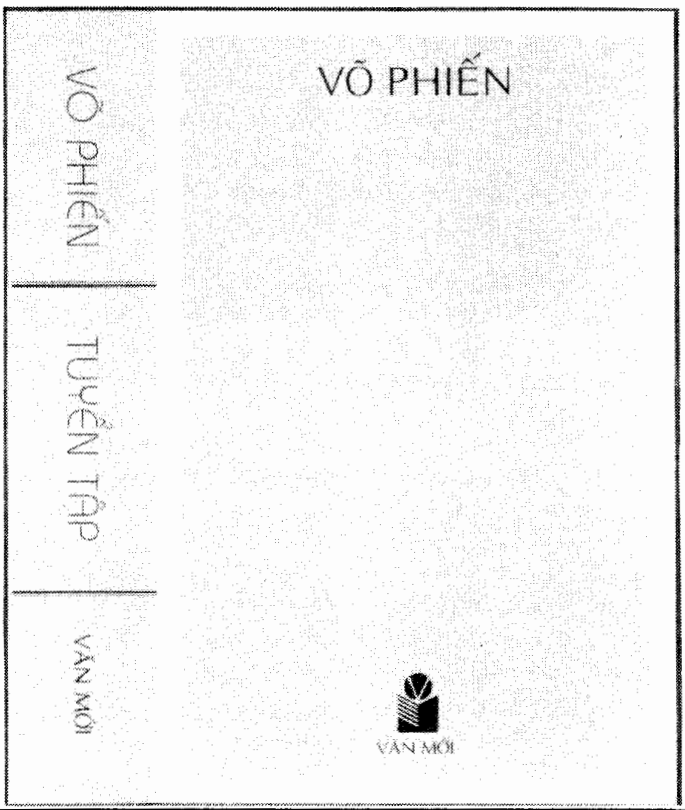

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1127 W. Gardena Blvd.
Gardena, CA 90247
Điện thoại: (310) 366-6867

***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả, giá $20

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú, giá $10

Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính, giá $10

Truyền Thống Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Văn Chương Đối Liễn
Minh Chánh Học Sĩ TrầnCông Định, giá $15

Dì Thu
Tập truyện Trang Châu, giá $10

Chữ Nghĩa Bề Bề
Chuyện văn chương Đặng Trần Huân, giá $12

Hạnh Phúc Có Thật
Tập truyện Bùi Bích Hà, giá $10

Phía Bên Kia Mặt Trăng
Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm, giá $10

Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21
Ký của Lê Thị Huệ, giá $14

Bức Phù Điêu Khắc cạn
Tập truyện Nguyễn Thị Thảo An, giá $12

Cuối Ngày, Một Ngày Ngồi Lại
Tập truyện Song Thao, giá $10

Tuyển Tập Võ Phiến
780 trang, giá $25

Dặm Trường
Truyện dài Trần Doãn Nho, giá $17

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

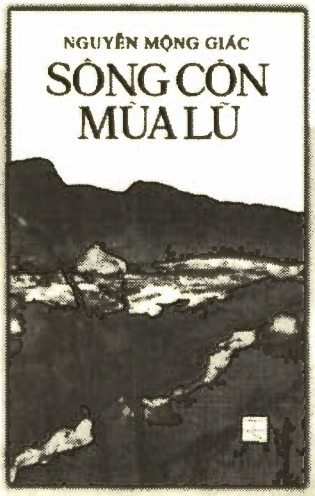

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

- NHAN SẮC — 10MK
  truyện dài (tái bản) *Dương Nghiễm Mậu*
- GIAI THOẠI THIỀN SƯ — 10MK
  Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch
- BÔNG HỒNG VÀNG — 15MK
  Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch
- CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 — 13MK
  Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997
  Biên khảo *Hoàng Dung*
- NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN — 16MK
  Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, *Lý Hồng Xuân* luận bình
- TRẦM TƯ — 7MK
  danh ngôn *Võ Hồng*
- KHUNG RÊU, *Nguyễn Thị Thụy Vũ* — 15MK
  truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970
  (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)
- THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân — 8MK
  Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ *Bùi Bảo Trúc*
- VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN, *Nguyễn Vy Khanh* — 15MK
- BINH BIẾN 11-11-60 — 18MK
  hồi ký *Vương Văn Đông*
- CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG — 25MK
  tiểu thuyết *Ngô Thế Vinh*
- VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(âu h)IỆN ĐẠI — 17MK
  phê bình, tiểu luận *Nguyễn Hưng Quốc*
- ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN — 14MK
  hồi ký *Trần Độ*
- BÈ BẠN GẦN XA — 22MK
  bút ký *Phan Lạc Phúc* (ký giả Lô Răng)
- SUỐI NHỎ ÊM DỊU — 8MK
  kịch *Nguyễn Huy Thiệp*
- ĐỐI THOẠI, 13 VĂN THI SĨ NÓI VỀ MÌNH VÀ VĂN HỌC — 13MK
  Vĩnh Phúc

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934-8574
Email: **vannghe@pacbell.net**

Giá 5 Mỹ kim